

TẠ THANH SƠN - TS. NGUYỄN VIỆT NGA - TS. PHẠM MINH TÚ
TS. PHẠM ĐỨC MINH - ThS. NGUYỄN NHẬT HOA

45 ĐÊ

Trắc nghiệm & tự luận

Ngữ văn

8

NHÀ XUẤT BẢN
ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI



TÀ THÀNH SƠN
TS. NGUYỄN VIỆT NGA - TS. PHẠM MINH TÙ
TS. PHẠM ĐỨC MINH - ThS. NGUYỄN NHẬT HOA

45 đề
TRẮC NGHIỆM VÀ TỰ LUẬN
NGỮ VĂN 8

Để ôn luyện, vươn lên học khá và học giỏi Ngữ văn

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Các em học sinh quý mến,

Cuốn sách này gồm có 45 bộ đề: 555 câu hỏi trắc nghiệm và 45 bài Tập làm văn tự luận. Mỗi bộ đề gồm có 2 phần:

- Đề trắc nghiệm.
- Đề tự luận.

Các kiến thức về Ngữ pháp, Tập làm văn và Văn học được quy tụ và phản ánh trong từng bộ đề, trong cả 45 bộ đề.

Đề trắc nghiệm nhằm kiểm tra và đánh giá khách quan sự nhớ biết, nhận biết một số đơn vị kiến thức Ngữ văn của học sinh đã được học tập, tích lũy, so sánh và hệ thống trong quá trình học tập thuộc phạm vi chương trình cụ thể; ở đây là Chương trình Ngữ văn 8 Trung học Cơ sở.

Đề tự luận là một hoặc hai đề vẫn nhằm kiểm tra kiến thức Văn học, Ngữ pháp, Tập làm văn, đồng thời đánh giá các kỹ năng viết văn của học sinh như phân tích đề, lập dàn ý, dùng từ, đặt câu, dựng đoạn, cách mở bài và kết bài, kỹ năng phân tích, cảm thụ, bình luận một tác phẩm văn chương (ngắn), một trích đoạn, hoặc giải thích, chứng minh, bình luận một vấn đề chính trị, văn hoá, xã hội rất gần gũi và thiết yếu đối với tam hồn và cuộc sống của thế hệ trẻ.

Nếu đề trắc nghiệm chỉ kiểm tra sự nhớ biết, nhận biết (cái gì? của ai? đúng hay sai? v.v...) thì đề tự luận lại nhằm kiểm tra đánh giá năng lực phân tích, cảm thụ văn chương, kỹ năng dùng từ, đặt câu, dựng đoạn, bó cục, nghệ thuật diễn đạt (hay, mạch lạc, biểu cảm, hàm súc...) kiến thức văn học, kiểm tra về chữ viết, về cách trình bày... của thí sinh. Một đề tự luận thường đặt ra một số câu hỏi: như thế nào? tại sao? phải làm gì?... Ở đây không còn là chuyện đánh dấu đúng, sai mà phải viết thành văn bản. Văn hay chữ tốt là cái thước, cái cân để nhận ra giá trị đích thực của một bài văn tự luận.

Sự kết hợp đề trắc nghiệm và đề tự luận trong một bộ đề thi Ngữ văn có thể kiểm tra toàn diện kiến thức Ngữ văn (Ngữ pháp, Tập làm văn, Văn học, kiến thức cuộc sống của thí sinh).

Vì thế, học sinh phải học và hành, ôn và luyện Ngữ văn một cách toàn diện, hệ thống và cụ thể thì mới có thể đạt được điểm cao trong bài kiểm tra, bài thi.

Cuốn sách này dùng để tự đọc và tự học. Hi vọng nó sẽ giúp các em học sinh lớp 8 Trung học Cơ sở ôn luyện kiến thức Ngữ văn trong quá trình học tập và thi cử.

Chúc các em nỗ lực vươn lên học giỏi.

Hà Nội, 1 tháng 6 năm 2006

Thay mặt nhóm Văn học Thuận Hoá

Tạ Thành Sơn

ĐỀ 1

- * Tôi đi học.
- * Cấp độ khai quật của nghĩa từ ngữ.
- * Tình thông nhât về chủ đề của văn bản.

1. Cho biết, trong 3 tác phẩm sau đây của Thanh Tịnh, "Tôi đi học" được in trong tác phẩm nào?

- A. "Quê me" (Tập truyện ngắn, 1941)
- B. "Ngam ngai tim tram" (Tập truyện ngắn, 1943)
- C. "Những giọt nước biển" (Tập truyện ngắn, 1956).

2. "Tôi đi học" của Thanh Tịnh được viết theo thể loại nào?

- A. Tiểu thuyết
- B. Hồi ký
- C. Bút ký
- D. Truyền ngắn

3. Nhân vật chính được nói đến trong truyện ngắn "Tôi đi học" là nhân vật nào?

- A. Bà mẹ
- B. Nhân vật "tôi"
- C. Ông dok
- D. Thầy giáo trẻ

4. Theo em, nhân vật chính trong truyện ngắn "Tôi đi học" được miêu tả và kể ở phương diện nào là chủ yếu? Hãy chọn ý đúng.

- A. Cử chỉ, hành động
- B. Ngôn ngữ
- C. Tâm trạng
- D. Ngoại hình

5. Diễn biến tâm trạng của nhân vật "tôi" trong buổi tựu trường được tác giả kể theo trình tự thời gian - không gian: một buổi sáng sớm mùa thu, khi trên đường làng đi tới trường, khi đứng giữa sân trường, khi vào ngồi trong lớp học.

- A. Đúng
- B. Sai

6. Chèn thơ trong sáng, nhẹ nhàng, rung động và thâm thia của truyện "Tôi đi học" được thể hiện qua phương thức biểu đạt nào là chủ yếu? Chọn đáp án đúng.

- A. Tư sự
- B. Biểu cảm
- C. Thuyết minh
- D. Miêu tả

7. Chọn ý đúng nào sau đây nói về chủ đề truyện "Tôi đi học".

- A. Truyện "Tôi đi học" diễn tả những cảm xúc lo âu, sợ sệt của các em bé trong buổi tựu trường đầu tiên của đời mình.
- B. Truyện "Tôi đi học" nói lên tình thương và sự quan tâm của gia đình và nhà trường đối với việc học hành của tuổi thơ.
- C. Truyện "Tôi đi học" thể hiện cảm giác, cảm xúc bâng khuâng, trong sáng, sầu sắc này nở trong lòng tuổi thơ trong buổi tựu trường đầu tiên.
- D. Truyện "Tôi đi học" chỉ rõ được cắp sách đến trường đi học là niềm vui hạnh phúc to đep nhất của tuổi thơ.

8. Phương thức biểu đạt nào được thể hiện qua câu văn sau đây?

"Hàng năm cứ vào buổi thu, lá ngoài đường rụng nhiều và trên không
những đám mây bàng bạc, lòng tôi lại nao nức những kỉ niệm mon man của bu
túi trường".

A. Tự sự.

B. Miêu tả.

C. Biểu cảm.

D. Miêu tả và biểu cảm.

9. Trong câu văn có mấy từ láy, là những từ láy nào?

A. Có một từ láy: "bàng bạc".

B. Có hai từ láy: "bàng bạc", "nao nức".

C. Có ba từ láy: "bàng bạc", "nao nức", "mon man".

D. Không có từ láy nào cả.

**10. Đọc thâm câu văn: "Tôi quên thế nào được những cảm giác trong sáng ấy này i
trong lòng tôi như mây cành hoa tươi mím cười giữa bầu trời quang đãng". Em hãy cl
biết tác dụng của biện pháp tu từ so sánh và nhân hóa được sử dụng trong câu văn?"**

A. Làm cho câu văn có hình ảnh đẹp.

B. Vừa làm cho câu văn có hình ảnh đẹp, gợi cảm vừa làm nổi bật ý: những cảm
giác trong sáng này nó trong lòng tuổi thơ buổi tựu trường đầu tiên m
mãi là những kỉ niệm đẹp, vô cùng sâu sắc đối với nhân vật "tôi" cũn
như đối với nhiều người là không bao giờ có thể quên, lúc nào cũng cảm
thấy mới mẻ.

C. Dù đã khôn lớn nhưng không bao giờ quên những kỉ niệm đẹp buổi tu
trường.

D. Buổi tựu trường đầu tiên là kỉ niệm vô cùng sâu sắc và đẹp đẽ.

11. Những câu văn sau đây thể hiện ý nghĩa, tâm trạng gì của nhân vật tôi?

"Cảnh vật chung quanh tôi đều thay đổi, vì chính lòng tôi đang có sự th
đổi lớn: hôm nay tôi đi học.

*Tôi không lội qua sông thả diều như tháng Quý và không đi ra đồng nô dù
như tháng Sơn nưa.*

*Trong chiếc áo vải dù đen dài, tôi cảm thấy mình trang trọng và đứng đắn.
Đọc đường thấy mây cành nhỏ trạc bằng tuổi tôi áo quần tươm tất, nhí nhảnh gọi tôi
nhau hay trao sách vở cho nhau xem mà tôi thèm..."*

Chọn đáp án đúng.

A. Ý nghĩa ngây thơ, hồn nhiên.

B. Cảm thấy mình đã bước đầu khôn lớn, chững chạc trong buổi tựu trường.

C. Khát vọng được học tập.

D. Cả 3 ý A, B, C.

12. Nhấn đọc đoạn văn sau:

"Cũng như tôi, mấy cậu học trò mới bắt đầu đứng nép bên người thân, ch
dám nhìn một nửa hay dám đi từng bước nhẹ. Họ như con chim con đứng bên bờ te
nhìn quang trời rộng muốn bay, nhưng còn ngập ngừng e sợ. Họ thèm vui, và chờ

“thám dò” như những người how-tri cũ, biết lớp, biết thay để khôi phái rực rỡ

Cho biết, tác giả đã dùng biện pháp tu từ gì trong đoạn văn trên?

- A. Diệp ngũ.** **B. Nhàn hoài.**
C. So sánh. **D. So sánh và diệp ngũ.**

1. Đáp án nào trúng nhất về tác dụng của biện pháp tự tử được Thanh Tịnh sử dụng trong đoạn văn trên đây?

- A. Diễn tả tâm trạng sơ sệt, rụt rè, ngáp ngứa e sợ của nhân vật "tôi" và các bạn học trò mới khi đứng giữa sân trường buổi tan trường.
 - B. Thể hiện niềm ao ước thăm muôn dược như những học trò cũ, biết lớp, biết thầy để khỏi phải rụt rè trong cảnh lạ.
 - C. Nói lên ước mơ lớn khôn, được học hành giỏi giang để vươn tới những chân trời xa xôi, bao la.
 - D. Tất cả các ý A, B, C.

1. Có phải những dòng in đậm trong đoạn văn sau làm nổi bật tam trang hồi hộp của hàn vật "tôi" khi đứng xếp hàng nghe ông đọc đọc tên từng người?

"Ông đốc trường Mĩ Li cho gọi mấy vận học trò mới đến đứng trước lớp ba. rường lảng nhỏ nên không có phòng riêng của ông đốc. Trong lúc ông ta đọc tên ông ngài, tôi cảm thấy như quả tim tôi ngừng đập. Tôi quên cả mẹ tôi đứng sau tôi. Nghe gọi đến tên, tôi tự nhiên giật mình và lúng túng".

- A. Đúng B. Không đúng.

5. Các từ in đậm trong hai câu văn sau đây là loại từ gì?

*"Các em phải gắng học để thấy mẹ được vui lòng và để thấy duy các em
tuyệt sung sướng".*

- A. Danh từ. B. Động từ. C. Tính từ. D. Trạng từ.

6. Hai câu văn sau đã thể hiện những đức tính gì của ông đốc và thày giáo trẻ?

"Ông đốc tuối cao nhẫn nại chờ chúng tôi... Một thầy giáo trẻ tuổi, gương mặt tuối cao, đang đón chúng tôi trước cửa lớp".

- A. Rất vui vẻ.
B. Rất hiền hậu.
C. Hết lòng săn sóc và thương yêu học sinh.
D. Có cả A, B, C.

7. "Bàn tay" trong hai câu văn sau là hình ảnh được xây dựng bằng biện pháp tu từ nào?

"Tôi cảm thấy sau lưng tôi có một bàn tay dịu dàng đẩy tôi về trước... Một bàn tay quen nhẹ vuốt mái tóc tôi".

- A. Biểu tượng. B. So sánh. C. Hoán dụ. D. Ẩn dụ.

8. Hình ảnh “bàn tay” trong hai câu văn trên nhằm diễn tả ý gì?

- A. Sự săn sóc của mẹ hiền.**

C. Tình thương con bao la của mẹ hiền.

D. Tâm lòng mẹ hiền bao la săn sóc, âu yếm, chờ che, nâng đỡ và thương yêu đối với con thơ.

19. Đoạn văn sau đây miêu tả tâm trạng gì của nhân vật "tôi" khi ngồi trong lớp?

"Một mùi hương lạ xông lên trong lớp. Trong hình gì treo trên tường, cũng thấy lạ và hay hay. Tôi nhìn bàn ghế chỗ tôi ngồi rất cẩn thận rồi tự nhiên nhận ra vật riêng của mình. Tôi nhìn người bạn tí hon ngồi bên tôi, một người bạn tôi chưa hề quen biết, nhưng lòng tôi vẫn không cảm thấy sự xa lạ chút nào. Quyện huyền tự nhiên và bất ngờ quá đến tôi cũng không dám tin có thật".

Hãy chọn ý đúng trong các ý sau:

A. Cảm giác lạ, bàng khuất.

B. Cảm thấy gần gũi với lớp học.

C. Tình bạn này nở trong lòng.

D. Xúc động bàng khuất, cảm thấy gần gũi và yêu thương trường lớp và bài học tuổi nhỏ.

20. Nếu định nghĩa về "từ ngữ có nghĩa rộng", một học sinh đã viết:

"Một từ ngữ được coi là có nghĩa rộng khi phạm vi của từ ngữ đó bao hàm phạm vi nghĩa của một số từ ngữ khác"

A. Đúng

B. Sai.

21. Trong ba ví dụ về từ ngữ có nghĩa rộng (in đậm) được nêu ra ở sau đây, theo em đúng hay sai.

- **Cây ăn quả**: cây cam, cây xoài, cây dừa, cây hồng xiêm, cây mận,...

- **Vũ khí**: giáo, cung tên, súng trường, đại bác, tên lửa,...

- **Lương thực**: thóc gạo, ngô, khoai, sắn, cao lương,...

- **Dụng cụ học tập**: thước kẻ, bút chì, bút máy, é-ke, tẩy,...

- **Súc vật**: trâu, bò, chó, mèo, gà, lợn,...

A. Đúng

B. Sai.

22. Khi nào thì một từ ngữ được coi là có nghĩa hẹp?

A. Khi phạm vi nghĩa của từ ngữ đó chỉ đtoc bao hàm trong phạm vi nghĩa của một từ ngữ khác.

B. Khi từ ngữ đó đồng nghĩa với một số từ ngữ khác.

C. Khi nghĩa của từ ngữ đó trái nghĩa với một số từ ngữ khác.

D. Khi phạm vi nghĩa của từ ngữ đó bao hàm phạm vi nghĩa của một số từ ngữ khác.

23. Trong các cách sắp xếp các nhóm từ ngữ sau đây, cách sắp xếp nào không đúng?

A. Những người thân yêu trong gia đình: ông, bà, cha, mẹ, anh, chị, em (tự thi).

B. Nông cụ: cày, bừa, cuốc, mai, gầu,...

C. Dụng cụ thợ mộc: cưa, bào, cuốc, xéng, cái bay,...

D. Gia cầm: vịt, gà, ngan, ngỗng,...

24. Chủ đề của văn bản là gì? - Hãy chọn ý đúng.

- A. Chủ đề là văn đề chính, văn đề chủ yếu của văn bản.
- B. Chủ đề chính là đại ý của văn bản.
- C. Chủ đề là cốt truyện của tác phẩm tư sự.
- D. Chủ đề chính là nhân vật của văn bản.

25. Muốn tìm chủ đề của văn bản, ta cần căn cứ vào những yếu tố nào?

- A. Căn cứ vào nhân vật.
- B. Căn cứ vào cốt truyện và nhân vật.
- C. Căn cứ vào ngôn ngữ văn bản.
- D. Căn cứ vào tất cả các yếu tố, nhân tố của văn bản, của tác phẩm.

26. Tình thông nhất của chủ đề thể hiện ở chỗ nào?

- A. Không có yếu tố nào thừa hoặc thiếu.
- B. Câu trùm, bô cục, chất chẽ.
- C. Tất cả các yếu tố của văn bản đều hướng về một điểm duy nhất của văn bản.
- D. Cả A, B, C đều nói.

27. Chủ đề của bài “Rừng cọ quê tôi” là gì? Hãy chọn ý đúng.

- A. Cây cọ rất có ích.
- B. Rừng cọ rất đẹp.
- C. Người sông Thao rất yêu rừng cọ.
- D. Rừng cọ rất đẹp. Người sông Thao đi đâu cũng nhớ rừng cọ, nhớ tha thiết quê hương yêu dấu của mình.

28. Chủ đề bài thơ “Qua Đèo Ngang” của Bà Huyền Thành Quan là gì? Em hãy chọn đáp án đúng.

- A. Tả cảnh Đèo Ngang lúc xe tă.
- B. Nỗi buồn cô đơn của người lữ khách.
- C. Nỗi nhớ nhà, nhớ quê của khách lữ hương.
- D. Bài thơ tả cảnh Đèo Ngang lúc ngày tàn, qua đó thể hiện nỗi buồn cô đơn, nỗi buồn nhớ nhà, nhớ quê của khách lữ hương.

29. Hãy phân tích và nêu cảm nghĩ về truyện “Tôi đi học” của Thanh Tịnh.

Bài làm

“Tôi đi học” là một truyện ngắn mang màu sắc hoài niệm của Thanh Tịnh in trong tập “Quê me”, xuất bản năm 1941. Tác giả kể lại những kỉ niệm êm đềm, sâu sắc của tuổi thơ, trong buổi tut trường đầu tiên trong đời, khi ông được mẹ dẫn đi đưa vào học lớp 5, lớp đầu cấp tiểu học của trường Pháp - Việt trước năm 1945.

Mở đầu truyện là hai câu văn được tao thành 2 đoạn văn rất gợi cảm. Câu 1 nói sắc thu với lá rung, với mây “bằng ban” gợi nhớ những kỷ niệm “mom man”, nhẹ nhẹ lâng lâng của buổi tut trường. Câu văn thứ 2, tác giả dùng một hình ảnh so sánh - nhân hóa để hình tượng cảm giác trong sáng này nở trong lòng

"như mây cành hoa tươi mím cười giữa bầu trời quang đãng". Giọng văn nhẹ nhàng, giàu cảm xúc. Những thể hệ học trò ngày xưa đã học thuộc lòng 2 câu văn này:

"Hàng năm cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhanh và trên không có những đám mây bồng bạc, lòng tôi lại náo nức những kí niệm mơn man của buổi tựu trường.

Tôi quên thế nào được những cảm giác trong sáng ấy này nở trong lòng tôi như mây cành hoa tươi mím cười giữa bầu trời quang đãng".

Buổi tựu trường xa xưa ấy thật đáng nhớ, đó là "một buổi mai đầy sương thu và gió lạnh", cậu con trai bé bỏng được mẹ "ăn yếm nắm tay dẫn đi". Con đường đi đến trường là con đường làng "dài và hẹp" vốn "đã quen đi lại lầm lầm" nhưng tự nhiên chú bé "thấy lạ". Cảnh vật quê nhà hình như "đến thay đổi" bởi lẽ "vì chính lòng tôi đã có sự thay đổi lớn: hôm nay tôi đi học". Chú bé 7, 8 tuổi cảm thấy mình đã lớn, không còn chơi bời lêu lổng "lội qua sông thả diều như thằng Quý và không đi ra đồng nô đùa như thằng Sơn nữa".

Buổi tựu trường xa xưa ấy thật đáng nhớ. Chú bé cảm thấy mình "trang trọng và đứng đắn" khi được mặc chiếc áo vải dù đen dài, khi trong tay cầm 2 quyển vở mới. Chú rất "thèm" cảnh mây cậu nhỏ bồng trạc tuổi mình "áo quần tướm tất nhí nhảnh" gọi tên nhau, trao sách vở cho nhau xem, có nhiều cậu vừa ôm sách vở vừa cầm cả bút thước nữa. Mẹ chú đã cầm bút thước hộ chú. Chú non nớt ngày thơ nghĩ: "chắc chỉ người thạo mới cảm nổi bút thước". Ý nghĩ ấy thoáng qua tâm trí chú bé "như làn mây lướt ngang trên ngọn núi". Lần thứ hai, Thanh Tịnh lại sáng tạo nên một so sánh lí thú thể hiện ý nghĩ hồn nhiên ngày thơ của chú bé trên đường tựu trường.

Phản thứ hai của truyện nhắc lại những cảm xúc, ý nghĩ về ngôi trường, về quang cảnh ngày tựu trường và những xúc động của chú bé.

Trường làng Mí Lí đã được chú bé ghé lại một lần chỉ cách ngày tựu trường mấy hôm, khi chú đi bẫy chim quyền với thằng Minh. Đối với chú, đó là một nơi xa lạ; các lớp có cửa kính, có bản đồ treo trên tường. Nhà trường "cao ráo" và "sạch sẽ"... Nhưng buổi tựu trường hôm nay, chú lại thấy khác. Trường Mí Lí "vừa xinh xắn vừa oai nghiêm như cái đình làng Hoà Ấp". Vì thế chú bé "đám ra lo sợ vẩn vơ". Đó là tâm trạng hồn nhiên, ngày thơ của tuổi thơ trong buổi tựu trường khi đứng trước ngôi trường xa lạ mới mẻ. Trường Mí Lí như một ngày hội: "đầy đặc cả người", người nào cũng áo quần "sạch sẽ", gương mặt cũng "vui tươi sáng sủa".

Thanh Tịnh đã ghi lại rất sống, rất chân thực, cảm động những rung động, những biến thái tâm lí của những cậu học trò mới. Họ "bỗng dưng nèp bên người thân", "chỉ đám nhìn một nụ hay đám đi từng bước nhẹ". Đây là một so sánh rất hay nói lên tâm lí đáng yêu ấy: "Họ như con chim con đứng bên bờ tổ, nhìn quang trời rộng muốn bay, nhưng còn ngập ngừng e sợ".

Tiếng trống trường, tiếng trống trường ngày khai giảng, tiếng trống ngày tết trường ở đâu và bắt cứ thời nào cũng gây chấn động, hồi hộp kinh ngạc. Hồi trống buổi tựu trường của trường Mĩ Lí đã “thúi vang dội cả lồng” chú bé. Khi học sinh xếp hàng vào lớp, chú cảm thấy mình “chưa vợ”. Và tất cả học trò mới đều bắt đầu “vung về hùng tung”. Tương như “không dì” mà bị “kéo dì” tới trước. Cơ chấn ròi duỗi chân “cứ đênh đênh mãi”. Toàn thân thì “run run theo nhịp bước rộn ràng trong các lớp”. Và khi ông đốc gọi tên, khi ông đốc nói..., các em học trò mới vào học lớp Năm “đi lưng tung cảng lưng tung hơn”. Nhiều em “ôm mặt khóc”, nhiều em “thút thít”. Riêng chú bé thì có “bàn tay dịu dàng đầy tay trước” nhưng vẫn “đu dây vào lòng mẹ nước nở khóc”. Có bao giờ chú quên được cái bàn tay yêu thương của mẹ nhẹ vuốt lên mái tóc mình. Tuy vậy, chú bé khi xếp hàng vào lớp Năm, được thấy giáo trẻ tuổi tươi cười đứng đón trước cửa lớp, nhưng chú vẫn cảm thấy lè lói: “Trong thời thơ ấu tôi chưa lần nào thấy xa mẹ tôi như lần này”.

Phần thứ ba của truyện nói lên cảm xúc, ý nghĩ của chú bé khi ngồi trong lớp. Chú cảm thấy một mùi hương lạ xông lên trong lớp. Chú nhìn các vật treo trên tường đều “thấy lạ và hay hay”. Nhìn bàn ghế rồi nhìn bạn, tuy “chưa hé quen biết” mà cảm thấy “quyện huyền tự nhiên...”. Một con chim liệng đến, đứng bên bờ cửa sổ hót rồi bay đi, chú bé đưa mắt “thèm thuồng”..., chú nhớ lại kỉ niệm cũ di bảy chim bên bờ sông Viêm. Chú lai trở về thực tại, khi nghe tiếng phân của thấy gạch manh trên bảng đen. Chú vòng tay lên bàn. Chú lấm nhẩm đánh vần. Bài viết tập “Tôi đi học” là bài học đầu tiên trong buổi tựu trường thời thơ ấu của chú. Kỉ niệm ấy như một dầu sơn trong tâm hồn vô cùng tươi sáng.

“Tôi đi học” là một trang hồi ức của Thanh Tịnh. Nhân vật “Tôi” được thể hiện rất sống, rất đáng yêu. Được mẹ hiến đất tay đưa đến trường trong ngày tựu trường, nhưng chú vẫn cảm thấy hồi hộp, lo sợ, lè lói trước cảnh trường mới, thầy giáo mới, bạn học mới... Chú và bạn bè tuổi thơ đang ngỡ ngàng trước một chân trời mới, rất đẹp và mênh mông bao la.

“Tôi đi học” là trang văn đầy chất thơ. Chất thơ của kỉ niệm thời thơ ấu ngày tựu trường. Chất thơ ở giọng văn nhẹ nhàng truyền cảm. Chất thơ ở sự lắng đọng và khơi gợi tâm hồn kỉ ức thời cấp sách trong mỗi chúng ta. “Tôi đi học” là một tiếng lòng man mác, bâng khuâng của một thời để nhớ, một thời để yêu.

30. *Tâm trạng hồi hộp, cảm giác bỡ ngỡ của nhân vật “tôi” trong buổi tựu trường qua truyện ngắn “Tôi đi học” của Thanh Tịnh.*

Bài làm

“Tôi đi học” của Thanh Tịnh là một truyện ngắn xuất sắc đã thể hiện một cách xúc động tâm trạng hồi hộp, cảm giác bỡ ngỡ của nhân vật “tôi” - chú bé được mẹ đưa đến trường vào học lớp Năm trong ngày tựu trường.

Đó là “một buổi mai đầy sương mù và gió lạnh”, chú bé mặc “chiếc áo vải dù đen dài”, chú cảm thấy “trang trọng và đứng đắn”. Lòng chú “tưng bừng rộn rã” được mẹ hiến “âm yếm nồng ıdır” dán đì trên con đường làng thân thuộc “dài và

hẹp". Chủ vòi cùng xúc động, cảm thấy bỡ ngỡ, cảm thấy lạ, tưởng như con đường làng và mọi cảnh vật xung quanh "đều thay đổi". Chủ đã nghĩ về sự bỡ ngỡ ấy: "vì chính lòng tôi đang có sự thay đổi lớn: hôm nay tôi đi học".

Chú bàng khuàng tự hào thấy mình đã lớn khôn, không còn lêu lổng đi thả diều, đi ra đồng nô đùa như tháng Sơn, tháng Quý nữa. Chủ "thèm" cảnh mấy cậu học trò bằng tuổi mình "áo quần tươm tất, nhí nhảnh gọi tên nhau hay trao sách và cho nhau xem". Chỉ cảm hai quyển vở mới, dù "tay ghi thật chật" mà chủ vẫn cảm thấy "nặng", rồi một quyển vở "xéch ra và chéch dán cùi xuống đất". Nhìn thấy mấy cậu ôm sách vở nhiều lại còn kèm cả bút thước nữa, chủ ngày thơ nghĩ: "chắc chỉ người thạo mới cảm nổi bút thước". Ý nghĩ, tâm lí ấy của nhân vật "tôi" đã thoáng qua trong trí mình một cách nhẹ nhàng "như một làn mây lướt ngang trên ngon nưa".

Khi đứng trước ngôi trường, chú bé càng hồi hộp, bỡ ngỡ. Chủ ngạc nhiên trước cảnh đông vui "dày đặc cả ngọn" trước sân trường; ai cũng áo quần "sạch sẽ", gương mặt cũng "vui tươi sáng sủa". Chủ đã từng đi bảy chín quyển với tháng Minh, và ghé lại trường một lần, đi quanh các lớp, cảm thấy trường "xa lạ", "vô rào và sạch sẽ hơn các nhà trong làng". Buổi tụu trường hôm nay, chú cảm thấy trường Mỹ Li của mình "vừa xinh xắn oai nghiêm như cái đình làng Hòa Ấp". Đứng giữa sân trường rộng, chú bé "dám ra lo sợ vẫn vui". Đó là tâm trạng bối rối, bỡ ngỡ rất thực, rất điển hình đối với tuổi thơ trong buổi tụu trường đầu tiên của đời mình.

Chú bé cũng như những học trò mới khác "bỡ ngỡ đứng nép bên ngực thân", chỉ dám "nhìn một nưa", chỉ dám "đi từng bước nhẹ". Tất cả đều "như con chim con đứng bên bờ tổ, nhìn quanh trời rộng muôn bay, nhưng còn ngập ngừng e sợ"...

Chú cảm thấy lòng mình vô cùng hồi hộp "thúc vang dội" bởi một hồi trống trường; cảm thấy mình "chợ vỡ", "vụng về lung tung". Chân "không dì" như bị một sức mạnh "kéo dìu" về phía trước; hít "cơ", hít "duỗi", cứ "denthal dâng mãi". Chủ cũng như các cậu học trò mới vì quá hồi hộp mà "run run theo nhịp bước rộn ràng trong các lớp".

Lúc nghe ông đốc đọc tên từng người, chú bé xúc động, hồi hộp đến độ quá tim như "ngừng đập", "giật mình lung tung", chú "quên cả mẹ" đứng sau mình. Nghe ông đốc dặn dò, "không em nào dám trả lời"; trước cái nhìn của mọi người, các học trò mới cũng như nhân vật "tôi" càng thêm "lung tung". Nhiều học trò mới "ôm mặt khóc", chú bé cũng "dùi đầu vào lòng mẹ nức nở khóc theo". Mặc dù lúc ấy "một bàn tay dịu dàng", "một bàn tay quen nhẹ" của mẹ hiện "vuốt mái tóc" cho, nhưng chú vẫn cảm thấy cô đơn, lè loi hơn bao giờ hết khi xếp hàng đi vào lớp: "Trong thời thơ ấu, tôi chưa lần nào thấy xa mẹ tôi như lần này".

Cảm xúc hồi hộp, bàng khuàng dâng lên man mác trong lòng khi chú vào ngôi trong lớp, cảm thấy "một mùi hương lạ xông lên". Chủ "thấy lạ và hay hay" những hình treo trên tường. Chủ nhìn bàn ghế rồi làm nhận đó là "vật riêng của mình", nhìn người bạn tí hon ngồi cạnh không cảm thấy xa lạ mà "quen luyến tự nhiên"... Có lúc chú "đưa mắt thèm thuồng" một cảnh chim... Chủ vòng tay lên bàn

làm nhâm định văn bài viết tạp "Tôi đi học". Tiếng phan của thày giáo đã đưa chủ đề về "cánh thai"...

Thanh Tịnh đã diễn tả những kí niêm, những biến biến tâm trạng hồi hộp, cảm giác bối rối của nhân vật "tôi" trong buổi tìm trường theo trình tự thời gian - không gian: lúc đầu là buổi sớm mai me dán di trên con đường langle, sau đó là lúc dừng giữa sân trường, một hơi trong vang lên, nghe ông đọc đọc tên và dặn dò, cuối cùng là khi thày giáo trẻ đưa vào lớp.

Kí niêm ấy rất súc sác và rất đẹp, vì thế sau này "hàng năm cứ vào cuối thu, là ngoài đường rụng nhiều lá trên không có những đám mây bồng bạc, lòng tôi lại nhớ起 những kí niêm mon man của buổi tìm trường".

Đáp án đề 1

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
Trả lời	A	D	B	C	A	B	C	D	C	B	D	D	D	A

Câu	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
Trả lời	C	D	C	D	D	A	A	A	C	A	D	D	D	D

ĐỀ 2

- * Trong lòng mẹ (trích "Những ngày thơ ấu")
- * Trường từ vựng.
- * Bộ cục của văn bản.

1. "Trong lòng mẹ" được trích trong tác phẩm nào của nhà văn Nguyễn Hông?

- A. Bí ẩn.
- B. Những ngày thơ ấu.
- C. Cửa biển.
- D. Núi rừng Yên Thế.

2. "Những ngày thơ ấu" được viết theo thể loại nào?

- A. Tiểu thuyết.
- B. Truyền ngắn.
- C. Hồi ký.
- D. Tuỳ bút.

3. Theo em, hồi ký cần chân thực hay van dược hư cấu (bia).

- A. Phải chân thực.
- B. Được hư cấu (bia).

4. Nội dung đoạn trích "Trong lòng mẹ" là gì?

- A. Kể lại những đau khổ bị giày vò của bé Hồng - đứa bé mồ côi bố, phải xa mẹ, đang ăn chực nằm chờ người.
- B. Kể lại âm mưu dốc địa, tinh bắn của bà cô của bé Hồng.
- C. Kể lại nỗi chờ mong mẹ về của bé Hồng khi ngày giỗ đầu bố sắp đến.
- D. Kể lại nỗi đau khổ bị giày vò và niềm vui sướng, yêu kính của bé Hồng đối với mẹ khi gặp lại mẹ sau gần một năm trời xa cách.

5. Từ ngữ nào nói đúng tâm địa bà cô của bé Hồng?

- A. Ghen ghét, nhẫn tâm.
B. Lắm lời, thích phi báng.
C. Hiểm độc và tàn nhẫn.
D. Xấu xa dê tiện.

6. Thám đọc các câu văn sau:

"Tường đến vẻ mặt râu râu và sự hiền từ của mẹ tôi, và nghĩ đến cảnh thiếu thốn một tình thương ấp úng phen làm tôi rót nước mắt, tôi toan trả lời có.

...Nhưng đời nào tình thương yêu và lòng kính mến mẹ tôi lại bị những rắp tâm tanh bẩn xâm phạm đến...

...Nước mắt tuôn ròng ròng rót xuống hai bên má rồi chan hoà đậm đà ở cằm và ở cổ”.

- Tình cảm của bé Hồng đối với mẹ như thế nào được diễn tả trong các câu văn trên?

- A. Rất thương mẹ.
B. Rất cảm thông với mẹ.
C. Vô cùng tủi nhục, đau đớn.
D. Tất cả A, B, C.

7. Những từ in đậm trong hai câu văn sau thuộc từ loại nào?

“Mẹ tôi vừa kéo tay tôi, vừa xoa đầu tôi hỏi, thì tôi oà lên khóc rồi cứt thẻ nút nở. Mẹ tôi cũng sụt sùi theo”.

- A. Danh từ B. Động từ C. Tính từ D. Trạng từ

8. Câu văn dưới đây, các từ in đậm là thuộc từ loại gì?

“Giương mặt mẹ tôi vẫn tươi sáng với đôi mắt trong và nước da mịn làm nổi bật màu hồng của hai gò má”.

- A. Danh từ B. Động từ C. Tính từ D. Trạng từ

9. Các từ ngữ in đậm trong câu văn trên có tác dụng gì?

- A. Miêu tả vẻ đẹp của người mẹ trẻ.
B. Biểu lộ niềm ngạc nhiên sung sướng, tự hào của đứa con đối với mẹ hiền.
C. Có cả A và B.

10. Có phải đoạn văn sau đây diễn tả niềm sung sướng và hạnh phúc tuyệt vời của đứa con sau gần một năm trời xa cách đã được gặp lại mẹ, được ôm áp yêu thương?

“Tôi ngồi trên đệm xe, đùi áp đùi mẹ tôi, đầu ngả vào cánh tay mẹ tôi, tôi thấy những cảm giác ấm áp đã mất đi bỗng lại mềm man khắp da thịt”.

- A. Đúng B. Chưa đúng.

11. Đọc diễn cảm đoạn văn sau:

“Phải bế lại và lăn vào lòng một người mẹ, áp mặt vào báu vật riêng của người mẹ, để bàn tay người mẹ vuốt ve từ trán xuống cằm, và gãi rôm ở sống lưng cho, mới thấy người mẹ có một em dịu vô cùng”.

Chọn đáp án đúng:

- A. Không thể thiếu tình thương của người mẹ.
B. Người mẹ là người yêu thương con nhất.
C. Người mẹ dôn hậu và giàu đức hi sinh.
D. Tình thương và sự ôm áp của người mẹ là nguồn hạnh phúc vô tận của đứa con.

12. *Thể nào là trường từ vựng?*

- A. Là tập hợp các từ có nét chung về nghĩa, và có mối tương quan gần gũi với nhau
- B. Là những từ cùng nghĩa với nhau
- C. Là những từ gần nghĩa với nhau
- D. Là những từ có thể thay thế nhau trong câu

13. *Đọc bài thơ sau, và cho biết các từ in đậm cần xếp đúng vào trường từ vựng nào?*

Rắn đầu biếng học

Lê Quý Đôn

*Chẳng phải lưu đùn cũng giống nhau,
Rắn đầu biếng học chẳng ai tha.
Then đến hổ lừa dan lòng nè,
Nay thết mai gán rất có cha
Rào mép chỉ quen tuồng nỗi dỗi,
Lần lutton cảm chịu tiếng roi tra.
Tí tay Trâu Lô châm nghe học,
Ké hổ mang danh tiếng thế già.*

- A. Động vật
- C. Loài rắn

- B. Loài bò sát
- D. Loài thú dữ

14. *Các từ ngữ in đậm trong câu văn sau có dùng cùng một trường từ vựng hay không?*

"Gương mặt mẹ tôi vẫn tươi sáng với đôi mắt trong và nước da mịn, làm nổi bật màu hồng của hai gò má".

(Trong lòng mẹ)

- A. Đúng

- B. Sai

15. *Bố cục là gì?*

Bố cục văn bản là cách sắp xếp và trình bày các ý, các phần một cách hợp lý để tạo nên tính hoàn chỉnh của tác phẩm.

- A. Đúng

- B. Chưa đúng.

16. *Bố cục văn bản 3 phần là những phần nào?*

- Mở bài
- Thân bài
- Kết bài

- A. Đúng

- B. Sai

17. *Bố cục 4 phần trong một bài thơ tứ tuyệt Đường luật gồm có những phần nào?*

- Khai (câu 1)
- Thủa (câu 2)
- Chuyển (câu 3)
- Hợp (câu 4)

- A. Sai

- B. Đúng

18. Có phải 4 phần: đé, thừa, luân, ket là bốn phần trong bài thơ bat cù Dương luật?

A. Đúng

B. Sai.

19. Phân tích nhân vật bé Hồng qua chương 4 "Trong lòng mẹ" (trích "Những ngày thơ ấu" của Nguyễn Hồng).

Bài làm

"Người mẹ có một em dịu vô cùng...". Người mẹ đã trở về đúng ngày giờ để làm tròn đạo lí và tự khẳng định tư cách người vợ, người mẹ trong gia đình. Mẹ đem về cho hai con nhiều quà. Tan học, trên đường về nhà, bé Hồng gặp lại mẹ sau một năm dài xa cách. Em gọi rối rít: "Mẹ ơi! Mẹ ơi! Mẹ ơi!". Cảnh hai mẹ con gặp lại nhau mừng mừng, tủi tủi. Mẹ cầm nón vẩy... mẹ kéo tay con, xoa đầu con, hỏi... Con "ởa lén khóc mèo nổ", mẹ cũng sút sùi theo... Con sung sướng ngắm nhìn gương mặt thương yêu của mẹ, tự hào vì mẹ "vẫn tươi sáng", "đôi mắt trong", "nước da mịn", gò má "màu hồng". Bé Hồng được sống trong những giây phút hạnh phúc nhất. Em được "trông nhìn và ôm áp cái hình hài mảnh mỏ của mình". Em sung sướng "dấn ngả vào cánh tay mẹ". Bao "cảm giác ấm áp" đã mát đi, nay lại "mềm man khắp da thịt". Miệng mẹ "vinh vẫn nhai trảu" phả ra "thơm tho lợ thường". Bé Hồng vô cùng hân diện về mẹ. Có ngữ có câu: "Mẫu tử tình thâm". Tục ngữ có nói: "Đứa con là hạt mầm cát dồi của mẹ". Tình mẹ con là vô cùng thiết tha, sâu nặng. Phút giây gặp lại mẹ, bé Hồng nói là những phút "rạo rực". Và em khẳng định ngọt ca: "Phải bế lại và lẩn vào lòng một người mẹ, áp mặt vào bầu sữa nóng của người mẹ, để bàn tay người mẹ vuốt ve từ trên xuống cằm, và gãi rôm ở sống lưng cho, mới thấy người mẹ có một em dịu vô cùng".

Tiêu chí để bình giá hối kí là sự chân thực. Mọi sự dẽ gợt, tô màu sẽ làm cho hối kí trở thành vô nghĩa. Chương "Trong lòng mẹ" rất chân thực và cảm động. Đó là giá trị văn chương đích thực. Lòng con thương nhớ, yêu kính mẹ, sung sướng và tự hào khi gặp lại mẹ, giọt nước mắt, cảm giác êm dịu khi được sống bên mẹ hiền... đó là tình mẫu tử, lòng hiếu thảo. Những tình cảm sâu sắc ấy làm nên vẻ đẹp văn chương trong hối kí của Nguyễn Hồng, 60 năm về trước...

Đáp án đê 2

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
Trả lời	B	C	A	D	C	D	B	C	C	A	D	A	B	A	A	A	B	A

ĐE 3 + 4

- * Tức nước vỡ bờ (trích "Tát đèn" của Ngô Tất Tố)
- * Xây dựng đoạn văn trong văn bản

1. Tác phẩm "Tát đèn" của Ngô Tất Tố được sáng tác bằng thể loại nào?

- A. Bút ký B. Tiểu thuyết C. Truyện ngắn D. Phóng sự

2. Đoạn "Tức nước vỡ bờ" trích trong "Tát đền" được thể hiện bằng phương thức biểu đạt nào?

- A. Biểu cảm B. Miêu tả C. Tư su D. Thuyết minh

3. Trích đoạn "Tức nước vỡ bờ" có may nhân vật là những nhân vật nào?

- A. Hai nhân vật (chỉ Dâu và tên cai lè).
B. Ba nhân vật (chỉ Dâu, tên cai lè, tên hầu cận lí trưởng).
C. Bốn nhân vật (chỉ Dâu, chồng chỉ Dâu, tên cai lè, tên hầu cận lí trưởng).

4. "Tức nước vỡ bờ" kể lại hai sự việc đã diễn ra tại nhà chỉ Dâu: *Cai lè đèn đốc sưu, thét trói anh Dau khi anh đang om; để bảo vệ chồng và dạy cho bọn cường hào một bài học, chỉ Dau đã đánh ngã tên cai lè và tên hầu cận lí trưởng.*

- A. Đúng B. Sai

5. Đọc lại các chi tiết, các sự việc sau:

Gõ đầu roi xuống đất, cai lè thét bằng giọng khàn khàn của người hút nhiều xì-cu. "Thắng kia! Ông ta ngay máy chết đêm qua, còn sống đây à? Nợ tiền薪水! Mau!"

Cai lè không để cho chỉ được nói hết câu, tron ngược hai mắt, hán quát: "Mày định nói cho cha mày nghe đây à? Sira của nhà nước mà dám mở mồm xin khát!"

Cai lè vẫn giòng hầm hố. "Nếu không có tiền nộp薪水 cho ông bấy giờ, thi ông sẽ dỡ và nhà mày di, chia mang thời à?"

"Tha này! Tha này!" - Vừa nói hàn vừa bịch luôn vào ngực chỉ Dâu máy bịch rồi lại sán đến để trói anh Dâu.

Cai lè tát vào mặt chỉ một cái đánh b López, rồi hàn cù nhảy vào cạnh anh Dâu

Hán ngã chồng quèo trên mặt đất, miệng vẫn nhảm nhảm thét trói vợ chồng kẻ thiểu số.

Em hãy cho biết tác giả đã lột tả bản chất xấu xa của tên cai lè bằng những yếu tố nào?

- A. Ngôn ngữ (tiếng thét, tiếng chửi).
B. Điện bộ, cử chỉ.
C. Hành động (bịch vào ngực chỉ Dâu máy bịch, tát một cái đánh b López vào mặt chỉ Dâu).
D. Có tất cả A, B, C.

6. Qua các chi tiết, sự việc ấy, tác giả đã vạch trần bô mặt thật và bản chất gì của tên cai lè?

- A. Cực kỳ hống hách, điên cuồng.
B. Vô cùng thô lỗ, cục cặn.
C. Bất nhân, độc ác, tàn nhẫn.
D. Gồm tất cả A, B, C.

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI TRUNG TÂM THÔNG TIN THƯ VIỆN
LC/1601

7. Tâm lý, tính cách chỉ Dâu được miêu tả trong quá trình phát triển của sự việc: lúc đầu thì nhún nhường, nhẫn nhục van xin, cố nén giận, về sau thì liều mạng cự lại, rồi ra tay đánh ngã nhào lùi đầu trâu mệt ngựa, dạy cho chúng một bài học nhớ đời.

- A. Chưa đúng B. Đúng

8. Đọc đoạn văn sau:

"Chị Dậu nghiên hai hàm răng: "Mày trói ngay chồng bà đi, bà cho mày xem!"

Rồi chị túm lấy cổ hắn, án đầu ra cửa. Sức leo khoeko của anh chàng nghệ chạy không kịp với sức xô đẩy của người đàn bà lực điền, hắn ngã chổng quèo trên mặt đất, miệng vẫn nhảm nhảm thét trối vợ chồng kẻ thiểu sỉu.

Người nhà lí trưởng sán sổ bước đến giờ gác chực đánh chị Dậu. Nhanh như cắt, chị Dậu nắm được ngay gác của hắn. Hai người giằng co nhau, dù đẩy nhau rồi ai nấy đến buông gác ra, áp vào vặt nhau. Hai đứa trẻ con kêu khóc om sòm. Kết cục, anh chàng "hầu cận ông lì" yên hồn chị chàng con mọn, hắn bị chị nã túm tóc lăng cho một cái, ngã nhào ra thêm".

- Hãy cho biết Ngõ Tát Tố đã sử dụng phương thức biểu đạt nào để ghi lại cảnh chị Dậu trừng trị tên cai lè và tên "hầu cận ông lì"?

A. Biểu cảm

B. Tự sự.

C. Miêu tả

D. Tự sự và miêu tả.

9. "Tức nước vỡ bờ" đã làm hiện lên chị Dậu là một con người như thế nào?"

A. Nhẫn nhục, đau khổ.

B. Giàu tình thương yêu chồng con.

C. Cầm thù bọn tay sai của thực dân phong kiến.

D. Có tinh thần dũng cảm, phản kháng quyết liệt bọn tay sai dã man mặt ngoài

E. Gồm tất cả B, C, D.

10. Đoạn trích "Tức nước vỡ bờ" rất đặc sắc về mặt nghệ thuật: khắc họa nhanh vật săn nét, lôi kể chuyện giàu kịch tính, hồi hộp, ngôn ngữ bình dị, hóm hỉnh.

A. Không đúng

B. Đúng

11. Chọn đáp án đúng qua các nhận định sau về giá trị nội dung tư tưởng đoạn trích "Tức nước vỡ bờ".

A. Phản ánh nỗi thống khổ của người nông dân vì sinu thuế đã man của chế độ thực dân phong kiến.

B. Vạch trần bộ mặt độc ác, vô nhân đạo của bọn tay sai - công cụ của chính quyền thực dân phong kiến.

C. Ca ngợi những phẩm chất cao đẹp của người nông dân trong cuộc sống, trong cuộc đấu tranh chống áp bức bóc lột.

D. Gồm tất cả A, B, C.

12. Nhà văn Vũ Ngọc Phan có viết: "Cái đoạn chị Dậu đánh nhau với tên cai lè là một đoạn tuyệt khéo". Ý kiến của em như thế nào?

A. Tân thành

B. Không đồng ý

13. Những từ in đậm trong hai lời nói sau đây của chị Dậu là từ loại gì?

- "Chồng tôi đau ốm, ông không được phép hành hạ!"

- "Mày trói ngay chồng bà đi, bà cho mày xem!"

A. Danh từ

B. Đại từ xưng hô

C. Tính từ

D. Động từ.

14. Đoạn văn là gì? Ý kiến em như thế nào về định nghĩa đoạn văn sau đây?

Một văn bản gồm có nhiều đoạn văn hợp thành. Vậy, đoạn văn là một phần của văn bản. Đoạn văn có thể chỉ có một câu văn, cũng có thể do một số câu văn tạo thành. Đoạn văn biểu đạt một ý tượng đối trọng với văn bản. Về hình thức, chữ đầu đầu đoạn văn phải viết hoa, lùi vào dò một ô (khoảng 1cm) tính từ lề. Kết thúc đoạn văn bằng dấu chấm xuống dòng.

A. Sai

B. Đúng

15. Câu chủ đề của đoạn văn là câu thế nào? Chọn ý đúng:

A. Câu chủ đề đoạn văn là câu nêu lên ý chính của đoạn.

B. Câu chủ đề đoạn văn là câu chót của đoạn văn.

C. Câu chủ đề đoạn văn là câu mang ý nghĩa khái quát của đoạn văn.

D. Câu chủ đề là câu mang nội dung khái quát của đoạn văn; lời lẽ ngắn gọn, thường dù hai thành phần chính C-V; nó có thể đứng đầu đoạn văn (đoạn diễn dịch), cũng có thể đứng cuối đoạn văn (đoạn quy nạp).

16. Có mấy cách trình bày đoạn văn? - Có nhiều cách trình bày đoạn văn. Có 4 cách thường dùng như sau: 1 đoạn diễn dịch, 2 đoạn quy nạp, 3 đoạn song hành, 4 đoạn móc xích.

A. Đúng

B. Sai

17. Đoạn văn này là đoạn văn được trình bày theo cách dung đoạn nào?

"**Đảng ta vĩ đại thật**. Trong lịch sử ta có ghi, chuyện anh hùng dân tộc là Thành Gióng đã dùng gốc tre đánh đuổi giặc ngoại xâm. Trong những ngày đầu kháng chiến, Đảng ta đã lãnh đạo hàng nghìn hàng vạn anh hùng noi gương Thành Gióng dùng gậy tám vông đánh thua dân Pháp"

Hồ Chí Minh

A. Đoạn quy nạp

B. Đoạn diễn dịch

C. Đoạn song hành

D. Đoạn móc xích

18. Trong đoạn văn trên, câu in đậm có phải là câu chủ đề không?

A. Đúng

B. Sai

19. Đoạn văn này có 4 câu. Câu nào là câu chủ đề?

"① Dân không đủ muối, Đảng phải lo. ② Dân không có gạo ăn đủ no, dân không có vải mặc đủ ấm, Đảng phải lo. ③ Các cháu bé không có trường học, Đảng phải lo. ④ Tất cả mọi việc, Đảng phải lo".

A. Câu số 1

B. Câu số 2

C. Câu số 3

D. Câu số 4

20. Đoạn văn trên được dung theo cách nào?

A. Quy nạp

B. Diễn dịch

C. Song hành

D. Móc xích

21. Đoạn văn song hành không có câu chủ đề - Nói thế đúng hay sai?

A. Sai

B. Đúng

22. Đoạn văn sau đây được dung theo cách gì?

"Đi giữa Hạ Long vào mùa sương, ta cảm thấy những hòn đảo vờn xa lạ, vừa quem thuộc, mờ mờ, ảo ảo. Chung quanh ta, sương mù bồng bềnh xoáy. Con thuyền bơi trong sương như bơi trong mây. Tiếng sóng vỗ long borges trên man thuyền.

Tiếng gõ thuyền lộc cộc của bạn chài săn cá, âm vang mặt vịnh. Thỉnh thoảng nay con hải âu đột ngột hiện ra trong màn sương”.

Thi Sách

- A. Đoạn diễn dịch
- C. Đoạn song hành

- B. Đoạn quy nạp
- D. Đoạn mộc xích

23. Phân tích nhân vật chị Dậu qua cảnh “Tức nước vỡ bờ” trích trong tác phẩm “Tát đèn” của Ngô Tất Tố.

Bài làm

Chị Dậu là một phụ nữ nông dân cứng cỏi, dám đấu tranh chống áp bức, lúc nào chị cũng cố “bươn ra, vùng vẫy” để thoát khỏi tai họa. Chị rất níu nhục trong xung hô với bọn cường hào. Chị tự xưng là: “cháu”, “nhà cháu”. Gọi bọn cai lệ là “ông”, “cháu van ông, nhà cháu vừa mới tinh được một lúc ông ha cho !” Khi bị “tát đánh hối”, bị “bịch” vào ngực, khi tên cai lệ “giật phắt dây thường” trong tay tóm hẩu cận lí trưởng, “chạy sầm sập” đến trói anh Du, khi anh còn “ồm ré ré”, thái độ chị Dậu trở nên quyết liệt. Chị Dậu “yám ma”, “nghien hai hàm răng” cự lại: “Chóng tôi đau ốm, không được phép hành hạ”. Lũ thú dữ lồng lên, chị cầm giận thách thức: “Mày trói ngay chồng bà đi, bà cho mày xem !”. “Cháu” đã trở thành “bà”, “ông” đã biến thành “mày”! Uy hổ bọn cường hào bị hạ bệ! Tay thước, roi song, dây thường của lũ đầu traui nặt ngựa trở nên vô nghĩa đối với chị. Chị Dậu đã dũng cảm đánh ngã nhào tên cai lệ và tên hẩu cận lí trưởng. Chị đã dạy cho bọn chúng một bài học đích đáng! Chị Dậu đã phủ nhận tất cả. Hình ảnh chị Dậu sừng sững hiên ngang: “Thái người. Để cho chúng nó làm tình làm tội mai thế, tôi không chịu được...”.

Có người cho rằng hành động chị Dậu đánh lại bọn cai lệ là hành động phản kháng mang tính tự phát. Nhà văn Nguyễn Tuân đã bình luận thật hy: “Trên cái tối giới tối đất của đồng lúa ngày xưa, hiện lên một cái chân dung ác quan của chị Dậu”. Chương “Tức nước vỡ bờ” thật hay. Giọng văn của Ngô Tất Tố tràn đầy niềm vui hả hê! Thái độ yêu ghét của Ngô Tất Tố rất rõ ràng. Ông lên án chính sách sưu thuế dã man, ông khinh bỉ bọn quan lại thì đậm đà, bọn cường hào thì tham lam bê tha, độc ác. Ông đã dành cho vợ chồng chị Dậu và đàn con thơ, nhất là cái Tí bao tình thương và lòng trắc ám.

Chị Dậu, chồng con chị cũng như hàng triệu nông dân là nạn nhâm của chế độ thực dân nửa phong kiến. Sưu thuế dã man, ách áp bức của bọn cường hào địa chủ đã tước đoạt quyền sống làm người của họ. Nhân vật chị Dậu là hiện thân cho bao phẩm chất tốt đẹp của người nông dân như dám dang, ôn hậu, giàu tình thương chồng, thương con, dũng cảm chống áp bức.

Bức chân dung chị Dậu đã đậm giá trị hiện thực và tinh thần nhân ái của tiểu thuyết “Tát đèn”. Ta càng cảm thấy: “Bản chất của nhân vật chị Dậu rất khỏe cứ thấy lần xú vào bóng tối mà phá ra”, như Nguyễn Tuân đã nhận xét.

24. Bình luận về tiểu thuyết “Tát đèn”, nhà văn Vũ Ngọc Phan có viết:

“Có đoạn chị Dậu đánh nhau với tên cai lệ là một đoạn tuyệt khéo”.

Em hãy phân tích và chứng minh cái “tuyệt khéo” đó qua cảnh “Tức nước vỡ bờ”.

Bài làm

"Cái doan chi Dậu đánh nhau với tên cai lê là một doan tuyệt khéo", đó là lời bình luận của nhà văn Vũ Ngọc Phan về tiểu thuyết "Tắt đèn" của Ngô Tất Tố.

"Tắt đèn" có nhiều điểm rất hay, rất khéo; có nhiều trang làm xúc động lòng người. Trong đó có cảnh "Tiểu mực vỡ bể", một trang văn "tuyệt khéo", giàu kích tính như một màn bi hài kịch. Có tiếng khóc, tiếng rên. Có tiếng chửi, có tiếng van xin, có lời thách thức. Có cảnh đánh nhau giữa người đàn bà lực điền với tên cai lê.

Anh Dậu vừa mới "tinh" được một lát thì tên cai lê, tên hầu cận lì trưởng với roi song, tay thước, dây thừng "sầm sập" kéo tới. Lũ sai nha sát khí dâng dâng. Chỉ một tiếng thét "thẳng kia!" thế mà tên cai lê đã làm cho anh Dậu vừa kẽ miệng vào bát cháo đã "lăn đứng ra" chết ngất! Hắn chửi chỉ Dậu thảm tệ, khi chị thiết tha xin khất súu. Hắn "trộm ngược hai mắt" quát: "Mày định nói cho cha mày nghe đây à? Sins của nhà nước mà dám mở móm xin khất!". Hắn chạy "sầm sập" đến chõ anh Dậu để trói kẽ thiêu súu. Hắn đã man "bịch" vào ngực chỉ Dậu, "tát đánh b López" vào mặt chỉ Dậu. Hắn lồng lén như một con thú dữ. Ngón ngũ, diệu bộ, hành động của tên cai lê được đặc tả "tuyệt khéo" đã vạch trần bộ mặt ghê tởm của một tên sai nha mặt hét cá tính người.

Còn có gì "tuyệt khéo" nữa? Cảnh đánh nhau giữa chỉ Dậu và tên cai lê diễn ra dữ dội, và hết sức bất ngờ. Người đàn bà con mọn chỉ có hai bàn tay không. Trong lúc đó, tên cai lê, tên hầu cận lì trưởng nào roi song, nào dây thừng tay thước. Bi "bịch" vào ngực, bị "tát đánh b López" vào mặt, người chồng ốm đau sắp bị trói, chỉ Dậu đã phản ứng lại dữ dội. Sau cái "nghiến hai hàm răng" thách thức, chỉ Dậu đã "tüm lấy cổ" và "ấn đứt" tên cai lê, làm cho hắn "ngã chống quèo" trên mặt đất. Thật hài hước, kẽ "hút nhiều xôi cũ" tuy đã bị đánh ngã nhào, nhưng miệng hắn "vẫn nhảm nhảm thét trói vợ chồng kẽ thiêu sin". Sau đó, chỉ Dậu còn "vật nhau" với tên hầu cận lì trưởng. Chỉ đã "tüm tóc" và "lắng cho một cái", làm cho hắn "ngã nhào ru thém". Người đọc vô cùng hả hê trước sức mạnh phản kháng của chỉ Dậu. Người đàn bà con mọn đã hạ nhục, đã đánh ngã nhào bọn đầu trâu mặt ngựa, tay chân lũ cường hào gian ác, tanh hôi.

Cảnh "Tiểu mực vỡ bể" còn có gì "tuyệt khéo" nữa? Những lời đối thoại thật khéo. Ngòi bút của Ngô Tất Tố "tuyệt khéo" khi nói về cách đối đáp, ứng xử, tinh thần, thái độ, hành động của chỉ Dậu. Lúc đầu chỉ nín nhịn nhẫn nhục van xin: "Nhà cháu đã tùng lại phải... Hai ông làm phu nói với ông lí cho cháu khất..."; "Khốn nạn! Nhà cháu đã không có, đâu ông chiếu mắng cũng đến thế thôi. Xin ông trảng lại!..."; "Cháu van ông, nhà cháu vừa mới tinh được một lúi, ông tha cho!..."

Sau đó, chỉ Dậu đã hoàn toàn thay đổi. Chỉ trở nên táo bạo và quyết liệt. Chồng sắp bị trói, chỉ bị tên cai lê chửi và "bịch" vào ngực mấy cái. Chỉ cự lại: "Chồng tôi đau ốm, ông không được phép hành hạ!". Cai lê "tát đánh b López" vào mặt chỉ Dậu. Như lửa đốt thêm dầu, chỉ đã "nghiến hai hàm răng" thách thức: "Mày trói ngay chồng bà đi, bà cho mày xem!". Và chỉ đã đánh ngã nhào hai tên chó má! Dưới ngòi bút "tuyệt khéo" của ông Đầu xứ Tố, ta thấy "Trên cái tôi giới tôi đất của đồng huỷ ngày xưa, hiện lên một cái chân dung lạc quan của chỉ Dậu" (Nguyễn Tuân).

Thật vậy, Ngô Tất Tố viết “*tuyệt khéo*”. Sự việc ở nông thôn ngày xưa rất thực, rất sống. Trang văn thấm đầy tình nhân đạo. Ông đã chỉ ra cái hiện tượng “*Con giun xéo mũi cõng quắn*”. Ông đã nêu lên một quy luật hiển nhiên: “*Có áp bức có đấu tranh*”. Chị Dậu là một người vợ, người mẹ đảm đang, giàu tình thương và rất cứng cỏi. Cái “*tuyệt khéo*” của Ngô Tất Tố là đã dung nén bức chân dung chị Dậu.

Đáp án đề 3 + 4

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Trả lời	B	C	C	A	D	D	B	D	E	B	D

Câu	12	13	14	15	16	17	18	18	20	21	22
Trả lời	A	B	B	D	A	B	A	D	A	B	C

DÉ 5 + 6

- * Lão Hạc.
 - * Từ tượng hình, từ tượng thanh.
 - * Liên kết các đoạn văn trong văn bản.

1. Nam Cao chỉ để lại một cuốn tiểu thuyết duy nhất, đó là cuốn "Sóng mòn". Ý kiến ấy đúng hay sai?

6. Có một thời gian, lão Hạc đã có những nhan vặt nào làm cho đưa tình thân?

A. Bình Tư.

B. Ông giáo.

C. Cậu Vàng.

D. Ông giáo và cậu Vàng.

7. Phương thức biểu đạt chủ yếu trong đoạn văn sau là phương thức nào?

"... Tháng mười năm ấy, con kia đi lấy chồng, nó lấy con trai một ông phó lí, nhà có cửa. Tháng con lão sinh phản chí. Ngày mây hờm sau, nó ra tinh đến sở mộ phu, đưa thẻ kỉ giấy xin đi làm đón điện cao su..."

Lão tâm tan nước mắt bao tối:

- Trước khi đi, nó còn cho tôi ba đồng bạc, ông giáo ạ. Chá biết nó gửi thế xong, vay trước được mấy đồng, mà đưa vé cho tôi ba đồng. Nó đưa cho tôi ba đồng và bảo: "Con hiểu thấy ba đồng để thành thường thấy ăn quà; xưa nay con ở nhà mãi cũng chẳng muối thấy được bao nào, thì con đi cũng chẳng phải lo; thấy bòn vườn đất với làm thuê làm mướn thêm cho người ta thế nào cũng đủ ăn; con đi chuyến này cố chí làm ăn, bao giờ có bạc trảm mồi về; không có tiền, sống khó sống sót ở cái làng này, nhục lắm". Tôi chỉ còn biết khóc chứ còn biết làm sao được nữa? Thế của nó, người ta giữ. Hình của nó, người ta chụp rồi. Nó lại đã lấy tiền của người ta. Nó là người của người ta rồi, chứ đâu có còn là con tôi..."

A. Thuyết minh.

B. Miêu tả.

C. Tư sự.

D. Biểu cảm.

8. Có phải đoạn văn sau đây thể hiện sự chăm chút yêu thương của lão Hạc đối với cậu Vàng như đối với một đứa con đứa cháu thơ bé?

"Lão gọi nó là cậu Vàng như một bà hiền hoi gọi đứa con cưng tự. Thành thường không có việc gì làm, lão lại bắt rắn cho nó hay đem nó ra ao tắm. Lão cho nó ăn cơm trong một cái bát như một nhà giàu. Lão ăn gì cũng chia cho nó cùng ăn. Những buổi tối, khi lão uồng ruột, thi nó ngồi ở dưới chân. Lão cứ nhảm vài miếng lát gấp cho nó một miếng như người ta gấp thức ăn cho con trẻ..."

A. Đúng.

B. Không đúng.

9. Đọc những câu sau, và cho biết đó là những kiểu câu gì?

"À không! À không! Không giết cậu Vàng đâu nhỉ!... Cậu Vàng của ông ngoại lâm! Ông không cho giết... Ông để cậu Vàng ông nuôi..."

A. Câu cầu khẩn.

B. Câu cảm thán.

C. Câu nghi vấn.

D. Câu trấn thuật.

10. Về già, lão Hạc còn gặp phải những khó khăn tai hoa nào nữa?

A. Một trận ốm kéo dài đúng hai tháng mười tám ngày.

B. Trận bão phá sạch sành sành hoa màu trong vườn.

C. Gạo cứ kém mài đi; lão Hạc và cậu Vàng ăn mỗi ngày hết ba bao gạo thế mà vẫn đòi deo đeo đất.

D. Tuổi già sức yếu không ai thuê làm nữa.

E. Gồm tất cả A, B, C, D.

11. Đây là hình ảnh lão Hạc sau khi bán cầu Vàng:

"Mặt lão dột nhiên co rúm lại. Những vết nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão ngoeo về một bên và cái miệng móm mém của lão mềm như con nit. Lão hu hu khóc...".

- Cho biết phương thức biểu đạt chủ yếu qua đoạn văn trên?

- | | |
|--------------|-----------------|
| A. Tự sự. | B. Miêu tả. |
| C. Biểu cảm. | D. Thuyết minh. |

12. Đọc thầm câu văn này và cho biết ý nghĩa của nó?

"Ông giáo nói phải! Kiếp con chó là kiếp khổ thì ta hoá kiếp cho nó để nó làm kiếp người, may ra có sung sướng hơn một chút... kiếp người như kiếp tôi chẳng hạn!...".

- | |
|---|
| A. Lão Hạc ân hận, xót thương cậu Vàng. |
| B. Lão Hạc tự thương mình. |
| C. Lão Hạc chua chát nghĩ về kiếp người đói khổ, đau khổ. |
| D. Gồm tất cả A, B, C. |

13. Sau khi gửi ông giáo "giữ hộ" ba sào vườn, gửi ông giáo ba mươi đồng bạc để phòng chép "gọi là của lão có tí chút", lão Hạc đã sống rất cực khổ:

"..Lão chỉ ăn khoai. Rồi thì khoai cũng hết. Bắt đầu từ đây, lão chế tạo được món gì, ăn món ấy. Hôm thì lão ăn củ chuối, hôm thì lão ăn sung luộc, hôm thì ăn rau má, với thỉnh thoảng một vài củ ráy hay bứa trai, bứa ốc".

Cho biết, tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ nào để gây ám ảnh?

- | | |
|-------------|--------------|
| A. Liệt kê. | B. Điện ngữ. |
| C. So sánh. | D. Ảnh dụ. |

14. Sự xuất hiện của nhân vật Bình Tư có tác dụng nêu bật đức tính gì của Lão Hạc?

- | |
|--|
| A. "Lão chỉ tâm ngầm thế, nhưng cũng ra phết chứ chả vừa đâu" - Lời của Bình Tư. |
| B. Lão Hạc sống thật thà, lương thiện. |
| C. Lão Hạc rất hiền lành. |
| D. Lão Hạc giàu lòng tự trọng. |

15. Có người nói: "Cái chết của lão Hạc là một cái chết đau đớn và vô cùng thương tâm!". Ý em thế nào?

- | | |
|----------------|----------|
| A. Không đúng. | B. Đúng. |
|----------------|----------|

16. Đoạn văn sau đây được tác giả sử dụng phương thức biểu đạt chủ yếu nào?

"Lão Hạc đang vật vã ở trên giường, đầu tóc rũ rượi, quần áo xộc xệch, hai mắt long sòng sọc. Lão tru tréo, hụt mép sùi ra, khắp người chốc chốc bị giật mạnh một cái, nảy lên. Lão vật vã đến hai giờ đồng hồ rồi mới chết".

- | | |
|-------------|-----------------|
| A. Tự sự. | B. Biểu cảm. |
| C. Miêu tả. | D. Thuyết minh. |

17. Đọc đoạn văn sau, rồi chọn đáp án đúng:

"Nhưng nói ra làm gì nữa! Lão Hạc ơi! Lão hãy yên lòng mà nằm nốt! Lão đừng lo gì cho cái vutton của lão. Tôi sẽ cố giữ gìn cho lão. Đến khi con trai lão về,

tôi sẽ trao lại cho hắn và bảo hắn: "Đây là cái vĩnh mà ông em thân sinh ra anh đã có để lại cho anh trọn vẹn, em thà hết chí không chịu bán đi một sào" ...".

- A. Tình thương xót của ông giáo đối với lão Hạc.
- B. Nhân cách trong sạch cao đẹp của ông giáo.
- C. Ca ngợi tình thương con và đức hi sinh cao quý của lão Hạc.
- D. Gồm tất cả A, B, C.

18. Nhân vật lão Hạc, một lão nông nghèo khổ, cơ đơn, già nua, ốm đau, nhưng có bao phẩm chất tốt đẹp. Đó là những phẩm chất gì?

- A. Cân cù, hiền lành, chất phác.
- B. Giàu tình thương con.
- C. Nghèo mà trong sạch, tư trong.
- D. Thương yêu loài vật.
- E. Gồm tất cả A, B, C, D.

19. Ý nào nói lên đúng nhất nội dung và ý nghĩa truyện "Lão Hạc".

- A. Số phận đau thương của người nông dân trước Cách mạng.
- B. Phẩm chất tốt đẹp của người nông dân.
- C. Cái dối và miếng ăn giày vò kiếp người đời khổ.
- D. Có tất cả A, B, C.

20. Các ví dụ sau đây, những từ in đậm có phải là những từ tượng hình?

"Đốc lên khúc khuỷu, đốc thăm thảm,
Heo hút cồn mây, súng ngủi trời".
(Tây Tiến - Quang Dũng)
"Thần gãy guộc, lá mong manh,
Mà sao nên luỹ, nên thành tre oí!"
(Tre Việt Nam - Nguyễn Duy)
"Những luồng run rẩy rung rinh lá,
Đồi nhánh khô gãy xương mồng manh".
(Đây mùa thu tối - Xuân Diệu)

- A. Đúng.
- B. Sai.

21. Cho biết các từ in đậm trong các câu thơ sau là từ tượng thanh hay tượng hình?

"Quyên đã gọi hè quang quác quác,
Gà tiếng gáy sáng té té te".
(Chim chich choè - Nguyễn Khuyến)
"Sốt soạt gió trên tà áo بيếc,
Trên giàn thiên li. Bóng xuân sang".
(Mùa xuân chin - Hàn Mặc Tử)
"Trong hoa oanh riu rít nhau,
Nước tuôn róc rách chảy man xuống ghềnh".
(Tì bà hành - Bạch Cư Dị)

- A. Từ tượng hình.
- B. Từ tượng thanh.

22. Có mấy cách liên kết đoạn văn? - Có hai cách liên kết đoạn văn. Một là, dùng từ ngữ để liên kết đoạn văn. Hai là, dùng câu nối để liên kết đoạn văn.

A. Đúng.

B. Sai.

23. Đọc đoạn văn sau, và cho biết những từ ngữ nào đã được sử dụng để liên kết đoạn văn?

“Làng Trường Lưu thuộc huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Trường Lưu cách Đồng Lộc độ 9km.

Là quê hương Thám hoa Nguyễn Huy Oanh (1713 - 1789). Ông là Thượng thư bộ Công, từng làm Tể túu Quốc Tử Giám, là thày học của chùa Trịnh Sâm và vua Lê Dục Tông.

Sau khi về hưu, ông mở trường dạy học, đào tạo được hàng trăm tú tài, cử nhân, 30 tiến sĩ, trong số đó có Phạm Nguyễn Du, Phạm Quý Thích,... Thạc Định học hiệu là trung tâm giáo dục lớn do Nguyễn Huy Oanh sáng lập ra, tiếng thơm lan truyền bốn cõi”.

- Chỗ in đậm có đúng là từ ngữ để liên kết đoạn văn không?

A. Sai.

B. Đúng.

24. Câu văn in đậm trong văn bản sau có phải là câu nối để liên kết đoạn văn không?

“Học thơ ca dân gian và thơ cổ điển cho riêng chainer thơ, thà biết rất sâu rất thạo rồi sau đó không dùng theo, vì mình thấy cái lối mới của mình hay hơn nhiều, không theo một cách tự giác, chứ không phải vì chưa hiểu biết.

Trở lại với văn thơ dân gian. Trong bài “Biển” (1961), tôi đã dùng nhiều văn theo lối hát dãy Nghệ Tĩnh:

“Bờ đẹp đẽ cát vàng

Thoai thoai hàng thông dường

Như lặng lẽ mơ màng

Suốt ngàn năm bên sóng”...

(Xuân Diệu)”

A. Đúng.

B. Chưa đúng.

25. Phân tích nhân vật lão Hạc trong truyện ngắn cùng tên của Nam Cao.

Bài làm

Viết về đề tài nông dân trước cách mạng, “Lão Hạc” là một truyện ngắn đặc sắc của nhà văn Nam Cao. Một truyện ngắn chứa chan tình người, lay động bao nỗi xót thương khi tác giả kể về cuộc đời cô đơn bất hạnh và cái chết đau đớn của một lão nông nghèo khổ. Nhân vật lão Hạc đã để lại trong lòng ta bao ám ảnh khi nghĩ về số phận con người, số phận người nông dân Việt Nam trong xã hội cũ.

1. **Lão Hạc, một con người nghèo khổ, bất hạnh.** Ba sào vườn, một túp lều, một con chó vàng... đó là tài sản, vốn liếng của lão. Vợ chét đã lâu, cảnh gà trống nuôi con, lão lắn hối làm thuê kiếm sống. Đầu con trai độc nhất không ố trán bạc để cưới vợ, cảm thấy “nhục hổ” đã “phản chí” đi phu đón điền cao su Nam Kỳ, biến biệt 5, 6 năm chưa về. Tuổi già, sống cô quạnh, nỗi bất hạnh ngày thêm chồng chất. Lão Hạc chỉ còn biết làm bạn với con chó vàng. Lão bị ốm một trận kéo dài 2

áng 18 ngày. Không một người thân bên cạnh đỡ đần, san sóc cho một bát cháo, iệt chén thuốc! Tình cảnh ấy thật đáng thương! Tiếp theo một trận bão to, cây trái oa màu trong vườn bị phá sạch sành sành. Lòng mất nghe sợi. Đàn bà con gái ông làng đi làm thuê rất nhiều, giành hết mọi việc. Sau trận ốm, lão Hạc yếu hàn i, chẳng ai thuê lão đi làm nữa. Thái nghiệp! Già gao mỏi ngày mót cao. Lão và ậu Vàng, mỗi ngày ăn hết ba hào mà vẫn “đói deo đói dát”. Bao nhiêu tiền bán oa lợi trong vườn dành dụm được bày lâu nay, lão đã chi tiêu gần hết trong trận m!

“Nhưng đời người ta không chỉ khổ một lần (...). Lão Hạc ơi! Ta có quyền iữ cho ta một tí gì đâu?”. Nhân vật ông giáo đã nghĩ như thế khi nghe lão Hạc nói è ý định phải bán con chó. Câu Vàng “ăn khỏe”, mỗi ngày câu ấy ăn “bó rể cũng iết hào rượu, hai hào”. Lão Hạc rất yêu câu Vàng, nhưng “lấy tiền đâu mà nuôi ược?” Lão Hạc phải bán cậu Vàng cho tháng Xiên, tháng Mục... Bán cậu Vàng ọng, lão Hạc bị đẩy sâu xuống đáy vực bi thảm. Lão cảm thấy mình là một kẻ “tệ im”, đã già mà còn “đánh lừa một con chó!”. Đói khổ, túng bấn, cô đơn... ngày iết thêm nặng nề... lão Hạc chỉ ăn khoai, ăn cù chuối, ăn sung luộc, ăn rau má, tinh thoảng một vài cù ráy, hay bữa trai bữa ốc. Lão từ chối mọi sự giúp đỡ của ng giáo “gán như là hách dịch”. Lão xa ông giáo dân, chó dựa tinh thần của lão ấy lâu nay. Lão Hạc đã ăn bả chó để tự tử. Lão chết đau đớn thê thảm: đau tóc rụi rợi, mắt long sòng sọc, tru tréo, bọt mép sùi ra... vật vã đến hai giờ đồng hồ rồi mới chết! Cái chết thật là dữ dội!

Số phận một con người, một kiếp người như lão Hạc thật đáng thương. Với hủ nghĩa nhân đạo thống thiết, Nam Cao đã nói lên bao tình thương xót đối với hững con người đau khổ, bế tắc phải tìm đến cái chết thê thảm. Chí Phèo tự sát bằng mũi dao, Lang Rận thất cổ chết... Và lão Hạc đã quyên sinh bằng cái bả chó! lão Hạc đã từng hỏi ông giáo: “...nếu kiếp người cũng khổ nốt thì ta nên làm kiếp i cho thật sướng?”. Câu hỏi ấy đã thể hiện nỗi đau khổ tột cùng của một kiếp gười.

2. *Lão Hạc, một con người chát phác, hiền lành, nhân hậu. Lão rất yêu con, iết con buồn vì không có tiền để cưới vợ “lão thương con lắm...”. Lão đau đớn khi on sắp đi làm phu đồn diễn cao su. Lão chỉ biết khóc: “Thé của nó, người ta giữ tình của nó, người ta đã chụp roi (...). Nó là người của người ta rồi, chứ đâu còn i con tôi?”. “Cao su đi để khô về” (Ca dao). Con trai lão Hạc đã đi “bắn bắt” năm, áu năm chưa về. Hoa lợi trong vườn, bán được bao nhiêu lão dành dụm cho con, hi ong khi con trở về “có chút vốn mà làm ăn”. Lão tự bảo: “Mảnh vườn là của con i... Của mẹ nó tâu thi nó hương...”. Đói khổ quá, nhưng lão Hạc đã giữ trọn vẹn ba ào vườn cho con. Lão đã tìm đến cái chết, “thà chết chứ không chịu bán đi một áo”. Tất cả vì con, một sự hi sinh thâm lâng cực kì to lớn!*

Lòng nhân hậu của lão Hạc được thể hiện sâu sắc đối với con chó vàng mà gười con trai dể lại. Lão quý nó, đặt tên nó là “cậu Vàng”. Cho nó ăn cơm trong át sứ như nhà giàu. Bắt rận hoặc đem nó ra câu ao tám. Lão ăn gì cũng chia cho ậu Vàng cùng ăn. Lão ngồi uống rượu, cậu Vàng ngồi dưới chân, lão nhâm một

miếng lại gấp cho nó một miếng như người ta gấp thức ăn cho con trè. Lão tâm sự với cậu Vàng như tâm sự với một người thân yêu ruột rà: “*Cậu Vàng của ông ngoại lầm! Ông không cho giết... Ông để cậu Vàng ông nuôi...*”. Có thể nói, cậu Vàng được lão Hạc chăm sóc, nuôi nấng như con, như cháu; nó là nguồn vui, chỗ dự tinh thần, nơi san sẻ tình thương, giúp lão Hạc với đi ít nhiều nỗi buồn cô đơn, cay đắng. Cậu Vàng là một phần cuộc đời lão Hạc. Nó đã tỏa sáng tinh hồn và làm ánh lên bản tính tốt đẹp của ông lão nông đau khổ, bất hạnh này. Vì thế, sau khi bái cậu Vàng đi, từ tùng quẫn, lão Hạc chìm xuống đáy bể bi kịch, dẫn đến cái chết vì cùng thảm thương.

3. Lão Hạc là một nông dân nghèo khổ mà trong sạch, giàu lòng tự trọng
Trong đói khổ cùng cực phải ăn cù chuối, cù ráy..., ông giáo mời lão ăn khoai, uống nước chè, lão cười hồn hậu và khát “*ông giáo cho để khi khát*”. Ông giáo ngâm ngầm giúp đỡ, lão từ chối “*một cách gần như hách dịch*”. Bất đắc dĩ phải bán con chó; bán xong rồi, lão đau đớn, lương tâm dần vặt: “*Thì ra tôi già bằng này tuột dau rồi còn đánh lửa một con chó*”. Ba sào vườn gửi lại nguyên vẹn cho con trai như một lời nguyên định ninh: “*Cái vườn là của con ta (...). Của mẹ nó tậu thi me hương*”. Trước khi chết, lão gửi lại ông giáo mảnh vườn cho con, và gửi lại 30 đồng bạc để “*tỡ có chết... gọi là của lão có tí chút...*”, vì lão không muốn làm phiền dè hàng xóm. Nam Cao đã tinh tế đưa nhân vật Bình Tư, một kẻ “*làm nghề ăn trộm*” ở phần cuối truyện, tạo nên một sự đối sánh đặc sắc, làm nổi bật tinh thần trong sạch tự trọng của lão Hạc, một lão nông chân quê đáng trọng.

Tóm lại, cuộc đời của lão Hạc đầy nước mắt, nhiều đau khổ và bất hạnh. Sống thì âm thầm, nghèo đói, cô đơn; chết thì quần quại, đau đớn. Tuy thế, lão Hạc lại có bao phẩm chất tốt đẹp như hiền lành, chất phác, vị tha, nhân hậu, trong sạch và tự trọng... Lão Hạc là một điển hình về người nông dân Việt Nam trong xã hội cũ được Nam Cao miêu tả chân thực, với bao trân trọng xót thương, thấm đượm một tinh thần nhân đạo thống thiết.

26. Phân tích nhân vật ông giáo trong truyện “Lão Hạc” của Nam Cao.

Bài làm

Đọc truyện “*Lão Hạc*”, ta bắt gặp bao con người, bao số phận, bao mảnh đời đáng thương, bao tinh thần đáng trọng: Lão Hạc và cậu con trai “*phản chí*” đi phu đón diễn cao su, ông giáo và người vợ, Bình Tư và thằng Mục, thằng Xiên,... Giữa bóng tối cuộc đời cùng quẫn sau xóm làng quê bùn đọng, ta vẫn tìm thấy ít nhiều ánh sáng tinh hồn nhân hậu, chia chan tình thương yêu. Bên cạnh nhân vật lão Hạc là ông giáo, một nhân vật để lại bao ấn tượng đối với mỗi chúng ta về người trí thức nghèo trong xã hội cũ.

Không rõ họ tên là gì. Hai tiếng “*ông giáo*” đã khẳng định vị thế của một con người giữa làng quê trước năm 1945 “*nhiều chữ nghĩa, nhiều lí luận, người ta kiêng nể*”. Hai tiếng “*ông giáo*” từ miệng lão Hạc nói ra, lúc nào cũng tươm về thân tình, cung kính, trọng vọng: “*Cậu Vàng đi đời rồi ông giáo ơi!*”, “*Vàng, ông giáo dạy phải! Đời với chúng mình thì thế là sung sướng*”..., “*Tôi vẫn rơm, vẫn cố tôi lay ông giáo!*”...

Hãy di ngược thời gian, tìm về thời trai trẻ của ông giáo. Là một con người châm chi, ham mê, sống vì một lí tưởng đẹp với bao mộng tưởng. Ông đã từng lặn lội vào tận Sài Gòn, “hòn ngọc Viễn Đông” thời ấy, để làm ăn, để học tập, để gầy dựng sự nghiệp. Cái va-li “đang toàm những sách” được người thanh niên ấy rất “nâng niu”; cái kỉ niệm “dùi những say mê đẹp và cao vút” ấy, hơn sáu chục năm sau còn làm cho ta xúc động và quý trọng một nhân cách đẹp.

Con người “nhiều chí nghĩa” ấy lại nghèo. Sau một trận ốm nặng ở Sài Gòn, quần áo bán gần hết, vé que chỉ có một va-li sách. Nếu lão Hạc quý cát Vàng bao nhiêu thì ông giáo lại quý những quyển sách của mình bấy nhiêu. Bởi lẽ những quyển sách ấy đã làm bừng lên trong lòng ông “như một rạng đông” thời trai trẻ, làm cho cuộc đời thêm sắc màu ý vị, sống say mê, “trong trẻo, biết yêu và biết ghét”.

Cái nghèo vẫn deo đẳng ông giáo mãi, “ông giáo khổ trường tư”. Vận hạn xảy ra luôn luôn như ông nghĩ: “Đời người ta không chỉ khổ một lần”. Sách cứ bán dần đi. Chỉ còn giữ lại 5 quyển sách với lời nguyện: “... dù có phải chết cũng không bán”. Như một kẻ còng dường phai bán máu. Địa con thơ bị chứng kiết lì gân kiết súc, ông giáo đã phải bán nốt đi 5 cuốn sách cuối cùng, cái giá tài quý giá nhất của người tri thức nghèo. “Lão Hạc o! Ta có quyền giữ cho ta một tí gì đâu”, lời than hụt hót lên nghe thật nỗi nuột, đã thể hiện một nhân cách đẹp trước sự khốn cùng: biết sống, và dám hi sinh vì cuộc sống!

Ông giáo là một trí thức có trái tim nhân hậu rất đáng quý. Ông là chỗ dựa tinh thần, là niềm an ủi, tin cậy của lão Hạc. Ông giáo là nơi để lão Hạc san sẻ bao nỗi đau, nỗi buồn. Nhờ đọc hộ một lá thư, nhờ viết hộ một lá thư cho đứa con trai đi phu đồn điền. Tâm sự về mảnh vườn và chuyện đứa con trai “phản chí” không lấy được vợ. San sẻ về nỗi đau buồn sau khi bán cát Vàng cho thằng Mục, thằng Xiên... Có lúc là một đĩa thuốc lào, một bát nước chè xanh, một củ khoai lang... “Lúc tắt lửa tôi đèn có nhau”. Ông giáo đã đóng cảm, đã thương xót, đã san sẻ với lão Hạc với tất cả tình người. Ai đã từng là độc giả của Nam Cao, chắc sẽ không bao giờ quên mẫu đối thoại này:

“Tôi bùi ngùi nhìn lão, bảo:

Kiếp ai cũng thế thôi, vu a! Cú tương tôi sung sướng hơn chăng?

Thế thi không biết nếu kiếp người cũng khổ nốt thì ta nên làm kiếp gì cho hặt sướng?

Lão cười và ho sὸng sὸc. Tôi nắm lấy cái vai gáy của lão, ôn tồn bảo:

Chẳng kiếp gì sung sướng thật, nhưng có cái này là sung sướng: bây giờ em ngồi xuống phản này chờ, tôi đi luộc mấy củ khoai lang, nấu một ấm chè tươi thật đặc; ông con mình ăn khoai, uống nước chè, rồi hút thuốc lào... Thế là sướng.

Vâng! Ông giáo dạy phải! Đối với chúng mình thì thế là sung sướng.”...

Ông giáo đã thương lão Hạc “như thế thương thân”. Không chỉ an ủi, động viên, mà ông còn tìm mọi cách để “ngầm ngầm giúp” khi biết lão Hạc đã nhiều ngày ăn rau, ăn khoai, ăn củ ráy... Trong lúc đần con của ông giáo cũng đang đói; cái nghĩa cử “lá lành đùm lá rách” ấy mới cao đẹp biết bao!

Ông giáo nghèo mà đức độ lâm. Trước khi ăn bà chó, lão Hạc đã gửi ông giáo 30 đồng để phòng khi chết “*gọi là của lão có tí chút...*”, gửi lại ông giáo sào vườn cho đứa con trai... Tình tiết ấy nói lên lão Hạc rất tin ông giáo. Ông giáo là người để lão Hạc “*chọn một gửi vàng*”. Giữa cái xã hội đen bạc thời một bà cô dành cho đứa cháu nội bát nước cháo đã vữa ra như một sự bổ (*Những ngày thơ ấu*), vợ tên địa chủ bắt bí, bóp nặn người đàn bà khốn cùng mua rẻ đứa con gái lên bảy tuổi và ổ chó (*Tắt đèn*), một tên phụ mẫu ăn đồng hào của chị nhà quê (*Đồng hào có ma*)..., ta mới thấy niềm tin, sự kính trọng của kẻ khốn cùng đối với ông giáo thật là thánh thiện.

Trước cái chết “*dứt đời*” của lão Hạc, cái chết “*đau đớn và bất thỉnh linh*”, có ông giáo và Bình Tư hiếu... Ông giáo khẽ cất lời than trước vong linh người I giêng hiền lành tội nghiệp. Trong giọt lệ là những lời hứa của một nhân cách đẹp, đáng trọng: “*Lão Hạc ơi! Lão Hạc ơi! Lão hãy yên lòng mà nhắm mắt! đừng lo gì cho cái vườn của lão. Tôi sẽ cố giữ gìn cho lão. Đến khi con trai lão tôi sẽ trao lại cho hắn và bảo hắn: Đây là cái vườn mà ông cụ thân sinh ra anh cố để lại cho anh trọn vẹn; cụ thà chết chứ không chịu bán đi một sào...*”.

Cùng với ông giáo Thủ trong “*Sóng mòn*”, Điền trong “*Trăng sáng*”, nhân “*tôi*” trong “*Mua nhà*”, hình ảnh ông giáo trong truyện “*Lão Hạc*” đã kết tinh tâm và cái tài của Nam Cao trong nghệ thuật xây dựng nhân vật - nhà văn nghệ ông giáo khổ trường tư - trong xã hội thực dân nửa phong kiến. Đó là những người nghèo mà trong sạch, hâm hở và nhiệt tâm từng ôm ấp bao梦 mộng đẹp, sự nhân hậu, vị tha. Có người đã cho rằng, ông giáo là một nhân vật tự truyện, mà dáng dấp hình bóng Nam Cao. Ý kiến ấy rất lí thú.

Trong truyện “*Lão Hạc*”, ông giáo vừa là nhân vật, vừa là người dẫn chuyện. Không phải là nhân vật trung tâm, nhưng sự hiện diện của ông giáo đã làm cho “*Bức tranh quê*” ngày xa xưa ấy thêm sáng tỏ. Nhân vật ông giáo là chiếc gương sáng cuộc đời và tâm hồn lão Hạc, đã góp phần tô đậm giá trị nhân đạo của truyện ngắn đặc sắc này.

Đáp án đề 5 + 6

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Trả lời	A	C	B	D	E	D	C	A	B	E	B	D

Câu	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
Trả lời	A	B	B	C	D	E	D	A	B	A	B	A

ĐỀ 7

- * Từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội.
- * Tóm tắt van báu tư sự.
- * Luyện tập tóm tắt van báu tư sự.

1. Chọn ý đúng:

- A. Từ ngữ địa phương là từ ngữ chỉ được dùng ở Nghệ Tĩnh.
- B. Từ ngữ địa phương là từ ngữ chỉ được dùng ở Miền Nam.
- C. Từ ngữ địa phương là từ ngữ chỉ dùng ở vùng sâu vùng xa.
- D. Từ ngữ địa phương là từ ngữ chỉ được sử dụng ở một số vùng, một số địa phương nhất định.

2. Các từ in đậm trong bài ca dao sau đây là từ ngữ địa phương (thuộc vùng nào) trên đất nước ta?

"Đừng bên nì đóng ngô bên té đóng
mênh mông bát ngát,
Đóng bên té đóng ngô bên nì đóng
cũng bát ngát mênh mông.
Thần em như chén lúa đồng đồng,
Phát phơ dơi i ngon nắng hóng ban mai".

- A. Vùng đồng bằng Bắc Bộ. B. Vùng Nghệ Tĩnh.
- C. Vùng Nam Trung Bộ. D. Vùng đồng bằng Nam Bộ.

3. Chữ "dâu" và chữ "tróc" trong hai câu sau, chữ nào là tiếng địa phương?

- Ăn trên ngồi tróc.
- Được dàn chàm lại làm dàn dâu.

- A. Tróc. B. Dâu

4. Trong các từ: lợn, heo, hơi, in từ nào là từ phổ thông?

- A. Nuôi lợn ăn cám nấm, nuôi lợn ăn cám d่าง.
- B. Bún bò giò heo
- C. Nồi töac mông heo
- D. Người tuổi hơi tinh nết hiền lành.
- E. Giống in cho nên dân.

5. Trong các từ: chó, khuyến, cây, cẩn, từ nào là từ phổ thông?

- A. "Đi xem lợn về ra vào,
Muộn đường chú khuyến chui rào xáu ghé!"
Ca dao
- B. "Cũng loài cẩu trẻ (lợn) tanh hối,
Cũng phương bàn mồi buôn nồi hại dân"
Ca dao
- C. "Chó cây gán nhà, gà cây gán chuồng".
Ca dao

- D. "Quân ta khí mạnh vượt ngục dân,
Thé diệt xâm lăng lũ sói cây".

Hồ Chí Minh

6. Chọn định nghĩa đúng về biệt ngữ xã hội:

- A. Biệt ngữ xã hội là tiếng lóng.
B. Biệt ngữ xã hội là tiếng dùng trong các phường hội, làng nghề.
C. Biệt ngữ xã hội là loại từ ngữ chỉ được dùng trong một tầng lớp xã hội nhất định nào đó.
D. Biệt ngữ xã hội là tiếng ám chỉ của một số ít người dùng.

7. Trong đoạn thơ sau, từ in đậm có phải là từ địa phương không?

"Ngày hôm nay, ồn ào, trên bến đỗ,
Khắp dân làng tấp nập đón ghe về.
Nhờ ơn trời, biển lặng, cá dày ghe.
Những con cá tươi ngon, thon bạc trắng".

("Quê hương" - Tố Hạnh)

A. Đúng

B. Sai

8. Có thể thay thế từ "bay chừ" trong đoạn thơ sau bằng từ nào?

"Bay chừ sông nước về ta,
Di khơi di lòng thuyền ra thuyền vào.
Bay chừ biển rộng trời cao.
Cá tôm cung sương, lòng nào chẳng xuân!".

("Mẹ Suốt" - Tố Hữu)

A. Bao giờ

B. Hôm qua

C. Bay giờ

D. Ngày nay

9. Giải nghĩa các từ địa phương trong những ví dụ sau:

- Giàn bán ló, khó bán con.
(Tục ngữ)

- Xén chuóm, tốt cá, em ơi.
Tốt chuóm mà nó có nơi cá nằm.
(Ca dao)

- Ghe báu cập bến chàng ơi,
Mưa mau, gió nổi, tối trời vắng sao!
(Ca dao)

A. Ló: lúa (tiếng Nghệ Tĩnh).

B. Chuóm: ao (tiếng miền trung).

C. Nò có: không có, chẳng có (tiếng miền trung).

D. Ghe báu: thuyền độc mộc (tiếng miền Nam).

E. Tất cả A, B, C, D đều đúng.

F. Tất cả A, B, C, D đều sai.

10. Tóm tắt nghĩa từ địa phương trong đoạn thơ sau:

"Chúng tôi đi
Nắng mưa xôn xao bùi bùi.
Tháng năm bùm cung thon xinh
Nghé lát lát dẻo
Nâm trên đồi nắng
Kì hoa lung nhau ngang bờ cát trắng
Què chan tím hoa ám đêm mưa.
Đang nở và **luu?**
Đang nở
- Tôi còn chờ **Đèn** lập!
Cá bơi cuối vang bên ruộng **bắp**.
Nhìn a theo nứa mồi nương dâu"...

("Nhớ" - Hồng Nguyên)

A. Đang nở: đang áy

B. Bắp: ngô.

C, O: có

D. Tất cả A, B, C đều đúng.

E. Tất cả A, B, C đều sai.

II. Tóm tắt tác phẩm "Tắt đèn" của Ngô Tất Tố.

Bài làm

Câu chuyện trong "Tắt đèn" diễn ra trong một vụ nộp thuế ở một làng quê - làng Đông Xá dưới thời Pháp thuộc. Công lang bị đóng chặt. Bọn hào lí và lũ tay sai với roi song, dây thừng, tay thước, nghênh ngang đi lại ngoài đường thết trói kẻ thiêu sin. Tiếng trống ngũ liên, tiếng tù và nổi lên suốt đêm ngày.

Sau 2 cái tang liên tiếp (tang mẹ chồng và tang chú Hợi), gia đình chị Dậu tuy vợ chồng "đau tật mệt mỏi" quanh năm mà vẫn "võm không đủ ăn, áo không đủ mặc", diễn nay đã "lèn đèn hắc nhĩ, hắc nhát trong hang cung đình". Anh Dậu lại bị trận ốm kéo dài mấy tháng trời... Không có tiền nộp thuế, anh Dậu đã bị bọn cường hào "bắt trói như trói chó để giết thịt". Chị Dậu tắt ta ngược xuôi chạy vạy, phái dùt ruột bún đưa con gái đầu lòng và ô chó cho vợ chồng Nghị Quê để trang trải "món nợ Nhà nước". Lí trưởng làng Đông Xá bắt anh Dậu phải nộp suất thuế cho chú Hợi đã chết từ năm ngoái vì "chết cũng không trốn được nợ Nhà nước". Bị ốm, bị trói, bị đánh... anh Dậu bị ngất đi, rã như xác chết, được khiêng trả về nhà. Sáng sớm hôm sau, khi anh Dậu còn "ôm rể rể" đang nghén cổ húp cháo thì tay chân bọn hào lí lại ập đến. Chúng lồng lén chui máng, bich vào ngực và tát đánh bóp vào mặt chị Dậu. Chị Dậu van lạy chúng tha trói chồng mình. Nhưng tên cai lệ đã gầm lên, rọi nhay thước vào trán anh Dậu khi anh Dậu đã lăn ra chết ngất. Chị Dậu nghiên hai hàm răng thách thức, rồi xông vào đánh ngã nhào tên cai lệ và tên hau cận lí trưởng, những kẻ đã "hút nhiều vải cũ".

Chị Dậu bị bắt giải lên huyện. Trí phủ Tư Ân thấy Thị Đào có nước da đen đòn, đôi mắt sặc sỡ giờ bị ố. Chị Dậu đã "ném tof" cả nắm giấy bạc vào mặt con quay đậm ố, roi vung chạy... "Món nợ nhà nước" vẫn còn đó, chị Dậu phải lên

tinh di ở vú. Một đêm tối trời, cù cổ thương đã ngoài 80 tuổi mò vào buồng cù Dậu. Chị Dậu vùng chạy thoát ra ngoài, trong khi "trời tối đen như mực"...

12. *Tóm tắt truyện "Lão Hạc" của Nam Cao.*

Bài làm

Vợ lão Hạc chết. Lão Hạc và cậu con trai sống trên mảnh vườn ba sào. Nhịn nghèo, không có tiền cưới vợ, anh con trai phản chí đi làm phu đón điện. Ngày ra đón anh biếu bố 3 đồng bạc để ăn quà; lão khóc. Từ đó, lão Hạc sống thuần thục một mình trong túp lều nơi xó vườn. Lão làm thuê để nuôi thân. Chỉ có con chó ở bên cạnh lão gọi là "cậu Vàng", lão quý nó như người đàn bà hiếm hoi quý đưa con cái tư.

Hết hạn một công-ta 3 năm, anh con trai vẫn chưa về. Gần 4 năm vẫn chưa về. Lão âm thầm đợi chờ và chỉ biết tâm sự với cậu Vàng. Tiền bán hoa lợi trong vườn được đóng nào lão dành dụm lại đóng ấy. Vợ lão thất lụng buộc bụng, tát mảnh vườn 50 đồng; lão nói với ông giáo "Của mẹ nó tám thì nó hưởng"...

Một trận ốm kéo dài 2 tháng 18 ngày, lão yếu đi ghé lâm. Làng mệt vé số lão Hạc không có việc làm. Rồi lại bão, hoa màu trong vườn bị phá sạch sành sanh. Gạo mỗi ngày một kém. Mỗi ngày lão và cậu Vàng ăn hết ba hào gạo mà vẫn đeo đói đất. Lão Hạc phải bán con chó được 5 đồng cho thằng Xiên thằng Mục già thịt. Sau khi bán chó, lão khóc.

Lão Hạc tâm sự với ông giáo về kiếp người khổ sở của mình; lão nhờ ông giáo giữ hộ mảnh vườn cho cậu con trai, gửi ông giáo 30 đồng bạc để phòng khi lão chết "goi là của lão có tí chút, còn baos nhiêu dành nhờ hàng xóm cũ...". Từ đó, lão Hạc ăn khoai, ăn cù ráy, cù chuối, sung luộc,... chế tạo được món gì ăn món ấy.

Lão Hạc xin Bình Tư cái bá chó... Cái chết của lão Hạc thật dữ dội, hai má long lên sòng sọc, bọt mép sùi ra,... vật vã đến 2 giờ đồng hồ rồi mới chết. Chỉ có ông giáo và Bình Tư mới hiểu được cái chết đau đớn và bất thình lình của lão Hạc. Ông giáo nhìn thi thể lão Hạc rồi khẽ hứa giữ gìn mảnh vườn cho lão và sẽ trao lại trọng vụn cho anh con trai lão khi hắn trở về.

Đáp án đề 7

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Trả lời	D	B	A	A	C	C	A	C	E	D

ĐỀ 8

- * Cò bé bán diêm.
- * Trợ tử, thán tử.
- * Miêu tả và biểu cảm trong văn tự sự.

1. An-déc-xen là nhà văn của nước nào?

- | | |
|--------------|---------------|
| A. Thụy Sĩ. | B. Thụy Điển. |
| C. Đan Mạch. | D. Pháp. |

2. An-dec-xen nổi tiếng với loại truyện viết cho đọc giả nào?

3. Truyện của An-dec-xen mang màu sắc thế nào?

- A. Giàu yếu tố tưởng tượng.
 - B. Mang màu sắc thần kì như cổ tích.
 - C. Tuyễn dàn xen giữa hiện thực và mộng tưởng.
 - D. Gồm tất cả A, B, C.

4. Đoạn trích "Cô bé bán diêm" kể về chuyện gì?

- Kể về chuyện một em bé mồ côi mẹ, nghèo khổ ở với người cha cay nghiệt. Trong đêm giao thừa, chân trần dò dẫm trên tuyết, bụng đói, lán mò đi bán diêm. Rét quá, em lán lượt dött hết một bao diêm để sưởi. Ánh sáng que diêm đã đem đến cho em nhiều mong tưởng đẹp: được sưởi ấm, được ăn ngồng quay, được nhìn cây Nô-en, được gặp lại bà. Trước khi nằm chết trên tuyết, trong ánh lửa que diêm cuối cùng, em thấy bà cầm tay bay lên chầu Thương de.

- A. Ding B. Saj

5. Hiện thực trong truyện "Cô bé bán diêm" là gì?

- A. Nhà nghèo, mèo mát, ở với bố-cay nghiêm. Nơi ở là một xó tối tăm lạnh lẽo, "luôn luôn nghe những lời mắng nhiếc chửi rủa".
 - B. Bụng đói chân trần, đi trên tuyết để bán diêm trong đêm giao thừa. Không bán được bao diêm nào, không được ai bố thí cho một xu.
 - C. Lạnh quá, đói quá vẫn không dám về nhà. Về nhà vẫn rét và thế nào cũng bị cha mắng.
 - D. Em đã chết vì giá rét trong đêm giao thừa.
 - E. Có tất cả A, B, C, D.

6. Em bé quét que diêm thứ nhất, em bé tướng chưng ngồi trước một lò sưởi. Chọn ý đúng nói lên mong tướng đó?

- A. Em mơ về một mái ấm gia đình.
B. Đang trải qua lạnh giá rét mướt, em mơ được sưởi ấm.
C. Em mơ ngọt lùa và hơi ấm lò sưởi xua tan cảnh tăm tối, lạnh lẽo của đời mình.
D. Em nhớ tới ngọt lùa ấm mà bà nhen nhóm nâm xưa.

7. Những hình ảnh nào gợi ý mong đợi?

- A. "Ngọn lửa lấp lánh xanh lam, dần dần biến đi, trổng ra, rực hồng lên quanh que gỗ, sáng chói trong đèn vui mắt".
B. "Em tưởng chừng như đang ngồi trước một lò sưởi bằng sắt... lửa cháy nom đèn vui mèo, và tỏa ra hơi nóng dù đang".
C. "Khi tuyết phủ kín mặt đất, gió bắc thổi vụn vùn mà được ngồi hàng giờ như thế, trong đêm đông rét buốt, trước một lò sưởi thi khoái biết bao!".
D. Gồm B và C

8. Tác giả đã dùng biện pháp tu từ gì trong câu văn khi nói về mong tương em bé, khi đánh que diêm thứ hai?

"Bàn ăn đã dọn, khăn trải bàn trắng tinh, trên bàn toàn bát đĩa băng sứ qì giả, và có cả một cỗn ngỗng quay. Nhưng điều kí diệu nhất là ngỗng ta nhảy i khỏi đĩa và mang cả dao ẩn, phuộc sét cầm trên lưng, tiến về phía em bé".

- A. So sánh. B. Ảnh dụ. C. Nhận hoá. D. Hoán dụ.

9. Mong tương em bé về cây thông No-en sau khi em quết que diem thứ ba. Những từ i đậm trong câu sau là từ loại gì?

"Hàng ngàn ngọn nến sáng rực, lấp lánh trên vành lá xanh tươi và rất nhiê bức tranh màu sắc rực rõ như những bức bích họa trong các tủ hàng hiện ra trước m em bé".

- A. Danh từ. B. Tính từ. C. Động từ. D. Trạng từ.

10. Em bé đánh que diem thứ tư, em bé "nhìn thấy rõ ràng bà em đang mím cười vì em". Khi em đánh tiếp những que diem còn lại trong bao diem, em thấy bà em i lớn và đẹp lão, bà em cầm lấy tay em, hai bà cháu vui bay lên chầu Thượng đế.

- Vậy ý nghĩa của mong tương này là gì?

- A. Được gặp bà sống yên vui trong lòng bà.
B. Khao khát tình thương của bà trao cho.
C. Muốn được trường sinh bất tử.
D. Muốn thoát khỏi cảnh ngộ đen tối "chẳng còn đổi rét, đau buồn nào đ doạ nữa".

11. Hình ảnh em bé bán diem chết vì giá rét trong đêm giao thừa "cố đổi má hồng v đổi môi đang mím cười" có ý nghĩa gì?

- A. Một cái chết thanh thản.
B. Chết trong mong tương đẹp.
C. Tác giả gửi gắm bao tình thương đổi với tuổi thơ bất hạnh.
D. Truyền giàu giá trị nhân bản.
E. Gồm tất cả A, B, C, D.

12. Qua những lần em bé đốt diem và mong tương của em bé, An-dec-xen muốn gi gầm tình thương đến mọi tim hồn tuổi thơ, cầu mong cho tất cả các em thơ dạo sống ấm no, được yên vui sung sướng trong tình thương, không một em nào bị đ rét, bị hắt hủi. Đó là ý nghĩa của truyện "Em bé bán diem". Ý kiến em thế nào?

- A. Đóng ý. B. Không đúng.

13. Thán từ là những từ như thế nào?

- A. Dùng để bộc lộ tình cảm.
B. Dùng để gọi dấp.
C. Thường dùng ở đầu câu.
D. Có trường hợp được tích thành câu đặc biệt.
E. Gồm A, B, C, D.

14. Trong ba ví dụ sau, có than từ dùng để gọi dập không?

Ai oai hùng bát vạn dãy,

Như công hôm sớm cây cay cho chàng?

Ca dao

Ai oai dũng bờ ruộng hoang,

Bao nhiêu tát đất tát vàng bảy nhiêu!

Ca dao

Tran or, ta bão tran này,

Tran ra ngoài ruộng tran cây với ta.

Ca dao

A. Không.

B. Có.

15. Trong các ví dụ sau, ví dụ nào không có than từ?

A.

"Ôi Kim Lang! Hồi Kim Lang!"

Thôi thôi thiếp đã phu chàng từ đây!"

("Truyền Kiều" - Nguyễn Du)

B.

"Ô hay! Buồn vương cay ngoèo dòng

Vàng rơi! Vàng rơi... thu mếnh mông".

("Ti bà" - Bích Khê)

C.

"Chàng về thiếp vẫn trông theo,

Trông nước, nước chảy, trông béo, béo trời,

Trông hoa, hoa chàng muôn cười,

Trông núi, núi đứng, trông người, người xa..."

(Ca dao)

D.

"Còn dây phố cũ rêu phong,

Lắng nghe lịch sử ngàn năm vọng về.

Hồ Gươm sóng vỗ vỗ bờ,

Ôi hàng liêu cổ đợi chờ nhớ thương..."

("Trở về Hà Nội" - Đinh Thế Vinh)

16. Trợ từ là gì? Chọn ý đúng:

A. Trợ từ là những từ để đưa dãy trong câu.

B. Trợ từ là những từ để tạo giọng điệu, để biểu cảm trong câu.

C. Trợ từ những từ đứng trước hoặc sau động từ, để bổ nghĩa cho động từ trong câu.

D. Trợ từ là những từ chuyên di kèm một từ ngữ khác trong câu để nhấn mạnh hoặc biểu thị thái độ đánh giá sự vật, sự việc được nói đến ở từ ngữ đó.

17. Các từ in đậm trong các ví dụ sau có đúng là trợ từ hay không?

- Chính điều thấy nhắc khẽ em đã ghi sâu trong lòng.

- Đẹp oai là đẹp những bông mai vàng bừng nở.

- Các con phải làm ngay lời ông bà dặn kéo quen.

Những năm mờ ven rìa
Của đồng đội **cùng** vào sinh ra tử.
Hoa sim tim nhắc thăm bao nỗi nhớ
Bến Cát ơi, ta trở lại chiều nay...

Lê Phan Quynh.

Vui **là** vui gượng kéo là,
Ai tri âm đó mặn mà với ai?

Nguyễn Du

A. Đúng.

B. Sai.

18. Trong văn bản tự sự, những yếu tố miêu tả có tác dụng gì?

- A. Làm hiện lên cảnh vật, khung cảnh nơi sự việc diễn ra.
- B. Làm nổi bật ngoại hình nhân vật.
- C. Diễn tả tâm trạng, hành động của nhân vật.
- D. Có cả A, B, C.

19. Đọc đoạn văn sau:

"Tôi rất ngạc nhiên thấy Truôi đứng sừng sững trên đất, sắp đấu với anh Bọ Muỗm. Thị ra chủ Truôi nhà iỏi bấy lâu vẫn còn cầm nhà Bọ Muỗm. Cái vận đòn của các mụ Bọ Muỗm nanh ác lấn áy vẫn chưa quên! Còn cầm nặng đến độ bảy giờ khi gặp một gã Bọ Muỗm xa lạ cũng khiến Truôi nổi máu đòn thù. Truôi lèn dài ngay.

Gã Bọ Muỗm kia đã đánh ngã được mấy địch thủ nhép hòm qua đường nhơn nhơn ra về. Thực gã cũng không phải tay vừa. Người gã xanh rực và vạm vỡ, bắp chân bắp càng bóng nhẫy, mập mạp. Lưng gã gờ lén, rắn chắc, và đôi cánh màu lá cây làm thành chiếc áo giáp che kín xuống tận đuôi. Đầu gã dài, mắc thêm lưỡi girom cong hoắt. Đầu gã lớn, mũi nhọn lại, hùc rất khoẻ. Hai vành râu trắng phau. Đôi mắt tím hổ như mắt cá. Hai răng trắng thì đèn và nhọn khoằm khoăm.

Nếu không có Truôi lèn vồ dài thi Bọ Muỗm được đấu thắng với Bọ Ngựa để tranh chức trạng vồ...".

("Để Mèn phiêu lưu kí" - Tô Hoài)

Hãy cho biết, Tô Hoài có sử dụng yếu tố miêu tả khi nói về gã Bọ Muỗm trên vồ dài không?

A. Có.

B. Không.

20. Trong đoạn văn sau, câu nào trực tiếp biểu cảm?

"① Ôm dậy, tôi về quê, hành lí chỉ vón vẹn có một cái vali đựng toàn những sách. ② Ồi những quyển sách rất nặng nứa! ③ Tôi đã nguyện giữ chúng suốt đời, để lưu lại cái ký niệm một thời chầm chí, hăng hái và tin tưởng đầy những say mê đẹp và cao vọng; mỗi lần mở một quyển sách ra, chưa kịp đọc dòng nào, tôi đã thấy bừng lên trong lòng tôi như một rạng đông, cái hình ảnh tuổi hai mươi trong trẻo, biết yêu và biết ghét. ④ Nhưng đời người ta không chỉ khổ một lần"...

("Lão Hạc" - Nam Cao)

A. Câu 1.

B. Câu 2.

C. Câu 3.

D. Câu 4.

Bai lam

Trong chúng ta, chắc ta đã có nhiều bạn từng đọc “Bảy chim thiên nga”, đọc “Nàng tiên cá”,... của nhà văn An-dec-xen - nhà văn nổi tiếng của Đan Mạch trong thế kỷ 19. Ông là nhà văn của “mỗi thời, mỗi người và mỗi nhà” với loại truyện kể cho trẻ em. Cái phong vị phutong Bắc, với hoa tuyêt, với cành thiên nga, với nàng tiên cá, với ngọn lửa diêm thần kì,... như đưa tuổi thơ chúng ta vào sống với bao giấc mơ huyền ảo, những giấc mơ tuyêt đep.

Truyện “Cô bé bán diêm” được An-dec-xen viết vào năm 1845, khi ông đã có trên 20 năm cầm bút, tên tuổi lừng danh thế giới. Nó thuộc loại truyện vừa thực vita ảo, vita mang màu sắc cổ tích thần kì, vita đậm đà chất thơ trữ tình, gợi lên một tình thương, một vẻ đẹp nhân văn sáng giá. Em bé bán diêm đã chết công trong tuyêt, với má hồng và đôi môi như mim cười tường được ru bằng những giấc mơ huyền thoại!

Người đọc từng băn khoăn tự hỏi: mẹ em bé đi đâu? Nhiều người...
em bé mồ côi mẹ. Tuổi thơ đep nhất của em là quãng thời gian được sống bên bà nội hiền hậu trong ngôi nhà xinh xắn có dây trường xuân bao quanh. Cuộc đời em trớn nên bất hạnh từ sau ngày bà nội mất, sống bên người bố thô lỗ, cục cằn, em phải “chui chui rúc trong một xó tối tăm, luôn luôn nghe những lời mắng nhiếc chửi rủa”.

An-dec-xen dẫn chúng ta đi theo con đường bán diêm của cô bé. Một thời diêm điện hình nổi lên sự nghèo khổ, nổi lên nỗi bất hạnh tột cùng của một em bé. Đó là một đêm giao thừa “rét dữ dội, tuyêt rơi”. Em ra đi đầu trần, lúc đầu có đôi “giày vải phỏng”, nhưng chỉ một lát sau thôi, giày của em, chiếc thì bị xe song mǎ nghiến, chiếc thứ hai thì bị một thằng bé xa lì tưứm lấy, tung lên trời, và nó bảo dem vé “làm nói cho con chó sủa này”. Em đi bán diêm trong đêm tối với đôi chân trần nhỏ bé, chẳng may choc “chân em do icing lén, rồi tim bầm lại vì rét”. Nhìn em, ai mà chẳng thương tâm?

Nhà văn tạo nên hai nghịch cảnh một đêm giao thừa. Một em bé đi bán diêm suốt một ngày mà chẳng bán được một bao diêm nào, “bung đôi cắt rét” đi lang thang trên đường, chẳng được ai bộ thí cho em chút dinh! Mái tóc và lưng em bầm dập tuyêt. Trái lại, cửa sổ mọi nhà đều “sáng rực ánh đèn” và trong phố thì “sắc mài mùi ngọt quay”. Đó là hai cảnh trái ngược. Câu chuyện trở nên thảm vị đời cay đắng! Trên bước đường bán diêm kiếm sống giữa đêm giao thừa, em bé dang sống trong cô đơn, buồn tủi. Một quá khứ hạnh phúc trở về trong tâm hồn em. Mái nhà xưa với dây trường xuân, với hình ảnh bà nội, đậm ấm thế, yên vui thế! Nay còn đâu? Mái nhà hiện tại thì tối tàn, suốt ngày em chỉ luôn nghe lời mắng chửi. Số phận em bé bán diêm thật cay đắng và đáng thương biết bao! Một tuổi thơ thảm đầy lê. Dáng sau cảnh đời, số phận em bé bán diêm đêm giao thừa là một cái nhìn dõi theo của nhà văn An-dec-xen với nhiều trắc ám, với nỗi lo khôn nguôi.

Cô bé bán diêm ngoài cái rét, đơn côi,... còn có một nỗi đau tinh thần, luôn luôn bị giày vò, ám ảnh hết sức nặng nề. Ở nhà thì bị bố mắng nhiếc chui

rùa, lang thang trong đêm tuyết, giao thừa, nếu không bán được ít bao diêm hả không ai bỏ thí cho một đồng xu nào đem về, nhất định em sẽ bị bỏ đói! Né bát hành này thật đáng sợ, nó luôn luôn đè nặng tâm hồn em. Có biết răm “Tình thương của cha mẹ là thiên đường tuổi thơ” mỗi thay cái sâu sắc tron tâm lòng nhân ái của nhà văn Đan Mạch. Ông nhắc khẽ ai đó đang được són yêu thương, sung sướng trong vòng tay bố mẹ mình nên biết cảm thông với cí khó tám, nỗi thương đau của các bạn nhỏ bát hành như cô bé bán diêm này. Bé lê, biết san sẻ cùng đồng loại cũng là hạnh phúc.

Phản cảm động nhất, hay nhất khi tác giả nói về những con mèo của em b bán diêm. Em đã đánh hết cả một bao diêm trên tay. Lúc đầu là “đánh liều quét một que, với ý định “sưởi cho đỡ rét mèo cưng”. Ngọn lửa của một que diêm sao có thể chống lại cả một đêm dày sương tuyết? Lúc đầu em chỉ thấy em chỉ phát hiện ra ngọn lửa diêm đầu là “anh lam”, rồi “trắng ça”, “riêng hồn lên quanh que gỗ trong đèn vui mắt”. Từ niềm vui nhỏ nhoi, bình dị của một em bé con nhà nghèo như thế, em đã bước vào những con mèo kỳ diệu. Mỗi que diêm từ tay em bé quét lên là có một ngọn lửa “thần kì”. Que diêm thứ nhất “sáng rực như than hồng” làm cho em “tưởng chừng như đang ngồi trước một lò sưởi bàn sắt có những hình nổi bằng đồng hồng nhuận”. Ngọn lửa trong lò sưởi ấy “nó đến vui mắt và tỏa ra hơi nóng dịu dàng”. Đó cũng là mơ ước của những thài phận nghèo khổ trên đời giữa mùa đông giá rét dài lê thê! Nhà văn có cái tàn dẹp, cái tấm lòng nhân hậu và giàu trí tưởng tượng mới đồng cảm với những em bé nghèo khổ qua những mơ ước bình dị như vậy.

Que diêm thứ hai bùng cháy dẫn hồn em đến một mái nhà êm ấm có “tấm rèm bằng vải màu”, có một mâm cỗ sang trọng. Một bàn ăn có khăn trải bài trắng tinh, có bát đĩa bằng sứ quý giá, có ngồng quay. Em đang “bung đói cơm rét” mà, nên em thấy có một điều kỳ diệu nhất là “ngồng ta nhảy ra khỏi đĩa và mang vỏ dao ăn phỏng sét cầm trên tay, tiến về phía em”. Que diêm tắt, mộng tan. Em bé bán diêm vẫn ngồi cõ đơn một mình dưới trời tuyết trong đêm giac thừa. Hồi ai còn mang trong lòng tình người nhất định sẽ chảy lệ khi nghĩ vi thân phận em bé sau khi que diêm thứ hai tắt, mộng tan.

Lại que diêm thứ ba nữa bùng cháy. Em bé như thấy trước mắt mình mèo cây Nô-en được trang trí lộng lẫy với hàng ngàn ngọn nến sáng rực, lấp lánh trên cành lá xanh tươi... Em đang giơ tay với vẻ phía cây... thì diêm tắt. Lần này, em thấy các ngọn nến bay lên cao mãi rồi “biến thành những ngôi sao trên trời”. Chất vân và cảm xúc của câu chuyện kể đã mang một nồng độ mới. Từ ngọn nến trên cây Nô-en (trong mơ) em nghĩ đến trời sao lấp lánh, rồi chập chờn về một ngôi sao đối ngẫu, một linh hồn nào đó đã “bay lên trời với Thương đế”. Cũng cảm cảm thụ được hình ảnh Thương đế trong câu chuyện kể của An-déc-xen, đó là một biểu tượng về niềm tin hướng tới cái vò cõi cao cả, thiêng liêng và tốt đẹp. Thương đế trong ước mơ, chứ không phải trong đạo giáo, cũng như Tiên, Phật trong cổ tích Việt Nam vậy.

Em bé chìm dần vào giấc mơ huyền diệu tuổi thơ khi em quét que diêm thứ tư. Trong ánh lửa xanh tỏa ra từ cây diêm, em bé “nhìn thấy rõ ràng là em đang mỉm cười với em”. Và lần này cũng vậy, diêm cháy rồi tàn, làm tan giấc

mong: "Quê diem tat phut, va ao anh nuc sang tien khuon mat em be cung bien mat". Dù hon mot the ki troi qua tu ngay An-dec-xen viet truyen nay (1845) nhung nguoi doc khap hanh tinh - nhung co, cau hoc tro nhieu be dang yen - hinh nhu van con nghe vang vang dau day loi nguyen cau cua co be ban diemtoi nghiep. Chau van ngoan ngoan day ba o! "Chau van ba, ba xin Thuong de chi nhau cho chau ve voi ba."

Chap chom trong mo tuong. Dem cang ve khuya, ret cang du va tuyet cang phu day mat dat. Diem noi nhau chieu sang. Ba em hiem len to lon va dep lao. Ba noi cam tay em bay len cao, cao man: "chong con doi ret, dan buon nao de do" em nua. Hai ba chau "da ye chan Thuong de".

Cai tai cua An-dec-xen la da noi ve cai chet cua em be ban diem, chet doi, chet ret trong tuyet ma khong goi ra su bi tham hai hung. Em chua chet va em khong chet! Em da cung ba noi giu tu cai hiem theu cay dang, phu phang va coi cuu nay de buoc sang the gioi moi tuoi dep hon, hanh phuc hon. Do la noi mo truc cua em; len troi voi Thuong de chi nhau. Hinh anh em be ban diem chet nam tren tuyet, giua nhung bao diem, trong do co mot bao da doi het nhau "co doi mai hung va doi moi dang minh vui" trong ngay mong mot Tet la mot hinh anh nhieu y nghia goi len bao xot xa trong long nguoi. Bau troi thi xanh nhat, mat tron len choi chang, tuyet van phu mat dat. Moi nguoi vui ve ra khoi nha. Va họ bao nhau: "Chac no muon suoi cho am". Trai dat va bau troi van dep. Van co ke vo tinh truoc noi dan cua dong loai. Doi van nhieu nghich canh dau buom nhu "tuyet van phu kin mat dat". Ai ma biет duoc "canh huy hoang luc hai ba chau bay len de don lay nhung niem vui dau nam".

Doc truyen "Co be ban diem", hinh tuong ngon lira - diem la hinh tuong lap linh nhiet. Do la ngon lira cua uoc mơ tuoi tho ve mai am gia dinh, ve am no va hanh phuc, duoc an ngon va vui choi, uoc mơ ve tinh thương gia đình mà ông bà, cha mẹ đem lại cho con cháu. Từ ngon lira - diem đã hóa thành những ngôi sao trên trời... để soi đường cho em bé bay lên với Thượng đế. Qua ngon lira và ngôi sao sáng, An-dec-xen đã cảm thông, trân trọng, ngợi ca những mơ ước hoặc là bình dị hoặc là kì diệu của tuổi thơ. Về đẹp nhân văn của truyện "Co be ban diem" được thể hiện tài tình qua hình tuong ngon lira. Và ông cũng nhắc khẽ mọi người phải biết san sẻ tình thương, dùm có phu phang hoặc vô tinh trước nỗi đau, bất hạnh của các em nhỏ. An-dec-xen có một lời viết nhẹ nhàng. Giá trị nhân bản của truyện "Co be ban diem" giúp ta thấy được, ông là nhà văn của "moi thoi, moi nguoi va moi nhau" như Huy-gô đại văn hào Pháp đã nói. Hãy nghĩ đến và phản ánh vì một NGÀY MAI - một NGÀY MAI đẹp - cho tuổi thơ trong ấm no, hạnh phúc và ca hát, hòa bình.

Đáp án đề 8

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Trả lời	C	A	D	A	E	C	D	C	B	D
Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Trả lời	E	A	E	B	C	D	A	D	A	B

ĐỀ 9 + 10

- * **Danh nhau với cõi xay gió** (trích Don Ki-hô-tê).
- * **Tình thái tử.**
- * **Luyện tập viết đoạn văn tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm.**

1. Xéc-van-tétx (1547-1616) là nhà văn lỗi lạc của nước nào thời Văn hóa Phục hưng?

- A. Pháp B. Ý C. Tây Ban Nha D. Anh

2. Don Ki-hô-tê, nhân vật chính của truyện là một nhân vật thế nào?

- A. Một anh hùng
B. Một hiệp sĩ
C. Một con người mù mẫn học dòi hiệp sĩ phiêu lưu.
D. Một anh hùng phò nguy cứu dòi.

3. Đoạn trích "Danh nhau với cõi xay gió" được tác giả viết bằng cảm hứng gì?

- A. Ca ngợi B. Châm biếm
C. Đóng tình D. Không biểu lộ thái độ, tình cảm gì cả.

4. Ngoài nhân vật Don Ki-hô-tê, trong đoạn trích, tác giả còn nhắc đến những nhân vật nào nữa?

- A. Giám mã Xan-chô Pan-xa.
B. Nàng Đuyn-xi-nê-a, tình nương xinh đẹp của Don Ki-hô-tê.
C. Những chiếc cõi xay gió.
D. Gã khổng lồ Bri-a-rê-ô.
E. Lão pháp sư Pho-re-xtôn.
F. Gồm tất cả A, B, C, D, E.

5. Với Don Ki-hô-tê thì những cõi xay gió giữa dòng là những kẻ nào?

- A. Ba bốn chục tên khổng lồ ghê gớm.
B. Gã khổng lồ Bri-a-rê-ô.
C. Lão pháp sư Pho-re-xtôn.

6. Câu nói của giám mã Xan-chô: "Thưa ngài, xuất hiện ở kia chẳng phải là tên khổng lồ đâu mà chỉ là những cõi xay gió..." cho thấy anh ta là một con người như thế nào?

- A. Đang mơ màng trong men rượu.
B. Rất tinh táo, có đầu óc thực tế.
C. Một kẻ hèn nhát.
D. Đầu độc, mất trí.

7. Câu nói của Don Ki-hô-tê thể hiện tâm lí, tình cách gì?

"Vận may run rủi khiến cho sự nghiệp của chúng ta tốt đẹp quá sự mong muôn, vì kia kia, anh bạn Xan-chô Pan-xa ơi, có đến ba bốn chục tên khổng lồ ghê gớm, ta quyết giao chiến giết hết bọn chúng; và với những chiến lợi phẩm thu được,

chung ta sẽ bắt đầu gian voi. Đó đây là một cuộc chiến đấu chính đáng, và quyết định của gióng vần và nó. Hết mạt là phong sự Chúa đây”.

- A. Một hiệp sĩ chân chính sống và chiến đấu vì một lý tưởng: trật ác, phò nguy, cùm đời, phung sự Chúa và làm giàu.
- B. Một kẻ mù mịt vì đã bị đam đọc bởi các sách hiệp sĩ phiêu lưu, mơ mộng hão huyền.
- C. Một kẻ ngông cuồng rõ rệt.
- D. Một kẻ làm trò cười cho thiên hạ.

8. Hãy đọc diễn cảm đoạn văn sau:

“Vừa lúc đó nỗi lén mỉm giờ nhẹ và các cánh quạt lớn của những chiếc cõi xay gió bắt đầu chuyển động; thay thế, Đòn Kí-hô-tê liền nói: “Đù cho bạn người có vung kiếm cánh tay làm vũ gã không lồ Bé-a-ré-ó, các người cũng sắp đến tôi”. Nói xong, lão nhiệt thành tẩm niêm vẫn mang nặng Đuyn-xi-né-a của mình cùm giáp; lão trong lúc ngày nhanh này, với lối khuyên che kín thân, tay cầm lăm ngon giáo, lão thúc con Rô-xi-nam-tê phi thẳng tay cõi xay gió gần nhất ở trước mặt, và đâm mũi giáo vào cánh quạt; giờ làm cánh quạt quay tít khiến ngọn giáo gãy tan tành, kéo theo và ngã và người và người ngã văng ra xa.

Xem-cho Pan-xa với thúc lừa chạy đến cứu, và khi tới nơi thì thấy chì nám không cát quay: đó là kết quả cát ngã như trời giáng của lão và con Rô-xi-nam-tê”

- Cho biết trong cảnh này, tác giả đã sử dụng những phương thức biểu đạt nào?

- A. Tự sự
- B. Miêu tả
- C. Kết hợp tự sự với miêu tả
- D. Thuyết minh.

9. Ý nào nói đúng nguyên nhân thất bại thảm hại của Đòn Kí-hô-tê trong cuộc đánh nhau với cõi xay gió?

- A. “Tôi đã chẳng bao giờ nghĩ phải cõi xay gió cần thận đầy ư, rằng đó chỉ là những chiếc cõi xay gió, ai mà chẳng biết thế, trừ kẻ nào dại ớc cũng quay cuồng như cõi xay!”
- B. “Chinh lão pháp sư Pho-re-stôn trước đây đã đánh cắp thư phòng và sách vở của ta, bây giờ lại biến những tên khổng lồ thành cõi xay gió để tước đi của ta niềm vinh quang đánh bại chúng, vì lão thảm thù ta lắm cơ...”
- C. Vì nàng Đuyn-xi-né-a không đến cứu giúp.
- D. Vì gió bắt ngỡ nỗi lén.

10. Câu nói: “Đúng thế, ta không kêu đau là vì các hiệp sĩ giang hồ có bị thương thế nào cũng không được yên rì, dù xổ cả gan ruột ra ngoài”. Chọn cách đánh giá:

- A. Đó là khẩu khí và cách ứng xử của một hiệp sĩ chân chính.
- B. Sóng đưa dời các hiệp sĩ giang hồ qua sách hiệp sĩ phiêu lưu.
- C. Lối nói khoe mẽ, buôn cười.
- D. Quá mù mịt quay cuồng.

11. Hình ảnh Xan-chò ngồi ăn và tu rượu ngon lành khi ngồi trên lưng lừa, nằm ngủ say suốt đêm dưới các vòm cây, và suy nghĩ “cái nghề di tím kiếm chuyện phiêu lưu này dù có nguy hiểm đến đâu cũng chẳng vui và gì mà lại thoái mài mòn là khôn” - để cho thấy anh giám mā là người như thế nào?

- A. Vai u thịt bắp, vô tâm vô tư.
- B. Lấy chuyện ăn ngủ và uống rượu làm thú vui.
- C. Sống thoái mài, tự nhiên.
- D. Gồm tất cả A, B, C.

12. Sau chiến bại vì sao Đòn Ki-hô-te không ăn không ngủ?

- A. Chỉ nghĩ đến chính chiến phiêu lưu.
- B. Quá mệt mảm.
- C. Nhớ tới tình nương Đuyn-xi-nê-a và học đòi cách sống của các hiệp sĩ giang hồ mà lão ta từng đọc trong sách.
- D. Coi thường chuyện ăn uống, cho đó là chuyện tầm thường.

13. Tình thái từ là gì?

Tình thái từ là những từ được thêm vào câu để câu tạo câu nghi vấn, câu cầu khiển, câu cảm thán, và để biểu thị các sắc thái tình cảm của người nói.

- A. Đúng
- B. Sai

14. Đọc đoạn thơ sau và cho biết tác dụng của tình thái từ (đã in đậm) là thế nào?

“Hãy quên đi mọi lo âu, mẹ nhé
Đừng buồn phiền quá đỗi về con.
Mẹ chờ di di lai lai trên đường
Khoác tấm áo quàng xưa cũ nát”.

(“Thư gửi mẹ” - É-xê-nin)

- A. Tình thái từ trong câu nghi vấn.
- B. Tình thái từ trong câu cầu khiển.
- C. Tình thái từ trong câu cảm thán.

15. Có phải chữ “chữ” trong ví dụ sau là tình thái từ biểu lộ sự băn khoăn lo lắng và được thêm vào câu để câu tạo câu nghi vấn?

Bà lão lảng gióng lại lật chay sang. “Bác trai đã khá rồi chứ?”

(Trích “Tắt đèn”)

- A. Sai
- B. Đúng

16. Đọc đoạn văn sau và cho biết:

“... Các giọng hát tựa như khi gán khì xa, lúc bóng lục trám, lúc là giọng kim phát ra từ cuồng họng với những huyền lý thành thót kiểu xứ Ti-rô-n. Đó không phải là bài hát mà là phác thảo điều luyện nhẹ nhàng của một bài hát. Tôi không thể hiểu đó là cái gì, nhưng nghe rất tuyệt. Những hợp âm ghi-ta yếu ớt say đắm đó, giai điệu nhẹ nhõm dễ nghe đó và hình bóng đơn độc của con người nho bé vận đó den giữa khung cảnh huyền ảo của mặt hồ tối thăm, giữa ánh trăng tỏa sáng, với hai nóc nhọn lớn trên đỉnh tháp lâm li viêm cao và những bóng cây dương hình

chop ô trong viam, tat cù nhung cù dò den la lung, luong dep khôn ta, hoặc là toi tang ngulit vay.

Một anh tượng bài già, rơm bờm và cát sỏi song hông chiếc trời non có ý nghĩa và dung xem doi với tôi. Tôi ho nhẹn và một tiếng hót nhỏ tuôn tát, ngọt ngào nở hông trong hòn tát. Thay vào sự mệt mỏi là đồng, đồng đồng với mồi thư trên đời trong giây phút trahi đó, tôi hóng cảm thấy như can xem thường, hi vọng trahi đây và niềm vui sống không duyên cát. Mong muôn gi, iao ào gi' - tôi bắt giấc nói - đây, nó đây, từ khüp mồi phia cát dep và chát thơ đang vay học lây anh. Có bao nhiêu sác hia anh hày cảng long ngực mà hít thư lây nó, hày hương thư cho thỏa thích những gì mà anh còn can 'Tất cù lì của anh, tất cù lì hành phim...".

(Trích truyện "Luy-xer-nô" - Lep Tôn-xtô)

- A. Chỉ có từ sự
- B. Chỉ có miêu tả
- C. Chỉ có biểu cảm
- D. Kết hợp từ sự, miêu tả với biểu cảm.

17.

Tóm tắt cảnh "Đánh nhau với cối xay gió"

Bài làm

Đòn Ki-hô-tê lai dàn thân vào chính chiến. Thay cuôi ngựa di trước, trò cuôi lừa theo sau. Chợt nhìn thay ba bón chục cối xay gió giữa dòng, Đòn Ki-hô-tê cho đó là lũ không lồ hung ton phải xông ra két liêu dời chúng. Nhất định sẽ giàu to, sau khi đánh thắng thu chiến lợi phẩm. Mặc cho giám mã Xan-trò Pan-xa can ngăn, Đòn Ki-hô-tê vẫn hăng máu thúc con chiến mã Rô-xi-nan-tê xông lên. Vừa lúc ấy, gió thổi mỗi lúc một mạnh. Lão hiệp sĩ vừa thét lớn vừa xông vào bát bọn không lồ đến tội! Gió nổi lên dữ dội, cánh quạt quay tít khiến ngon giáo gãy tan tành, cả người lẩn ngựa ngã chóng kênh ra đất. Giám mã thúc lừa tới cứu thì thấy chủ nam không cửa quay sau cái ngã như trời giáng. Sau khi hồi tỉnh, Đòn Ki-hô-tê cho rằng pháp sư Pho-re-xton đã đánh cắp thư phòng và sách vở của mình, nay lại tước mất phần vinh quang chiến thắng.

Xan-trò vực Đòn Ki-hô-tê ngồi lên ngựa, hai người lại tiếp tục tiến lên. Tuy buồn phiền về chuyện mất ngon giáo, nhưng Đòn Ki-hô-tê vẫn cảm khái nhắc lại chuyện hiệp sĩ Va-gax lúc chiến đấu bị gãy gươm đã nhổ cây sồi làm vũ khí, giết được bao quân giặc Mô-rô, trở thành "Hiệp sĩ diệt địch" lừng danh. Đòn Ki-hô-tê cao hứng nói mình sẽ nhổ một cây sồi làm vũ khí và sẽ lập nên những chiến công mới phi thường.

Hai thay trò nói chuyện. Thay tuyên bố mình không kêu đau vì các hiệp sĩ giang hồ có bị thương cũng không được rên rỉ. Còn giám mã thì được Đòn Ki-hô-tê cho phép cứ việc rên la vì cho tới nay chưa thấy sách kiêm hiệp nào ngần cảm cả!

Đến bữa ăn, thay bao chứa muôn ăn, còn giám mã ngồi trên mình lừa ăn một cách khoái trá, tu rượu ngon lành. Xan-trò Pan-xa cảm thấy cái nghè đi tìm kiếm chuyện phiêu lưu tuy có nguy hiểm song không đèn nỗi vất vả!

Đêm đó, hai thay trò ngủ dưới gốc cây. Đòn Ki-hô-tê bé một cành khô lấp vào cành gãy làm thành một ngọn giáo. Suốt đêm thao thức chỉ nhớ tới tình nương Đuyn-xi-nê-a. Xan-trò Pan-xa thì ngủ một giấc đến sáng, vita mở mắt đã

tu rượu, chỉ lo bão rượu đã với khó tìm được nơi mua rượu. Còn lão hiệp sĩ không ăn sáng, vì theo lão nói, chỉ cần nghỉ đến người yêu cũng đủ no rồi.

18. Phân tích và nêu cảm nghĩ về cảnh “Đánh nhau với cối xay gió” trích trong tác phẩm “Đòn Ki-hô-tê”.

Bài làm

Cuốn tiểu thuyết “Đòn Ki-hô-tê” là một kiệt tác sáng ngời chủ nghĩa nhân văn cao đẹp, là một trong những tác phẩm vĩ đại nhất thời Phục hưng. Nó đã làm tên tuổi Xéc-van-tex trở thành bất tử, sống mãi trong lòng nhân loại cùng với những tên tuổi lừng danh như Séc-xpia, Ra-bô-le... - vị trí vinh quang của những người đặt nền móng cho nền văn học thời đại mới.

Xéc-van-tex đã viết cuốn tiểu thuyết này trong vòng 10 năm (1605 - 1615); ông viết trong nghèo khổ và nghiệt ngã của cuộc đời. Khi tập II ra đời, cuốn tiểu thuyết trọn bộ thì chỉ một năm sau nhà văn qua đời.

Đòn Ki-hô-tê xuất thân là một lão quý tộc nghèo ở nông thôn tên là Ki-ha-da. Người lão gầy gò, cao lèn khệnh, và trạc năm chục tuổi. Lão say mê các truyện hiệp sĩ phiêu lưu, đâu óc lão ngày một trở nên mụ mẫm, chìm đắm trong mộng tưởng hão huyền. Lão mơ ước trở thành một hiệp sĩ giang hồ đi khắp nước Tây Ban Nha, phò dời cứu nguy, diệt trừ lũ không lồ yêu quái, thiết lập lại trật tự và công lý, để lại bao chiến công oanh liệt cho đời.

Con ngựa gầy được lão phong cho cái tên rất oai: chiến mã Rô-xi-nan-tê. Lão tự xưng là hiệp sĩ Đòn Ki-hô-tê xứ Mantra. Anh nông dân lùn, cục mịch được lão phong tước: giám mã Xan-trò Pan-xa. Đã là hiệp sĩ thời thượng thì phải có tình nhân. Lão nhớ ngay một phụ nữ mà lão thầm yêu trộm nhớ hồi còn trai trẻ, lão liền ban cho ánh què này một cái tên rất quý tộc, mĩ miều: Công nương Duyn-xi-né-a duy Tô-bô-xô. Lão làm lễ thụ phong trước ngày lên đường chinh chiến. Có một chi tiết khá thú vị là trong lễ thụ phong này tại quán trọ, hai á gái điếm được nhà hiệp sĩ xứ Man-trà ban tước thành 2 công nương vô cùng tôn quý. Hài hước nhất là lão tìm được bình khí, giáp trụ của tổ tiên đã han gi, rồi lão sửa chữa, đánh bóng lại để tự vũ trang cho mình.

Đó là những điều cần biết về hiệp sĩ Đòn Ki-hô-tê khi chúng ta tìm hiểu chuyên “Đánh nhau với cối xay gió” của lão. Sau trận đánh nhau với bọn lái buôn vì họ không chịu nhận công nương Duyn-xi-né-a là đẹp nhất tròn gian, Đòn Ki-hô-tê bị ném một trận nhử tú, bị bắt đưa về làng một thời gian, giờ đây lão lại ra đi với mộng chiến công mới. Lần này có quan giám mã Xan-trò Pan-xa theo hầu. Trận đánh nhau với lũ cối xay gió là một trận đánh này lứa là đỉnh cao của màn hài kịch, chế giễu những kẻ ngông cuồng, mê muội, luôn luôn sống trong mộng tưởng hão huyền.

Trận đánh diễn ra vào lúc ban trưa. Từ xa nhìn thấy ba bốn chiếc cối xay gió giữa đồng, hiệp sĩ xứ Man-trà reo lên vì “ván may” đã tới, quân địch là “máy chục tên không ló hung ton”, mà cánh tay mỗi đứa dài tối gần 2 mét. Không biết là lão có hay mỗi đứa dài đến 432 mét, đâu phải vừa? Lão phái két liều dời lũ không ló yêu quái này, trước là để thu chiến lợi phẩm mà trở nên giàu sang phú quý, sau nữa là quét sạch cái giống xấu xa này khỏi trái đất và để

"phụng sự Chúa". Phải công bằng mà nói rằng, tuy lão có "nhìn già hóa cáo" nhưng mục tiêu chiến đấu của lão không kém phần thiêng liêng! Mặc dù đã bị giám mã Xan-trô Pan-xa hết lời ca ngợi, nhưng lão hiệp sĩ bò ngoài tai hết. Trước khi đánh nhau, Đôn Ki-hô-tê an nỗi tại "hung hồn". Lúc thi nạt quan giám mã: "Nếu anh sẽ thi hồn mưu manh lanh ta và mà cẩn kính trong lúc ta đương đầu với chúng trong một cuộc giao tranh gay go và chênh lệch", Lúc thi lão hiệp sĩ thét lớn, dâng dâng sất khí: "Lũ súc sinh kia, không được chạy trốn! Cả ta là hiệp sĩ một thương một mảnh đến độ súc voi bò người đây!". Lúc thi oai phong lâm liệt cảnh cáo: "Đứa cha bò người có vung nhiều cánh tay hơn và không lồ Bri-a-rê-ô, các người cũng phải đến tôi!". Trước lúc vào giao phong với lù khồng lồ này mà cánh tay mồi dứa dài gần bằng 2 dặm thì khồng lồ Bri-a-rê-ô xa xưa dù có đến 100 cánh tay cũng chẳng so sánh được, vì thế Đôn Ki-hô-tê không quên "cần cùn nặng Duyu xi nè a phù hộ và giúp cho trong con nguy biến này". Tư thế của lão hiệp sĩ vô cùng dũng mãnh, hiên ngang "lấy khiên che kín thân, tay lâm lâm ngon giáo, thúc con Rô-vi nam-tê phi thẳng tới chiếc cối xay gió gần nhất". Lão đã "đập mũi giáo vào cánh quạt cối xay". Tường là lù khồng lồ sẽ máu đầm xuong tan. Ai ngờ "gió nổi lên dữ dội, cánh quạt quay tít khiến ngon giáo gãy tan tành". Đây là hình ảnh lão hiệp sĩ lừng danh trên chiến địa: "Cả người lù ngựa ngã chóng kênh ra đất". Và lúc quan giám mã thúc lùa tới cứu thì đã thấy chủ tướng "nằm không vừa quay san cái ngã như trời giáng".

Đoạn văn hài hước hôm nay, Nghệ thuật dựng cảnh và kể chuyện rất tài tình lâm hiện lên một trận đánh thời trung cổ. Có dàn trận, Có dấu khẩu trước lúc giao phong, Có cảnh đánh nhau dữ dội, quyết tử. Có bài chiến trường sau trận đánh diễn ra. Hiệp sĩ Đôn Ki-hô-tê là một "người hùng" đích thực sống trong áo tướng hão huyền, sự mực mầm đã lên đến cực độ, cối xay gió mà lão cho là khồng lồ quái vật! Ngôn ngữ khoác lác, trọng rỗng, đại ngôn, cũng thét vang lục xung trận. Cứ chi, diệu bộ và hành động cũng rất tự tin, dâng hoàng, cực kỳ oai phong lâm liệt! Đúng là coi cái chết nhẹ tựa lông hồng! Hình ảnh Đôn Ki-hô-tê nằm không vừa quay trên mặt đất trước cặp mắt của quan giám mã là nét vẽ biếm họa đặc sắc nhất có giá trị ché giêu tăng lớp hiệp sĩ thời trung cổ đã lỗi thời! Người đọc không nhìn được cười khi lão hiệp sĩ cầu tình nương trước lúc giao đấu!

Câu chuyện giữa hai thây trò sau trận đánh nhau với cối xay gió cũng cực kì thú vị. Chết mà nét không chừa! Bị thảm bại nhục nhã mà vẫn còn khoác lác. Trước lời an ủi của quan giám mã, Đôn Ki-hô-tê đã chỉ cho anh béo lùn biết rằng cái nghè cung kiêm "luôn luôn biến chuyển", nghĩa là sự thắng, bại là chuyện bình thường. Nguyên nhân thất bại theo Đôn Ki-hô-tê rất bất ngờ vì lão pháp sư Phor-re-xtôn đã đánh cắp mắt "sách vở" bảo bối của lão. Hắn đã "thảm thù ta", hắn đã tước mất phần vinh quang chiến thắng của ta! Đúng là khẩu khí của hiệp sĩ xứ Man-tra lừng danh thiên hạ!

Thương cho con ngựa gãy nhom "bi toate mía lùng" vẫn phải công chúa. Đôn Ki-hô-tê quyết định đi về phía cảng, hy vọng "sẽ gặp được nhiều chuyện mạo hiểm khác" mà thi tho tài năng. Hiệp sĩ tỏ ra rất buồn phiền về cái giáo bị

gây. Cái vốn sách vở kiếm hiệp lai rai lão ta vào giấc mộng hão huyền. Lão nhác tới hiệp sĩ Tây Ban Nha ngày xưa là Va-gax, giữa trận đánh, gươm bị gãy, dã nhổ cây sồi làm vũ khí tiêu diệt quân Mo-rô, nhờ thế mà trở nên bất tử với biệt hiệu "*Hiệp sĩ diệt địch*", làm rạng rỡ cháu con đời đời. Kể lại câu chuyện ấy, Đôn Ki-hô-tê muốn nói lên chí hướng minh muôn theo gương người xưa, cũng sẽ nhổ cây sồi để diệt địch, sẽ lập nên "*nhiều chiến công phi thường*" mà quan giám mã sẽ là người có điểm phúc được mục kích! Qua đó, ta thấy Đôn Ki-hô-tê vẫn kiêu hùng, tự tin, dẫu óc anh ta quá mê muội, khoác lác đến cực độ!

Khi giám mã "*thật thà*" nhắc lại sự thất trận vita qua, cái ngã chắc hẳn "*làm ngài vẹo vợ hắn đĩ*" thì chàng hiệp sĩ hồn nhiên trả lời: "*Đúng thế! Vả nếu ta không kêu đau là vì các hiệp sĩ giang hồ có bị thương cũng không được rên rỉ, dù số cá ruột ra ngoài*". Đó cũng là một nét rất "*anh hùng*" của Đôn Ki-hô-tê! Khi Xan-trò tâm sự là nếu có bị gai đâm cũng kêu lên thì ông chủ tài ba đã "*không nín được cười*", định đặc nói với giám mã: "*vì việc rên la*" vì "*cho tới nay chưa thấy sách kiếm hiệp nào ngắn cảm cù*".

Phản cuối là chuyện ăn, chuyện ngủ của hai thày trò chàng hiệp sĩ. Hai thày trò cùng đi giang hồ, với "*lý tưởng*" đẹp bất công, cứu nguy phò đỡ nhưng trong tâm hồn, tính cách là hai thế giới riêng biệt! Đến giờ ăn, Đôn Ki-hô-tê không hiểu vì sao mà "*chưa muốn ăn*". Còn Xan-trò, sau khi được phép chủ, ngồi thoái mái trên lưng lừa "*ăn một cách khoái trá*", nghiêng báu rượu "*từ một hơi ngon lành*". Đúng là "*dĩ thực vi thiên*", Xan-trò vừa nhâm rượu, quên cả những lời hứa hẹn của chủ phong anh ta làm thông đốc sau này, vừa vui vẻ suy ngẫm về cái nghề đi tìm kiếm chuyến phiêu lưu "*tuy có nguy hiểm song không đến nỗi vất vả*". Đó cũng là một nét vẽ hài hước vẽ sự "*cái miệng ăn jan, cái ướt mơ xa*" ở đời!

Đêm đến, hai thày trò nằm dưới gốc cây. Giám mã sau khi đánh chén no say "*làm một giấc đến sáng*". Sáng dậy vừa mở mắt ra đã vớ ngay báu rượu, bắc hơi buồn vì báu rượu đã vơi đi, mà quang đường này khó đào đâu ra rượu để đổ vào cho đây! Trái lại, Đôn Ki-hô-tê thì suốt đêm thao thức. Chàng dã bé "*một cảnh khờ*" lắp vào cái gãy làm thành một ngọn giáo! Chàng trần trọc thâu đêm vì thương nhớ tình nương Đuyn xi-nê-a. Chiều qua dã nhịn, sáng nay lại không ăn, chẳng phải là Đôn Ki-hô-tê bị đau nên không ăn được, mà là chàng đang sống trong mộng mị, vì chi "*nghĩ đến người yêu cũng đủ no rồi!*".

Nhân vật giám mã Xan-trò là một nhân vật phụ, một nét vẽ bổ trợ nhưng rất sống động. Một mặt, nó có giá trị làm nổi bật tính cách ngông cuồng, mù mâm, ôm ấp những mộng tưởng hão huyền của Đôn Ki-hô-tê về cuộc đời hiệp sĩ, mặt khác, thể hiện một quan niệm sống phác thực, hồn nhiên, giản dị... của những người dân quê yêu đời, thiết thực.

"*Dánh nhau với cối xay gió*" là một trang đời, một trong những "*chiến công oanh liệt*" của Đôn Ki-hô-tê hiệp sĩ xứ Man-trà đã ghi vào sử sách! Xéc-van-tex đã sử dụng thủ pháp trào lòng, phóng đại và tương phản đối lập trong kể chuyện để dựng cảnh, đã làm hiện lên một trang hiệp sĩ Tây Ban Nha thời Trung

có dã lôi thôi! Đằng sau câu văn, dòng chữ, ta luôn luôn bắt gặp nụ cười hóm hỉnh của Xéc-van-tex. Đằng sau nụ cười chê gièu của nhà văn là sự đê cao trong một chặng mục nhất định tình yêu tự do, bình đẳng, sống thiết thực yêu đời... mang tính nhân văn.

Đáp án đề 9 + 10

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trả lời	C	C	B	F	A	B	B	C	A	B	D	C	A	B	B	D

ĐỀ 11

- * Chiếc lá cuối cùng
- * Chương trình địa phương (phản Tiếng Việt)
- * Lập dàn ý cho bài văn tư sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm

1. O' Hen-ri (1862-1910) là nhà văn nước nào?

- | | |
|---------|-----------------|
| A. Pháp | B. Nga |
| C. Mĩ | D. Tây Ban Nha. |

2. "Chiếc lá cuối cùng" của O' Hen-ri được sáng tác bằng thể loại nào?

- | | |
|----------------|----------------|
| A. Bút kí | B. Hồi kí |
| C. Tiểu thuyết | D. Truyện ngắn |

3. Đoạn văn sau và cho biết:

"Nhưng, ô kia! Sau trận mưa vui đùp và những cơn gió phu phàng kéo dài suốt cả một đêm, thường chẳng như không bao giờ dứt, vẫn còn một chiếc lá thường xuân bám trên bức tường gạch. Đó là chiếc lá cuối cùng trên cây. Ở gần cuống lá còn giữ màu xanh sẫm, nhưng với rìa lá hình răng cưa đã nhuộm màu vàng ươm, chiếc lá vẫn dũng cảm treo bám vào cạnh cách mặt đất chừng hai mươi bộ".

- Đây là sự ngạc nhiên của ai?
- | | |
|-----------|------------------|
| A. Bác sĩ | B. Cụ già Bơ-men |
| C. Cô Xiu | D. Cô Giôn-xi |

4. Qua đoạn văn trên, tác giả đã dùng biện pháp tu từ nào để miêu tả chiếc lá cuối cùng?

- | | |
|------------|-------------|
| A. So sánh | B. Nhân hoá |
| C. Đ襌 ngữ | D. Ảnh dụ |

5. Cụm từ "chuyến đi xa xỏi bí ẩn" trong câu văn: "Cái cỏ đơn nhất trong khấp thé gian là một tám hòn đang chuẩn bị sẵn sàng cho chuyến đi xa xỏi bí ẩn của mình" là một ẩn dụ để nói về gì?

- | |
|-------------------------------|
| A. Chỉ một chuyến đi chơi xa. |
| B. Nói về cái chết. |
| C. Chỉ sự bất lực, mệt mỏi. |
| D. Nói về sự ân hận, day dứt. |

6. Những chi tiết sau đây nói lên điều gì về Giôn-xi?

- Giờ thì chị có thể cho em xin tí cháo và chút sữa pha ít riuum vang đỏ.
- Chị Xiu thân yêu em, một ngày nào đó em hi vọng sẽ được vê vinh Na-plơ.
- Vào buổi chiều hôm đó, Xiu tới bên giường Giôn-xi nằm, thấy Giôn-xi đang vui vẻ đan một chiếc khăn cheo lên màu xanh thẫm rất xinh, chị ôm lấy và người Giôn-xi lẩn những chiếc gối.

A. Giôn-xi rất đói.

B. Giôn-xi nói lời già biệt - vĩnh biệt.

C. Giôn-xi muốn để lại một kí niêm cho Xiu trước khi mất.

D. Giôn-xi bình phục dần, từ thán đã bị đánh lui.

7. Đọc đoạn cuối và đọc chậm mấy dòng này:

“... Em thân yêu em, em hãy nhìn ra ngoài cửa sổ, nhìn chiếc lá thường xuân cuối cùng ở trên tường. Em có lấy làm lạ tại sao chẳng bao giờ nó rung rinh hoặc lay động khi gió thổi không? Ô, em thân yêu, đó chính là kiệt tác của cụ Ba-men - cụ vẽ nó ở đây vào cái đêm mà chiếc lá cuối cùng đã rung”.

Hãy chọn ý trả lời đúng:

A. Thể hiện niềm vui của chị Xiu.

B. Chị Xiu báo cho Giôn-xi biết điều bí mật “vẽ chiếc lá cuối cùng”.

C. Chị Xiu muốn lưu ý Giôn-xi hãy nhìn cho kĩ chiếc lá cuối cùng trên cây thường xuân.

D. Chị Xiu muốn nói cho Giôn-xi biết cụ Ba-men đã cứu sống Giôn-xi, và cụ là ân nhân của hai chị em mình.

8. Tại sao chị Xiu lại nói chiếc lá cuối cùng là kiệt tác của cụ Ba-men?

A. Một bức vẽ

B. Một bức họa độc đáo.

C. Một bức tranh có ích đem lại sự sống và niềm vui cho đồng loại.

D. Một tấm lòng cao cả.

E. Gồm tất cả A, B, C, D.

9. Truyện “Chiếc lá cuối cùng” rất đặc sắc, có tình huống bất ngờ, hấp dẫn. Em thấy thế nào?

A. Đúng

B. Không đúng

10. Có ý kiến cho rằng: Truyện “Chiếc lá cuối cùng” là một tác phẩm đặc sắc có 2 chủ đề:

- Cu ngợi tấm lòng cao cả, nhân hậu, giàu đức hi sinh.

- Chỉ rõ nghệ thuật chân chính là nghệ thuật hướng tới con người, ẩn hạnh phúc của con người.

Ý kiến em thế nào?

A. Không nhất trí.

B. Đóng ý.

11. Có bạn đã khẳng định rằng từ “mẹ” là tiếng phổ thông, còn các tiếng: “bám má, u” trong các ví dụ sau là tiếng địa phương. Em cho là đúng hay sai?

- “Con ra tiễn tuyến xa xôi

Yêu bám yêu nơc cá dời mẹ hiếp”

(“Bám ơi” - Tô Hữu)

*"Nghìn muôn gian khổ chẳng nể
Má chờ con nhẹ, con về, má mỉ"*

(*"Chung một lời thề"* - Nguyễn Bình)

*"U tối ngày ấy mỗi mùa xuân,
Đêm liều máy bay sắc trắng ngắn.
Lại dẫn chúng tôi về nhận họ,
Bên miền quê ngoại của hai thân".*

(*"Đường về quê mẹ"* - Đoàn Văn Cú)

A. Sai

B. Đúng

12. **Đọc truyện sau và tìm các yếu tố miêu tả và biểu cảm kết hợp với tư sự. Một truyện ngắn, kết hợp rất chặt chẽ và mạch lạc.**

Con chim hồng

1. Một người đi săn ở Thiên Tân đem bẫy vào rừng đánh bắt được một con chim hồng mai rất đẹp. Bỏ chim vào lồng, đem về. Con chim trống cứ bay theo, cất tiếng kêu rát ai oán. Con trống bay theo về tận nhà người đi săn, kêu khóc như van xin cho đến tối mịt mới chịu bay đi.

2. Mờ sáng hôm sau, người đi săn dậy mở cửa đã nhìn thấy con chim trống đậu trước sân. Chim vẩy cánh nhịp nhàng như có ý ra hiệu gì. Người đi săn lại gần, định bắt lấy cho được cả đôi. Chim trống vươn cao cổ, nhả ra một cục vàng rất to, sáng lấp lánh. Người đi săn chợt hiểu, hỏi: "*Muốn chuộc vợ sao?*" Bèn thả con chim mai ra. Đôi chim mừng mừng túi túi, quanh quần mãi, chưa nỡ bay đi...

3. Người đi săn cân vàng. Được hai lượng sáu đồng cân. Cầm cục vàng trên tay, anh ta xúc động nghĩ: "*Cảm thú không biết gì mà còn chung tình thế? Có nỗi buồn nào bằng nỗi buồn của đôi lứa phải chia lì. Loài cảm thú cũng thế ư?*..."

(Theo *"Liêu trai chí dị"*)

13. **Phân tích và nêu cảm nghĩ về truyện "Chiếc lá cuối cùng" của O Hen-ri.**

Bài làm

Đọc truyện "*Chiếc lá cuối cùng*", lúc đầu người đọc cứ định hình là cô Giôn-xi nhất định sẽ chết vì bệnh viêm phổi. Nhưng tình huống đã đảo ngược, giàu kịch tính và kết thúc bất ngờ: chiếc lá cuối cùng sắp rụng, và Giôn-xi sẽ chết. Sau một đêm bão tuyết, chiếc lá cuối cùng đã rụng mà chẳng ai hay, bức vẽ "*chiếc lá cuối cùng*" vẫn bám chắc cây thường xuân, chính chiếc lá ấy, bức vẽ kì diệu ấy đã cứu sống Giôn-xi. Cụ Bơ-men, tác giả bức vẽ ấy đã chết ở tuổi 60, sau 2 ngày bị viêm phổi nặng.

Kết thúc bất ngờ ấy, đã khắc sâu vẻ đẹp tâm hồn của nghệ sĩ già Bơ-men, đã tô đậm giá trị tư tưởng và nghệ thuật của truyện.

- Cụ Bơ-men suốt đời chưa chạm tới cái gấu áo của nàng Mĩ thuật. Cụ khao khát vẽ nên kiệt tác. "*Chiếc lá cuối cùng*" được sáng tạo nên trong gió tuyết lạnh lẽo là kiệt tác của cụ Bơ-men để lại cho đời. Kiệt tác ấy đã kết tinh bao tình thương của người nghệ sĩ chân chính. Kiệt tác ấy đã chỉ rõ nghệ thuật chân chính luôn hướng tới sự sống và hạnh phúc của con người.

- Giôn-xi đã bình phục, được cứu sống. Nhưng cụ Bơ-men đã chết vì bệnh suy phổi. Lòng nhân ái, đức hi sinh của cụ Bơ-men tỏa sáng trang vân và cuộc đời. Cụ đã chết một cách êm thắm, lặng lẽ nhưng cao quý biết bao! Một cái thang, một cái đèn bão, những chiếc bút và mảng màu... đó là kỉ vật của cụ Bơ-men để lại cùng bức tranh “Chiếc lá cuối cùng” mãi mãi đẹp như một bài ca.

O'Henri là cây bút truyện ngắn xuất sắc của nền văn học Mỹ đầu thế kỷ XX. Giải thưởng O'Henri là giải thưởng văn chương ở Mỹ dành cho những truyện ngắn hay nhất hàng năm. Tên tuổi nhà văn mãi mãi danh hau thế.

Truyện “Chiếc lá cuối cùng” tiêu biểu cho bút pháp nghệ thuật của O'Henri. Truyện chỉ có 3 nhân vật, những họa sĩ nghèo: Xiu, Giôn-xi và cụ già Bơ-men. Truyện có kết cấu chặt chẽ, hầu như không có chi tiết nào thừa, diễn biến xúc động như khi nói về trận ốm kéo dài của Giôn-xi và cái chết bất ngờ của cụ Bơ-men. Có ý kiến cho rằng:

Truyện “Chiếc lá cuối cùng” của O'Henri là bức thông điệp màu xanh về tình thương và sự sống của con người”.

1. Truyện “Chiếc lá cuối cùng” của O'Henri đã thể hiện một tình bạn cao quý cảm động. Giôn-xi và Xiu là hai nữ họa sĩ trẻ, tuy nghèo mà lâm ước mơ, nhiều yêu thương. Họ gắn bó với nhau về những sở thích và về nghệ thuật mà kết thành chị em cùng chung nhau thuê một phòng họa nơi phố nghèo. Mùa đông năm ấy, chúng viêm phổi hoành hành đã “đánh ngã hàng chục nam nhân”. Giôn-xi cũng bị cảm lạnh, nằm liệt giường. Mọi thứ thuốc men, đều trở thành “vô dụng”, cô yên trí là mình “không thể khỏi được”. Giôn-xi lại bị ám ảnh, một khi chiếc lá cuối cùng của cây thường xuân phía cửa sổ rụng xuống thì cô “cũng ra đi thôi”. Sư sụp đổ về tinh thần của cô họa sĩ trẻ bất hạnh lùm cho bệnh tinh ngày thêm trầm trọng.

Chính trong hoàn cảnh bi đát ấy, tình bạn được thử thách. Xiu thương đứa em nuôi vô cùng. Cô đã khóc “đến ướt đầm và một chiếc khăn trải bàn Nhật Bản”. Xiu lo âu. Xiu săn sóc và hết lòng chay chít cho em. Xiu làm việc nhiều hơn để kiếm thêm tiền mua thuốc và thức ăn cho Giôn-xi. Khi đưa em tội nghiệp “nằm yên lặng và trắng nhẹ như một pho tượng bị đỡ” thì Xiu vẫn kiên nhẫn an ủi em. Cô nói qua làn nước mắt:

“Em thân yêu, em yêu dấu!... Em hãy hứa với chị là hãy nhắm mắt lại và không nhìn ra ngoài cửa sổ nữa...” Em hãy “cố ngủ đi”.

Xiu đã tận tình săn sóc em, lúc thì quấy nước súp gà, lúc thì pha sữa với rượu Boóc-dô, lúc thì đặt thêm gối, lúc thì mời bác sĩ, lúc thì cầu cứu bác Bơ-men. Xiu đã giành giật với tử thần để chạy chay chữa cho đứa em nuôi bé bỏng tội nghiệp.

Xiu là hiện thân của tâm lòng trắc ẩn vị tha, là một con người giàu đức hi sinh thắm lắng, có một trái tim nhân hậu mènh mông. Xiu là một nhân vật rất đẹp làm ta xúc động và ngưỡng mộ về một tình bạn, tình chị em thủy chung, cao quý. Nhân vật Xiu tỏa sáng “bức thông điệp màu xanh” của “Chiếc lá cuối cùng”.

2. Để cứu người khỏi tai họa, có những con người đứng trước cái chết không hề sợ chết. Cụ già Bơ-men, một họa sĩ già là một con người giàu đức hi sinh như vậy. Năm ấy, cụ Bơ-men 71 (60 tuổi), khắc khổ, dù 40 năm cầm bút vẽ mà vẫn không

với tôi được “*gau áo vĩ nù thím*” của nghệ thuật. Tuy vậy, cụ đã nói với cô Xiu: “*Một ngày kia tôi sẽ về một lần phảm kiết nhất*...” Ông không ngồi làm mâm nữa, mà đã đứng trong con mưa lạnh lẽo, dai dẳng, pha lán tuyết đang đổ xuống, chỉ mặc một cái áo sơ mi cũ màu xanh, đứng suốt đêm âm thầm sáng tạo nên “*chiếc lá cuối cùng*”, “*chiếc lá đứng cuối*”. Gió bắc lồng lộn, nhưng chiếc lá thường xuân “*dòn dòi*” ấy vẫn bám chắc lây cánh. Giấy và áo quần cụ họa sĩ đã ướt sũng và lạnh buốt. Cụ Bơ-men đã chết vì sưng phổi. Chiếc lá cuối cùng do cụ “vẽ” nên đã đánh lui thân chết, cứu sống cô Giòn-xi. Quên mình để cứu người là một hành động cao cả. Cái chết của cụ già Bơ-men đẹp hơn mọi bài ca. Nếu chúa bị đóng đinh chịu nạn vì hạnh phúc của con người, thì cụ Bơ-men cao đẹp thay đã xả thân vì sự sống của Giòn-xi. Cụ đã vĩnh viễn ra đi, nhưng chiếc lá cuối cùng là một kiệt tác, cụ để lại cho đời, vì sự sống và hạnh phúc của con người thì còn lại mãi mãi. Giòn-xi khỏi bệnh, cô lặng ngâm “*tác phẩm kiết xuất*” của cụ Bơ-men, và cô xúc động nghĩ: “*Cụ vẽ nó vào cái đêm mà chiếc lá cuối cùng đã rụng*” với tất cả tình thương và lòng biết ơn vô hạn. Hơn một thế kỷ nay, hàng triệu độc giả trên hành tinh đã cúi đầu nghiêng mình trước nghĩa cử và cái chết của họa sĩ già Bơ-men.

3. “*Chiếc lá cuối cùng*” là một trong những tác phẩm văn học nước ngoài đã đem đến cho chúng ta nhiều nhã thú. “*Bức thông điệp màu xanh*” ấy, mãi mãi tươi non trong lòng người. Tình bạn bè, tình chí em, tâm lòng nhân hậu, đức hi sinh của họa sĩ trẻ và già ấy làm cho người đọc tin yêu hơn vào lòng tốt của con người. Nó nhân nhú nhân loại: hãy phân dầu cho hạnh phúc của con người, hãy đem nghệ thuật phục vụ con người. Vẻ đẹp nhân văn, giá trị nhân bản của “*Chiếc lá cuối cùng*” đã rung động tâm hồn mỗi chúng ta.

Nghệ sĩ Bơ-men đã ngã xuống vì nghệ thuật, đã hi sinh vì sự sống và hạnh phúc của con người. Nghệ thuật hướng tới con người là nghệ thuật đẹp nhất, lâu bền nhất!

Đáp án đề 11

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Trả lời	C	D	D	B	B	D	D	E	A	B	B

ĐỀ 12

- * Hai cây phong
* Nói quá

1. Ai-ma-tóp là nhà văn nước nào?

- A. Pháp
C. Đức

- B. Liên Xô (cũ)
D. Ba Lan

2. “Hai cây phong” trích từ tác phẩm nào?

- A. Những tâm lòng cao cả?
C. Đôn Ki-hô-tê.

- B. Người thầy đầu tiên.
D. Chiếc lá cuối cùng.

3. Đoạn đầu: “Làng Ku-ku-rêu chúng tôi nằm ven núi... chạy tít đến chân trời phía tây” có ý nghĩa gì trong câu chuyện? Chọn ý hợp lí nhất.

- A. Người kể chuyện tự hào giới thiệu về vị trí cảnh sắc làng Ku-ku-rêu thân yêu của quê hương mình.
- B. Giới thiệu một phong cảnh thảo nguyên phương Bắc.
- C. Bức tranh hùng vĩ về làng Ku-ku-rêu.
- D. Vẻ đẹp độc đáo của một làng quê vùng Ca-dắc-xtan.

4. Đoạn văn sau đây nói về những tình cảm gì của nhân vật “tôi” đối với hai cây phong?

“Đã bao lần tôi từ những chốn xa xôi trở về Ku-ku-rêu và lần nào tôi cũng nghĩ thầm với một nỗi buồn da diết: “Ta sắp được thấy chúng chia, hai cây phong sinh đôi ấy? Mong sao chóng về làng, chóng lên đồi mà đến với hai cây phong! Rồi sau đó cứ đứng dưới gốc cây để nghe mãi tiếng lá reo cho đến khi say sưa ngây ngất”.

- A. Nỗi buồn day dứt nhớ hai cây phong của người tha hương.
- B. Mong được gặp lại hai cây phong.
- C. Niềm vui sướng ngây ngất khi được đứng dưới gốc cây phong để nghe tiếng lá reo.
- D. Tình yêu cây phong gắn liền với tình yêu làng tha thiết.
- E. Gồm tất cả A, B, C, D.

5. Đọc diễn cảm đoạn văn sau:

“Trong làng tôi không thiếu gì các loại cây, nhưng hai cây phong này khác hẳn - chúng có tiếng nói riêng và hẳn phải có một tâm hồn riêng, chan chứa những lời ca êm dịu. Dù ta tới đây vào lúc nào, ban ngày hay ban đêm, chúng cũng vẫn nghiêng ngả thân cây, lay động lá cành, không ngớt tiếng rì rào theo nhiều cung bậc khác nhau. Có khi tưởng chúng như một làn sóng thuỷ triều dâng lên vỗ vào bờ cát, có khi lại nghe như một tiếng thiền thiết tha nồng thâm truyền qua lá cành như một đốm lửa vô hình, có khi hai cây phong hống im lặng một thoáng, rồi khắp lá cành lại vút tiếng thở dài một lượt như thương tiếc người nào. Và khi mây đen kéo đến cùng với bão động, xô gãy cành, tia trui lá, hai cây phong nghiêng ngả tǎm thân dẻo dai và reo vù vù như một ngọn lửa bốc cháy rực”.

Cho biết tác giả đã sử dụng phương thức biểu đạt nào trong đoạn văn?

- A. Tự sự
- B. Miêu tả
- C. Biểu cảm
- D. Tự sự gắn với miêu tả và biểu cảm.

6. Trong đoạn văn trên, tác giả đã vận dụng tài tình nhiều biện pháp tu từ. Cho biết những biện pháp tu từ nào là chủ yếu?

- A. So sánh và nhân hoá.
- B. Ảnh dụ và nhân hoá.
- C. Diệp ngữ và so sánh.
- D. Diệp ngữ và ẩn dụ

7. Kí niêm nào về hai cây phong cứ in đậm mãi trong lòng nhân vật “tôi”. Đó là những kí niêm nào?

- A. Năm học cuối cùng, trước khi bắt đầu nghỉ hè, bọn con trai trèo lên hai cây phong phá tổ chim, hai cây phong nghiêng ngả动荡 như chào mời.

- B. "Tôi" và các bạn thi nhau "ai van dam va khéo léo hơm ní" trèo mãi lên những cành cao ngất, cao đến ngang tầm cánh chim bay.

C. Sung sướng được ngâm nhìn một thế giới đẹp đẽ vô ngán của không gian bao la: chuồng ngựa của nông trang, dài thảo nguyên hoang vu, những dòng sông lấp lánh, những đám mây, đồng cỏ...

D. Gồm A, B, C.

8. Những từ in đậm trong câu văn thuộc từ loại nào?

"Chúng tôi ngồi nép trên các cành cây, lắng nghe tiếng gió ảo huyền, và tiếng lá cây đáp lại lời gió, thi thâm to nhỏ về những miền đất bí ẩn đầy sức quyền rũ lán san chấn trời và thăm bieng biếc kia".

9. Đọc lại đoạn văn sau đây và cho biết đoạn văn gồm những kiểu câu gì?

"Thưa ấy chỉ có một điều tôi chưa hề nghĩ đến: ai là người đã trống hai rãnh phong trên đồi này? Người vô danh ấy đã mơ ước gì, đã nói những gì khi vùi hai gốc cây xuống đất, người ấy đã ấp úng niềm hi vọng gì khi vun xới chung nơi đây trên đỉnh đồi cao này?"

10. Chọn một ý tưởng đẹp nói về bài "Hai cây phong".

- A. Tình sâu nghĩa nặng đối với quê hương thân yêu.
 - B. Thầy Đuy-sen, người trồng cây cũng là người trồng người.
 - C. Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.
 - D. “*Hai cây phong*” là một bài văn đáy chất thơ đem đến nhiều rung động, khám phá.
 - E. Gồm tất cả A, B, C, D.

11. Có nhà giáo cho biết: nói quá, phô trương, tham xung, khoa trương là những từ đồng nghĩa, gần nghĩa.

- A, Dung B, Saj.

12. Bài sau đây sử dụng lối nói quá nhảm mục đích gì?

"Lỗ mũi mướt tám gánh lồng,

Chóng yêu chông bảo râu rồng trời cho.

Đêm nâm thi ván 00

Chống xâm nhập bảo vệ vào vũ trụ

Đi vào thi huyễn qua

Chó và chó con

Trên đây phần việc của em

Chống viêm, chống bảo vệ thận và tim

Gadao

- A. Nói cho vui
- C. Không đúng sự thật

- B. Đề châm biếm
- D. Đề giáo dục.

13. Cảm nhận về trích đoạn “Hai cây phong” (“Người thấy đầu tiên” của Ai-ma-tốp).

Bài làm

1. “*Người thấy đầu tiên*” là tác phẩm xuất sắc của Ai-ma-tốp, nhà văn xứ Cư-rơ-gư-xtan của nước Cộng hòa ở vùng Trung Á thuộc Liên Xô trước đây. “*Hai cây phong*” là phần đầu của truyện gợi tả cảnh sắc làng Kur-ku-rêu, hồi tưởng lại những kỉ niệm êm đềm về hai cây phong của chôn quê dào dat tâm hồn đứa con di xa về thăm nơi chôn nhau cắt rốn của mình.

Trích đoạn này đã thể hiện một cách đậm đà, thiết tha tình yêu cố hương, biểu lộ lòng biết ơn người thấy đầu tiên đã trồng cây và trồng người nơi thảo nguyên hoang vu mênh mông.

2. Phần đầu trích đoạn nói về cảnh sắc làng Kur-ku-rêu, chôn quê thân yêu của nhân vật “tôi” - họa sĩ, sau những năm tháng di xa trở về thăm làng. Những tiếng: “Làng Kur-ku-rêu chúng tôi”..., “phía dưới làng tôi...”, “phía trên làng tôi” cắt lèn thật gợi cảm, đầm ấm và mến thương biết bao! Làng ở “ven chân núi” trên một cao nguyên. Cảnh sắc thiên nhiên hùng vĩ, bao la. Có “thung lũng đất vàng”, có cánh thảo nguyên Ca-dắc-xtan “mênh mông”. Có khe nước “ào ào từ nhiều ngách đá đổ xuống”, có rặng núi Đen và con đường sắt “băng qua đồng băng chảy tít đến tận chân trời phía tây”. Cảnh sắc quê hương được cảm nhận băng những hình ảnh đường nét đậm đà, cao thấp, gần xa làm hiện lên một không gian nghệ thuật rất đẹp với bao yêu mến tự hào của một đứa con đối với cố hương, của một họa sĩ tài hoa trước thiên nhiên kì thú. Sau câu chữ là bao cảm xúc dâng trào, với bao bối rối thương nhớ.

Nhớ làng Kur-ku-rêu đối với đứa con xa quê trở về là nhớ hai cây phong trên đồi cao ở đầu làng. Họa sĩ biết hai cây phong “từ thuở bắt đầu biết mình”, một sự gắn bó thiết tha với cả một đời người. Hai cây phong lớn “như những ngọn hải đăng đặt trên núi” từng gây ấn tượng đối với bất cứ ai, dù “đi từ phía nào” đến thăm làng Kur-ku-rêu. Riêng đối với họa sĩ, mỗi lần về thăm quê nhà đã “từ xa đưa mắt tìm hai cây phong thân thuộc ấy” và tự coi đó là “bốn phận đầu tiên” của mình. Với họa sĩ, tình yêu quê hương đã chan hòa, đã gắn bó với tình thương nhớ hai cây phong lớn đầu làng.

Nhớ hai cây phong đối với họa sĩ là nhớ “với một nỗi buồn da diết”; nên càng về gần tới làng lại càng nhớ. Đứa con li hương tự hỏi thầm lòng mình: “Ta sếp được thấy chúng chưa, hai cây phong sinh đôi ấy? Mong sao chóng về tôi làng, chóng lên đồi mà đến với hai cây phong!”. Và hạnh phúc biết bao đối với đứa con xa quê lâu ngày mới trở về, được “đứng dưới gốc cây để nghe mãi tiếng lá reo cho đến khi say sưa ngày ngất”.

Nhớ cây phong đối với khách tha hương là nhớ “tiếng nói riêng”, “tem hồn riêng, chan chứa những lời ca êm dịu” của nó. Nhớ cây phong là nhớ dáng hình của

nó, nhớ thân cây “nghêng ngả”, nhớ âm thanh “ri rào” của lá cành “hay động” cả ban ngày hay ban đêm. Ai-ma-topp đã sáng tạo nên hàng loạt ẩn dụ, so sánh và nhân hóa để gọi ta và biểu cảm về “tiếng nói riêng”, “tâm hồn riêng” của hai cây phong quê nhà: “như một làn sóng thủy triều dâng lên, vò vào bùi cát”, “như một tiếng thi thảm thiết tha nồng thâm chày qua lá cành, như một đom黑暗 vô hình”... Cố lục hai cây phong tượng như đang trôi từ “hồng im bát mờ thoảng” tới “lai cát tiếng thu dìu mờ lướt nhẹ thương tiếc nguồn nào”. Neu cây tre, lũy tre lằng ta, trong “Bão bùng thân bọc láy thân - Tay ôm tay ninh tre gìn nhau thêm” (Nguyễn Duy), thì cây phong làng Kur-ku-reu, cây phong thảo nguyên trong mây đen và bão động bị “vô gãy cành, tia truật lá”, nó vẫn “đeo dài và reo vù vù như một ngọn lửa bốc cháy rừng rực”. Hai cây phong có một sức sống vô cùng mãnh liệt, biểu tượng cho bao phẩm chất tốt đẹp của con người quê hương, con người thảo nguyên.

Đây là một đoạn văn hay nhất, giàu hình tượng và biểu cảm nhất nói về hai cây phong, thể hiện một sự tượng tượng kì diệu, phong phú, với tất cả tình yêu nồng hậu đối với hoa cỏ, cây lá; một đoạn văn đáng học thuộc, đáng nhớ:

... “Trong làng tôi không thiếu gì các loại cây, nhưng hai cây phong này khác hẳn... và reo vù vù như một ngọn lửa bốc cháy rừng rực”.

Họa sĩ yêu hai cây phong quê nhà với tất cả tấm lòng và tình nghĩa thủy chung, như ông đã tâm sự: “Tuổi trẻ của tôi đã để lại nơi ấy, bên cạnh chúng như một thành vô của chiếc gương thần xanh”, “Mảnh vỡ của chiếc gương thần xanh” ấy là tâm hồn tuổi thơ vô cùng trong sáng.

3. Ký ức tuổi thơ về hai cây phong quê nhà:

Phản hồi trích đoạn “Hai cây phong”, tác giả kết hợp tự sự với miêu tả, nhắc lại kí niệm tuổi thơ êm đềm. Hoài niệm tuổi thơ về quê hương bao giờ cũng đậm đà, thiết tha. Với con người Việt Nam chúng ta, mỗi lần đi xa nhớ quê là nhớ hương vị đậm đà “nhớ cảnh ran muồng nhớ cà dám tương”, là nhớ con dò, cánh diều biếc, nhớ cây đa, giếng nước, sân đình, là nhớ dòng sông quê me với bao kí niệm một thời thơ bé:

“Bạn bè tôi tạm năm tạm bảy
Bảy chim non bơi lội trên sông
Tôi đưa tay ôm nước vào lòng
Sóng mờ nước ôm tôi vào dạ...”

(Nhớ con sông quê hương - Tế Hanh)

Nhân vật họa sĩ nhớ quê hương, nhớ làng Kur-ku-reu là nhớ kí niệm tuổi thơ với cây phong thân thương. Không bao giờ có thể quên được “buổi học cuối cùng” năm ấy, trước khi bắt đầu nghỉ hè. Bọn con trai nghịch ngợm và hồn nhiên “reo hò, huýt còi ám l” chạy lên đồi... Hai cây phong như những người bạn thân tình mờ lòng đón tiếp “nghêng ngả dung đưa như muốn chào mời... đến với bóng râm mát rượi và tiếng lá xào xạc dịu hiền”. “Lũ nhóc con đi chăn dắt” trèo lên hai cây phong “làm chấn động cả vương quốc loài chim”. Trên ngọn cây phong “những cánh cao ngất”, bọn trẻ nhỏ làng Kur-ku-reu vô cùng sung sướng ngắm nhìn cảnh

vật gần xa, chúng tượng như “có một phép thần thông nào vút mở ra trước mắt... và một thế giới đẹp đẽ vô ngần của không gian bao la và ánh sáng”.

Cây phong đã mở rộng tầm mắt, làm sáng lên tâm hồn tuổi thơ, làm cho lũ trẻ “sảng sỡ”, tất cả đều “nín thở ngồi lặng lẽ”... phóng tầm mắt về bốn phía chân trời. Bức tranh quê hương hiển hiện, như mở rộng, như vẫy gọi. Chuông ngựa của nông trang, dài thảo nguyên hoang vu, “xa thảm biêng biếc”. Những dòng sông xa lạ “lấp lánh tận chân trời như những sợi chỉ bạc mỏng manh”. Lũ trẻ “lắng nghe tiếng gió ảo huyền”, tiếng “thì thầm to nhỏ” của “lá cây đáp lại lời gió”, rồi chúng nghĩ về những miền đất lạ nơi chân trời xa xôi, về bầu trời, những đám mây, những đồng cỏ, sông ngòi, “những miền đất bí ẩn đầy sức quyến rũ lần sau chân trời xa thảm biêng biếc kia”. Cậu bé - họa sĩ tương lai vô cùng xúc động “lắng nghe tiếng hai cây phong rì rào, tim đập rộn ràng vì tháng thốt và vui sướng”...; lòng mơ tưởng và “cố hình dung ra những miền xa lạ kia...”. Hai cây phong trên đồi quê không chỉ mở rộng tầm mắt mà còn nâng cánh ước mơ cho những em bé làng Kurku-rêu bay tới những chân trời xa xôi tươi sáng... Sau này, khi đã trưởng thành, nhân vật họa sĩ mới tự hỏi lòng mình - điều mà thuở ấu thơ chưa hề nghĩ đến: “Ai là người đã trồng hai cây phong trên đồi này? Người vô danh ấy đã ước mơ gì, đã nói những gì khi vùi hai gốc cây xuống đất, người ấy đã áp ủ những niềm hi vọng gì khi vun xới chúng nơi đây, trên đỉnh đồi cao này?”. Tuổi thơ non nớt cũng không hiểu vì sao quả đồi có hai cây phong ấy, bà con làng mình gọi là “Trường Duy-sen”... Tình cảm “ăn quả nhớ người trồng cây” đã được Ai-ma-tốp diễn tả một cách tinh tế, sâu lắng, đầy chất thơ. Phần sau truyện “Người thấy đầu tiên” đã nói rõ những tình cảm, tư tưởng tốt đẹp đó.

3. Trích đoạn “Hai cây phong” là trang văn chứa chan thi vị đã thể hiện một cách sâu sắc tình yêu quê hương, tình yêu cây cỏ, cảnh sắc thiên nhiên quê nhà. Những kỉ niệm đẹp của tuổi thơ, và lòng biết ơn người thấy đầu tiên của đời mình, của quê hương mình đã làm nên chất thơ của truyện.

Đoạn văn tả tiếng nói riêng, tâm hồn riêng của cây phong là hay nhất. Đoạn văn kể lại kỉ niệm tuổi thơ trèo lên hai cây phong nhìn về bốn phía chân trời là cảm động nhất. Dòng hồi tưởng, nỗi nhớ hai cây phong của nhân vật họa sĩ như được chắt lọc từ nơi sâu thẳm tâm hồn, rất chân thực, hồn nhiên và trong sáng. Vẻ đẹp cây phong là vẻ đẹp thảo nguyên phương Bắc. “Hai cây phong” là bài ca nghĩa tình về quê hương, về người thấy vĩ đại đã “trồng cây và trồng người”...

Đáp án đề 12

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Trả lời	B	B	A	E	D	A	D	B	C	E	A	B

ĐỀ 13 + 14

- * Ôn tập truyện kí Việt Nam.
 - * Thông tin về Ngày Trái Đất năm 2000.
 - * Nói giám, nói tranh.
 - * Luyện nói: Kể chuyện theo ngòi kể kết hợp với miêu tả và biểu cảm.

I. Những tác phẩm trong dòng văn học hiện thực trước năm 1945 mà các em đã học là những tác phẩm nào? Nhà văn nào?

- "Tôi đi học" trích trong "Quê me" của Thanh Tịnh.
 - "Tiếng nước vỡ bờ" trích trong "Tắt đèn" của Ngò Tất Tố.
 - "Lão Hạc" của Nam Cao.
 - "Trong lòng mẹ" trích trong "Những ngày thơ ấu" của Nguyễn Hồng.

A. Ding B. Sai

2. Cho biết thể loại mỗi tác phẩm?

- “Tôi đi học” là truyện ngắn.
 - “Lão Hạc” là truyện ngắn.
 - “Tôi ắt đèn” là tiểu thuyết.
 - “Những ngày thơ ánh” là hồi ký.

A. Sai B. Đúng

- A. Giá trị hiện thực. B. Giá trị nhân đạo. C. Cả A và B.

4. Tác phẩm nào thể hiện cuộc sống cùng khổ đau thương và phẩm chất tốt đẹp của người nông dân Việt Nam dưới thời Pháp thuộc?

- A. "Tát đèn" B. "Lão Hạc" C. Cá A và B.

5. Tác phẩm nào ghi lại tâm trạng hối hận, bỡ ngỡ và những kỷ niệm trong sáng của một em bé trong buổi lưu trường đầu tiên?

- A. "Tắt đèn".
B. "Lão Hạc".
C. "Những ngày thơ ánh".
D. "Tôi đi học".

6. Đoạn trích nào đã thể hiện một cách “tuyệt khéo” bộ mặt độc ác tàn nhẫn của bọn tay sai thực dân phong kiến và tinh thần phản kháng quyết liệt của người nông dân?

- A. “Lão Hạc”.
B. “Tôi đi học”.
C. “Tình mẹ và bờ”.
D. “Trong lòng mẹ”.

7. Hình ảnh người mẹ đón hấu, tản táo được nhắc đến thật cảm động qua những tác phẩm nào?

- A. "Lão Hạc". B. "Tôi đi học".
C. "Tắt đèn". D. "Những ngày thơ ánh". E. Cả B, C, D.

8. Phương thức biểu đạt chính của các tác phẩm ấy là tư sự có đúng không?

- A. Sai B. Đặng

- 9. Từ năm 1970 trở đi, "Ngày Trái Đất" là ngày nào?**
- A. Ngày 22 - 4 hàng năm. B. Ngày 1 - 5
C. Ngày 1 - 6 D. Ngày 20 - 11
- 10. Tính đến năm 2000 đã có bao nhiêu nước tham gia "Ngày Trái Đất"? - 141 nước.**
- A. Đúng B. Sai.
- 11. Năm 2000 là năm đầu tiên Việt Nam tham gia "Ngày Trái Đất" với chủ đề gì?**
- A. Trồng cây gây rừng.
B. Chống ô nhiễm bảo vệ nguồn nước.
C. Khí đốt và chất thải công nghiệp.
D. Môi trường xanh sạch đẹp.
E. Một ngày không sử dụng bao bì ni lông.
- 12. Văn bản "Thông tin về Ngày Trái Đất năm 2000" cho biết mỗi ngày ở nước ta thải ra bao nhiêu bao bì ni lông?**
- Hàng triệu bao bì ni lông.
A. Đúng B. Sai.
- 13. Có 5 nguy hại lớn về việc sử dụng bừa bãi bao bì ni lông gây ra, là những nguy cơ nào?**
- *Bao bì ni lông lẫn vào đất làm cản trở quá trình sinh trưởng của các loài thực vật, làm cản trở sự phát triển của cỏ, gây ra hiện tượng xói mòn ở các vùng đồi núi.*
- *Bao bì ni lông vứt bừa bãi làm tắc nghẽn công rãnh, gây ra ngập lụt về mùa mưa, muỗi phát sinh nhiều, lây truyền dịch bệnh.*
- *Bao bì ni lông trôi ra biển làm chết các sinh vật khi chúng nuốt phải.*
- *Bao bì ni lông màu chứa các kim loại như chì, ca-di-mi đem đựng thực phẩm làm ô nhiễm thực phẩm, sẽ gây tác hại cho não và ung thư phổi cho người dùng.*
- *Bao bì ni lông thải độc tố, trong khói chứa khí độc di-ô-xin gây ngộ độc, khó thở, nôn ra máu, gây ung thư và các dị tật bẩm sinh cho trẻ sơ sinh.*
- A. Sai B. Đúng.
- 14. Văn bản "Thông tin về Ngày Trái Đất năm 2000" đã đưa ra 4 kiến nghị là những kiến nghị nào?**
- *Thay đổi thói quen sử dụng bao bì ni lông, cùng nhau giảm thiểu cách sử dụng.*
- *Không sử dụng bao bì ni lông khi không cần thiết.*
- *Thay đổi bao bì ni lông bằng giấy, lá, nhất là khi dùng để gói thực phẩm.*
- *Tuyên truyền cho mọi người thấy rõ tác hại ghê gớm của việc sử dụng và việt thải bừa bãi bao bì ni lông*
- A. Đúng B. Sai.
- 15. Mục tiêu của chủ đề "Một ngày không sử dụng bao bì ni lông là gì?" - "Hãy bảo vệ Trái Đất, ngôi nhà chung của chúng ta trước những nguy cơ ô nhiễm môi trường đang gia tăng".**
- A. Chưa đúng B. Đúng.
- 16. Chọn định nghĩa đúng về nói giảm, nói tránh:**
- A. Nói giảm nói tránh cho tiện lợi, không dài dòng văn từ.

- B. Nói giảm nói tránh để đỡ mất thi giờ.
- C. Nói giảm nói tránh để đỡ phiền hà.
- D. Nói giảm nói tránh là một biện pháp tu từ dùng cách diễn đạt tế nhị, uyển chuyển, tránh gây cảm giác quá đau buồn, ghen ghét, nặng nề; tránh thô tục, thiếu lịch sự.

17. Đọc lại thất to:

"Cai lệ không dễ cho chí núi hết cùn, tron ngược hai mắt hằn quát."

- Mày định nói cho cha mày nghe đây à? Sìn của nhà nước mà mày dám mở móm yin khát!".

("Tức nước vỡ bờ")

- A. Cai lệ đã dùng cách nói giảm nói tránh.
- B. Đó là tiếng chửi rất thô tục, là lời đe doạ của cai lệ đối với người thiểu số. Hằn là tên tay sai đã mất hết tính người, nên hằn chưa bao giờ biết nói giảm, nói tránh!

18. Chữ in đậm trong đoạn thơ sau diễn tả ý gì?

*- "Ông mất năm nào? - Ngày độc lập
Buồm cao đỏ sóng băng cờ sao
Bà về năm đổi lìng treo lưỡi
Biển động, Hòn Mè giặc bắn vào..."*

("Mẹ Tơm" - Tố Hữu)

- A. Mẹ Tơm di vắng.
- B. Mẹ Tơm về quê ngoại
- C. Mẹ Tơm đã mất năm đổi 1945
- D. Mẹ Tơm di xa chưa về.

19. Hãy tưởng tượng mình là chí Đâu và kể lại chuyện chí Đâu đánh tên cai lệ.

Bài làm

Xé trưa hôm ấy, lí trưởng làng Đông Xá bắt tôi giải ra đình. Chúng bắt tôi khai về chuyện chống đối chính quyền, để lập cung giải huyền. Có đủ mặt quan viên. Có cả lí cựu nữa. Nhiều người dân kéo đến, đứng lổ nhổ phía ngoài đình.

- Thị Đào, sao mày dám đánh người nhà của quan! Tôi mày to lầm. Từ mợ công! Mày hãy kể lại việc làm ngỗ ngược của mày, để làng lập cung.

Lí dương vừa nói vừa đập tay xuống chiếu. Mấy tay chân chạy lảng xăng. Tôi chẳng sợ.

- Các ông nên hỏi hai thằng khốn nạn ấy chứ! Nhưng các ông muốn lập cung chứ gì? Ủ thì tôi nói. Chồng tôi bị ông lí trói đánh thập tử nhất sinh. Sợ xảy ra án mạng, ông lí đã sai tay chân gánh chồng tôi về nhà trả cho mẹ con tôi. Mẹ con tôi, bà con hàng xóm chạy chửa mãi, chồng tôi mới hoàn hồn.

- Thị Đào, mày dài dòng lắm! Nói ngay vào sự việc! - Lí dương ngắt lời tôi và nạt bằng giọng lè nhẹ.

- "Trời đánh còn tránh miếng ăn", có phải không nào? Chồng tôi vừa k
miếng vào bát cháo thì tên cai lệ xổng xộc kéo tôi, hắn thét trói. Chồng tôi chỉ
ngắt lẵn dùng ra! Tôi van xin. Tôi đâu phải là kẻ quá quắt. Nhưng hắn là đứa bá
nhân đã chửi tôi thậm tệ. Hắn gào lên: "Tha này ! Tha này !". Hắn bịch vào ngụ
tôi mấy bịch. Hắn sấn đến trói chồng tôi. Phải cứu chồng tôi chứ. Tôi nghiêm sá
mặt, nói với hắn: "Chồng tôi đau ốm, ông không được phép hành hạ!". "Sự đe
mềm nắn, rắn buông!" Ai ngờ, hắn lấn tới áp chế. Hắn tát đánh bối vào mặt tôi
Hắn như con chó đại lồng lên, hắn nhảy vào trói chồng tôi. Máu trong người tôi sú
lên. Tôi nghiên hai hàm răng. Tôi chỉ tay vào mặt hắn: "Mày trói ngay chồng bà đ
bà cho mày xem!".

Tôi còn sợ gì nữa. Cái đồ nghiện oặt ấy, tôi coi như rơm như rác. Tôi túm lá
cỏ hắn, tôi ăn dứt hắn ngã chồng quèo trên mặt đất. Còn cái thằng hau cận ông I
không tự biết thân lại còn giờ gây đánh tôi. Hắn bị tôi túm tóc, lăng cho một c
ngã nhào ra thêm. Hai thằng khốn nạn ấy lồm ngóm bò dậy, chạy thực mạng v
định. Chúng đã bỏ lại ở nhà tôi nào roi song, tay thước, dây thừng... Đáng lẽ tôi
phải đánh cho hai tên ấy một trận nhừ tử. Nhưng đánh chó còn ngó đến chúa nhỉ
Tôi nể ông lí đấy!...

Xung quanh đình có tiếng cười rúc rích.

Lí cựu ngồi trên chiếu, xoay mình vuốt râu, túm tim cười.

Lí dương cát tiếng: "Con Thị Dao này ghê gớm lắm ! Bướng bỉnh lắm ! Phu
giải ngay lên quan phủ để trường tri ! ...".

Bài làm của Trương Quang Vũ lớp 8

Học sinh trường THCS Nguyễn Nghiêm, tỉnh Quảng Ngãi)

20. Hãy nêu cảm nhận của em sau khi đọc bài "Thông tin Ngày Trái Đất năm 2000".

Bài làm

Văn bản "Thông tin về Ngày Trái Đất năm 2000" đã đem đến cho mỗi chúng
ta những kiến thức cần biết, nên biết và phải biết.

1. Về tổ chức và mục đích.

"Ngày Trái Đất" là ngày 22.4 hàng năm; lúc đầu do một tổ chức bảo vệ môi
trường của Mỹ khởi xướng từ năm 1970; đến nay đã có 141 nước trên thế giới than
gia nhằm mục đích bảo vệ môi trường, những vấn đề môi trường nóng bỏng nhâ
của từng nước hoặc từng khu vực.

Năm 2000, Việt Nam mới gia nhập tổ chức "Ngày Trái Đất". Nước ta đã nêu
lên chủ đề "Một ngày không sử dụng bao bì ni lông".

2. Tác hại.

Tác giả đã phân tích, đã giải thích một cách sáng tỏ về những tác hại của việc
sử dụng bao bì ni lông. Đó là những điều mà số đông người trong chúng ta chưa hi
biết. Có 5 tác hại đáng sợ như sau:

- Một là, bao bì ni lông có chứa chất pla-xtic, một chất không phân hủy sẽ
gây nguy hại đối với môi trường khi khắp mọi nơi trên đất nước ta, mỗi ngày vứt ra
thải ra hàng triệu bao bì ni lông; vứt bừa bãi khắp mọi nơi công cộng, từ ao hồ
sông ngòi đến đường phố, chợ búa, làng mạc...

- Hai là, bao bì ni lông khi Lín vào đất sẽ làm cản trở quá trình phát triển của các loài thực vật như cây trong, hoa cỏ... sẽ dần dần sút xói mòn ở các vùng đồi núi.

- Ba là, bao bì ni lông vứt bừa bãi sẽ làm tắc nghẽn công rãnh, kênh mương, gây nên cảnh úng đọng, ngập lụt, làm cho ruồi muỗi phát sinh, lây truyền dịch bệnh. Bao bì ni lông trôi ra biển làm chết các sinh vật khi nuốt phải.

- Bốn là, bao bì ni lông màu vón hám chứa các chất như chì, ca-di-mi sẽ làm ô nhiễm thực phẩm, gây tác hại cho não và nguyên nhân gây ung thư phổi.

- Năm là, khi đốt các bao bì ni lông phế thải, khói độc ấy vì có chứa chất di-ô-xin sẽ gây ngộ độc, khó thở, ngạt thở, non ra máu, gây rối loạn chức năng, gây ung thư và các dị tật bẩm sinh cho trẻ sơ sinh.

Tóm lại, sử dụng và vứt bừa bãi bao bì ni lông sẽ đấu độc môi sinh và môi trường, sẽ gây nhiều tác hại nguy hiểm cho sức khỏe và cuộc sống của con người. Những điều ấy, chúng ta chưa hiểu và chưa hề nghĩ tới.

3. Những kiến nghị.

"*Ngày Trái Đất năm 2000*" của Việt Nam nêu lên chủ đề "*Một ngày không dùng bao bì ni lông*" thật vô cùng cấp thiết và thiết thực. Nếu mọi người, mọi nhà, nếu 80 triệu con người Việt Nam đều tự giác thực hiện thì chúng ta sẽ giảm được hàng trăm triệu, hàng nghìn triệu bao bì ni lông trong mỗi ngày, trong mỗi tháng, sẽ mang lại bao lợi ích vô cùng to lớn. Có đi quanh Hồ Tây, có đến Hạ Long, Đồ Sơn, Sầm Sơn, Nha Trang, Vũng Tàu... có dạo quanh sân trường, bệnh viện, chợ búa... ta mới nhận thấy con người Việt Nam ta đã và đang sử dụng bao bì ni lông một cách bừa bãi như thế nào!

Tổ chức "*Ngày Trái Đất năm 2000*" của Việt Nam đã nêu lên những kiến nghị rất thiết thực:

- Hãy thay đổi thói quen và giảm thiểu sử dụng bao bì ni lông.
- Hãy không sử dụng bao bì ni lông khi không cần thiết.
- Hãy dùng giấy, lá để gói thực phẩm.
- Hãy nói cho mọi người trong nhà và bè bạn biết những tác hại ghê gớm về việc sử dụng bao bì ni lông.

Vì bảo vệ Trái Đất, ngôi nhà chung của chúng ta, ai cũng phải quan tâm tới Trái Đất hơn nữa, góp phần bảo vệ môi trường. Một trong những việc làm của chúng ta là "*Một ngày không dùng bao ni lông*".

"*Thông tin về Ngày Trái Đất năm 2000*" là văn bản thuyết minh. Những kiến thức khoa học về độc tố, về tác hại của bao bì ni lông được tác giả phân tích, giải thích một cách ngắn gọn, sáng tỏ, đầy sức thuyết phục. Những kiến nghị mà tác giả nêu lên rất thiết thực; đó là những điều mà ai cũng có thể làm được để góp phần bảo vệ môi trường nơi ta đang sinh sống.

Đáp án đề 13+14

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
Trả lời	A	B	C	C	D	C	E	B	A	A	E	A	B	A	B	D	B	C

ĐỀ 15

- * Câu ghép
- * Tìm hiểu chung về văn bản thuyết minh

1. *Nêu định nghĩa về câu ghép? Chọn đáp án đúng.*

- A. Câu ghép là câu văn dài.
- B. Câu ghép là câu văn có nhiều ý.
- C. Câu ghép là câu văn có hai, ba... động từ trở lên.
- D. Câu ghép là những câu do hai hoặc nhiều cụm C-V không bao chứa nhau tạo thành, mỗi cụm C-V là một vế câu.

2. *Trong các ví dụ sau, câu nào là câu ghép?*

- A. Mặt trăng mõi lúc một lên cao thêm.
- B. Gió càng thổi mạnh, sóng biển càng cuộn lên nhấp nhô.
- C. Đoàn thuyền cá đầy khoang trở về bến trong bóng chiều hôm.
- D. Em lắng nghe lời ru con cát lén từ một ngôi nhà nhỏ cuối xóm vắng.

3. *Có mấy cách nối các vế câu ghép? - Có 2 cách: nối bằng quan hệ từ hoặc cặp quan hệ từ; nối bằng dấu câu (dấu phẩy, dấu chấm phẩy, dấu hai chấm).*

- A. Đúng
- B. Sai

4. *Câu ghép nào trong các ví dụ sau được nối bằng quan hệ từ?*

- A. Nghe ba tiếng trống, hàng trăm học sinh reo lên rồi ào ra sân trường như một đàn chim vỡ tổ.
- B. Tốp này đá cầu, tốp kia nhảy dây, bọn con trai đá bóng, ...
- C. Thằng Dần khóc thét lên, níu chặt lấy chị Tí.
- D. Hàng đàn chim hoảng hốt kêu lên, chao đi chao lại trên đầu.

5. *Câu ghép nào được nối bằng cặp quan hệ từ trong các câu ghép sau?*

- A. Bình Tư làm nghề ăn trộm nên vốn không ưa Lão Hạc bởi vì Lão lương thiện quá.

(Lão Hạc)

- B. Chúng tôi ngồi nép trên các cành cây, lắng nghe tiếng gió ảo huyền và tiếng lá cây đáp lại lời gió, thì thảm to nhỏ về những miền đất bí ẩn đầy sức quyến rũ lần sau chân trời xa thảm biếc kia.

(Hai cây phong)

- C. Mẹ vẫn nhỏ nhẹ nhàng: con không chỉ ngoan ngoãn mà còn phải học giỏi, lao động tốt như các anh, các chị.

- D. Trâm con suối đều đổ vào các dòng sông, trâm dòng sông đều đổ về biển cả.

6. *Các cặp từ ngữ in đậm có phải là cặp quan hệ từ trong câu ghép không?*

Mặc dù đường ngái trường dài.

Nhưng anh vẫn tối giữ lời thề chúng.

Ca dao

- Nếu với tiến phương pháp bài tập và chăm chỉ thì nhất định sẽ trở thành học sinh giỏi

A. Không đúng

B. Đúng

7. Chọn ý đúng với về văn thuyết minh:

- A. Văn thuyết minh cũng là văn tư sự
- B. Văn thuyết minh để giới thiệu nhân vật.
- C. Văn thuyết minh để giải thích sự vật.
- D. Văn thuyết minh là kiểu văn bản thông dụng trong mọi lĩnh vực đời sống nhằm cung cấp kiến thức về đặc điểm, tính chất, nguyên nhân,... của các hiện tượng và sự vật trong tự nhiên, xã hội bằng phương thức trình bày, giới thiệu, giải thích.

8. Văn thuyết minh phải đảm bảo những yêu cầu gì?

- Tính khách quan.
- Tính xác thực.
- Tính rõ ràng.

A. Đúng

B. Sai

9. Bài đọc tham khảo:

1. Trường đại học Harvard (Ha-vốt)

Tốt nghiệp Harvard (Ha-vốt) là một danh dự ở Mĩ vì trường đại học này có những truyền thống lâu đời. Trường ở thành phố Cambrige (Cam-brit-giơ) thuộc ngoại vi Boston. Cambrige nguyên là tên một thành phố đại học của Anh.

Trường Harvard được thành lập năm 1636 bởi Công ty Anh Massachusetts Bay Company. Trường mang tên Harvard, một mục sư trẻ để lại cho trường một nửa tài sản (780 bảng) và thư viện (320 cuốn) của mình. Lúc đầu chỉ có 12 học sinh và một thầy giáo, do giáo phái Thanh giáo xây dựng, với mục đích đào tạo mục sư cho các thuộc địa mới của Anh. Trường lấy tên Cambrige trước khi đổi tên là trường Trung học và sau là trường Đại học Harvard.

Năm 1640 ông Henry Dunster (Hen-ry Đan-xơ) tốt nghiệp trường Đại học Cambrige ở Anh, được cử làm hiệu trưởng trường Harvard. Ông điều hành theo mô hình của Anh và dạy các môn: Khoa học xã hội, ngôn ngữ và 3 môn triết học. Khoa thần học ra đời năm 1721 nhờ sự giúp đỡ của một nhà kinh doanh ở London để trả lương cho giáo viên. Sáu năm sau, trường có thêm khoa toán học và khoa triết học. Trong 100 năm đầu, trường phải dựa vào sự giúp đỡ của nhà nước thuộc địa, nhờ các khoản tiền ủng hộ của các sinh viên và tổ chức nhân đạo, cho đến năm 1833 thì chấm dứt. Harvard bắt đầu phát triển mạnh kể từ khi ông C.W.Eliot (È-li-ot) được bổ nhiệm làm hiệu trưởng trong năm 1869. Là một người có đầu óc cách tân, ông đã đưa nhiều bộ môn mới vào chương trình giảng dạy, cải cách phương pháp giảng dạy, đổi mới cơ sở vật chất kỹ thuật. Ông đã khôi phục khoa luật và cải cách khoa y. Thành tích lớn nhất của ông là ban hành "chế độ lựa chọn", cho phép sinh viên được tự do chọn môn học. Do đó, số sinh viên từ 1.000 đã tăng lên 3.000, và số khoa tăng từ 49 lên 278. Nhà trường trở thành tổ chức giáo dục tiên phong trong nước, là nơi xuất hiện nhiều giáo sư xuất sắc, nổi tiếng thế giới. Ông

Eliot luôn luôn tin rằng “Triường đại học là thay đổi chân lý, là cái kho chân lý, và là người đi tìm chân lý”. Ông đã nghỉ hưu vào năm 1909.

Việc tổ chức chế độ nội trú và chế độ trợ lí học tập là sáng kiến đầu tiên của hiệu trưởng A.L.Powell (Pau-ol). Ông còn sửa đổi “chế độ lựa chọn”, vì ông cho rằng “một người có học phải am tường một vài môn và có hiểu biết chung về các môn khác”. Nhờ các khoản tiền giúp qua nhiều thập kỉ, trường đã xây được 10 khu nội trú cho thầy, trò và các trợ lí.

Sau đó, hiệu trưởng J.B. Conant (Cầu-nont) đã thực hiện chương trình giáo dục tổng hợp vào năm 1949, quy định mỗi sinh viên bắt buộc phải học các môn thuộc 3 lĩnh vực : khoa học nhân văn, khoa học xã hội, và khoa học tự nhiên. Ông đặt ra chế độ học bổng giúp các thanh niên ưu tú có điều kiện học tập.

Đến năm 1953, hiệu trưởng N.M. Pusey (Piu-zí) tổ chức các trung tâm nghiên cứu Đông Á, Trung Đông và Liên Xô. Ngoài ra, trường còn ra báo hàng ngày cho sinh viên Harvard tờ “The Crimson Eye” là cơ quan phát triển các nhân tài báo chí Mĩ như: Donald Graham, chủ bút báo “Washington Post”, Peter Kann, trợ lí chủ bút báo “Wall Street Journal”; Anthony Lewis, nhà báo chuyên giữ một mục của tờ “New York Times”. Cán bộ thêm những nhà báo lớn của Mĩ, như: Walter Lippman, các nhà văn có hanger như: T.S.Eliot, Robert Frost và Wallace Stevens...

Hiện nay trường Đại học Harvard là một tổ chức học đường có quyền tự hào với 100 thư viện lưu giữ trên 10 triệu cuốn sách, 8 viện bảo tàng, và đầy đủ những phương tiện học tập và nghiên cứu độc nhất ở nước Mĩ. Năm 1965, trường sát nhập với một trường Đại học nữ là Radcliffe Colege.

Trong 353 năm tồn tại, trường Harvard đã đào tạo nhiều chính khách và nhiều nhà khoa học, trong số đó có 6 tổng thống, 29 nhà khoa học và hoạt động xã hội được giải thưởng Nobel, và 27 người được giải thưởng Pulitzer. Trường Harvard đã cho ra mắt thế giới chiếc máy tính dùng số đầu tiên, chiếc phôi bằng sắt đầu tiên, chiếc đồng hồ chính xác nhất và một loạt các phát minh và phát kiến, kể cả lý thuyết di truyền về hành vi của con người.

Học sinh mới vào trường, được chào đón bằng câu châm ngôn nổi bật trên tường: “Vào đây để lớn lên trong sự thông thái, ra đi để phục vụ tốt hơn đất nước và đồng loại của bạn”.

Ngày nay để được tiếp nhận vào trường Đại học Harvard, mỗi thí sinh phải hoàn thành các thủ tục nhập học khá chặt chẽ và phải đóng 60.000 đô la cho 4 năm học. Mỗi năm, trường tiếp nhận đơn xin học của khoảng 14.000 sinh viên, không riêng của Mĩ mà của cả các nước trên khắp thế giới, nhưng chỉ có khoảng 16% đủ tiêu chuẩn vào học. Trường có khoảng 36.000 sinh viên.

Hữu Ngọc

2. Viết một bài văn thuyết minh về chiếu cối và nghề dệt chiếu cối.

Nghề trống cối, trống đay dệt chiếu cói đã lâu đời ở nước ta. Ở các chợ phiên cuối năm trên mọi miền quê, khu vực bán chiếu lúc nào cũng người ra vào mua bán tấp nập. Chiếu Cái, Chiếu Đót, Chiếu Cáp Diệu, Chiếu kè sọc, Chiếu in hoa, Chiếu sợi xe, Chiếu đơn, Chiếu dời, Chiếu tròn, Chiếu đậu, Chiếu gai... được dùng bán đủ màu sắc, tỏa mùi thơm nồng nàn, gợi sự ấm áp của mùa đông.

Cói và day được trồng ở những cánh bờ ruộng ngọt. Cói banh té cắt về phân loại, dùng dao hay máy cày (cày đồi, cày ba), đem phơi sân. Day già đốn vỏ, bóc tước vỏ đem ngâm, phơi khô, xe thành sợi đều trắng muốt. Người thợ thủ công dệt chiếu bằng khung cũn cổ truyền. Ngày nay, có nơi đã dùng máy dệt chiếu. Kỹ thuật dệt chiếu là ở mặt chiếu phẳng lì, sợi cói đều tám tắp và ống nuốt, hai đường biên được bện thật chặt, thật đều, không cộm. Dân gian có câu ca lụu truyền: “*Mua chiếu xem biển, người hiền xem mít*”. Chiếu dệt xong có thể được in hoa, sau đó đem hấp cách thủy trên chảo lớn, vặc lòn độ ba bốn giờ rồi đem phơi khô để chống mốc.

Chiếu để trải giường, và còn dùng để đắp. Một cặp vợ chồng sắp cưới, thứ mua sắm đầu tiên là dời chiếu trải giường. Ca dao có câu:

“Giúp em dời chiếu em nằm,
Dời chăn em đắp dời tramped em deo”.

Ngày xưa chưa có nhiêu bàn ghế thì chiếu cối là vật duy nhất dùng để ngồi. Chiếu trải trên sân đình, sân nhà thờ họ, chiếu trải trên nến nhà, các cụ ngồi chiếu cắp điệu nới trang trọng, con cháu ngồi trên chiếu cối, cùng uống rượu ăn cỗ, đông vui. Màn chèo “*Thị Mầu lên chùa*”, “*Nghén Sở Óc Hén*”, … cũng chỉ diễn trên chiếu nới sân đình dịp đầu xuân. Người ta gọi “chiếu chèo” là vậy.

Nhiều câu ví, lời ca nói về chiếc chiếu: “*Sóng làm sảng, chét bó chiếu*”. Sảng là quan tài. Kẻ giàu sang thì “*An cõm hom, nằm giường hòm, đắp chiếu Hồi*”. Chiếu Hồi nổi tiếng xưa nay trên miền Bắc nước ta. Làng Hồi là tên Nôm của làng Hải Triều, xã Tân Lê, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Trạng nguyên Phạm Đôn Lê được vua Lê cử đi sứ sang Tàu (thế kỷ 15), ông đã học được kỹ thuật dệt chiếu, đem về truyền dạy cho bà con làng xóm. Nghề dệt chiếu cối ở nước ta ra đời từ đó.

Nguyễn Thị Lộ là cô gái xinh giòn của làng Hồi từng mang chiếu cối lên Kinh kì Thăng Long và đã kì ngộ Nguyễn Trãi. Bài thơ đối đáp: “*á ở đây bán chiếu gon...*” - “*Tôi ở Tây Hồ bán chiếu gon...*” nhiều người đã biết.

Nghề dệt chiếu có ở nhiều nơi như Hà Nam, Ninh Bình, Nam Định, Thanh Hóa, Nghệ An... Chiếu Nga Sơn Thanh Hóa, nức tiếng gần xa: “*Chiếu Nga Sơn, gợt h Bát Tràng*”... Nhưng chỉ có Hải Triều là thịnh vượng nhất về nghề dệt chiếu. Phạm Đôn Lê đã được dân làng đúc tượng và tôn là Thành Hoàng. Hội thi dệt chiếu của các cô gái làng Hồi năm nào cũng nô nức diễn ra vào tháng Giêng. Cuộc thi tài cũng là hội giao duyên kỉ thú.

Ngày nay, cuộc sống của nhân dân ta đã có nhiều đổi mới. Dân thành phố phần lớn dùng ga trải đệm mút, thảm trải nến nhà, dùng chiếu ni-lông, chiếu tre cao cấp. Nhưng bà con ở các xóm làng, quê vẫn dùng chiếu cối, một vật dụng thân thiết hàng ngày của họ. Phiên chợ Tết cuối năm, mua được dời chiếu hoa văn là niềm vui bình dị, hành diện của nhiều người.

Đáp án đề 15

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Trả lời	D	B	A	A	C	B	D	A

DE 16

- * Ôn dịch, thuốc lá,
 - * Câu ghép (tiếp theo)
 - * Phương pháp thuyết minh.

1. Bài “Ôn dịch, thuốc lá” của Nguyễn Khắc Viên là một văn bản thuyết minh?

- A. Ding R. Saj

2. Ý tưởng chủ đạo của văn bản này là gì?

- A. Thuốc lá rất có hại.
 - B. Phản lớn mọi bệnh tật nguy hiểm mà con người mắc phải đều do thuốc lá gây ra.
 - C. Ôn dịch thuốc lá đe doạ sức khỏe và tính mạng loài người còn mang hơn cả AIDS.
 - D. Đến lúc mọi người phải đứng lên chống lại, ngăn ngừa nạn ôn dịch này.

E. Gồm cả C và D.

- Chất hắc ín trong khói thuốc lá làm té liệt những lóng rung của những tế bào ở niêm mạc và ở vòm họng, ở phế quản, ở nang phổi... gây ra ho hen, viêm phế quản.
 - Chất ô-xít cacbon trong khói thuốc lá thẩm vào máu, làm cho sức khoẻ của người nghiện thuốc lá ngày càng sút kém.
 - Chất hắc ín trong khói thuốc lá gây nên bệnh ung thư. Hơn 80% bệnh nhân ung thư vòm họng, ung thư phổi là do khói thuốc lá.
 - Các bệnh như huyết áp cao, tắc động mạch, nhồi máu cơ tim đều do chất ni-cô-tin của thuốc lá gây ra.
 - Hàng triệu người bị bệnh viêm phế quản đều do khói thuốc lá gây ra.

- 4. Vẽ mặt đạo đức xã hội, người nghiên thuốc lá đã gây nên những tai họa gì?**

 - Khói thuốc lá của người nghiên đã làm cho nhiều bà mẹ nhiễm độc rồi đẻ non, thai nhi bị nhiễm độc...
 - Người lá hút thuốc lá đã nêu gương xấu cho trẻ em.
 - Thuốc lá và nghiên thuốc lá là nguyên nhân của mọi tệ nạn như trộm cắp, Nghiều trẻ em phạm pháp là do nghiên thuốc lá

đến chóng lai, ngắn ng

6. Em hiểu nghĩa của từ "on dịch" trong văn bản này như thế nào?

- A. Một loại ma quái ghê sợ
- B. Một bệnh lây lan, nguy hiểm, gây chết người hàng loạt.
- C. Là một loại dịch bệnh đang sốt.
- D. Là một từ để chỉ rùa.

7. Có thể chia thành 2 loại câu ghép: câu ghép chính phủ và câu ghép liên hợp. Hãy nêu ví dụ:

- Câu ghép chính phủ:

"Hết còn một tên xâm lược trên đất nước ta thì ta còn phải tiếp tục chiến đấu, quyết sạch nó đi!"

(Hồ Chí Minh)

- Câu ghép liên hợp:

"Trời sáng dần, mặt trời từ từ nhô lên, biển càng rộng càng trong xanh".

Lê Phan Quỳnh.

A. Đúng

B. Sai

8. Đây là loại câu ghép gì?

"**Nếu** ai có bộ mặt không được xinh đẹp **thì** gương không bao giờ nói dối, **nếu** nắng là xinh đẹp. **Nếu** ai mặt nhợ, gương nhắc nhở ngay. **Nếu** ai buồn phiền **còn** có **thì** gương cũng buồn phiền **còn** có theo nhì để an ủi, để sẻ chia"...

Băng Sơn

A. Câu ghép liên hợp

B. Câu ghép chính phủ

9. Đọc 4 ví dụ sau, cho biết ví dụ nào là câu ghép liên hợp?

A.

Trên đồng cạn, dưới đồng sậy

Chồng cây, vợ cây, con trâu di bùa.

Ca dao

B.

Bởi chàng ăn ở hai lòng,

Cho nên phản thiếp long dong một đời

Ca dao

C.

Vì hoa nên phải đánh đường tìm hoa.

Nguyễn Du

D.

Thà rằng liều một thân con,

Hoa dù rã cánh, lá còn xanh cây

Nguyễn Du

10. Câu ghép nào là câu ghép chính phủ trong các ví dụ sau?

A. Tuy tuổi cao sáu yếu, nhưng Bác Hồ vẫn quyết tâm đi chiến dịch Biên giới

B. Có tội chưa dứt câu, cổ họng tôi đã nghẹn ứ khóc không ra tiếng.

Nguyễn Hồng

C. Ngọc càng mài vàng sáng, vàng càng luyện càng trong.

Hồ Chí Minh

D.

Tử phen đã biết tuổi vàng

Tình càng thâm thia, dạ vàng ngắn ngo

Nguyễn Du

II. Đây là câu ghép gì?

"Có nhiều bao thì mới vào được cửa quan, chứ hai bàn tay trắng thì mán rắng được!".

(Đi tìm công lý)

A. Câu ghép chính phủ

B. Câu ghép liên hợp.

12.

Phân tích và nêu cảm nghĩ sau khi đọc bài "Ôn dịch, thuốc lá"
của Nguyễn Khắc Viễn.

Bài làm

Nguyễn Khắc Viễn là một trí thức Tây học, đồ bác sĩ tại Pháp trong thập niên bốn mươi của thế kỷ XX. Ông là nhà hoạt động văn hóa, nhà hoạt động xã hội rất nổi tiếng, ở nước ta.

Bài "Ôn dịch, thuốc lá" thể hiện cái tâm và cách viết, cách nói sắc sảo, độc đáo của Nguyễn Khắc Viễn.

Nhan đề rất độc đáo: "Ôn dịch, thuốc lá". Độc đáo ở hai chữ "Ôn dịch"; độc đáo về cách dùng dấu phẩy ở đây, dấu phẩy tạo nên ngữ điệu, gợi lên một tình huống nguy cấp, phải báo động, gây ấn tượng mạnh cho người đọc, người nghe. Cách dùng dấu phẩy ở nhan đề đã thể hiện một lối nói, lối viết theo văn phong châu Âu hiện đại. Nếu viết: "Ôn dịch thuốc lá" hoặc "Thuốc lá là một loại ôn dịch" đều được, nhưng viết như thế thì "bằng phẳng quá", "hiến lành quá" không hấp dẫn, không phù hợp với nội dung văn bản (Chú ý, ở cuối bài tác giả có viết: "... Lại còn thêm ôn dịch thuốc lá này".

Mở đầu tác giả dùng phép so sánh - đối chiếu để lôi kéo, thu hút người đọc: Dịch hạch, thổ tả, những dịch bệnh khủng khiếp từng gây ra và làm chết hàng vạn, hàng triệu người. Nhờ tiến bộ y học mà những dịch khủng khiếp ấy "đã diệt trừ được". Cuối thế kỉ XX, loài người lại "lo âu về nạn AIDS" mà "chưa tìm ra giải pháp" thì "ôn dịch thuốc lá đang đe dọa sức khỏe và tính mạng loài người còn nặng hơn cả AIDS". Sự thật khủng khiếp được nhiều nhà bác học, sau mấy chục năm và hơn năm vạn công trình nghiên cứu lớn tiếng báo động. Đúng là con số biết nói!

Phản thứ hai bài văn, Nguyễn Khắc Viễn phân tích và chứng minh rằng ôn dịch thuốc lá gây ra bao tệ nạn kinh khủng. Trước hết, ông nhắc lại một câu nói nổi tiếng của Trần Hưng Đạo cẩn dặn nhà vua: "Nếu giặc đánh như vũ bão thì không đáng sợ, đáng sợ là giặc găm nhám như tầm ăn dâu" để chỉ rõ ôn dịch thuốc lá giết dân giết mòn con nghiện, gây ra bao tai hại ghê gớm trong cộng đồng là nguyên nhân, nguồn gốc của mọi tệ nạn xã hội khác. Dẫn câu nói của Trần Hưng Đạo không chỉ làm tiền đề cho lập luận, làm cho luận cứ và luận chứng thêm phần sắc bén, chặt chẽ mà còn tạo cho người đọc bao liên tưởng đầy thuyết phục về "ôn dịch, thuốc lá". Thuốc lá là ôn dịch, là một thứ giặc rất đáng sợ vì nó "găm nhám" con nghiện và xã hội.

Khói thuốc lá rất độc, chất hắc ín sê "làm té liệt" những lồng rung, lồng mao của những tế bào niêm mạc ở nơi vòm họng, ở phế quản, ở nang phổi; chất hắc ín ấy "tích tụ lại" gây ho hen, đờm dài, và sau nhiều năm gây viêm phế quản.

Người nghiện thuốc lá sẽ bị chất o-xit các-bon trong khói thuốc lá thâm vào máu... làm cho sức khỏe “ngày càng sút kém”.

Tác giả nêu lên những số liệu để chứng minh “*ôn dịch, thuốc lá*” rất đáng sợ. 80% bệnh nhân ung thư vòm họng và ung thư phổi ở bệnh viện K là do thuốc lá. Các bệnh huyết áp cao, tắc động mạch, nhồi máu cơ tim đều do chất ni-cô-tin của thuốc lá gây ra. Những cái chết đột xuất về nhồi máu cơ tim, những khối ung thư ghê tởm của con bệnh 40-50 tuổi đều cho thấy “*tác hại ghê gớm của thuốc lá*”. Hàng triệu người bị viêm phế quản làm mất bao nhiêu ngày lao động và tổn hao sức khỏe đều do thuốc lá gây ra. Những số liệu ấy đầy sức thuyết phục vì đó là những căn cứ khoa học, là ý kiến của bác sĩ viện trưởng Bệnh viện K, của bác sĩ Viện trưởng Viện Nghiên cứu các bệnh tim mạch nêu lên.

Nguy hại hơn nữa là kẻ nghiện thuốc lá “*dã dào độc*” những người xung quanh bằng khói thuốc lá. Vợ con... bị nhiễm độc, nhất là những thai nhi. Hiện tượng đẻ non, đẻ ra dã suy yếu... đều do bị nhiễm độc bởi khói thuốc lá. Câu văn: “*Hút thuốc lá cạnh một người đàn bà có thai quả là một tội ác*” vang lên như một lời kêt tội nghiêm khắc.

Về mặt đạo đức, người lớn (bố, anh, chú, bác...) nghiện thuốc lá “*không những dã dào độc con em mà còn nêu gương xấu*”. Cho nên câu nói: “*Tôi hút, tôi bị bệnh, mặc tôi!*” chỉ là lời lẽ giàn buồng của con nghiện!

Phản cuối, tác giả cho biết nghiện thuốc lá là nguyên nhân của các tệ nạn khác như ma túy, trộm cắp. Ở Việt Nam ta, một nước thuộc diện “*nghèo*” mà tỉ lệ thanh thiếu niên hút thuốc ở các thành phố lớn “*ngang với tỉ lệ các thành phố Âu - Mỹ*”.

Ở châu Âu, chiến dịch chống thuốc lá rất quyết liệt. Cấm hút thuốc lá ở tất cả những nơi công cộng, phạt nặng những người vi phạm (như ở Bỉ); cấm quảng cáo thuốc lá trên báo chí, vô tuyến. Cuối năm 1990, có thể nêu lên những khẩu hiệu: “*Một châu Âu không còn thuốc lá*”.

Trái lại, ở Việt Nam, một nơi có nhiều bệnh như sốt rét, bệnh phong, lao, ia chay chưa thanh toán được, “*lại ôm thêm ôn dịch thuốc lá này*”. Tệ nạn ấy “*nghĩ đến mà kinh!*”. Bằng tấm lòng của người thầy thuốc, Nguyễn Khắc Viện thiết tha kêu gọi mọi người Việt Nam “*phải đứng lên chống lại, ngăn ngừa nạn ôn dịch*” thuốc lá.

“*Ôn dịch, thuốc lá*” là một văn bản thuyết minh được viết bằng một văn phong hiện đại, độc đáo. Các lí lẽ và dẫn chứng được tác giả nêu lên qua sự phân tích sắc bén, qua sự so sánh liên tưởng đầy sức thuyết phục. Bài văn đã thể hiện sự quan tâm và lo lắng của Nguyễn Khắc Viện trước tệ nạn “*ôn dịch, thuốc lá*”.

Bài văn đã nâng cao nhận thức cho mỗi chúng ta, nhất là các bạn trẻ, biết về những tác hại ghê gớm về thuốc lá. Và hãy coi chừng ôn dịch, thuốc lá!

Đáp án đề 16

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Trả lời	A	E	B	A	C	B	A	B	A	A	B

ĐỀ 17

- * Bài toán dân số.
- * Dấu ngoặc đơn và dấu hai chấm
- * Đề văn thuyết minh và cách làm bài văn thuyết minh

1. "Bài toán dân số" được tác giả sử dụng nhiều phương thức biểu đạt để làm nổi bật ý tưởng chủ đạo của vấn đề nêu ra. Em hãy cho biết đó là những phương thức biểu đạt nào?

- | | |
|---|----------------------------|
| A. Thuyết minh | B. Tư sự |
| C. Biểu cảm | D. Miêu tả |
| E. Thuyết minh và tư sự | F. Thuyết minh và lập luận |
| G. Thuyết minh kết hợp với tư sự và lập luận. | |

2. Câu chuyện nhà thông thái kén rể có được coi là sự thể hiện phương thức tư sự không?

- | | |
|---------|----------------|
| A. Đúng | B. Không đúng. |
|---------|----------------|

3. Bài toán dân số được tính toán từ một chuyên trong Kinh Thánh có phải được tác giả kết hợp 2 phương thức biểu đạt là thuyết minh và lập luận không?

- | | |
|---------|--------|
| A. Đúng | B. Sai |
|---------|--------|

4. Đoạn kết được tác giả sử dụng phương thức biểu đạt nào?

- | | |
|----------------|-------------|
| A. Thuyết minh | B. Tư sự |
| C. Lập luận | D. Biểu cảm |

5. Vấn đề mà tác giả nêu lên trong văn bản này là gì? Chọn ý đúng.

- | | |
|--|--|
| A. Bài toán dân số. | B. Văn đế dân số và kế hoạch hoá gia đình. |
| C. Con đường "tồn tại hay không tồn tại" của chính loài người. | D. Văn đế dân số và kế hoạch hoá gia đình là con đường "tồn tại hay không tồn tại" của chính loài người. |

6. Câu chuyện kén rể của nhà thông thái có vai trò và ý nghĩa trong việc làm nổi bật vấn đề chính mà tác giả muốn nêu ra. Đó là, nếu bài toán dân số và kế hoạch hoá gia đình không được giải quyết thì đến một ngày không xa dân số thế giới sẽ như thế phái có trong chuyện kén rể, nhiều đến mức có thể phủ khắp bề mặt trái đất này! Trái Đất sẽ không đủ chỗ sinh sống cho hàng tỉ tị con người.

- | | |
|--------|---------|
| A. Sai | B. Đúng |
|--------|---------|

7. Việc tác giả đưa ra những con số về tỷ lệ sinh von của phụ nữ ở một số nước theo thông báo của Hội nghị Cai-rô nhằm mục đích cho thấy ở châu Phi và châu Á dân số phát triển và già tăng quá lớn, trong đó có Việt Nam. Nếu bài toán dân số và kế hoạch hoá gia đình không giải quyết được thì sự phát triển xã hội như chống đói nghèo, lạc hậu, văn đế giáo dục, y tế, văn đế phát triển kinh tế ở các nước chậm phát triển sẽ không bao giờ giải quyết được. Văn đế "nhàn mòn" sẽ trở thành tai họa khi bệnh AIDS mỗi năm một già tăng!

- | | |
|---------|--------|
| A. Đúng | B. Sai |
|---------|--------|

8. Bộ cục của văn bản gồm có 3 phần:

- Đoạn 1: Tác giả đã "sang mặt ta" về bài toán dân số.
- Đoạn 2: Câu chuyện về nhà thông thái kén rể (bài toán dân số) và những con số về bài toán dân số trong thời hiện đại.
- Đoạn 3: Giải thuyết được bài toán dân số là giải quyết được con đường "tồn tại hay không tồn tại" của chính loài người.

A. Sai

B. Đúng

9. Riang về phán than bài có 3 đoạn văn, mỗi đoạn văn là một ý lớn (một luận điểm):

- Văn đề dân số được nhìn nhận từ một bài toán cổ.
- Bài toán dân số được tính toán từ một chuyện trong Kinh Thánh.
- Văn đề dân số được nhìn nhận từ thực tế, thực trạng của con người, của hai châu lục Á, Phi.

A. Đúng

B. Sai

10. Vốn để tác giả nêu lên đã làm cho mỗi chúng ta nâng cao nhận thức về sự cấp thiết, tầm quan trọng về bài toán dân số và kế hoạch hóa gia đình. Việt Nam chúng ta muốn công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh thì phải giải quyết được bài toán dân số và kế hoạch hóa gia đình.

A. Sai

B. Đúng

11. Đau hai châm trong câu văn dùng để làm gì?

A. Để liệt kê

B. Để đánh dấu (báo trước) phần giải thích, thuyết minh cho một phần trước đó.

C. Đánh dấu (báo trước) lời dẫn trực tiếp hay lời đối thoại.

D. Gồm cả B và C.

12. Hãy nêu tác dụng của đau hai châm trong ví dụ sau:

Tôi nói chuyện lão với vợ tôi. Thị gạt phát đi:

- Cho lão chết! Ai bảo lão có tiền mà chịu khổ! Lão làm lão khổ chứ ai làm lão khổ! Nhà mình sung sướng gì mà giúp lão? Chính con mình cũng dối.

(Lão Hạc)

A. Đánh dấu lời dẫn trực tiếp

B. Đánh dấu lời đối thoại

C. Đánh dấu phần giải thích cho phần trước đó.

D. Đánh dấu phần thuyết minh cho một phần trước đó.

13. Nêu tác dụng của đau hai châm trong các ví dụ sau:

Khi sống sung túc, phẩm hạnh lâm nhất là sự diệu độ, còn khi gặp tai họa, phẩm hạnh lâm nhất là sự kiên cường. Có ba diệu đạt tới hạnh phúc: thân xác khoẻ mạnh, tinh thần thoải mái, trái tim trong sạch.

Dô-mát

A. Đánh dấu lời đối thoại

B. Đánh dấu lời dẫn trực tiếp

C. Đánh dấu phần thuyết minh cho một phần trước đó.

D. Đánh dấu phần giải thích cho phần trước đó.

14. Đọc đoạn văn sau rồi trả lời câu hỏi:

Một mặt, Nguyễn Trãi phơi phới bay bay bằng tâm hồn, mặt nữa Ông Cụ nói tới công việc đồng áng nhà nông, và quý báu biết bao! Ta thử hỏi các nhà thơ Việt Nam xưa trước, ai đã nói được thâm thiết trong thơ Nôm như Nguyễn Trãi, về rau có sẵn vật thường ngày của quê hương đất nước mình:

“Ao quan thả gửi hai bè muồng.
 Dát But ướm nhớ một luống mùng.
 Ao cạn vớt bèo cấy muồng.
 Trì thanh phát cỏ ương sen.
 Một cùy một cuốc thù nhà quê.
 Áng cúc lan chen vãi đậu kê.
 Cây rợp chối cánh chim két tổ.
 Ao quang mầu ấu cá nén bảy.
 Ngày tháng kê khoai những sân hằng.
 Tường đào ngõ mện ngại thung thăng.
 Tả lòng thanh vị núc nác,
 Vun đất ải, luống mồng tơi”.

Chúng ta thấy có rau muồng, dọc mùng, đậu kê, kê khoai, mồng tơi, núc nác, củ ấu, cây sen.., từ năm sáu trăm năm trước Nguyễn Trãi gửi đến cho chúng ta này.

Xuân Diệu

Em hãy cho biết, dấu hai chấm ở đây, Xuân Diệu dùng để đánh dấu lời dẫn trực tiếp thơ văn, có đúng không?

A. Đúng

B. Sai

15. Cho biết tác dụng của dấu ngoặc đơn là gì?

A. Đánh dấu lời thoại.

B. Đánh dấu lời dẫn trực tiếp.

C. Đánh dấu phần giải thích, thuyết minh cho một phần trước đó.

D. Đánh dấu phần chú thích (giải thích, thuyết minh, bổ sung thêm).

16. Cho biết dấu ngoặc đơn trong đoạn văn sau dùng để làm gì?

Đối với nguyệt, với trăng, Nguyễn Trãi có tâm tình của một người bạn; trăng tri ki, trăng tương thức, bởi thế trăng xuất hiện thật đúng vào lúc Nguyễn Trãi cần có bạn tri âm:

“Khách đến, vườn có hoa lá (=lác đác)
 Thơ nên, cửa thấy nguyệt vào!”

Nghiến ngầm, vừa mới hoàn thành bài thơ, “thơ nên”, thì nhìn ra cửa, thấy trăng đã mọc, đã lên, và bước vào nhà! Trăng ở đây có một tâm hồn, trăng sáng đẹp, trong trẻo, thanh tao, đèn như một người oan quỷ xuất hiện!

Xuân Diệu

Dấu ngoặc đơn ở đây dùng để chú thích cho chữ “lác” trong câu thơ của Nguyễn Trãi nghĩa là “lác đác”, thưa thớt, rái rác.

A. Sai

B. Đúng .

Cá lòng tong nấu đot cốc**Bài làm**

Khi mùa nước nổi bắt đầu dâng ở các tỉnh đầu nguồn sông Tiền, sông Hậu, thì miệt hạ lưu sông Cửu Long dòng sông như mènh mông hơn. Khi con nước dâng cao bờ bãi là thời điểm bắt đầu của mùa cá lòng tong. Mùa này kéo dài cho đến cuối năm âm lịch.

Để đánh bắt cá lòng tong, người nông dân vùng Đồng bằng sông Cửu Long áp dụng hai cách. Thứ nhất là *chân u*. Người ta đào một cái ao rộng khoảng mười mét vuông, mở một cửa có rãnh nhỏ, ngăn dẫn ra sông (hoặc kinh, rạch). Nơi rãnh tiếp giáp kinh, rạch được chặn lại bằng phương tiện nào đó mà họ có được, nhưng phải đạt yêu cầu là cá vào rất thuận lợi mà ra thì... không bao giờ. Cách thứ hai là *lặm mùng*. Dụng cụ là một miếng vải mùng khá rộng, mắc vào bốn thanh tre, ăn xuống sông (hoặc kinh, rạch), bên trên rắc cám rang dụ cá đến ăn. Dụng cụ đánh bắt này giống như những chiếc vỏ mà nông dân ta đã làm từ nhiều chục năm nay. Nhưng để có được những con cá lòng tong nhỏ nhắn, xinh xinh một cách thú vị không gì hơn bằng câu. Chỉ cần một chiếc cẩn câu cùng một ít cám nguội là người ta có thể tiêu khiển một cách... ích lợi bên bờ sông trong một trưa, một chiều nước lớn. Móc cám vào lưỡi câu, quăng xuống nước. Lưỡi câu vừa chạm mặt nước, nhanh tay giật lên. Tòn teng cuối dây câu là một chú cá lòng tong đang vận mình, lấp lánh ánh bạc trong nắng. Cứ thế mà câu một cách thích thú, chẳng mấy chốc cá đầy một giỏ mang về.

Cá lòng tong xưa nay thường được người dân đem kho, kho khô hoặc kho nước với tiêu bột ăn cơm nóng. Nhưng nếu cá được kho khô với chút mỡ cùng một ít tiêu bột thì cái ngon "thị giác" tăng hẳn lên, do mình cá bóng nhảy những mỡ một cách hấp dẫn. Cá lòng tong đá (loại lòng tong to con) được dùng để chiên hoặc nướng rồi "ăn suông" chấm cá với nước mắm mặn nguyên chất giảm chút ớt hiểm xanh, ăn kèm với nhúm rau thơm. Vị ngọt của cá, mùi thơm của rau hòa quyện, bit một hơi gió chau thổ... thì còn gì bằng.

Nhưng lòng tong còn được chế biến thành một món ít ai biết được. Món này tuy ngon độc đáo nhưng thực hiện lại rất đơn giản. Đó là món cá lòng tong nấu canh đot cốc. Bắc nồi nước lên bếp. Cá làm sạch, để ráo. Khi nước sôi, cho cá và một nhóm đot lá cốc đã được rửa sạch vào. Nước sôi vài дол, nêm mắm muối, bột ngọt vừa ăn, nhắc xuống, múc ra tô, rắc chút tiêu bột. Gắp cá lòng tong chấm nước mắm ớt, thêm vị chua độc đáo của đot cốc thật hấp dẫn. Không giống như vị chua của me, vị chua của lá me, vị chua của lá giang, vị chua của bần..., vị chua của đot cốc lằng lâng cảm khoái lan dần khắp người khi ta húp một muỗng nước canh. Bữa cơm này nếu được ăn chung với cá lòng tong kho mỡ trong một chiều mưa lạnh lành thì còn gì thích thú bằng.

Phương Kiểu**Đáp án đề 17**

Tiêu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trả lời	G	A	A	C	D	B				B	D	B	C	A	D	B

ĐỀ 18

- * Chương trình văn học (địa phương).
- * Dấu ngoặc kép
- * Luyện nói: thuyết minh về một thứ đồ dùng.

1. Lúc viết, người ta dùng dấu ngoặc kép vào những trường hợp nào?

- A. Đánh dấu từ ngữ, câu, đoạn dẫn trực tiếp.
- B. Đánh dấu tên tác phẩm, dấu đe, nhan đe... được nhắc tới.
- C. Đánh dấu từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt.
- D. Có lúc dấu ngoặc kép đứng sát sau dấu hai chấm.
- E. Tất cả các trường hợp A, B, C, D.

2. Dấu ngoặc kép trong ví dụ sau được dùng để làm gì?

Khi người nông dân đang ngồi than thở thì có một người lơ đãng gần, mang cho ông ta một con ngỗng lông trắng rất đẹp. Người ấy nói: "Hãy chăm sóc cẩn thận con ngỗng của ta, và rồi con ngỗng sẽ chăm sóc cho anh".

(Truyện ngữ ngôn E-dốp "Con ngỗng để trừng vàng")

- A. Dùng để dẫn trực tiếp lời nói của nhân vật.
- B. Đánh dấu từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt.
- C. Đánh dấu câu văn, câu thơ được trích dẫn.
- D. Dùng để chú thích nghĩa.

3. Có phải dấu ngoặc kép trong đoạn văn sau đây được dùng theo nghĩa đặc biệt không?

Lần đầu tiên, tôi theo tía nuôi và thằng Cò đi "ăn ong" dây! Mấy hôm trước, má nuôi tôi đã kể ti mỉ cho tôi nghe cách gác kèo ong như thế nào, nhưng tôi vẫn chưa hình dung được "ăn ong" ra sao. Những điều má nuôi tôi kể, trong các sách giáo khoa không thấy nói.

("Đất rừng Phương Nam" - Đoàn Gỏi)

A. Sai

B. Đúng

4. Thi sĩ Xuân Diệu dùng dấu ngoặc kép trong đoạn văn sau để làm gì?

Bà Huyện Thanh Quan, dùng từ nôm sinh động ở cái mức "*Lom kiom dưới nui tiêu vài chú - Lác đác bén sông chợ múa nhá*", châm phá lơ thơ và có phần chiếu lệ; còn Hồ Xuân Hương thì phải có cao dộ, chống chát, đã "*vanh on cổ thụ*" lại phải "*tròn xoe tán*", đến hai tầng chữ, rất sống, rất diễn tả.

("*Sự trong sáng của tiếng Việt trong hờ*")

- A. Dùng để dẫn trực tiếp câu thơ hoặc một phần của câu thơ.
- B. Dùng để đưa đẩy lời văn cho sang trọng.
- C. Dùng để minh họa lời văn.
- D. Dùng để dẫn trực tiếp lời đối thoại.

5. Đọc đoạn văn sau:

Nguyễn Trãi đã viết "*Quản trung từ mệnh tập*", "*Binh Ngô đại úy*" sang sảng vang dội như ngựa hí voi gầm, giáo mùa gươm khua một thời xanh liệt.

Nguyễn Trãi còn là tác giả của hai thi phẩm cổ nhất, có giá trị nhất: "Quốc âm thi tập", bằng chữ Nôm, và "Uy trai thi tập" bằng chữ Hán. Cuộc đời, sự nghiệp và thơ văn Nguyễn Trãi mãi mãi là bài ca yêu nước và tự hào dân tộc.

Chọn đáp án đúng:

- A. Dùng để dẫn trực tiếp thơ văn.
- B. Dùng để dẫn trực tiếp lời đối thoại.
- C. Dùng để đánh dấu dàn đề, tên tác phẩm.
- D. Dùng để đánh dấu câu chữ mang ý nghĩa đặc biệt.

6. Đọc đoạn văn sau:

Mỗi câu thơ hay, bài thơ hay cứ làm ta buông khuàng chợt nhớ, chợt thương. Ca dao từ lời ru của mẹ đã thâm sâu vào hồn ta từ ngày còn nằm trong nôi:

"Đóng Đăng có phô Kì Lừa,

Có nòng Tô Thị, có chùa Tam Thanh..."

Lời ru ngọt ngào cứ ngân nga mãi:

"Anh vé miền Bắc lầu vò,

Vé tranh hoa đỏ để lại cho em".

Cấp sách đến trường, nghe thấy đọc câu thơ của Nguyễn Du trong "Truyện Kiều", ta chưa hiểu nhiều, nhưng cảm thấy hay, lòng như phản chiếu bao ánh sáng:

"Long lanh đầy mây in trời,

Thành xây khói biếc, nem phơi bóng vàng".

Tiếng Việt ta đẹp, thơ ta du dương như tiếng sáo, tiếng đàn bầu, mềm mại như dài lụa nuột nà, óng chuốt. Lần đầu nghe có giáo đọc câu thơ của Đỗ Trung Quân trong bài "Quê hương" mà nước mắt ta ứa ra, vì ta mổ cõi mẹ:

"...Quê hương... là bàn tay mẹ

Dịu dàng hờn lá mồng tơi

Bát cảnh ngọt ngào toả khói

Sau chiều tan học mưa rơi".

("Kỉ niệm tuổi thơ" - Lê Phan Quynh)

- Hãy cho biết, người viết đoạn văn này dùng dấu ngoặc kép trong những trường hợp nào?

- A. Để dẫn trực tiếp câu ca dao, câu thơ.
- B. Để chú thích dàn đề, tên tác phẩm.
- C. Gồm cả A và B.
- D. Không phải như thế.

7.

Thuyết minh về một thứ đồ dùng

Chiếc nón

Chiếc nón có từ bao giờ? Mỗi lần thấy bà, thấy mẹ đội nón, tôi cứ buông khuàng về câu hỏi ấy.

Cái nón quê kiểng bình dị thật ưa nhìn. Xương nón làm bằng tre, nứa, được vót tròn óng chuốt, được kết thành những vòng tròn có đường kính khác nhau theo khuôn nón. Cái chóp nón lúc nào cũng hướng về trời cao. Lá lợp nón là sản phẩm của núi rừng, Việt Bắc, Tây Bắc, Trường Sơn, Tây Nguyên, U Minh... là nguồn vô

tận vẻ lá nón. Lá cọ, lá kè cũng để làm nón. Chiếc nón mới làm ra lại được quết một lớp mỏng dầu rái (thảo mộc), óng ánh, vừa bền vừa đẹp.

Dáng hình chiếc nón cũng nhiều vẻ. Nón ba tám quai thao của các cô gái Kinh Bắc trong lễ hội mùa xuân; hội Lim, hội chùa Dâu, hát Quan họ. Lại có chiếc nón của các bà, các cô dội lúc làm đồng, vừa chắc bền, vừa tiện lợi. Che nắng mưa làm quạt.... Các cô thôn nữ làm duyên sau vành nón ấy. Chiếc nón thanh nhẹ còn che chở cho đôi má hồng, má lúm đồng tiền thêm xinh thêm đòn.

Ai đã sáng tạo ra chiếc nón bài thơ xứ Huế? Lá nón trắng nõn nà; bài thơ miêu tả ánh đèn. Chiếc quai nón bằng lúa thanh tao. Vành nón nghiêng nghiêng, dị dàng, e lệ, thâm kín của cô gái miền núi Ngự sông Hương. Chả thế mà du khách các câu khóa ngắn ngợi:

“Học trò xứ Quảng ra thi,
Gặp cô gái Huế bước đi không dàn”.

Còn có chiếc nón dấu ấn anh linh thủ đài xưa, mà khi xem phim ta mới biết:

“Ngang lưng thì thấy bao vàng,
Đầu đội nón dấu, vai mang súng dài”...

Mẹ em bảo nước ta nắng làm mưa nhiều. Chiếc nón là vật dụng thân thiết của mọi người, nhất là nhà nông. Vừa rẻ, vừa tiện lợi. Nhẹ nhàng dễ mang theo. Cứ nhiều làng nghề thủ công làm nón nổi tiếng xưa nay từng được truyền tụng qua cùi dao, dân ca:

“Muốn ăn cơm trắng, cá mè,
Muốn đội nón tốt thì về làng Chuông”.

hay:

“Hồi cô dội nón ba tám,
Có vé Yên Phụ hôm rằm lại sang.
Phiên rằm chợ chính Yên Quang,
Yên Hoa anh đợi hoa nòng mới mua”.

Chiếc nón làng Găng, chiếc nón chóp Ba Đồn, chiếc nón bài thơ xứ Huế đã trở thành món quà lưu niệm của khách phương xa. Nghe nói trong phòng khách của nhà thơ Xi-mô-nốp Nga có chiếc diều cày và chiếc nón bài thơ mà ông đã mang từ Việt Nam về? Và trong chúng ta, ai đã từng được xem diều múa nón, tưởng như dùi buồm sắc sỡ đang rập rờn bay trong ngàn hoa? Hình ảnh cô nữ sinh Huế ngày xưa tưởng như gặp trong mộng:

“Những nàng thiếu nữ sông Hương,
Da thơm là phấn, má hương là son.
Tươi trướng chân sát thon thon,
Lao xao nón mới màu sen sáng ngờ”...

(“Tươi trướng” - Nguyễn Bình)

Ngày nay, ở các đô thị, hầu như không thấy học sinh đội nón đến trường. Mái chỉ thấy những chiếc mũ vải dù màu sắc xinh xắn. Nhưng trên đường làng, giữa các phiên chợ miền quê, chiếc nón lá màu trắng xinh xắn nhẹ vẫn thấy nhiều

và ưa nhìn, dễ mến. Các bà, các mẹ, các cô thôn nữ... làm sao rời được chiếc nón quai hương?

Tren con đường phát triển, công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ta ngày một phong phú hơn, sang trọng hơn. Nhưng giậu cúc tan, lũy tre xanh, đồng lúa chín, con trâu hiền lành, tiếng sáo điệu... và chiếc nón ba tam, chiếc nón bài thơ sẽ còn mãi trong tâm hồn nhân dân ta. Những câu hát bài ca về chiếc nón bình dị, quê kieng ấy vẫn là sợi nhớ sợi thương giang mac trong hồn người, man mac và bâng khuâng có bao giờ với...

Daan de 18

Câu	1	2	3	4	5	6
Trả lời	E	A	B	A	C	C

DÉ 19 + 20

- * Vào nhà ngực Quang Đóng cảm tác
 - * Đập đá ở Con Lôn
 - * Ôn luyện vẻ dầu cau
 - * Thuyết minh về một thể loại văn họ

1. Bài thơ “Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác” đã được Phan Bội Châu viết vào năm 1914 khi nhà cách mạng Việt Nam bị bọn quân phiệt Quảng Đông (Trung Quốc) bắt giam ám mưu trao trả cho thực dân Pháp.

2. Bài thơ được viết theo thể thơ nào?

- A. Thơ tự do** **B.Thơ tứ tuyệt (2 khổ)**
C. Thơ tám chữ **D. Thát ngôn bát cú Đường luật.**

3. Chủ đề của bài thơ là gì?

- A. Nỗi đau khổ vì bị tù dày.
B. Long khao khát tự do.
C. Ý chí kiên cường bất khuất.

D. Sẵn sàng chấp nhận mọi nguy hiểm từ dày, lạc quan và tin tưởng vào sự nghiệp cách mạng.

4. Bài thơ viết theo luật gì, có mấy vần, đó là những vần cụ thể nào? - Bài thơ viết theo luật bằng (chữ thứ hai câu 1 là chữ l thanh bằng). Có 5 vần thơ, cụ thể là: lưu - tù - chau - thù - đau (chữ cuối của các câu 1 và câu chẵn 2, 4, 6, 8 vần với nhau).

- A. Saj** **B. Đóng**

5. Giang thơ the náo?

- A. Nhẹ nhàng
B. Èm ái, du dương.
C. Hùng hồn, mạnh mẽ.
D. Buồn lè thê.

6. Những câu thơ nào đối nhau? Có phải câu 3 đối câu 4, câu 5 đối câu 6 không?

- A. Dung B. Sai

7. Em hiểu nghĩa ba chữ “bó kinh tế” là thế nào?

- A. Vật dụng sán vật của cái vật chất.
- B. Chỉ sự nghiệp cách mạng to tát, vĩ đại.
- C. Nói lên khát vọng độc lập, tự do.
- D. Lấy từ chữ “kinh bang tế thế”, nghĩa là trị nước cứu đời, một hoài bão phi thường của kẻ sĩ quân tử, của dáng hào kiệt phi thường.

8. “Cuộc oán thù” là gì?

- A. Oán hận và căm thù
- B. Chỉ cảnh bị bắt giam, bị tù đày.
- C. Cuộc đời cách mạng, chống thực dân Pháp và bè lũ tai sai để cứu nước, cứu dân, giải phóng dân tộc.
- D. Cá A, B, C đều sai.

9. Có ý kiến cho rằng:

“Vào nhà ngực Quảng Đông cầm tú” đã dựng lên hình ảnh người chiến sĩ cách mạng kiên cường bất khuất, lạc quan tin tưởng trong cảnh nguy hiểm tù đày.

- A. Sai
- B. Đúng.

10. Bài thơ “Đập đá ở Côn Lôn” được Phan Châu Trinh viết vào hoàn cảnh nào?

- A. Viết tại Côn Lôn.
- B. Viết vào năm 1908.
- C. Viết vào năm 1908 tại đảo Côn Lôn khi Phan Châu Trinh bị thực dân Pháp cầm tù với cái án “khổ sai chung thân”.
- D. Cá A, B và C đều không đúng.

11. Có phải bài “Đập đá ở Côn Lôn” được viết theo thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật?

- A. Đúng
- B. Sai

12. Chủ đề bài thơ là gì?

- A. Tả cảnh đập đá ở Côn Lôn.
- B. Tả cảnh lao động khổ sai đập đá của người tù.
- C. Nêu cao khí phách bất khuất của người chiến sĩ cách mạng.
- D. Thể hiện ý chí kiên cường bất khuất, khí phách hiên ngang, lòng trung thành sắt son của người chiến sĩ cách mạng phi thường.

13 Giọng thơ như thế nào? Có phải là trầm tĩnh, ung dung, hào hùng?

- A. Sai
- B. Đúng

14. Chữ thứ hai của câu 1 bài thơ là chữ “trai” thanh bằng. Vậy “Đập đá ở Côn Lôn” theo luật gì của thơ thất ngôn bát cú Đường luật?

- A. Luật bằng
- B. Luật trắc.

15. Bài thơ có 5 vần, đó là những vần bằng được gieo vào chữ cuối các câu 1, 2, 4, 6, 8 (Lòn - non - hòn - son - con)

- A. Sai
- B. Đúng

16. Các cặp câu 3-4, 5-6 được câu trúc như thế nào?

- Xách bùa đánh tan mầm bay động.
Ra tay dập bé mày trâm hòn
 - Thường ngày béo quèn than sinh sôi.
Mưa nắng chí sém da sát son.

- A. Những câu song hành.
 - B. Những câu hò ứng nhau.
 - C. Những câu bổ sung nghĩa cho nhau.
 - D. Hai cặp câu bình đối trong bài thơ thất ngôn bát cú **Đường luật**.

17. Các từ: "lông láy, sành sỏi, sét son, gian nan, con con" có phải là từ láy không?

18. Có một học sinh đã lập một bảng thống kê tổng kết về các câu đố câu như dưới đây. Em xem kĩ và có thể bổ sung, điều chỉnh cho đúng.

Bảng tổng kết về đầu cầu

Tên dấu câu	Công dụng, cách sử dụng
Dấu phẩy	Dùng để cách các từ ngữ cùng chức vụ trong câu, thành phần trạng ngữ với cụm chủ vị, các vế câu ghép.
Dấu chấm	Đặt ở cuối câu trán thuật, câu cầu khiếu khi ý đã trọng vẹn, khi câu đã dùng cú pháp.
Dấu chấm hỏi	Đặt cuối câu hỏi (câu nghi vấn)
Dấu chấm than	Đặt cuối câu cảm thán hoặc câu cầu khiếu
Dấu chấm lông	Để diễn tả người nói không nói được hết câu hoặc ngập ngừng, ngắt quãng; tỏ ý còn nhiều sự vật, sự việc tương tự, làm dãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị một nội dung bất ngờ.
Dấu chấm phẩy	Dùng để ngăn cách các vế trong câu ghép đẳng lập.
Dấu hai chấm	Dùng để đánh dấu lời đối thoại, lời dẫn trực tiếp
Dấu ngoặc đơn	Dùng để giải thích, chú thích, bổ sung nghĩa cho một ý, một từ ngữ, một bộ phận đứng trước câu.
Dấu ngoặc kép	Dùng để đánh dấu lời dẫn trực tiếp, đánh dấu nhan đề tác phẩm, đánh dấu từ ngữ có nghĩa đặc biệt trong câu.
Dấu gạch ngang	Ngăn cách bộ phận chú thích, đặt trước lời đối thoại, ngăn cách câu thơ được dẫn trực tiếp.

19. Phân tích bài thơ “Cảm tác vào nhà ngục Quảng Đông” của Phan Bội Châu.

Bài làm

Văn viết theo thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật; giọng thơ mạnh mẽ hào hùng. Lúc bấy giờ, nhà thơ đang bị đày dọa vô cùng dã man: cổ deo gông, chân tay bị xiềng xích trong nhà ngục tù tù Quảng Đông. Có biết cảnh ngộ ấy mới cảm thấy cốt cách và khí phách anh hùng của Phan Bội Châu qua "*Cảm tác vào nhà ngục Quảng Đông*".

Phản đé nói đến chết và sống. Câu phán đé bóc lộ một tâm thế coi cái chết nhẹ tựa lông hồng, sẵn sàng chấp nhận mọi hi sinh. “*Nếu chết vong di thể cùm hay*”, bởi lẽ tự biết: Chết vì nước là chết vinh; Chết vinh còn hơn sống nhục trong vòng nô lệ! Câu thừa đé lại nói đến sống: “*Còn ta, tai lai tinh cho mày!*” “*Mày*” là bè lũ thực dân Pháp, lũ vua quan bán nước, là bọn phản động Long Tế Quang, v.v.. “*Tinh*” là tính sổ, tính tội ác tày trời của bè lũ. Bao căm thù, khinh bỉ dồn vào chỉ “*mày*” cuối câu.

Hai câu thực đัง đối, tác giả sử dụng hình ảnh tượng trưng, biểu lộ một niềm tin sáng chóe. Người anh hùng chân chính (thần thánh) không thể chết (chôn trong chốn ngục tù). Con đường cách mạng “ruồi gió mày” không kẻ thù nào có thể ngăn cản được. Ngôn ngữ thơ vừa đối xứng, vừa tượng phản ánh ám tượng. Hai chữ “*dẫu có*” với “*há không*” đối lập, phủ định và khẳng định một sự nghiệp chính nghĩa cao cả:

“*Dẫu có ngục chôn thần thánh,*

Dắt há không đường ruồi gió mày”.

Phản luận thể hiện một cốt cách anh hùng của người chiến sĩ vĩ đại. Một chí lớn quyết vượt qua mọi thử thách, không lùi bước trước mọi nguy hiểm khó khăn để hướng tới sự nghiệp: “*tát cạn bể Đông*”, “*mở quang ngàn Bắc*”. Phan Bội Châu đã từng kêu gọi đồng chí, đồng bào đoàn kết đứng lên chiến đấu bằng guom giáo, bằng xương máu, bằng thơ ca: “*thiết chiến, thiết chiến, huyết chiến*” để giành lại tự do. “*Chèo tắc lưỡi*”, “*vây đổi tay*” là những hoán dụ nghệ thuật đầy ý nghĩa. Ở phần thực đã nói đến trời, đất, tiếp theo phản luận lại hướng tới bể Đông, ngàn Bắc, một không gian nghệ thuật kì vĩ mở ra, và đó cũng là tấm vóc lớn lao của người anh hùng xứ Nghệ dù máu chảy đâu rơi mà “*gan không nồng, chí không mòn*”:

“*Tát cạn bể Đông chèo tắc lưỡi,*

Mở quang ngàn Bắc vây đổi tay”.

Hai câu kết là lời động viên, kêu gọi chiến đấu. Sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc là to lớn, lâu dài (ngàn thu) hả dầu chỉ ngày một ngày hai. Cho nên phải “*gắng sin*”, phải biết “*xôi máu nóng r้า vết nhơ nô lệ*” (Bài ca chúc tết thanh niên). Và đó cũng là lời tự động viên mình:

“*Anh em ai nấy xin thêm gắng,*

Công nghiệp ngàn thu hả một ngày”.

Ngôn ngữ khoa trương, hình ảnh tượng trưng, hài hòa cản xứng, giọng thơ hào hùng là vẻ đẹp bài thơ thứ hai trong chùm thơ “*Cảm xúc vào nhà ngục Quảng Đông*” này. Nó là bài ca yêu nước. Cốt cách anh hùng, khí phách anh hùng của người con vĩ đại xứ Nghệ làm cho chúng ta cảm phục, ngưỡng mộ.

20. *Phân tích bài thơ “Đập đá ở Côn Lôn” của Phan Châu Trinh.*

Bài làm

Phan Châu Trinh (1872-1926), chiến sĩ cách mạng vĩ đại của dân tộc ta trong ba thập niên đầu thế kỷ XX. Ông còn để lại nhiều thơ văn thâm dượm tình thần dân chủ và chứa chan tình yêu nước. Bài thơ “*Đập đá ở Côn Lôn*” đã thể hiện khí phách hiên ngang bất khuất của người chiến sĩ cách mạng trong cảnh tú đày

Bài thơ viết theo thể thất ngôn bát cú Đường luật, mang tính hàm nghĩa sâu sắc:

"Làm trai dũng qua đất Côn Lôn
Lòng lũy làm cho lở núi non
Xé bùa đánh tan năm bay động.
Ra tay đập bể mây trăm hòn
Tháng ngày bao quản thân sành sỏi,
Mưa nắng chỉ sớm dạ sắt son
Những kẻ vâng khi lỡ bước,
Gian nan chỉ kể việc con con."

Nhan đề bài thơ là "Đập đá ở Côn Sơn" nói về cảnh lao động khổ sai của nhà thơ và các chiến sĩ yêu nước bị thực dân Pháp dày dặn dọa tại nhà tù Côn Đảo. Năm 1908, sau vụ chống thuế nô ra ở Trung Kì, Phan Châu Trinh bị chính quyền thực dân bắt giam và đày ra Côn Đảo với cái án khổ sai chung thân.

1. Bốn câu đầu vừa tả thực cảnh đập đá, vừa biểu lộ một tâm thế, một ý chí. Chỉ nart nỗi, chỉ làm trai coi việc "đóng giòi đất Côn Lôn", bị tù dày khổ sai là một thách thức nặng nề nhưng chàng hổ nao nung, vẫn "lòng lũy làm cho lở núi non". Hai từ "đóng giòi" biểu thị một tư thế hiện ngang, một tâm thế bất khuất trước uy vũ quân thù. Câu thơ thứ hai, nhất là cụm từ "làm cho lở núi non" thể hiện chí khí kiên cường trước cảnh ngộ bi quan thù dày dặn.

Các từ ngữ: "danh tan" và "đập bể" vừa tả thực sức mạnh đập đá "năm bay động" và "mây trăm hòn", đồng thời gợi ý một quyết tâm, một ý chí căm thù phá tan chốn ngục tù, lật đổ ách thống trị thực dân tàn bạo. Phép đối, cách dùng số từ, hàm súc, đa nghĩa làm nên giá trị nghệ thuật ở phần thực bài thơ:

"Xé bùa đánh tan năm bay động,
Ra tay đập bể mây trăm hòn".

2. Hai câu 5, 6 đôi nhau rất chỉnh. Lấy thời gian bị cầm tù (tháng ngày) đối với giai truân thử thách (mưa nắng) lấy thân dày dạn phong trần (thân sành sỏi) đối với tinh thần cứng cỏi trung kiên (da sắt son). Tất cả đã làm hiện lên hình ảnh một chiến sĩ cách mạng có tâm hồn và khí phách cao đẹp. "Thân sành sỏi" và "da sắt son" là hai hình ảnh ẩn dụ nói lên một cách hàm súc và hình tượng phẩm chất cách mạng của nhà thơ:

"Tháng ngày bao quản thân sành sỏi,
Mưa nắng chỉ sớm dạ sắt son."

Các từ ngữ: "bao quản" và "chỉ sớm" biểu thị một thái độ sẵn sàng chấp nhận, nột quyết tâm dám thách thức với bạo lực quân thù. Tinh thần ấy, ta bắt gặp nhiều trong "Nhật ký trong tù" của Hồ Chí Minh hơn 30 năm sau:

"Kiên trì và nhẫn耐,
Không chìn lui một phản;
Vật chất tuy đau khổ,
Không nao núng tinh thần"
("Bốn tháng rố")

3. Hai câu kết thể hiện bản lĩnh phi thường của những người có chí lớn, mưu đồ đại sự (vá trời) mà không thành (lỡ bước). Đó là những anh hùng thát thế mà vẫn hiên ngang, coi chuyện tù dày, gian nan chỉ là “việc con con” không đáng kể, không đáng nói. Câu kết toát lên một phong thái ung dung tự tại, rất ngạo nghễ của nhà chiến sĩ:

"Những kẻ vâng lời khi lỡ hướn,

Gian nan chi kể việc con con."

"Đập đá ở Côn Lôn" tiêu biểu cho thơ ca viết trong nhà tù thực dân của các chiến sĩ yêu nước và cách mạng đầu thế kỷ XX. Bài thơ có giọng điệu đĩnh đạc, hào hùng. Ngôn ngữ hàm súc, vừa bình dị vừa cổ kính trang trọng. Người xưa thường lấy thơ để giải bày cái tâm, để nói lên cái chí. Sẵn sàng xả thân để cứu nước, sắt son thủy chung với dân tộc, bất khuất hiên ngang trước cảnh tù dày, đó là cái tâm, cái chí của Phan Châu Trinh thể hiện trong bài thơ "Đập đá ở Côn Lôn" này. Cái tâm, cái chí của nhà cách mạng tiên bối Phan Châu Trinh là bài học lớn cho chúng ta nương mô và noi theo.

Đáp án đề 19 + 20

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
Trả lời	A	D	D	B	C	A	D	C	B	C	A	D	B	A	B	D	A

ĐÉ 21

- * Muốn làm thằng Cuối
 - * Ôn tập và kiểm tra phần Tiếng Việt

1. Tân Đà là nhà thơ lỗi lạc, nổi tiếng nhất trên thi đàn Việt Nam trong thập niên hai mươi của thế kỷ XX.

- A. Dung.** **B. Sai.**

2. Chọn ý đúng trong các nhận định sau:

- A. Tân Đà là nhà thơ cổ điển.
 - B. Tân Đà là nhà thơ yêu nước.
 - C. Tân Đà là nhà thơ lãng mạn thoát li.
 - D. Tân Đà là nhà thơ hiện đại.

3. Nhận xét nào sau đây đúng với vị thế của thơ Tân Đà trong nền thi ca Việt Nam?

- A. Thơ Tân Đà đã đặt nền móng cho thơ mới Việt Nam.
 - B. Thơ Tân Đà là cái gạch nối giữa hai nền thơ cổ điển và nền thơ hiện đại Việt Nam.
 - C. Thơ Tân Đà mở đầu nền thi ca Việt Nam hiện đại.
 - D. Thơ Tân Đà là sự khởi đầu chói sáng của thơ Việt Nam viết bằng chữ Quốc ngữ.

4. Bài "Muốn làm tháng Cuối" được viết bằng thể thơ nào?
- A. Thơ bảy chữ.
 - B. Thơ tự do.
 - C. Bài hành thất ngôn.
 - D. Thơ thất ngôn bát cú Đường luật.
5. Chủ đề của bài thơ "Muốn làm tháng Cuối" là gì?
- A. Chán ngán cõi trần.
 - B. Mơ tưởng chốn cung trang để thành thời vui thú.
 - C. Lòng yêu đời và cuộc sống thanh cao của nhà thơ.
 - D. Tâm sự của nhà thơ buồn chán trước thực tại tầm thường, xấu xa, muốn được thoát li bằng mộng tưởng lên cung Quê với chị Hàng.
6. Câu thơ "Đêm thu buồn làm chi Hàng ơi!" là câu cảm thán?
- A. Sai.
 - B. Đúng.
7. "Cung quê đã ai ngồi đó chưa?" là câu nghi vấn, câu hỏi tu từ?
- A. Sai.
 - B. Đúng.
8. Bài thơ "Muốn làm tháng Cuối" viết theo luật bảng, vần bảng, đúng thi pháp thất ngôn bát cú Đường luật?
- A. Sai.
 - B. Đúng.
9. Câu trúc câu 3 đối với câu 4, câu 5 đối với câu 6 là như thế nào?
- A. Đó là các câu trong phản thực và phản luận của bài thơ.
 - B. Đó là hai cặp câu song hành nhau.
 - C. Đó là các câu bổ sung ý nghĩa cho nhau.
 - D. Đó là các câu đối nhau theo từng cặp (câu 3 đối câu 4, câu 5 đối câu 6)

10. Các từ: "buồn, chán, chơi, tui, vui, cười" - đã thể hiện tâm sự, tâm trạng mộng tưởng của Tân Đà. Có đúng không?

- A. Sai.
- B. Đúng.

11. Lập bảng tổng kết về: từ tượng hình, từ tượng thanh, từ địa phương, biệt ngữ xã hội, nói quá, nói giảm nói tránh.

Đơn vị kiến thức	Nội dung, tác dụng
Từ tượng hình	Là những từ gợi tả hình ảnh, dáng vẻ, màu sắc, tính chất, trạng thái của sự vật.
Từ tượng thanh	Là những từ mô phỏng âm thanh của tự nhiên và của con người
Từ địa phương	Là những từ ngữ chỉ được dùng ở một vùng quê, một địa phương nhất định.
Biệt ngữ xã hội	Là từ ngữ chỉ quen dùng trong một tầng lớp hẹp trong xã hội.

Nói quá	Là một biện pháp tu từ dùng lối nói cường điệu, phóng đại mức độ, quy mô, tính chất của hiện tượng, sự vật để gây ấn tượng, tăng biểu cảm.
Nói giảm, nói tránh	Là biện pháp tu từ dùng cách diễn đạt tế nhị, uyển chuyển để tránh gây cảm giác quá đau buồn, ghê sợ, nặng nề, tránh thô tục, khiếm nhã, bất lịch sự.

12. Lập bảng tổng kết về: *thán từ*, *trợ từ*, *tình thái từ*, *câu ghép đẳng lập*, *câu ghép chính phụ*.

Đơn vị kiến thức	Nội dung, tác dụng
<i>Thán từ</i>	Là những từ biểu lộ cảm xúc, tình cảm, thái độ của người nói, hoặc dùng để gọi đáp.
<i>Trợ từ</i>	Là những từ đi kèm một từ ngữ khác để nhân mạnh, hoặc biểu thị thái độ đánh giá sự vật, sự việc được nói đến ở từ ngữ đó.
<i>Tình thái từ</i>	Là những từ được thêm vào câu để cấu tạo câu nghi vấn, câu cầu khiến, câu cảm thán, và để biểu thị sắc thái tình cảm của người nói.
<i>Câu ghép đẳng lập</i>	Là kiểu câu ghép có các vế ngang hàng nhau về ngữ pháp.
<i>Câu ghép chính phụ</i>	Là câu ghép có vế phụ thuộc chứa quan hệ từ.

13. Cảm nhận về bài thơ "Muốn làm thẳng Cuội" của Tân Đà thi sĩ.

Bài làm

Những năm hai mươi của thế kỷ XX, Tân Đà là thi bá trên thi đàn Việt Nam. Tài hoa, tinh tế, thoát li và ngông là phong cách nghệ thuật của thi sĩ Tân Đà. Trong bài "Thú ăn chơi", thi sĩ viết:

"Trời sinh ra bác Tân Đà,
 Quê hương thời cổ, cửa nhà thời không.
 Nửa đời Nam, Bắc, Tây, Đông.
 Bạn bè sum họp, vợ chồng biệt li.
 Tui thơ deo khắp ba kì,
 Lạ chi rừng biển, thiếu gì gió trăng...".

Bài "Muốn làm thẳng Cuội" là bài thơ kiệt tác, tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật của Tân Đà thi sĩ:

"Đêm thu buồn lâm chí Hằng ơi !
 Trần thế em nay chán nản rồi.
 Cung quế đã ai ngồi đó chưa?
 Cảnh da xin chí nhắc lên chơi.
 Có bầu có bạn can chi tui,
 Cùng gió, cùng mây thế mới vui.
 Rồi cứ mỗi năm rằm tháng tám,
 Tựa nhau trông xuống thế gian cười."

1. Mở đầu bài thơ là một tiếng kêu "buồn lâm chí Hằng ơi!". Một tiếng kêu đầy ắp tâm sự. Thi sĩ Xuân Diệu đã nhận xét như vậy:

"Đêm thu buồn lâm chí Hằng ơi !
 Trần thế em nay chán nản rồi."

Nỗi buồn đến mức “buồn lam”, trong cô đơn chỉ còn biết gọi chị Hàng để giải bày tâm sự. Bài tiếng “chị Hàng m” rất biền cảm, ý vị lam cho giọng thơ thiết tha thâm mật. Câu thơ man mác sự buồn và chán. Tân Đà đã từng viết: “Đời dang chán hay không dang chán?”, nay thi đã “chán nản rồi”. Bài thơ in trong tập “Khôi tinh cõi” xuất bản năm 1916, qua đó ta thấy rõ nguyên cõi sâu xa, buồn và chán vì trán thế và cuộc đời xâu xé, vì chê dở thực dân nứa phong kiến ngọt ngat, thối nát, tù hầm. Vì công danh dở dang: “Tài cao, phàm thấp, chí khí uất”. Buồn vì non nước đang bị ngoại bang thống trị “Lẽ ai giàn giụa với giang sơn”. Đó là nỗi buồn của một thê hèn trong vòng nô lệ lầm than. Là một thi sĩ đa cảm, đa tình, nỗi buồn đã kết thành mồi sâu:

“Nửa ngoài bút ngỗng bao sinh luyến,
Một mồi từ tâm mây đoạn vương”
(“Để khôi tinh con thứ nhất”)

2 Một chữ “xin” rất chân thành thiết tha, như nài nỉ:

“Cung quế đã ai ngồi dò chúa?
Cành da xin chỉ nhắc lên chờ.”

Hai câu thực đã làm rõ đê bài “Muốn làm thẳng Cuội” ở nơi cung trang, cung quế. Câu hỏi tu từ gợi nhiều man mác bâng khuâng. “Cành da” đã trở thành cái thang bắc lên chín tầng mây xanh để “chỉ nhắc lên chờ” cung quế. Đó là giấc mộng thoát li. Mộng vì chán dời, ngán dời. Mộng có tinh phủ định:

“Nghĩ dời lầm lũa không bằng mộng,
Tiếc mộng bao nhiêu lại ngán dời”
(“Nhớ mộng”)

3 Có lén được cung quế mồi đỡ “túi”, mới thỏa thích “thể mới vui”. Có chị Hàng làm báu bạn. Có gió, có mây cùng chơi với. Đẹp ngữ (cô, cùng) và phép đối được vận dụng sáng tạo, có cả tiêu đối và bình đối. Cách ngắt nhịp 2/2/3 tạo nên giọng thơ nhún nhảy lảng lánh. Thâm đằm văn thơ là chất phong tình lăng man. Đọc lèn nghe rất thú vị:

“Có báu, có bạn can chi túi,
Cùng gió, cùng mây thể mới vui.”

Đúng như nhà phê bình văn học Lê Thanh trong cuốn “Tân Đà thi sĩ” (1939) đã nhận xét: “Thơ của ông (Tân Đà) là chất thơ trong như lọc với những cảnh tượng không rõ rệt, những hình ảnh mờ mờ, ông vẽ những bức tranh tuyệt bút; với những tư tưởng lảng lánh, với những cảm giác mơ mộng, ông làm nên những câu thơ tuyệt mĩ...”.

4 Cái ngông, cái phong tình của thi sĩ đã dâng lên cực điểm. Đêm rằm tháng tám, là đêm trung thu đẹp nhất. Chẳng còn buồn vì cô đơn nữa, thi sĩ được cùng chị Hàng: “Tựu nhau trong xuống thế gian cười”. Cái cứ chi “tựu nhau” và nụ cười ấy cũng là một giấc mộng đẹp. Thoáng một chút mỉa mai (cho trán hè) nhưng đầy thú vị vì được thoát li, được thỏa thích nơi cung quế:

“Rời cùi mồi nấm rằm tháng tám,
Tựu nhau trong xuống thế gian cười.”

Cái két thoát li. Một cách nói phong tình, tài hoa. Có đọc bài thơ "*Hán trời*" mới thấy được, cảm được cái hay, cái thú vị của bài "*Muốn làm tháng Cuối*". Nửa đêm, Tân Đà tinh dậy đun nước pha trà, rồi ngâm thơ... Trời nghe giọng ngâm bèn sai hai tiên nữ xuống cõi trần rước thi sĩ bay lên. Thi sĩ đọc thơ cho Trời và bảy tiên nghe. Tất cả đều tấm tắc khen:

"Vẫn đã giàn thay, lại lâm loi
Trời nghe trời cũng bật buồn cười!
Chư tiên ao ước tranh nhau dân:
- Anh gánh lên đây bán chợ trời!"
(Hầu trời)

Bài “Muốn làm thằng Cuội” là một bài thơ có thi đê độc đáo, thú vị. Giọng thơ nhẹ nhàng, thanh thoát, chơi vơi. Trí tưởng tượng phong phú, kì diệu. Chất mông ảo, sắc màu lâng man thẩm đắm bài thơ.

Tuy có nói đến buồn, nói đến chán, có nói đến thoát li, có thầm vị phong tình... nhưng toàn bài thơ toát lên một tinh thần phủ định thực tại xã hội thực dân nửa phong kiến xấu xa, khao khát được sống trong sạch hơn, thanh cao hơn, để mãi mãi giữ trọn thiên lương cao đẹp. Giá trị đích thực của bài thơ "*Muốn làm thẳng Cuối*" là ở chỗ ấy.

Đáp án đề 21

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Trả lời	A	C	B	D	D	B	A	B	D	B

ĐỀ 22

- * Hai chữ nước nhà.
 - * Hoạt động ngữ văn: làm thơ bày chữ

1. Sao lai gọi là Á Nam Trần Tuân Khai.

2. Đề tài và cảm hứng bài thơ "Hai chữ nước nhà" là gì?

- Đề tài lịch sử và cảm hứng yêu nước.

3. Bài thơ "Hai chữ nước nhà" được sáng tác theo thể thơ nào?

- A. Lục bát.
B. Thát ngôn trường thiền.
C. Song thất lục bát.
D. Thơ tự do.

4. Giọng thơ của bài "Hai chữ nước nhà" như thế nào?

- A. Hùng hồn mạnh mẽ.** **B. Trầm bổng du dương.**
C. Nhe nhàng thiết tha. **D. Bí hùng thống thiết.**

5. Bài thơ đã tái hiện lại một câu chuyện lịch sử của dân tộc ta đầu thế kỷ XV, đó là chuyện gì?

Năm 1407 giặc Minh kéo quân sang xâm lược nước ta. Cha con Hồ Quý Ly và một số đại thần trong đó có Nguyễn Phi Khanh bị giặc bắt, bị giặc đóng cùi giải về Trung Quốc.

Nguyễn Trãi tiên cha lén tặn ái Nam Quan. Tác giả nhắc lại lời Nguyễn Phi Khanh dặn con là Nguyễn Trãi phải nuôi mồi hận thù, quyết chiến đấu giành lại Tổ quốc: "Ngón cờ độc lập máu đào còn đây".

- A. Dung B. Sri

6. Bốn câu thơ đầu đã dựng lên một khung gian, một cảnh tượng như thế nào?

"Chém sỏi Bắc mày sún ấm đum-

Cô giáo Nam giờ thăm đền hồn.

Bón bέ hố thết chim kêu.

Đoái nom phong cảnh như khêu báu bình".

- #### A. Cả đất nước từ ái Bắc đến cõi giời Nam.

- B. Bao trùm một không khí đau thương tang tóc dưới ách thống trị của quân
cuồng Minh xâm lược.

- ### C. Nỗi bất bình của dân tộc ngùn ngút bốc lên

- D. Gồm tất cả A, B, C

⁷ Câu “Con gái con nhà lái lái cha khuyên” có phải là câu cảm thán không?

- A. Ding : B. Sai

8. Đoạn thơ sau đây nêu lên những tư tưởng tình cảm gì?

"Giống Hồng Lực hoàng thiên đã định."

Máy nén nấm suy thính đổi thay

Giới Nam riêng một cõi này

Auh hùng hiên nứt xiau nay kém vì."

- #### A. Một đất nước có chủ quyền

- B. Giống Hồng Lạc là chủ phân của đất nước đã mấy ngàn năm

- C. Tự hào về dân tộc ta có nhiều anh hùng hiền nữ, tư lệnh, tư cương

- D. Gồm tất cả A, B, C

9. Những câu thơ nào diễn tả cảnh đất nước bị đốt phá, nhân dân tang tóc điêu linh dưới ách thống trị tàn bạo của giặc Minh xâm lược?

- #### A. "Bốn phương khói lửa bùng bùng.

Xíết bao thảm hoa xương rồng máu sông !"

- ### B. "Nơi đô thị thành tung quách vỡ,

Chón nhán gian bỏ vợ lia con".

- #### C. "Khôi Nùng Linh như xây khôi uất."

Sông Hồng Giang thường vắt cơn sáu”.

10. Những từ ngữ nào diễn tả tâm trạng của Nguyễn Phi Khanh trước cảnh nước mải nhà tan được thể hiện trong đoạn thơ này?

"Thảm vong quốc kẽ sao xiết kẽ.

Trông cờ đỏ như tơng xé tâm can.

Ngâm ngùi dỗi khóc giờ than,

Thương tam nỗi giống lám than nỗi này!"

Đó là các từ ngữ: kẽ sao cho xiết, xé tâm can, ngâm ngùi khóc than, thương tam.

A. Sai

B. Đúng.

11. Hai câu thơ sau thể hiện tâm trạng gì của người cha?

"Con ơi, càng nói càng đau,

Lấy ai tệ độ dàn sau đó mà?"

A. Đau đớn, lo lắng cho tiến đồ của dân tộc. B. Sâu túi.

C. Bi quan.

D. Cầm thù.

12. Hai câu thơ trên có đúng đó là câu cảm thán và câu hỏi tu từ không?

A. Sai

B. Đúng.

13. Hai khổ thơ cuối là lời cha khuyên con. Gồm những ý gì?

A. Khuyên con hãy "giang sơn gánh xác" để trả thù nước, rửa thù nhà.

B. Khuyên con "nhớ tổ tông khi trước", nhớ công ơn của tổ tiên ông cha nghìn đời.

C. Khuyên con quyết dem máu đào phất cao ngọn cờ độc lập.

D. Gồm tất cả A, B, C.

14. Hãy nêu cảm nghĩ ngắn của em sau khi đọc bài thơ "Hai chữ nước nhà" của Á Nam Trần Tuân Khai.

Bài thơ "Hai chữ nước nhà" là khúc bi ca uất hận về nợ nước thù nhà, về tình phụ tử cao dày sâu nặng, là lời non nước cao cả và thiêng liêng. Bài học về chí phục thù rửa hận cho giang san giống nòi thấm đượm bài ca, có giá trị bồi đắp tinh thần yêu nước, niềm tự tôn, tự hào cho mỗi chúng ta.

A. Đúng

B. Sai

15. Thuyết minh về một loài hoa mà em yêu thích.

Bài làm

Cây thuốc bông

Mẹ em là y sĩ xā. Trong vườn, mẹ trồng nhiều loại rau. Một vài mảnh đất, chậu sứ, mẹ trồng một số loài hoa làm thuốc. Cây thuốc bông được trồng trong một chậu gốm Bát Tràng, đặt ở góc sân thật trang trọng.

Năm em lên 2 tuổi bị bông. Phích nước nóng bị vỡ làm em bông chân phải; đến nay còn sẹo, da tím đen. Mẹ trồng cây thuốc bông từ năm đó.

Cây thuốc bông nhà em trồng đã được gần nhiều năm thế mà quanh năm xanh tốt, lá dày, thân mập. Lá đơn giản, nhưng khác nhau ở hình dạng: lá ở dưới gốc hình bầu dục hay hình trứng, lá ở đầu cành to hơn, dài ra, đối khi xà thuỷ long chum, mép có răng cưa tròn. Từ các gốc răng cưa khi tiếp xúc với đất ẩm có thể mọc ra cây con.

Hoa bông nở thành chùm. Sắc hoa màu đỏ tía, màu đỏ gạch, màu vàng taڭ, màu trắng xanh. Gió hoa dài từ 2 - 3cm, bụi bẩm. Cánh hoa hình tam giác, thường là màu đỏ gạch, dài hoa màu xanh ánh đỏ. Lá xanh sum sê ôm lấy gốc hoa.

Cây thuốc bông sống khỏe, chịu nắng và chịu rét giỏi. Cây ra hoa nhiều vào mùa xuân và mùa hè. Mẹ chăm sóc cây hoa bông đặc biệt.

Mùa thu, mẹ cắt lá, cành, hoa, đem ủ một tuần trong lá chuối. Sau đó mẹ đem giã, lọc lấy nước rồi chưng cất, pha thêm một ít rượu. Các sản phụ bị nứt đầu vú, người bị bong được chữa bằng loại thuốc bông chỉ dộ mười ngày sau là khỏi.

Cây thuốc bông, hoa không rực rỡ và ngát hương như hồng, nhài, quế. Nó mộc mạc, giản dị, khiêm tốn, nhưng rất có ích. Một thứ "cây nhà, lá vườn" không thể thiếu đối với chúng ta.

15. Phân tích trích đoạn 36 câu trong bài thơ "Hai chữ nước nhà" của Trần Tuân Khai.

Bài làm

Những năm 20 của thế kỷ trước, những bài hát theo các làn điệu dân ca, những bài thơ lục bát, song thất lục bát, thất ngôn... được truyền bá sâu rộng trong dân gian. Những đế tài lịch sử, những gương anh hùng được Trần Tuân Khai nói đến có giá trị khích lệ tinh thần yêu nước, nói lên nỗi đau nhục nô lệ lâm than, bày tỏ khát vọng độc lập tự do không bao giờ nguôi.

Đoạn trích bài thơ "Hai chữ nước nhà" gồm có 36 câu thơ song thất lục bát được Trần Tuân Khai sáng tác vào năm 1926, in trong tập "Bút quan hoài". Trong lời đe từ, nhà thơ nói rõ cảm hứng của mình là "Nghĩ lời ông Phi Khanh dặn ông Nguyễn Trãi khi ông bị quân Minh bắt giải sang Tàu". Qua đó, ta cảm nhận được "Hai chữ nước nhà" là bài thơ mượn đế tài lịch sử để thể hiện cảm hứng yêu nước, kích thích lòng yêu nước cho quốc dân đồng bào khi đang làm thân trâu ngựa cho thực dân Pháp. Lời đe từ đưa chúng ta trở về những năm tháng đau thương của đất nước và dân tộc. Năm 1407, giặc Minh xâm lược nước ta, đâm đất nước ta vào máu lửa, chúng đã bắt cha con Hồ Quý Ly và một số đại thần, trong đó có Nguyễn Phi Khanh giải về Tàu. Có thể nói bài thơ là lời cha dặn con về "Hai chữ nước nhà", về mối thù nhà nợ nước.

1. Phần đầu, tác giả gợi lên cảnh đất nước đau thương dưới ách thống trị của giặc Minh tàn bạo. Những hình ảnh nhân hóa rất gợi: "mây sầu ảm đạm", "gió thảm dùi huỷ", "hổ thét chim kêu"... Cảnh vật, núi sông như mang nỗi đau của con người. Cả một không gian rộng lớn từ "chốn ải Bắc" đến "cõi giới Nam" và "khắp bốn bề" đều thảm máu và nước mắt của hàng triệu con người:

"Chốn ải Bắc, mây sầu ảm đạm,
Cõi giới Nam, gió thảm dùi huỷ
Bốn bề hổ thét chim kêu..."

Trước thảm cảnh "vong quốc" người cha già trên con đường đi dày ngón ngang nỗi niềm. Các chữ, các hình ảnh như: "bát bình", "hạt máu nóng thảm quanh bốn nước", "tấm tái chau ron" đã nói lên một cách cảm động "dị hán" của người anh hùng thát thế, một bút lịch sử của cha con Phi Khanh và Nguyễn Trãi. Câu thơ như thấm đầy lệ, giọng thơ thiết tha nôn nùng:

"Trong con tâm ta i hau roi,
Con oai, con nhớ lấy lời cha khuyên".

Nguyễn Trãi có câu thơ chữ Hán: "Anh hùng dì hận kỉ thiên niên", nghĩa là người anh hùng để lại mối hận đến nghìn năm. Phần đầu bài "Hai chữ nước nhà", Trần Tuấn Khải đã nói lên thật xúc động nỗi đau nước mất nhà tan, nỗi "dì hận" của người anh hùng thất thế Nguyễn Phi Khanh.

2. Phần thứ hai là những lời thóng thiết cha dặn con.

Nhớ "Hai chữ nước nhà" là nhớ về giòng giông Hồng Lạc, là nhớ về lịch sử trường tồn "mấy ngàn năm" của dân tộc, là nhớ giang sơn "giờ Nam riêng một cõi này", là nhớ đến bao "anh hùng hiệp nữ" như Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Thường Kiệt, Trần Quốc Tuấn... Nhớ "Hai chữ nước nhà" là để nâng cao lòng tự tôn, tự hào dân tộc:

"Giờ Nam riêng một cõi này,
Anh hùng hiệp nữ xưa nay kém gì!".

Giọng thơ trở nên bừng bừng cảm giận khi cha dặn con hãy khắc cốt ghi tâm những tội ác tàn trời của quân "cuồng Minh":

"Bốn phương khói lửa bùng bùng.
Xiết bao thảm họa xương rồng máu sông!
Nơi đô thị thành tung quách vỡ,
Chốn nhân gian bỏ vợ lia con,
Làm cho xiêu tán hao mòn
(...)
Khỏi Nùng Linh như xây khôi uất,
Sông Hồng Giang nhường vật cõi sâu"...

Những từ ngữ hình ảnh: "khói lửa bùng bùng", "xương rồng máu sông", "thành tung quách vỡ", "đất khóc giờ than", "xây khôi uất", "vật cõi sâu"... tuy mang tính ước lệ, nhưng trong văn cảnh vẫn có sức truyền cảm mạnh mẽ vì đã gợi lên bao nỗi đau nhục mất nước, lòng căm thù đối với quân xâm lược. Đặc biệt đoạn thơ của Trần Tuấn Khải đã đem đến liên tưởng cho người đọc về "Binh Ngô đại cáo", đoạn nói về tội ác giặc Minh tàn bạo:

"Nhường dàn đèn trên ngọn lửa hung tàn,
Vùi con đẻ xuống dưới hầm tai vạ.
Đồi trời, lửa dàn, đủ muôn nghìn kế,
Gây binh, kết oán, trải hai mươi năm.
Bại nhẫn nghĩa nát cỏ đất trời,
Nặng thuế khóa sạch không đâm nui...".

Người cha bị cầm trói, bị giải sang Tàu, nhìn cơ đồ giang san mà đau đớn như "xé tim can". Càng đau đớn, càng lo lắng cho vận mệnh của đất nước, tương lai của giống nòi. Câu cảm thán kết hợp với câu hỏi tu từ cát lên vô cùng thóng thiết:

"Con oai! Càng nói càng đau.

Lấy ai té độ dàn sau đó mà?"

Văn thơ như chứa đầy lệ, có lời than, có tiếng nức nở. Lời cha dặn con cũng là nỗi non nước.

3. Tám câu sau trong phần cuối trích đoạn vừa nói lên bi kịch của người cha: “tối giờ sút yếu”, “sa cơ dành chịu bó tay”..., vừa trồng cây vào con để trả thù nh, rửa hận nước; “Giang sơn gánh xác sau này cậy con...”. Cha thiết tha dặn con lái cuối: hãy “vì nước”, hãy “nhớ tổ tông”, hãy đem máu đào mà hi sinh chiến đấu ch độc lập của Tổ quốc. Đó là “Hai chữ nước nhà”, đó là những lời huyết lệ:

*Con nên nhớ tổ tông khi trước,
Đã từng phen vì nước gian lao.
Bắc Nam bờ cõi phản mao,
Ngon cõi độc lập máu đào còn dày..."*

“Hai chữ nước nhà” là một bài thơ hay và cảm động. Nó nói lên một cách hồn súc cõi đồng nỗi đau, nỗi nhục mất nước của dân tộc ta trong thế kỉ 15 và cảm thấy đối với giặc Minh cướp nước. Sâu xa hơn, bài thơ đã khích lệ lòng yêu nước của đồng bào, khêu gợi khát vọng độc lập tự do của dân tộc khi đang làm thân trâu ngựa cho thực dân Pháp. “Hai chữ nước nhà” vừa là lời cha dặn con, vừa là lời Tổ quốc kêu gọi.

Từ ngôn ngữ, hình ảnh đến giọng thơ văn thơ, từ những cặp câu thất ngôn đối như đến những hình ảnh nhân hóa, tượng trưng ước lệ đều cho thấy một bút pháp nghệ thuật rất già dặn, giàu bản sắc của Á Nam.

Trong thời Pháp thuộc, bài thơ “Hai chữ nước nhà” đã làm lay động hàng triệu con người. Ngày nay, nó vẫn làm ta xúc động.

Đáp án đề 22

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
trả lời	A	B	C	D	A	D	A	D	D	B	A	B	D	A

ĐỀ 23 + 24

- * Nhớ rừng.
- * Ông đồ.
- * Câu nghi vấn.
- * Viết đoạn văn trong văn bản thuyết minh

1. Tác giả bài thơ “Nhớ rừng” là ai?

- A. Xuân Diệu. B. Tế Hanh. C. Thế Lữ. D. Hàn Mặc Tử.

2. Trong bài “Nhớ rừng”, tâm trạng của nhân vật trữ tình là nhân vật nào?

- A. Tác giả. B. Chúa sơn lâm.
C. Một anh hùng thách thức. D. Mọi người.

3. Tâm trạng của nhân vật trữ tình là tâm trạng gì?

- A. Cảm hồn uất hận vì bị tù hãm.
- B. Nuối tiếc một thời oanh liệt đã qua.
- C. Chán ghét những cảnh tám thường già dỗi.
- D. Khao khát tự do.
- E. Gồm tất cả A, B, C, D.

4. Khung cảnh núi rừng nơi "hát thiêng ngự trิ" là một cảnh tượng như thế nào?

- A. Cảnh không đổi nào thay đổi.
- B. Cảnh tám thường già dỗi.
- C. Những mỏ gó thấp kém.
- D. Cảnh nước non hùng vĩ oai linh.

5. Nỗi đau khổ, uất hận và tui nhục của chúa sơn lâm khi nằm trong cùi sắt là những gì?

- A. Trở thành thú đồ chơi, làm trò lừa mắt.
- B. Bị lũ người ngao man, ngắn ngợ "giương mắt chè giêu".
- C. Chúa sơn lâm bị tù hãm phải "chịu ngang báy" với bọn gấu "dờ hơi", với cắp báo "vô tư lự".
- D. Gồm tất cả A, B, C.

6. Đọc đoạn thơ sau và cho biết, tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ nào để diễn tả cốt cách "tung hoành" những ngày xưa của chúa sơn lâm và tạo nên giọng thơ hào hùng mạnh mẽ?

"Ta sống mãi trong tình thương nỗi nhớ
Thuở tung hoành hống hách những ngày xưa
Nhớ cảnh sơn lâm, bóng cỏ, cây già
Với tiếng gió gào ngàn, với giọng nguồn héts núi
Với khí thét khúc trường ca dữ dội".

- | | |
|-------------|------------------------|
| A. Đìệp ngữ | B. So sánh |
| C. Nhân hoá | D. Đìệp ngữ, nhân hoá. |

7. Các hình ảnh: "chân, tám thân, mắt" trong các câu thơ sau là hình ảnh được tạo nên bằng biện pháp tu từ nào?

"Ta bước chân lên, đồng lúa, đường hoàng.
Lượn tám thân như sóng cuộn nhịp nhàng,
Với bóng âm thầm, lá gửi, cỏ sắc.
Trong hang tối mắt thán khi đã quắc,
Là khiến cho mọi vật đã im hơi".

- | | |
|------------|-------------|
| A. So sánh | B. Âm dụ |
| C. Hoán dụ | D. Nhân hoá |

8. Bài thơ được tác giả ngắt thành 5 đoạn, theo em thì đoạn thơ nào là hay nhất, tráng lệ nhất? - Đó là đoạn 3.

- A. Đúng.
- B. Sai.

9. Đọc đoạn thơ sau:

"Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối
 Tú say mồi đường mộng ảnh trăng tan?
 Đau những ngày mưa chuyền bốn phương ngàn
 Tú lảng ngầm giang san ta đổi miến?
 Đau những bình minh cây xanh nắng gội,
 Túng chim cát gửi ngủ ta tưng bừng?
 Đau những chiều lạnh lùng mây san rặng
 Từ đời chết mảnh mặt trời gay gắt.
 Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật?"
 Thêm ói! Thời oanh liệt nay còn đâu?"

- Cho biết ý chính của đoạn thơ là gì?

- A. Nói lên cảm trạng của chùa sơn làm tiếc nuối thời oanh liệt đã qua, nay không còn nữa.
- B. Tả cảnh núi rừng trong mọi thời gian.
- C. Niềm tự hào của chùa sơn làm vé một thời oanh liệt.
- D. Tất cả đều sai.

10. Tác giả sử dụng thành công những biện pháp tu từ nào (chủ yếu) trong đoạn thơ trên?

- A. Điệp ngữ.
- B. Nhân hóa và câu hỏi tu từ.
- C. So sánh.
- D. Câu hỏi tu từ và điệp ngữ.

11. Cấu trúc đoạn thơ trên là cấu trúc tú binh về thời gian và không gian.

Thời gian *Không gian*

- | | |
|-------------|-----------------------------------|
| - Đêm vàng | - Suối, trăng |
| - Ngày mưa | - Bốn phương ngàn, cảnh giang san |
| - Bình minh | - Cây xanh nắng gội, chim ca. |
| - Chiều tàn | - Rặng, mặt trời. |

- A. Sai.
- B. Đúng.

12. Có phải đây là những từ lặp không? Tú in đậm trong các câu thơ ở đoạn 5:

... **Nơi thênh thang ta vùng vẫy ngày xưa,**
 ... **Có biết chăng trong những ngày **ngao ngán**,**
 ... **Để hồn ta **phảng phất** được gần người,**
 ... **Hỡi cảnh rừng ghê gớm của ta ơi!**

- A. Đúng.
- B. Sai

13. Bà thơ "Nhơ rùng" được viết theo thể thơ nào?

- A. Thơ tự do.
- B. Thơ tám chữ.
- C. Thơ thất ngôn.
- D. Thơ lục bát.

14. Âm điệu bài thơ như thế nào?

- A. Thiết tha.
- B. Hùng tráng.
- C. Thiết tha, hùng tráng.
- D. Du dương.

15. Chủ đề bài thơ "Nhớ rừng" là gì?

- A. Nỗi chán ghét thực tại tầm thường, tù túng.
- B. Tiếc nuối một thời oanh liệt đã qua.
- C. Niềm khao khát tự do vùng vẫy.
- D. Gồm tất cả A, B, C.

16. Trong cuốn "Thi nhân Việt Nam", nhà văn Hoài Thanh đã viết như sau về Thể Lữ:

"Độ áy thơ mới vừa ra đời. Thể Lữ như vừng sao dột hiện ánh sáng chói khắp cả trời thơ Việt Nam".

Và như ta đã biết: "Nhớ rừng" là bài thơ kiệt tác của nền thi ca Việt Nam hiện đại.

- A. Đúng.
- B. Sai

17. Bài thơ "Ông đồ" của Vũ Đình Liên được viết theo thể thơ gì?

- A. Thơ lục bát.
- B. Thơ bảy chữ.
- C. Thơ năm chữ.
- D. Thơ tự do.

18. Hai câu thơ "Hoa tay thảo những nét - Như phượng múa rồng bay" nói lên gì?

- A. Ông đồ có hoa tay.
- B. Ông đồ rất tài hoa.
- C. Ông đồ có hoa tay viết câu đối rất đẹp.
- D. Ông đồ văn hay chữ tốt.

19. Tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ gì trong hai câu thơ trên?

- A. Hoán dụ (hoa tay)
- B. Ảnh dụ.
- C. So sánh (những nét như phượng múa rồng bay)
- D. Hoán dụ và so sánh.

20. Vũ Đình Liên đã sử dụng biện pháp tu từ nhân hoá trong hai câu thơ sau?

"Giấy đó buồn không thèm
Mực dòng trong nghiên sầu..."

- A. Sai.
- B. Đúng.

21. Hình ảnh ông đồ trong hai khổ thơ đầu với hai khổ thơ 3, 4 được miêu tả bằng thủ pháp nghệ thuật tương phản, có đúng không?

- A. Đúng.
- B. Sai

22. Câu cuối bài thơ "Hồn ở đâu bay giờ?" có đúng là câu nghi vấn?

- A. Sai.
- B. Đúng.

23. Chọn ý đúng nói về chủ đề bài thơ "Ông đồ"?

- A. Ca ngợi ông đồ viết câu đối đẹp.
- B. Chỉ rõ số phận của những tài tử đa truân.
- C. Tiếc thương một nét đẹp văn hoá bị mai một.
- D. Qua hình ảnh đáng thương của ông đồ già, nhà thơ biểu lộ tình xót thương đối với một lớp người đang tàn tạ, và nỗi nhớ tiếc cảnh cũ người xưa.

Bài làm

Thơ Lữ (1907-1989) là bút danh của Nguyễn Thị Lê. Là nhà thơ, viết truyện, viết kịch, làm đạo diễn. Chủ tịch Hội nghệ sĩ sân khấu Việt Nam. Phương diện nào ông cũng có thành tựu xuất sắc.

Thơ Lữ là thi sĩ tiên phong, được người ta là "Đệ nhất thi sĩ" trong phong trào "Thơ mới" (1932-1941). Tác phẩm thơ "Máy văn thơ" thể hiện một "hồn thơ rộng mở", với cảm hứng lãng mạn dào dạt, nồng nàn, say đắm và thiết tha.

Bài thơ "Nhớ riêng" được Thơ Lữ viết năm 1934, in trong tập "Máy văn thơ" xuất bản năm 1935. Mười lít con hổ bị nhốt ở vườn Bách thú, tác giả thể hiện tâm sự uất, cảm hồn và niềm khao khát tự do mãnh liệt của con người bị giam cầm, nô lệ.

1 Gầm một khói cảm hồn trong cùi săt.

Bi nhốt "trong cùi sắt", cảm hồn uất hận đã chia chất thành "khói", "gầm" mãi mà chẳng tan, càng "gầm" càng cay đắng. Chỉ còn biết "năm dài" bất lực, đau khổ. Bi "giết", bi "nhục nhán từ hầm", trở thành "thú dữ chúa" cho "lũ người kia ngao mìn, ngán ngợ". Đau khổ nhất là chùa sơn lâm này bị tâm thường hóa, vị thế bị xuống cấp:

"Chịu ngang bảy cung bốn gác đê hối,
Với cặp bảo chuông bên vò tư lự"

Đó là một nét tâm trạng điển hình đầy bi kịch của chùa sơn lâm khi bị sa cơ, thất thế, bị giam cầm. Trong hoàn cảnh lịch sử đất nước ta khi bài thơ ra đời (1934) thì nỗi uất nhục, cảm hồn, cay đắng của con hổ cũng đồng điệu với bi kịch của nhân dân ta trong xích xiềng nô lệ sống trong tâm tối "như nhược lâm than".

2 Ta sống mãi trong tình thương nỗi nhớ.

"Tình thương nỗi nhớ" sống mãi, chẳng bao giờ quên. Nhớ "thuở tung hoành", "nhớ cảnh sơn lâm bóng cá cây già". Nhớ khúc nhạc rừng hùng tráng dữ dội. Chữ "nhớ", chữ "với" và cách ngắt nhịp (4-2-2, 5-5, 4-2-2...) biến hoá, cân xứng để làm dội lên nỗi nhớ tiếc khôn nguôi, nhớ cồn cào, nhớ da diết. Sự phong phú về nhạc điệu đã khắc họa đời sống nội tâm vô cùng mạnh mẽ của một nhân vật phi thường từng có một quá khứ oanh liệt. Một tâm thần "như sóng cuộn nhịp riêng". Một bước chân cao sang đầy uy lực "đông dạc, dương hoàng". Một cắp "mắt thím" và khi "đã quắc"; "mọi vật đều im hơi". Một sức mạnh của uy quyền bất khả xâm phạm.

Những vần thơ dày nhạc điệu nói về nỗi nhớ:

"Nhớ cảnh sơn lâm bóng cá cây già
Với tiếng gió gào ngàn, với giọng nguồn hèt núi.
Với khói thép khúc trường ca dữ dội
Ta bước chân lên, đông dạc, dương hoàng,
Lụm tâm thần như sóng cuộn nhịp riêng
Vần bóng âm thầm, lá gửi, vỏ sắc
Trong hang tối, mắt thím khi đã quắc
Là khiến cho mọi vật đều im hơi..."

Các động từ “gào, hét, thét” đặc tả khát trương ca dữ dội của rừng núi, suối ngàn thiêng liêng, hùng tráng. Đó là những câu thơ tuyệt bút làm sang trọng cho “Thơ mới” 1932-1941.

“Ta nằm dài”... rồi “ta sống mãi trong tình thương nỗi nhớ”. Nhớ khi “ta bước chân lên...”, nhớ một thời vàng son ngự trị:

“Ta biết ta chúa tể của muôn loài.

Giữa chốn thảo hoa không tên, không tuổi”

Một chữ “ta” vang lên đầy kiêu hãnh tự hào. Chúa sơn lâm được miêu tả, được khắc họa trong chiểu sâu của tâm linh, trong chiểu cao của uy quyền được khẳng định.

Các câu hỏi tu từ liên tiếp xuất hiện như một nỗi niềm lay tinh và khêu gợi nỗi “nhớ” trào lên: “nào đâu những...”, “đâu những ngày...”, “đâu những bình minh...”, “đâu những chiểu...”. Nhớ mãi không nguôi, nhớ đêm trăng và suối, nhớ những ngày mưa rừng, nhớ bình minh, nhớ giấc ngủ, nhớ tiếng chim ca. Và nhớ “những chiểu lênh láng máu...”. Đoạn thơ tráng lệ nói về 4 nỗi nhớ của chúa sơn lâm, nhớ triền miên ngày và đêm, sớm và chiều, mưa và nắng, thức và ngủ, lúc say mồi và lúc lặng ngắm, lúc đợi chờ... Một không gian nghệ thuật được tái hiện và mô tả qua bộ tứ bình của một nhà danh họa. Chúa sơn lâm có lúc mơ mộng giữa cảnh suối trăng, có lúc trầm ngâm trong chiêm nghiệm, có lúc nén xuông, kiên nhẫn đợi chờ để “tung hoành...” và “quắc mắt...”!

Đoạn thơ 10 câu này là đoạn thơ hay nhất trong bài “Nhớ rừng”:

“Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối,

Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan?

Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn

Ta lặng ngắm giang san ta đổi mới?

Đâu những bình minh cây xanh nắng gói,

Tiếng chim ca giấc ngủ ta tung bồng?

Đâu những chiểu lênh láng máu sau rừng

Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt

Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật?

- Than ôi ! Thời oanh liệt nay còn đâu?”

Sau nỗi nhớ một thuở vàng son, một thời oanh liệt, bỗng chúa sơn lâm chợt tỉnh mộng, trở về thực tại với cái cùi săt, đau đớn và cay đắng vô cùng. Như một trái nụ sụp đổ xuống, mãnh hổ cất lời than. Sự kết hợp giữa cảm thán với câu hỏi tu từ làm dội lên một lời thơ, một tiếng than của “hùm, rồng sa vỡ”, của một kẻ phi thường thất thế. Đó cũng là tiếng thở dài của một lớp người khao khát tự do ngày ấy:

“Than ôi ! Thời oanh liệt nay còn đâu?”

3. Nay ta ôm niêm uất hận ngàn thấu:

Lai trở về nỗi buồn đau và nỗi nhớ “cánh nước non hùng vĩ”. Chỉ còn biết nhân gửi thiết tha và bón chôn:

"Hãy cảnh rặng ghé gác cửa ta nhé!"

"Nhứt tùng" là bài thơ tuyệt bút. Nó được xếp vào loại 10 bài thơ hay nhất của "Thơ mới" (1932-1941). Hình tượng trang lè, kỳ vĩ. Lối diễn tả và sử dụng ngôn ngữ biến hóa. Chất nhạc đã thành và phúc diệu tạo nên những vần thơ du dương. Thơ nên hoa nên nhạc như cuốn hút và làm mê say hồn ta.

Hình tượng chúa sơn lâm với nỗi nhớ rừng được nói đến với bao "lớp lớp sóng cõi". Trong nỗi đau sa cơ, thất thế có niềm kiêu hãnh tự hào. Bài thơ như một lời nhắn gửi thiết tha về tình yêu thương đất nước. Tư tưởng lớn nhất của bài thơ là nói lên cái giá tự do, và khát vọng tự do.

25.

Phân tích bài thơ "Ông đồ" của Vũ Đình Liên

Bài làm

Vũ Đình Liên (1913-1996) là nhà giáo từng viết văn và làm thơ. Ông nổi tiếng trong phong trào "Thơ mới" với bài "Ông đồ" viết theo thể ngũ ngôn trường thiền gồm có 20 câu thơ. Nó thuộc loại thi phẩm "tứ vạn" mà "tứ sáu" biểu lộ một hồn thơ nhân hậu, giàu tình thương người và mang niềm hoài cổ bâng khuâng.

Ông đồ là những nhà nho, không đồ đạt cao để đi làm quan, mà chỉ ngồi dạy học "chữ nghĩa Thành hiến". Ông đồ được nhà thơ nói đến là nhà nho tài hoa. Ông xuất hiện vào độ "hoa đào nở"... "bến phố đông người qua". Ông đã có những tháng ngày đẹp, những kỉ niệm đẹp:

*"Hoa tay thảo những nét
Như phượng mùa rồng bay"*

Hoa đào nở tươi đẹp. Giấy đờ đẹp, mực Tàu đen nhánh. Nét chữ bay lượn tài hoa. Còn gì vui sướng hơn:

*"Bến phố đông người qua
Bao nhiêu người thuê viết
Tấm tắc ngợi khen tài"*

Thời thế đã đổi thay. Hán học lui tàn trong xã hội thực dân nửa phong kiến: "Thôi có ra gì cái chữ Nho - Ông Nghé, ông Công cũng nằm eo..." (Tú Xương). Ông đồ già là một khách tài từ sinh bất phùng thời. Xưa "phố đông người qua", nay "nỗi nâm môi vàng". Xưa kia "bao nhiêu người thuê viết", bây giờ "người thuê viết ney đâu?". Một câu hỏi cất lên nhiều ngơ ngác, cảm thương. Nỗi sầu, nỗi tủi từ lòng ông đồ như làm cho mực khô và đóng lại trong "nghiên sâu", như làm cho giấy đờ nhạt nhòa "buồn không thảm". Giấy đờ, nghiên mực được nhân hóa, thẩm bao nỗi buồn tê tái của nhân tình thế sự:

*"Giấy đờ buồn không thảm
Mực đóng trong nghiên sâu..."*

Cảnh vật buồn. Lòng người buồn. Vũ Đình Liên đã xuất thần viết nên hai câu thơ tuyệt bút lay động bao thương cảm trong lòng người.

Nỗi buồn từ lòng người thâm sâu, tỏa rộng vào không gian cảnh vật. Dưới trời mưa bụi "ông đồ vẫn ngồi đây" như bất động. Lê loi và cô đơn: "Qua đường không gai hay". Cái vàng của lá, cái nhạt nhòa của giấy, của mưa bụi dày trời và cơn mưa trong lòng người. Một nỗi buồn lê thê:

"Lá vàng rơi trên grán
Ngoài trời mưa bụi bay"

Thơ ta ít mà gợi nhiều. Cảnh vật tàn tạ mém mang. Lòng người buồn thương thăm thia.

Khép lại bài thơ là một câu hỏi diễn tả một nỗi buồn trong vắng, thương tiếc, xót xa. Hoa đào lai nở. Ông đồ già dìu vẻ đau...

"Năm nay đào lại nở
Không thấy ông đồ xưa
Những người muôn năm cũ
Hòn à dân báy già?"

Thương ông đồ cũng là thương một lớp người đã vĩnh viễn lùi vào quá khứ. Thương ông đồ cũng là xót thương một nền văn hóa lui tàn dưới ách thống trị của ngoại bang. Sự đồng cảm xót thương của Vũ Đình Liên đối với ông đồ đã trang trải và thấm sâu vào từng câu thơ, văn thơ. Thủ pháp tương phản, kết hợp với nhân hóa, ẩn dụ, đã tạo nên nhiều hình ảnh gợi cảm, thể hiện một bút pháp nghệ thuật điêu luyện, đậm đà.

Bài thơ “Ông đồ” chứa chan tinh thần nhân đạo. “Theo đuổi nghề văn mà làm được một bài thơ như thế cũng đủ. Nghĩa là dù lùi danh với người đời” (Hoài Thanh). Đó là những lời tốt đẹp nhất, trân trọng nhất mà tác giả “Thi nhân Việt Nam” đã dành cho Vũ Đình Liên và bài thơ kiệt tác “Ông đồ”.

Đáp án đề 23 + 24

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Trả lời	C	B	E	D	D	D	C	A	A	D	B	A

Câu	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
Trả lời	B	C	D	A	C	C	D	B	A	B	D

ĐỀ 25 + 26

- * Quê hương.
 - * Khi con tu hú.
 - * Câu nghi vấn (tiếp theo)
 - * Thuyết minh về một phương pháp.

1. Bài thơ "Quê hương" được Te Hanh viết khi còn học Trung học tại Huế, năm 1939 in trong tập thơ "Nghen ngào", sau được in lại trong tập "Hoa niên" (1945) của tác giả.

- A. Đúng B. Sai.
2. Bài "Quê hương" được viết bằng thể thơ gì?
A. Thơ tự do. B. Thơ bảy tiếng.
C. Thơ tám chữ. D. Thơ lục bát.

3. Bài thơ được chia làm mấy phần, ý mỗi phần là gì?

Có 4 phần:

- Hai câu đầu: giới thiệu lòng hồ quê hương
- Sáu câu tiếp theo: Cảnh vật khơi đánh cá
- Tam câu kế tiếp: Cảnh láng: hai đèn đoán thuyền ra khơi đánh cá trở về.
- Bốn câu cuối: Nỗi nhớ làng chài của đứa con tha hương.

A. Sai

B. Đúng

4. Hai câu thơ sau, hình ảnh thơ được xây dựng bằng biện pháp tu từ gì?

- Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuần mã.

- Cánh buồm gương to như mảnh hòn làng.

A. Nhán họa

B. Hoán dụ

C. Ảnh dát

D. So sánh

5. Đoạn thơ và cho biết các từ in đậm thuộc tư loại nào?

"*Khí trời trong, gió nhẹ, sầm mái hồng
Đàn trai trắng bơi thuyền đi đánh cá
Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuần mã
Phảng mái chèo, mạnh mẽ vượt trường giang
Cánh buồm gương to như mảnh hòn làng
Ruộn thán trắng bao la thâu góp gió.
Ngày hôm sau ồn ào trên bến đỗ,
Cá dán làng tấp nập đậm ghe về
Nhờ em trời biển lặng cá dày ghe
Những con cá tươi ngon, thận bạc trắng*".

A. Danh từ

B. Tính từ

C. Động từ

D. Trợ từ

6. Đoạn thơ đã thể hiện ý tưởng gì?

A. Niềm vui của đoàn trai trắng.

B. Miêu tả con thuyền, mái chèo, cánh buồm ra khơi.

C. Ca ngợi tinh thần lao động của làng chài.

D. Khí thế ra khơi mạnh mẽ và hào hứng của đoàn trai trắng làng chài.

7. Các từ: "ồn ào, tấp nập, lặng, dày, tươi ngon, bạc trắng, ngầm, nóng, xa xăm" thuộc từ loại nào?

A. Động từ

B. Tính từ

C. Trợ từ

D. Tính thái từ

8. Tác giả sử dụng biện pháp tu từ gì trong hai câu thơ sau?

"*Chiếc thuyền im bến mỏi trả về nằm
Nghe chất muối thăm dán trong thớt vỗ*".

A. Ăn dụ

C. Hoán dụ

B. So sánh

D. Nhân hoá

9. *Bốn câu cuối bài thơ thể hiện nỗi nhớ thiết tha làng chài của đứa con tha hương. Tình cảm ấy được diễn tả qua từ ngữ nào?* - Tình cảm ấy được diễn tả qua điệp ngữ: “lòng tôi luôn thương nhớ... tôi thấy nhớ...”.

“Nay xa cách lòng tôi luôn thương nhớ
Màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm với
Thoảng con thuyền rẽ sóng chạy ra khơi
Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá”.

(“Nhớ con sông quê hương” - Tố Hữu)

A. Đúng

B. Sai

10. *Chủ đề bài thơ “Quê hương” là gì?*

- Bài thơ nói lên nỗi nhớ làng chài quê hương của đứa con tha hương.

A. Sai

B. Đúng

11. *Nêu xuất xứ bài thơ “Khi con tu hú” của Tố Hữu.*

Tố Hữu viết bài thơ “Khi con tu hú” vào tháng 7 năm 1939 khi ông bị thực dân Pháp cầm tù tại nhà lao Thừa Phủ (Huế). Bài thơ được in trong tập “Từ ấy” của Tố Hữu.

A. Đúng

B. Sai

12. *“Khi con tu hú” được viết bằng thể thơ gì?*

A. Thơ tám chữ

B. Thơ thất ngôn

C. Thơ lục bát

D. Thơ tự do

13. *Hình ảnh nào xuất hiện đầu, cuối bài thơ?*

A. Lúa chiêm

B. Trời xanh

C. Tu hú

D. Tiếng ve

E. Nắng đào

F. Con diều sáo

14. *Bốn câu cuối bài thơ, lòng uất hận của tác giả được diễn tả bằng loại câu nào?*

A. Câu trán thuật

B. Câu cầu khiển

C. Câu nghi vấn

D. Câu cảm thán

15. *Chủ đề bài thơ “Khi con tu hú” là gì?*

Bài thơ thể hiện nỗi da diết đồng quê, lòng uất hận bị giam cầm và khao khát tự do cháy bỏng của người chiến sĩ cách mạng trong cảnh tù đày.

A. Đúng

B. Sai

16. *Phân tích và nêu cảm nghĩ bài thơ “Quê hương” của Tố Hữu.*

Bài làm

Thi sĩ Tố Hữu sinh năm 1921, ở Quảng Ngãi, miền Trung. Năm 18 tuổi đang học Trung học tại Huế, ông viết bài thơ “Quê hương”. Bài thơ có 20 câu, mỗi câu có 8 chữ. Lời thơ trong sáng, hình ảnh sáng tạo, cảm xúc nồng hậu thiết tha. Tình yêu quê hương, lòng thương nhớ quê hương của đứa con xa quê được trang trải qua những vần thơ đậm đà, ý vị.

1. Hai câu thơ đầu, với hai chữ “làng tôi” cắt lén đầy thương nhớ tự hào. Đó là một làng chài ven biển miền Trung. Sông nước bao la “bao vây”. Làng cách xa biển “mùa ngày sóng”, một cách tinh do dài dần dà. Chữ “vợ” rất hay, nói lên nghề chài lưới là nghề chính rất lâu đời của làng tôi:

“Làng tôi ơi vẫn làm nghề chài lưới,
Nước bao vây cách biển mùa ngày sóng”.

Sáu câu thơ tiếp theo nói về cảnh ra khơi đánh cá của trai tráng “làng tôi”. Đó là những bình minh đẹp. Bầu trời trong sáng, gió nhẹ thổi, ánh mai hồng bừng lên. Các từ dùng rất chọn lọc, tạo nên hình ảnh đẹp: “trong”, “nhẹ”, “hồng”. Giọng thơ nhô nhẹ, tâm tình. Như có tiếng reo:

“Khi trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng
Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá”.

Niềm vui di chinh phục biển và khơi thế ra khơi của bà con dân chài được thể hiện qua các hình ảnh con thuyền, cánh buồm, mái chèo đầy ấn tượng. Chiếc thuyền được so sánh với “con tuấn mã” ngựa dẹp phi nhanh lướt sóng ra khơi, đầy khí thế hăng hái. Mái chèo như lưỡi kiếm không ló chém xuống, “phảng” xuống lòng sông. Cánh buồm trắng “to như mảnh hòn làng” đang mang con thuyền “rướm” lên mặt sóng. So sánh cánh buồm với “Mảnh hòn làng” rất sáng tạo nhằm nói lên khí thế lao động và khát vọng về ấm no, hạnh phúc của làng chài. Câu thơ “Rướm thân trắng bao la thâu góp gió” là một câu thơ rất đẹp gợi lên cảnh buồm rất to, lớn, ôm trọn bầu trời, cảng gió biển khơi. Các từ ngữ: “hăng”, “phảng”, “vượt”, “rướm”, “thâu góp” đã làm nổi bật sức mạnh, niềm tin tưởng tự hào vào khơi thế ra khơi của đoàn thuyền đánh cá:

“Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã
Phảng mái chèo mạnh mẽ vượt trường giang
Cánh buồm giantom, to như mảnh hòn làng
Rướm thân trắng bao la thâu góp gió”.

3. Hai khổ thơ 8 câu tả cảnh làng chài trong mùa cá. Vui như hội, bến đỗ “onz ào”, “xếp nắp” đông vui. Các hình ảnh: “cá đáy ghe” và “những con cá tươi ngon thân bạc trắng” đã nói lên rất gợi cảm của một chuyến ra khơi may mắn, đánh bắt được nhiều cá tươi, cá ngon. Ba tiếng “nhờ ơn trời” là tiếng lòng cảm tạ thiên nhiên của những người dân chài chất phác, hồn hậu. Trời đã cho biển lặng sóng êm, một chuyến ra khơi may mắn. Văn thơ đầy màu sắc và hương vị biển:

“Ngày hôm sau, on ào trên bến đỗ
Khắp dân làng xếp nắp đón ghe về
Nhờ ơn trời biển lặng cá đáy ghe
Những con cá tươi ngon thân bạc trắng”.

Yêu quê hương là yêu mến tự hào những chàng trai làng chài cường tráng có “làn da ngăm rám nắng”, được tôi luyện trong lao động, trong sóng gió mặn mòi của đại dương; “Cá thân hình nóng thở vị sa xám”. Yêu làng chài là yêu những con

thuyền sau một chuyến ra khơi vất vả, trở về nằm ngủ im im trên bến. Con thuyền được nhân hóa gọi cảm cuộc sống lao động vất vả mà yên vui của bà con làng chài:

"Chiếc thuyền im bến mồi trở về nâm,
Nghe chát muối thảm dán trong thuyền"

Các chữ: "im", "mồi", "nâm", "nghe", "thảm dán" rất gợi cảm và biểu cảm. Sự chuyển đổi cảm giác tài tình đã tạo nên văn thơ giàu cảm xúc và cảm giác.

4. **Khó** cuối nói lên nỗi nhớ nhung làng chài của đứa con li hương. Nhớ cảnh sắc cụ thể. Nhớ tha thiết bối hồi. Cảm xúc ấy được diễn tả qua điệp ngữ "nhớ":

" Nay xa cách lòng tôi luôn tưởng nhớ
Màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm với
Thoảng con thuyền rẽ sóng chạy ra khơi
Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quất".

"*Tưởng nhớ*" quê hương là nhớ màu "xanh" của nước, màu "bạc" tươi ngon của cá, màu "vết" bạc phép vì nắng mưa của cánh buồm. Là nhớ hình bóng con thuyền làng chài "*rẽ sóng ra khơi*". Là nhớ "*cái mùi nồng mặn quất*" hương vị của biển, nơi chôn nhau cắt rốn thân yêu. Chữ "thoảng" rất hay, vừa gợi tả hình bóng con thuyền ra khơi mờ dần cuối chân trời dòng sông, vừa thể hiện niềm "*tưởng nhớ*" trong hoài niệm.

Thi sĩ Tố Hữu đã ca ngợi thơ Tế Hanh là "*nhiều câu hát yêu thương*". Nhà thơ Xuân Diệu nhận xét thơ Tế Hanh "*như một dòng suối nhỏ nhưng là nguồn tình cảm trong lành, và bền vững*". Đọc bài "*Quê hương*" ta cảm thấy yêu thơ, hồn thơ Tế Hanh. Với ông, những cảnh sắc về bầu trời, dòng sông, con thuyền, chiếc buồm, bến đò, con cá... là màu sắc, hương vị, hình bóng quê hương thân yêu. Hình tượng thơ của Tế Hanh tuy bình dị thân thuộc mà hữu tình nên thơ. Những nhân hóa và so sánh trong "*Quê hương*" rất sáng tạo, đáng yêu. Ta càng thêm bối hồi về một câu hát: "*Quê hương nghĩa nặng tình sâu..*".

17. *Cảm nhận của em về bài thơ "Khi con tu hú" của Tố Hữu.*

Bài làm

Tố Hữu viết bài thơ "*Khi con tu hú*" vào tháng 7 năm 1939 sau gần 100 ngày "*đè mộng*" bị cầm tù trong nhà lao Thừa Phủ (Huế). Không gian nghệ thuật, thời gian nghệ thuật, tâm trạng nghệ thuật, đóng hiện qua 10 câu thơ lục bát đa diết và ám ảnh.

1. Tiếng chim tu hú vọng qua song sắt nhà tù hay tiếng chim trong nỗi nhớ, trong hoài niệm?

Chim thì "*gọi báy*". Lúa chiêm thì "*dang chín*". Trái cây thì "*ngọt dán*". Âm thanh ấy, hương vị ấy thể hiện nỗi nhớ đồng quê, nhớ làng xóm thân yêu. Chữ "*dang chín*" và "*ngọt dán*" gợi tả thời gian dang lê trôi qua. Một giọng thơ bối hồi tha thiết: "*Nghe chim như nhắc tấm lòng thân hồn*" (Truyện Kiều):

"Khi con tu hú gọi báy
Lúa chiêm dang chín, trái cây ngọt dán"

Cứu chồn ngực từ “lồng voi rắc rau”, người chiến sĩ trẻ nhớ “tiếng ve ngân”, nhớ mùi “vàng” của bắp, nhớ mùi “đá” của nắng. Cảnh sắc đồng quê trong hoài niệm trào lên trong tám bài thơ bao bình dị, than thiết, yêu thương:

“Vào rau dây tiếng ve ngân

Bắp rau vàng hút dây sán nắng đầu”

Có khao khát sống mới có nỗi nhớ ấy. Văn thơ dày màu sắc, ánh sáng và âm thanh. Tiếng ve chưa dây tam trang. Ve không kêu mà là “ve ngân”. Sáu trăm năm về trước, Nguyễn Trãi lấy tiếng ve để nói về cảnh tình mùa hè:

“Đông dời cát ve lín tịch đường”

(“Quốc âm thi tập”)

Sau này, trong bài “Việt Bắc”, Tô Hữu Lai viết:

“Ve kêu rì rầm phách đỗ vàng”

Sau tiếng ve là màu “vàng” của bắp, là màu “đỗ” của nắng hiện lên. Chữ “ngân” tái tiếng ve “sỏi” lên và ngắn dài trong vườn quê. Chữ “dây” gợi nắng đẹp, nắng chan hòa, nắng dây san, nắng rực rõ.

Nỗi nhớ trời hè bồi hồi; nhớ bầu trời xanh, nhớ con diều sáo “lòn nhào” giữa cái mênh mông “vast rộng” của tùng không. Hình ảnh con diều “lòn nhào tùng không” mang ý nghĩa biếu tượng cho sự tung hoành và khát vọng tự do:

“Trời xanh càng rộng càng cao,

Đôi con diều sáo lòn nhào tùng không”.

Sáu câu thơ đều làm hiện lên bức tranh đồng quê thân yêu. Thơ nên nhạc, nên họa. Ngôn từ trong sáng, tinh luyện. Mỗi chữ được dùng như được chắt lọc qua hồn quê và hồn thơ đậm đà: “dạng chin”, “ngót dán”, “dây tiếng ve ngân”, “dây sán nắng đầu”, “xanh, rộng, cao”, “lòn nhào”...

Trẻ trung và yêu đời, say mê và khao khát sống, khao khát tự do. Nhà thơ đang bị đày dọa trong ngục tối, nhưng “tinh thần ở ngoài lao” mới có cảm xúc, cảm hứng ấy.

2. Giọng thơ từ tha thiết nhớ chuyện thành sục sôi uất hận:

“Ta nghe hè dây bên lòng

Mà chán muôn dập tan phỏng, hé ôi!

Ngót làm sao, chết uất thối

Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu”.

Mùa hè đã đến, mùa hè đang qua. Bao âm thanh đã “dây bên lòng”, thôi thúc, giục giã: “muôn dập tan phỏng” xà lim chặt chẽ. Không cam chịu cảnh tù đày! Lòng uất hận dâng trào muôn phá tung chốn ngực từ chặt chẽ và ngột ngạt. Câu thơ “Ngót làm sao / chết uất thối” với cách ngắt nhịp 3/3, cảm xúc như nén xuống bong trào lên thể hiện một ý chí bất khuất. Quyết sống vì tự do! Quyết chết vì tự do! Mở đầu bài thơ là tiếng chim tu hú “gọi bầy”, khép lại bài thơ là tiếng chim tu hú “ngoài trời cứ kêu”. Tiếng chim vừa gợi nhớ gợi thương, vừa giục già lên đường chiến đấu.

"Khi con tu hú" là khúc ca tâm tình, là tiếng gọi đàn, hướng về đồng quê và báu trời tự do với tất cả tình yêu và niềm khao khát cháy bỏng. Bài thơ ghi lại một nét dẹp bức chân dung tinh thần tư họa của người thanh niên cộng sản Tố Hữu thuở ấy. Đề ta ngưỡng mộ và tin yêu.

Đáp án đề 25+26

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
Trả lời	A	C	B	D	C	D	B	D	A	B	A	C	C	D	A

ĐỀ 27

- * **Tức cảnh Pác Bó**
- * **Câu cầu khiến**
- * **Thuyết minh về một danh lam thắng cảnh**
- * **Ôn tập về một văn bản thuyết minh**

1. *Nêu xuất xứ của bài thơ?*

Sau 30 năm bôn ba hải ngoại đi tìm đường cứu nước, đầu xuân năm 1941, Bác Hồ về tới Cao Bằng trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Bác đã sống và làm việc tại hang Pác Bó thuộc huyện Hà Quảng (Cao Bằng) trong hoàn cảnh bí mật, thiếu thốn, vô cùng nguy hiểm và gian khổ. Bài thơ "Tức cảnh Pác Bó" được Bác viết vào tháng 2 năm 1941.

A. Đúng

B. Sai

2. *Bài thơ "Tức cảnh Pác Bó" được viết bằng thể thơ gì?*

A. Thơ tứ tuyệt

B. Thơ ngũ ngôn tứ tuyệt.

C. Thơ lục bát

D. Thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật.

3. *Hãy kể tên một số bài thơ cùng thể thơ này mà em đã học, hoặc đã biết? Trong số 6 bài thơ nêu ra sau đây bài thơ nào không phải là bài thơ tứ tuyệt?*

A. Nam quốc sơn hà

B. Bánh trôi nước

C. Xa ngắm thác núi Lư

D. Thuật hoài

E. Qua Đèo Ngang

F. Ngâm trăng.

4. *Câu thơ đầu có hai vế đối nhau là hai vế nào?*

A. Sáng/tối

B. Ra/vào

C. Bờ suối/hang

D. Sáng ra bờ suối/tối vào hang.

5. *Những chi tiết nào nói lên sự thiếu thốn, gian khổ của người chiến sĩ cách mạng trong hoàn cảnh hoạt động bí mật?*

A. Suối, hang

B. Cháo bẹ, rau măng.

C. Bàn đá chống chênh

D. Gồm tất cả A, B, C.

6. *Ba chữ "vẫn sẵn sàng" thể hiện tinh thần gì của Bác?*

A. Chấp nhận thiếu thốn

B. Coi thường gian khổ.

C. Lạc quan

D. Ung dung.

7. Chi đê bài thơ "Tục cảnh Pác Bó" là gì?

Bài thơ thể hiện tinh thần lạc quan, phong thái ưng dung của người chiến sĩ cách mạng trong hoạt động bí mật đầy gian khổ khăn.

- A. Sali B. Dinges

8. Thế nào là câu câu khiếu?

- A. Câu dùng để kêu gọi
B. Câu dùng để ra lệnh
C. Câu dùng để yêu cầu
D. Câu dùng để nhắc nhở, khuyên bảo.
E. Câu có những từ câu khiếu.

9. Những câu sau đây, câu nào không phải là câu cầu khẩn?

- A. Con hãy đi học kéo muộn.
 - B. Các em đừng nói chuyện riêng trong giờ học.
 - C. Chờ thấy sóng cá mà ngã tay chèo.
 - D. Tinh thần yêu nước là một truyền thống vô cùng quý báu của phản dân ta.

10. Trong những câu sau đây, câu nào là câu cầu khẩn?

- A. "Học tập là niềm vui và hạnh phúc của tuổi trẻ".

B. Ai ơi chờ với nhau
Cưới người hôm trước, hôm sau người cưới.
(Ca dao)

C. Làng tôi ở vốn làm nghề chài lưới:
Nước bao vây, cách biển nửa ngày sông.
Tố Hạnh

D. Nước biển non xanh thuyền gối bài,
Đêm thanh nguyệt bạc khách lên lầu.
Nguyễn T

11. Những từ in đậm trong đoạn văn sau đây có phải là những từ câu khiếu trong câu khiếu không?

"Con hãy yêu mến thầy giáo như một người bố; yêu mến thầy khi thầy vuốt ve con; khi thầy công bằng và cả khi con cho rằng thầy không công bằng; hãy yêu mến khi thầy vui, và càng yêu mến hơn khi thầy buồn; và con hãy nói đến tiếng "thầy" với tâm lòng luôn luôn tôn kính, bởi vì, sau tiếng "bố" thì đó là danh vị cao quý nhất, dù đằng nhất mà một con người có thể tặng cho một con người khác."

Bé của con**

Trích "Lòng biết ơn" - Thư của bố (Những tấm lòng cao cả)

12. *Thuyết minh về một danh thắng*

Bài làm

Nguyễn sơ giai nhân Vịnh Hy

Ở nước ta có nhiều đảo, vịnh biển nổi tiếng: Trà Cổ, vịnh Hạ Long, đảo Cát Bà, biển Đỏ Sơn, Sầm Sơn, Cửa Lò, Cửa Tùng, Quy Nhơn, Phan Rang, Mũi Né.

Vũng Tàu... Quê hương mình, tỉnh Ninh Thuận có vịnh Vĩnh Hy, mà một du khách nước ngoài phải thốt lên: "Giai nhân "Vĩnh Hy", "nơi đẹp Vĩnh Hy, tuyệt vời!".

Cách thành phố Hồ Chí Minh không xa, Vĩnh Hy khoác trên mình một vẻ đẹp đặc đáo. Như một nàng tiên ngủ quá lâu trong rừng, mây nấm gần đây, Vĩnh Hy mới bừng tỉnh. Vĩnh Hy được bao bọc bởi những ngọn núi, hang động. Mặt nước trong lòng vịnh luôn yên á, xanh màu ngọc bích, chưa thấy dấu vết của sự ô nhiễm. Những bãi cát trắng phau, êm đềm, tinh khôi sau cơn mưa rào, trái dài trai rộng phẳng lì từ mép biển đến chân núi gần xa.

Vịnh Hy cách thị xã Phan Rang 40km, đường nhựa phẳng lì. Nhiều tiên, du khách có thể chọn một trong những khu du lịch, khách sạn nằm sát bờ biển Ninh Chữ, để tận hưởng những phút giây tuyệt vời nhất khi về với vùng biển. Nếu chỉ có túi tiền "khiêm tốn", du khách sẽ thuê ghế có dù che, say mê ngắm nhìn lòng vịnh luôn yên á, xanh màu xanh ngọc bích. Gió mát rượi lao xao từ mặt nước đến hàng cây xanh ngắt bao la.

Vẻ đẹp kì thú của vịnh Vĩnh Hy là những rặng san hô với nhiều hình thù khác nhau, nhấp nhô, trập trùng tầng tầng lớp lớp như những cung điện nằm sâu dưới đáy biển độ 5 - 6 mét. Du khách có thể ngâm san hô khi ngồi trên du thuyền, loại thuyền có đáy kính; hoặc bơi lặn để ngắm nghĩa san hô.

Một miếng ăn thơm ngon đậm đà vị biển Vĩnh Hy. Một cuộc chơi leo núi, luôn sâu vào các hang động, một buổi câu cá, dạo chơi trên bãi cát, một buổi tắm mát khám phá thế giới san hô... Du khách sẽ một lần đến Vĩnh Hy và nhớ mãi. Nhớ vẻ đẹp thiên nhiên hữu tình, nhớ bà con vùng biển Vĩnh Hy hồn hậu, hiếu khách.

Bạn có biết không, Vĩnh Hy là quê má thương yêu của mình đó.

13. *Thuyết minh về một loại trái cây ngon, ngọt có thể làm vị thuốc.*

Bài làm

Mướp đắng

Ở góc vườn gia đình, anh Thuận trồng hai cây mướp đắng. Anh xin giống ở Cù Chi đem về. Anh bắc giàn cho cây leo. Anh bón nhiều phân, luân tưới nước vo gạo, hai cây mướp đắng xanh tốt, trĩu quả.

Mướp đắng là loại cây thuộc họ bầu bí còn gọi là "khổ qua". Lá giống như lá mướp. Hoa trắng phơn phớt vàng. Tháng ba trổ đỉ, mướp đắng ra nhiều lứa hoa và kết trái.

Quả mướp đắng tròn, thon dài, hình trứng, hai đầu thon nhọn, ngoài vỏ có nhiều nốt sần mọc không theo quy luật nào. Vỏ xanh, trắng xanh hoặc xanh đậm, khi chín ngả sang màu vàng quýt.

Gọi là mướp đắng vì nó có vị rất đắng, nhưng tính mát, thân và lá giống như cây nho, vỏ ngoài sần lèn như vỏ quả vải, trông không bắt mắt, nên có người gọi nó là quả vải cầm (cầm lè chi), trái nho ghé.

Mướp đắng tuy đắng nhưng chưa bao giờ truyền cái đắng cho người. Mướp đắng để xào thịt, xào tim gan, nấu cá... ăn rất ngon. Mẹ vẫn bỏ đồ quả mướp đắng, nạo bột phán hạt và ruột, rồi nhồi thịt xay, mộc nhĩ, gia vị, buộc lại đem hấp; các con ăn mãi không chán. Anh Thuận nói có nơi người ta gọi quả mướp đắng là "rau quân tử". Nhiều nhà hàng hiện nay xếp các món ăn mướp đắng vào loại "đặc sản".

Quả mít có dạng lục chén, dai qua tách ra làm ba mảnh để lộ ra thịt quả màu hồng tươi, nên có nơi gọi tên nó là quả "hồng cờ nương". Quả xanh thái mỏng, hạt mít có dạng grà đều được dùng làm vị thuốc chữa bệnh tiêu đường, viêm họng, cholecystitis... rất hiệu nghiệm.

Có xóm em, nhiều nhà đã trồng mít có dạng. Nhiều người đã "nghiên" mít mít có dạng thời thit. Mẹ thường cười bảo: "Cây mít có dạng làm thùng vỉ tiễn của mẹ"

14. Phân tích bài thơ "Tục cảnh Pác Bó" của Hồ Chí Minh.

Bài làm

Sau 30 năm bon ba hai ngoại tìm đường cứu nước, đầu năm 1941, Chủ tịch Hồ Chí Minh bí mật về tới Pác Bó, Cao Bằng. Giây phút thiêng liêng và cảm động ấy đã buộc nhà thơ Tô Hùm ghi lại:

"*Ở sáng xuân này, Xuân 41
Trảng rặng Biển Giới nở hoa mai
Bí mật... Im lặng Con chim hót
Thánh thót bờ lau, vui ngán ngợ*..."

(Theo chân Bắc)

Hang Pác Bó đã trở thành nơi sống và hoạt động bí mật của Người. Bài thơ "Tục cảnh Pác Bó" được Bắc Hồ viết vào tháng 2 năm 1941 theo thể thất ngôn tút tuyệt Đường luật:

"*Sáng ra bờ suối, tối vào hang,
Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng;
Bàn đá chống chèn địch sứ Đảng,
Cuộc đời cách mạng thật là sang*"

Bài thơ phản ánh hoạt động phong phú, sôi nổi, phong thái ưng dung tự tại và tinh thần lạc quan cách mạng của người chiến sĩ vĩ đại trong hoàn cảnh bí mật khó khăn gian khổ.

Câu thơ mở đầu gợi lên cuộc sống hoạt động bí mật của nhà thơ vào những ngày đầu mới về nước đang "nhóm hào". Hai vế tiếp đối đầy ẩn tượng:

"*Sáng ra bờ suối tối vào hang*".

Câu thơ có thời gian, không gian và hành động. Thời gian là "sáng" và "tối"; không gian là "suối" và "hang"; hoạt động là "ra" và "vào". Mọi hoạt động đã trở thành nền nếp, từ sáng đến tối, từ suối đến hang, từ ra đến vào, khi cách mạng còn trứng nước, hoạt động chính trị gây dựng phong trào là chính, còn bí mật và nhiều khó khăn. Người chiến sĩ vĩ đại của dân tộc đã sống và làm việc tại Pác Bó; "*Sáng ra bờ suối, tối vào hang*". Quy luật vận động ấy thể hiện một tinh thần làm chủ hoàn cảnh rất chủ động và lạc quan.

Câu thơ thứ hai, ba chữ "vẫn sẵn sàng" có hai cách hiểu khác nhau rất lí thú. Sống và hoạt động bí mật nơi suối rìng hang động chỉ có cháo bẹ rau măng nhưng sẵn có, dù dùng ở nơi suối hang này. Đằng sau vẫn thơ là nụ cười của một con người lão thực, gian khổ khó khăn vẫn lạc quan yêu đời. Sau này, ý tưởng "giàu có hảo phong" ấy, được Người nhắc lại trong bài "Cánh rặng Việt Bắc" đầu xuân 1947:

“Khách đến thì mời ngồi nếp nương,
 Sẵn vé thương chén thịt rứng quay.
 Non xanh nước biếc tha hổ dạo,
 Rượu ngọt, chè tươi mặn say...”.

“Vẫn sẵn sàng”, “tha hổ dạo”, “mặn say”,... là những cách nói “sang trọng”, hóm hỉnh và yêu đời.

Cách hiểu thứ hai: Mặc dù thiếu thốn khó khăn, phải ăn cháo bẹ rau măng, nhưng tinh thần cách mạng vẫn hăng say, vẫn nhiệt tình. Gian khổ biết bao, nhưng với tinh thần “vẫn sẵn sàng”, Người vẫn bền bỉ sáng niềm tin “nhóm lửa”:

“Ai hay ngọn lửa trong hang núi
 Mà sáng muôn lòng, vạn kiếp sau!”

(“Theo chân Bác”)

Khác với người xưa “công thành, thân thoái”, mai danh ẩn tích ở chốn lâm tuyến, Hồ Chí Minh đã sống và chiến đấu vì một lí tưởng cao đẹp:

“Bàn đá chống chênh địch sứ Đảng”.

Đất nước cần, Bác viết “Đường cách mệnh”. Phong trào và cán bộ cần, Người “dịch sứ Đảng”. Hình ảnh “bàn đá chống chênh” không chỉ nói lên khó khăn thiếu thốn chống chật mà còn biểu lộ tinh thần phấn đấu hi sinh vì sự thắng lợi của cách mạng.

Câu cuối bài thơ đọc lên nghe rất thú vị. Một câu cảm thán vang xa:

“Cuộc đời cách mạng thật là sang!”

“Sang” nghĩa là sang trọng, cao sang. Một cách nói, một lối sống, một quan niệm nhân sinh và ứng xử tuyệt đẹp. Vượt lên trên gian khổ, khắc nghiệt là sang. Chỉ có “cháo bẹ rau măng”, chỉ có “bàn đá chống chênh” mà vẫn sang. Sang vì lạc quan tin tưởng về con đường cách mạng đánh Nhật đuổi Tây nhất định thắng lợi. Sang vì lí tưởng, vì đời sống tâm hồn phong phú, vì ung dung tự tại. Nhà thơ Tố Hữu đã có vần thơ rất hay nói về cái sang của Bác Hồ kính yêu:

“Mong manh áo vải hồn muôn trường,

Hơn tượng đồng phơi những lối mòn”.

(“Bác ơi”)

“Tiết cảnh Pác Bó” là một bài thơ hồn nhiên, giản dị mà sâu sắc, đẹp. Thơ là tâm hồn, là cuộc đời, là cách ứng xử của Bác Hồ. Bài từ tuyệt viết về Pác Bó đã vượt qua một hành trình hơn 60 năm. Nó như một chứng tích lịch sử về những ngày tháng gian khổ của cách mạng Việt Nam và của lãnh tụ nơi suối lạnh hang sâu đầu nguồn. Nó gợi lên trong lòng mỗi chúng ta bài học về tinh thần lạc quan yêu đời, biết sống và hướng về một lí tưởng cao đẹp.

Đáp án đề 27

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Trả lời	A	D	E	D	D	C	B	F	D	B	A

DỀ 28 + 29

- * Ngâm trang (Vong nguyệt)
- * Đì dương (Tau lò)
- * Câu cảm thán
- * Câu trán thuật

1. Nêu xuất xứ của hai bài thơ "Ngâm trang":

Mùa thu năm 1942, lãnh tụ Hồ Chí Minh di công tác sang Trung Quốc. Vìa đến Túc Vinh, Người đã bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt giam một cách vô cớ, đày dọa trong nhiều nhà tù tỉnh Quảng Tây từ tháng 8/1942 đến tháng 9/1943. Trong những tháng năm đen tối ấy, Người đã viết tập nhật kí bằng thơ gồm có 133 bài thơ chữ Hán. Hai bài thơ: "Ngâm trang", "Đì dương" đều rút trong "Nhật kí trong tù" (Ngục trung nhật kí) của Bác Hồ.

A. Sai.

B. Đúng.

2. Hai bài thơ "Ngâm trang", "Đì dương" trong nguyên tác chữ Hán được viết theo thể thơ gì?

A. Thơ ngũ ngôn.

B. Thơ thất ngôn.

C. Thơ thất ngôn bát cú.

D. Thơ thất ngôn tú tuyệt.

3. Bản dịch bài "Đì dương" (Tau lò) được thể hiện bằng thể thơ nào?

A. Thơ tự do.

B. Thơ thất ngôn.

C. Thơ lục bát.

D. Thơ tám chữ.

4. Cảm xúc "Træng nhòm khe cửa ngầm nhà thơ" được viết bằng biện pháp tu từ nào?

A. So sánh.

B. Ảnh dụ.

C. Nói quá.

D. Nhấn hoá.

5. Hai câu thơ 3, 4 được tác giả sáng tạo bằng biện pháp tu từ nào?

"Nhân hương song tiến khán minh nguyệt,

Nguyệt tòng song khích khán thi gia".

A. Hoán dụ.

B. Phép đối xứng và nhân hoá.

C. So sánh.

D. Ảnh dụ.

6. Những từ nào được điệp lại, lặp lại trong hai câu thơ trên?

A. Song (cửa sổ)

B. Khán (xem, ngắm, nhìn, trông)

C. Nguyệt (trăng)

D. Có cả A, B, C.

7. Bài thơ "Ngâm trang" thể hiện phẩm chất, cốt cách gì của Hồ Chí Minh?

A. Một người không cam chịu sống tù túng, dù trong hoàn cảnh đen tối.

B. Một con người rất yêu tự do.

C. Một con người rất yêu đời.

D. Một con người giàu tình yêu thiên nhiên, sống lạc quan dù đang bị tù dày.

8. Trong câu thơ: "Núi cao rồi lại núi cao tráp trùng", hình ảnh "núi cao tráp trùng" có phải là hình ảnh tượng trưng?

- A. Đúng. B. Sai.

9. Vậy, hình ảnh "núi cao tráp trùng" tượng trưng cho gì?

- A. Thiên nhiên hùng vĩ. B. Thiên nhiên tráng lệ.
C. Những khó khăn, hiểm trở trên đường đời. D. Cả A, B, C đều sai.

10. Có phải niềm vui thắng lợi của người đi đường được thể hiện qua hai câu thơ cuối bài thơ?

"Núi cao lên đến tận cùng,
Thú vào tám mươi muôn trùng nước non"

- A. Sai. B. Đúng.

11. Ý tưởng bài thơ "Đi đường" rất đẹp. Đó là ý tưởng gì?

- A. Đường đời nhiều khó khăn, hiểm trở.
B. Phải cố gắng vươn lên, quyết tâm, vượt khó.
C. Có thể mới giành được thắng lợi, hạnh phúc.
D. Gồm tất cả A, B, C.

12. Câu cảm thán là gì?

Câu cảm thán là loại câu dùng từ ngữ cảm thán, là câu dùng để biểu đạt cảm xúc trực tiếp của nhân vật.

- A. Đúng. B. Sai.

13. Trong 4 ví dụ sau đây, câu nào không phải là câu cảm thán?

- A. Thương ôi ! Trăm sự tại người.
Chữ đồng ai dám ngăn rời chữ tâm !
Phan Bội Châu
- B. Hồi cảnh rìng ghê gớm của ta ôi !
(Nhớ rùng)
- C. Ôi kì lạ và thiêng liêng - bếp lửa !
(Bếp lửa)

D. Mâm dàn của các liệt sĩ đã làm cho lá cờ Tổ quốc thêm đỏ thắm.

14. Câu trán thuật là gì?

Câu trán thuật là câu dùng để tả sự vật, để kể sự việc.

- A. Sai. B. Đúng.

15. Đoạn văn 4 câu sau đây, có mấy câu trán thuật?

"Sáng hôm sau, tuyết vẫn phủ kín mặt đất, nhưng mặt trời lên, trong sáng, chói chang trên bầu trời xanh nhợt. Mọi người vui vẻ ra khỏi nhà. Trong buổi sáng lạnh lẽo ấy, ở một xó tường, người ta thấy một em gái có đôi má hồng và đôi môi đang mím cười. Em đã chết vì giá rét trong đêm giao thừa".

(Em bé bán diêm)

- A. Một câu. B. Hai câu.
C. Ba câu. D. Bốn câu.

Bài làm

Trước chùm thơ “Trung thư” là bài thơ “Ngâm trăng”, Hồ Chí Minh đã viết “Ngâm trăng” vào mùa thu năm 1942, đó là bài số 21 trong “Ngục trung nhật kí”.

Nguyên tác bằng chữ Hán, đây là bài dịch thơ:

“Trong tú không rƯou cũng không hoa,
Cảnh đẹp đêm nay, khó hững hờ,
Người ngâm trăng soi ngoài cửa sổ,
Trăng nhòm khe cửa ngâm nhà thơ”.

Bài thơ viết về một cảnh ngâm trăng, một tư thế ngâm trăng trong tú, qua đó biểu hiện một tâm hồn thanh cao, một phong thái ung dung tự tại của nhà thơ - chiến sĩ.

1. Hai câu thơ đầu nói lên một cảnh ngộ và một nỗi niềm: lòng bối rối biết làm thế nào trước cảnh đẹp đêm nay vì không có rượu có hoa để thưởng ngoạn? Trong tú phải chia nước, khẩu phần là lุง bát cháo loãng, muỗi rệp, phải dập chán giặc... thiêu thốn và cay đắng vô cùng. Vay tim đâu ra rượu và hoa để ngâm cảnh đẹp đêm thu trong tú. Rượu, trăng, hoa là 3 thứ vui tao nhã của thi nhân xưa nay. Câu đầu như một lời tư an ủi: “Trong tú không rƯou cũng không hoa”. Trước cảnh đẹp đêm thu, thiếu rượu và hoa, thi nhân bần khoanke, bối rối “biết làm thế nào?”. Đó là tâm trạng, là bi kịch của một thi nhân có tâm hồn thanh cao và giàu tình yêu thiên nhiên:

“Cảnh đẹp đêm nay, khó hững hờ”.

Câu thơ chưa nói đến trăng mà người đọc đã cảm thấy một vầng trăng đẹp xuất hiện.

2. Hai câu 3, 4 nói vầng trăng mới xuất hiện. Một cảnh ngâm trăng hiếm có:

“Người ngâm trăng soi ngoài cửa sổ,
Trăng nhòm khe cửa ngâm nhà thơ”.

Câu thơ chữ Hán nào cũng có hai hình ảnh đối chiếu: “nhân - nguyệt”, “nguyệt - thi giả” và điệp từ “khìn” (xem, nhìn, nhòm). Chữ “nhân” là người, đã biến thành “thi giả” - nhà thơ, mang ý nghĩa thẩm mĩ đặc sắc. Từ trong ngục tối, người chiến sĩ ngâm trăng qua song sắt nhà tù. Tư thế ngâm trăng ấy rất đẹp, như một cuộc “vượt ngục tinh thần”. Trăng được nhân hóa có gương mặt và ánh mắt: “Trăng nhòm khe cửa ngâm nhà thơ”. Nhà thơ và trăng lặng lẽ nhìn nhau, cảm thông, chia sẻ với mối tình tri âm tri ki, cùng “đối diện đậm đàm”. Hai câu 3, 4 đối nhau, ngôn ngữ, hình ảnh cân xứng, hài hòa. Trăng và nhà thơ, hai gương mặt trong sáng, hai tâm hồn thanh cao dù bị song sắt nhà tù ngăn cách vẫn gần gũi sâu nặng ân tình. Có thể nói đây là 2 câu thơ trăng đẹp nhất, độc đáo nhất. Đã mấy ai ngâm trăng qua song sắt nhà tù? Tư thế ngâm trăng của Hồ Chí Minh thể hiện tình yêu trăng, biểu lộ một tâm hồn thanh cao, một phong thái ung dung tự tại. Nó còn biểu lộ khát vọng tự do; từ bóng tối ngục tù hướng về vầng trăng sáng, nhà thơ khẳng định một tâm thế: “Thân thể ở trong lao - Tình thần ở ngoài lao”.

Nhà văn Hoài Thanh nhận xét: "Thơ Bác đầy trăng", "Nhật kí trong tú" có 7 bài thơ nói đến trăng. Một thế giới trăng huyền tình và chia chan thi vị:

- "Chẳng được tự do mà thương người.

Lòng theo với voi mảnh trăng thu"

("Trung thu")

- "Khóm chuối trăng soi càng thấy lạnh,

Nhóm song, Bao dặm đã nằm ngang".

("Đêm lạnh")

- "Trên trời, trăng lất giữa lùm mây".

("Đêm thu")

- V.v...

"Ngắm trăng" và thế giới trăng ấy phản chiếu một hồn thơ "mênh mông bất ngát tình". Ngắm trăng vì yêu trăng cũng là yêu tự do.

17. Cảm nhận của em về bài thơ "Đi đường" của Hồ Chí Minh.

Bài làm

"Đi đường" là bài thơ thất ngôn túyệt số 30 của "Nhật kí trong tú". Lúc bấy giờ, Hồ Chí Minh đã bị chính quyền Tưởng Giới Thạch giải lui giải tới qua nhiều nhà tù trên tinh Quảng Tây, Trung Quốc. Trai qua bao cay đắng thử thách nặng nề. Người gửi gắm bao suy nghĩ, cảm xúc của mình vào bài thơ "Tán lở" này. Nam Trần đã dịch thành thơ lục bát:

"Đi đường mới biết gian lao,

Núi cao rồi lại núi cao trập trùng;

Núi cao lên đến tận cùng,

Thu vào tầm mắt muôn trùng nước non".

Bài thơ mang hàm nghĩa. Tác giả mượn chuyện đi đường để nêu lên cảm nhận đường đời vô cùng khó khăn, nguy hiểm; phải có quyết tâm cao, nghị lực mới chiến thắng thử thách, mới giành được thắng lợi vẻ vang.

1. Hai câu đầu trong bài thơ chữ Hán có nghĩa là:

"Có đi đường mới biết đường đi khó,

Hết lớp núi này lại tiếp đến lớp núi khác".

Câu thứ nhất nêu lên một kinh nghiệm, một chiêm nghiệm sống ở đời, đó là chuyện đi đường và bài học đi đường khó. Với nhà thơ, con đường được nói tới còn là con đường cách mạng vô cùng nguy hiểm: "Là giam ké tay cổ, súng ké tai - Là thân sống chỉ coi còn một nửa" ("Trăng tròn" - Tô Hữu). Hình ảnh con đường được miêu tả bằng biện ngữ "trùng sam" đã làm nổi bật khó khăn, thử thách chồng chất, người đi đường luôn luôn đối diện với bao gian khổ. Câu thơ chữ Hán không hề có chữ "cao"; dịch giả đã thêm vào, người đọc thơ cần biết:

"Đi đường mới biết gian lao,

Núi cao rồi lại núi cao trập trùng".

Hai câu thơ đầu về mặt văn chương chữ nghĩa không có gì mới. Ý niệm “*hành lý nam*” đã xuất hiện trong cổ văn học nghìn năm về trước. Thế nhưng văn thơ Hồ Chí Minh hay và sâu sắc ở tinh nghiệm sinh; nó cho thấy trải nghiệm của một con người “*bà mươi năm ấy chán không nghĩ*” (Tô Hữu), để tìm đường cứu nước. Con đường mà người chiến sĩ ấy đã vượt qua đâu chỉ có “*Núi cao rồi lại núi cao trùng trùng*” mà còn đầy phong ba bão táp, trải dài trai rông khắp bốn biển năm châu:

“Đến bờ tát lèn đèn theo sóng bể
Người di lui khắp bể, ở hòn Mỹ, chầu Phi
Những đồi tự do, những trại nô lệ
Những con đường cách mạng đang tìm dì...”.

(“Người di tìm hình của Nước”)

Người xưa có nhắc: “*Đọc sách người ấy, đọc thơ người ấy, phải biết con người ấy*” là thế.

2. Hai câu cuối câu trích theo mối quan hệ điêu kién - hé quả. Khi đã chiếm lĩnh được đỉnh cao chót vót (cao phong hậu) thì muôn dâm nước non (vạn lí dư dở) thu cả vào tầm mắt:

“Núi cao lên đến tận vùng
Thu vào tầm mắt muôn trùng nước non”

Muốn vượt qua các lớp núi lên đỉnh cao chót vót thì phải có quyết tâm và nghị lực lớn. Chỉ có thể mới giành được thắng lợi vẻ vang, thu được kết quả tốt đẹp. Câu thơ Hồ Chí Minh hàm chứa bài học quyết tâm vượt khó, nêu cao ý chí và nghị lực trong cuộc sống để giành thắng lợi. Bài học “*Di đường*” thật là vô giá đối với bất cứ ai.

3. “*Nhật ký trong tù*” có nhiều bài thơ viết về đề tài “*di đường*” như “*The lợ nan*”, “*Tin lợ*”, “*Lợ thương*”,... Đó là những văn thơ giàu chất trí tuệ, mang ý vị triết lí, đúc kết từ máu và nước mắt:

- “*Núi cao gấp hổ mồ vò sít,
Đường phẳng gấp người bị tống lao*”.
- “*Xử thế tử xưa không phai dẽ,
Mà nay, xử thế khó khăn hơn*”.

(“*Đường đời hiểm trở*”)

Bài thơ “*Đi đường*” cho ta bài học về đường đời nhiều khó khăn nguy hiểm, bài học về quyết tâm, vượt khó, vươn lên giành thắng lợi trên con đường đời. Mỗi cuộc đời là một trăm năm, ai cũng phải một trăm năm di đường. Có con đường lao động mai sinh, có con đường công danh lập nghiệp. Tuổi trẻ còn có con đường học tập. Bài thơ “*Đi đường*” trở thành hành trang cho mỗi chúng ta sức mạnh để vươn lên thực hiện ước mơ của mình.

Đáp án đề 28 + 29

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
Trả lời	B	D	C	D	B	D	D	A	C	B	D	A	D	B	D

ĐỀ 30 + 31

- * Chiếu dời đô (Thiền đô chiếu)
 - * Câu phủ định
 - * Chương trình địa phương (Phản Tác lâm văn)

1. Tác giả “Chiếu dời đô” là ai?

- Lý Công Uẩn tức là vua Lý Thái Tổ (974 - 1028)

2. Chiều là gì?

- A. Lời kêu gọi chiến đấu của vua chúa.
 - B. Lời tuyên bố của vua chúa.
 - C. Là thể văn do vua dùng để ban bố mệnh lệnh.
 - D. Là loại văn xuôi có để vua chúa dùng.

3. "Chiếu dời đô" được viết theo thể văn xuôi có dồi, ngôn từ trang trọng, trang nghiêm.

- A, Saj. B, Đúng.

4. Trong các câu sau đây, câu nào không có đối?

- A. Cho nên / vận nước lâu dài / phong tục phồn thịnh.
 - B. Địa thế rộng mà bằng / đất dai cao mà thoáng.
 - C. Thật là / chốn tụ hội trọng yếu của bốn phương đất nước; cũng là nơi kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời.
 - D. Trảm muốn dựa vào sự tiên lợi của đất ấy để định chỗ ở.

5. Lý Công Uẩn đã đổi đô từ đâu tới đâu?

- A. Cố Loa → Hoa Lư.** **B. Hoa Lư → Đại La.**
C. Cố Loa → Huế. **D. Cố Loa → Đại La.**

6. Hãy cho biết vì sao vua Lý Thái Tổ đổi Đại La thành Thăng Long?

- Tục truyền rằng khi đoàn thuyền của vua Lý Thái Tổ và quân quan Triều đình vừa tới thành Đại La thì thấy rồng vàng bay lên; nhà vua cho là điềm lành, bèn đổi tên thành Đại La thành Thành Long, kinh đô nước Đại Việt từ đây (1010).

- A. Saj B. Ding

7. Tại sao Lý Công Uẩn lại nói: “Trảm rớt đau xót về việc đó, không thể không đời đời”?

- Chỉ vì muốn đóng đô ở hòn trung tâm, mưu toan nghiệp lớn, tinh kế muôn đổi cho con cháu, trên vầng mènh trời, dưới theo ý dân, nếu thấy thuận lợi thì thay đổi

- Thể mà hai nhà Đinh, Lê lại theo ý riêng của mình, khinh thường mệnh trời,... cứ đóng yên đô thành i nơi đây (Hoa Lư) khiến cho triều đại không được lâu bền, xô ván ngã nát nêu, trâm hổ phai hao tan, muôn vật không được thích nghi.

Đó là bài lí do khéo. Lý Công Uẩn “rất đau với” và quyết định đổi tên

1. Tại sao Lý Công Uẩn gọi Đại La là “thăng đìn”?

- A. Ở vào nơi trung tâm trời đất; được cái thế rộng cuộn hổ ngồi.
- B. Đã đúng ngôi nam bắc đông tây; lại tiện hướng nhìn sông dừa núi.
- C. Địa thế rộng mà bằng, đất dài cao mà thoáng.
- D. Dân cư khôi chịu cảnh khốn khổ ngập lụt; muôn vật cũng rất mực phong phú tốt tươi.
- E. Là chốn tụ hội trọng yếu của bốn phương đất nước; cũng là nơi kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời.
- F. Có đủ các nhản tố A, B, C, D, E.

! “Chiếu dời đô” của vua Lý Thái Tổ thể hiện ý chí tự lập tư cường của dân tộc ta, mở ra nốt thiên niên kỷ Thăng Long và cung rực rõ của Đại Việt.

- A. Sai.
- B. Đúng.

0. Từ “trăm” và từ “khanh” trong bài “Chiếu dời đô” thuộc lớp từ gì trong ngữ lán tộc?

- A. Biệt ngữ xã hội.
- B. Từ địa phương.

I. Phân tích và nêu cảm nghĩ của em về “Chiếu dời đô” của Lý Thái Tổ.

Bài làm

Lý Công Uẩn (974-1028) quê ở Kinh Bắc, là võ tướng cao cấp của Lê Đại Hành, từng giữ chức Tả thân vệ Điện tiền chi huy sứ. Ông là người tài trí, đức độ, ái đáo, nhiều uy vọng. Năm 1009, Lê Ngọa Triều chết, ông được giới tăng lữ và riều thần tôn lên làm vua, tức Lý Thái Tổ dựng nên triều đại nhà Lý hơn 200 năm (1009-1225). Năm 1010, Lý Thái Tổ viết “Thiên đô chiếu” dời đô từ Hoa Lư (Ninh Bình) ra thành Đại La, sau đổi là Thăng Long, kinh đô của Đại Việt.

“Chiếu là lời của vua ban bố hiệu lệnh cho thần dân” (Đương Quảng Hàm), huộc văn xuôi cổ, câu văn có vẻ đối, ngôn từ trang nghiêm, trang trọng. “Chiếu dời ô” của Lý Công Uẩn là một văn kiện mang ý nghĩa lịch sử to lớn. Sắp đến kỉ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội (1010-2010), ta càng thấy rõ ý nghĩa lịch sử rộng đại của luận văn này.

Văn bản chữ Hán chỉ có 214 chữ, bản dịch của Nguyễn Đức Văn dài 360 chữ.

1. Phân dấu “Chiếu dời ô” nói lên mục đích sâu xa, tầm quan trọng của việc dời ô là để “đóng đô ở nơi trung tâm, mưu toan nghiệp lớn, tinh kế muôn đời cho on cháu; trên theo mệnh trời, dưới theo ý dân”. Nói một cách khác, việc dời ô là một việc lớn, vừa hợp mệnh trời vừa hợp lòng dân, là để xây dựng đất nước cường hịnh, đem lại hạnh phúc, thái bình cho nhân dân.

Việc dời ô không còn là chuyện hì hưu, mà ô là những kinh nghiệm lịch ứ, phản ánh xu thế phát triển lịch sử của từng quốc gia, từng thời đại. Tác giả đã ưu lên những dẫn chứng lịch sử để thu phục nhân tâm. Chuyện ở xa là chuyện béo: “Xưa nhà Thương đến vua Bàn Canh năm lần dời ô; nhà Chu đến vua Thành Vương cũng ba lần dời ô”. Chuyện gần là ở nước ta thời nhà Đinh, nhà Lê vì chỉ theo ý riêng mình, khinh thường mệnh trời...”, cứ “đóng yên ô thành” ở Hoa Lư ên dẫn đến thảm kịch: “triều đại không được lâu bền, số vận ngắn ngủi, trăm họ

phải hao tổn, muôn vật không được thích nghi"... Sứ sách cho biết, Đinh Bộ Lĩnh sau khi dẹp tan 12 sứ quân, năm 968 ông lên ngôi hoàng đế thì đến năm 979 nhà vua bị ám hại. Năm 981, Lê Hoàn lên làm vua, tuy đã đánh thắng giặc Tống xâm lược, nhưng năm 1005, Lê Đại Hành băng hà, thì các thế lực phong kiến, các hoàng tử... lại xung đột, tranh giành ngôi báu, loạn lạc kéo dài "trăm họ phải hao tổn" nhiều xương máu, tiền của. Cái chết của vua Lê Ngoa Triều năm 1009 đã chứng tỏ hai triều đại Đinh, Lê "không được lâu bền, số vận ngắn ngủi". Hai triều đại Đinh, Lê phải đóng đô là do nhiều nguyên nhân lịch sử: nhà nước phong kiến Việt Nam chưa đủ mạnh, nạn cát cứ của các lãnh chúa hoành hành, giặc giã loạn lạc kéo dài. Do đó, các vua nhà Đinh, nhà Lê phải nuôi hỏa báo ở trong nhà, phải nấu vạc dầu ở ngoài sân, dựa vào sông sâu núi cao, địa thế hiểm trở vùng Hoa Lư để đóng đô và phòng thủ. Đóng đô ở Hoa Lư là một hạn chế của lịch sử của nhà Đinh, nhà Lê.

Lý Công Uẩn "đau xót" khi nghĩ về "vận số ngắn ngủi" của nhà Đinh, nhà Lê và cảm thấy việc dời đô là một việc cấp thiết "không thể không dời đổi".

"Chiến dời đô" trong phân mờ dầu, lì lê sắc bén, dẫn chứng lịch sử là sự thật hiển nhiên, giàu sức thuyết phục lòng người. Tác giả đã lồng cảm xúc vào bài chiêu, tạo nên bao ấn tượng đẹp: "Trăm rât đau xót về việc đó, không thể không dời đổi".

Cuốn "Lịch sử Việt Nam" của Viện Sử học đã viết:

"Việc dời đô về Thăng Long phản ánh yêu cầu phát triển mới của quốc gia phong kiến tập quyền và chứng tỏ khả năng, lòng tin và quyết tâm của cả dân tộc giữ vững nền độc lập"...

2. Đại La rất thuận lợi, rất đẹp để đóng đô.

Đại La không có gì xa lạ, là "kinh đô cũ của Cao Vương". Cao Vương là Cao Biển, đại quan của nhà Đường, từng làm Đô hộ sứ Giao Châu từ 864 - 875; năm 866, Cao Biển đã xây thành Đại La, thuộc Hà Nội ngày nay.

Đại La rất thuận tiện.

Về vị trí địa lí là "ở vào nơi trung tâm trời đất... đã đứng ngồi nam bắc đông tây".

Về địa thế, rất đẹp, rất hùng vĩ: "được cái thế rộng cuộn hổ ngồi", "lại tiện hướng nhìn sông biển núi", "địa thế rộng mà bằng, đất đai cao mà thoáng".

Là một vùng đất cư trú lý tưởng cho dân cư, không "ngập lụt", "muôn vật cung rât mục phong phú tốt tươi".

Tóm lại, Đại La là "thắng địa", là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, quốc phòng, "chốn tụ hội trọng yếu của bốn phương đất nước". Đại La xứng đáng là "kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời".

Phản thứ hai của "Chiến dời đô" cho thấy tầm nhìn chiến lược của Lý Công Uẩn về Đại La, nơi sẽ dời đô đến. Một cái nhìn toàn diện, sâu sắc, chính xác về các mặt vị trí địa lí, địa thế, nhân văn... Sau một nghìn năm, Hà Nội đã trở thành thủ đô hòa bình của đất nước ta, nhân dân ta, ta càng thấy việc dời đô từ Hoa Lư ra Đại La của Lý Công Uẩn là một công hiến vô cùng vĩ đại "mãi toan nghiệp lớn, tinh ke muon doi cho con cháu".

Sử sách còn ghi lại: khi thuyền rồng của nhà vua vừa cập bến sông Nhị Hà ở chân thành Đại La thì có con rồng vàng bay lên, vua cho là điềm tốt nên đổi tên là Thăng Long. Thăng Long là “Rồng bay” thể hiện cái thế bay lên và khát vọng của nhân dân xây dựng Đại Việt thành một quốc gia cường thịnh có nền văn hiến lâu đời rực rỡ. Ý chí tự lập tự cường và niềm tin về ngày mai tốt đẹp được khẳng định một cách mạnh mẽ.

Về mặt văn chương, phần thứ hai “Chiếu dời đô” rất đặc sắc. Cách viết hàm súc, gần hình ảnh và biểu cảm, những vẻ đổi rất chính, đọc lên nghe rất thú vị, mặc dù phả qua bản dịch:

“Hưởng gi thành Đại La... ơi vào nỗi trung tâm trời đất //; được cái thế rồng cuồn hổ ngồi. Đã dùng ngôi nam bắc tay đóng //; lại tiện hướng rhìn sông dựa núi. Dân cư khởi chịu cảnh khổ ngập lụt //; muôn vật cũng rất mực phong phú tốt tươi... Thật là chốn tự hối trọng yếu của bốn phương đất nước //; cũng là nơi kinh đô bắc nhất của đế vương muôn đời”.

3. Phần cuối nguyên tác “Thiên đô chiếu” chỉ có 14 chữ bản dịch thành 19 chữ. Nhà vua bày tỏ ý mình về việc đổi đô và hỏi quần thần. Đúng Lý Công Uẩn là một người “tái trí, đức độ, kin đáo”.

“Trăm muôn dựa vào sự thuận lợi của đất ấy để định chỗ ở. Các khanh nghĩ thế nào?”

Việc dời đô của Lý Công Uẩn là một kỳ tích, kì công. Sau một ngàn năm Thăng Long - Hà Nội “đất văn vật” đã trở thành thủ đô của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, trung tâm chính trị, kinh tế, quốc phòng, văn hóa của đất nước ta.

“Chiếu dời đô” là áng văn xuôi cổ độc đáo, đặc sắc của tổ tiên để lại. Ngôn từ trang trọng, đúng là khẩu khí của bậc đế vương. Nó là kết tinh vẻ đẹp tâm hồn và trí tuệ Việt Nam. Nó khơi dậy trong lòng nhân dân ta lòng tự hào và ý chí tự cường mạnh mẽ.

Đáp án đề 30 + 31

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Trả lời	A	C	B	D	B	B	A	F	B	A

ĐỀ 32 + 33

- * Hịch tướng sĩ
* Hành động nói

1. Tác giả “Hịch tướng sĩ” là ai?

A. Trần Thủ Độ.

B. Trần Quang Khải

C. Vua Trần Nhân Tông.

D. Trần Quốc Tuấn.

2. "Hịch tướng sĩ" được tác giả viết vào thời gian nào?

- A. Trước cuộc kháng chiến lần thứ nhất của Đại Việt chống giặc Nguyên Mông (1258)
- B. Trước cuộc kháng chiến lần thứ hai của Đại Việt đánh thắng giặc Nguyên Mông (1285)
- C. Trước cuộc kháng chiến lần thứ ba của Đại Việt đánh thắng giặc Nguyên Mông (1288)

3. "Hịch tướng sĩ" được viết bằng thể văn gì?

- A. Văn xuôi cổ.
- B. Văn xuôi có có đối.
- C. Văn vắn.
- D. Cả A, B, C đều sai.

4. Trần Quốc Tuấn đứng trên vị thế nào để viết "Hịch tướng sĩ"?

- Trên vị thế "Tiết chế thông linh", Trần Quốc Tuấn đã viết "Hịch tướng sĩ". Vì thế ông tự xưng là "ta", gọi các tướng sĩ là "các ngài" một cách trang nghiêm.

- A. Sai.
- B. Đúng.

5. Phản ánh, Trần Quốc Tuấn nêu lên những trung thân nghĩa sĩ trong Bác sẽ nhằm mục đích gì?

- A. Ca ngợi các trung thân nghĩa sĩ đã lưu danh sử sách, để lại tiếng tốt muôn đời mai sau.
- B. Giáo dục lòng trung quân ái quốc của tướng sĩ.
- C. Khích lệ, động viên tướng sĩ, nêu cao lòng trung nghĩa, sẵn sàng xả thân vì sơn hà xâ tác, quyết đánh thắng giặc Nguyên Mông.
- D. Gồm cả A, B, C.

6. Những từ ngữ nào, hình ảnh nào cảm thùng vạch trần và lên án bộ mặt tham lèm tàn bạo của đế quốc Mông Nguyên?

- A. Sứ giặc di lại nghênh ngang ngoài đường, uốn lưỡi cú diều mà sỉ mắng triều đình, đem thân dê chó mà bắt nạt tể phụ.
- B. Thác mệnh Hốt Tất Liệt mà đòi ngọc lụa, để thoả lòng tham không cùng.
- C. Giả hiệu Vạn Nam Vương mà thu bạc vàng, để vét của kho có hạn.
- D. Gồm tất cả A, B, C.

7. Các từ in đậm ở A và B (câu 6) là những từ thuộc từ loại nào?

- A. Danh từ.
- B. Tính từ.
- C. Động từ.
- D. Trợ từ.

8. Các hình ảnh: "lưỡi cú diều", "thân dê chó", "hổ đổi" là những hình ảnh được xây dựng bằng biện pháp tu từ gì?

- A. So sánh.
- B. Ảnh dụ.
- C. Hoán dụ.
- D. Nhân hoá.

9. Câu "Thật khác nào như đem thịt mà nuôi hổ đổi, sao cho khỏi đe tai và vέ sút?" là kiểu câu gì?

- A. Câu trán thuật.
- B. Câu cảm thán.
- C. Câu nghi vấn.
- D. Câu cầu khẩn.

10. Câu văn nào trong "Hịch tướng sĩ", Trần Quốc Tuấn biểu lộ tâm trạng lo lắng, uất hận và thù sục soi giặc Mông - Nguyên, sẵn sàng xả thân để tiêu diệt chúng?

"Ta thường tự hứa quên ăn, với đêm và giờ, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa, chí cảm túc chưa xả hết lát da, ruột gan nồng máu quấn thù. Dẫu cho trăm thảy này phai ngoài nỗi cô, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng".

A. Đúng.

B. Sai.

11. Biết pháp nghệ thuật nào được tác giả sử dụng trong các cụm từ, các hình ảnh sau? Chú ý các từ in đậm: "ruột đau như cắt", "nước mắt đầm đìa", "cảm túc chưa xả hết lát da, ruột gan nồng máu quấn thù", "trăm thân này", "nghìn xác này"?

A. So sánh.

B. Ảnh dụ.

C. Hoán dụ.

D. Hoán dụ và ẩn dụ.

12. Có đúng là tác giả đã dùng phép thảm xưng (nói quá) để thể hiện lòng căm thù sục sôi, ý chí chiến đấu mạnh mẽ, quyết không đổi trời chung với giặc Mông Nguyên qua câu văn này?

"Dẫu cho trăm thân này phai ngoài cõi nội, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng".

A. Sai.

B. Đúng.

13. Đọc đoạn văn sau:

"Nếu có giặc Mông Thát tràn sang thì cửa già trong **không thể đâm thủng áo giáp** của giặc, mèo cờ bạc **không thể dùng làm mưu lược** nhà binh; **đảm rắng ruồng lâm** viền nhiều, **tâm thân** quý nghìn vàng **khôn chuộc**, và lại vợ bùi con dâu, việc quản cơ trăm sự ích chi; tiền của tuy nhiều **không mua được** đầu giặc, chó săn tuy khoẻ **không đuổi được** quân thù; chén rượu ngon **không thể làm cho** giặc say chết, tiếng hát hay **không thể làm cho** giặc diếc tai".

- Cho biết những từ ngữ in đậm là những từ ngữ làm nổi bật ý phủ định để néu bặt nguy cơ bại vong tất yếu không?

A. Sai.

B. Đúng.

14. Chọn ý đúng nói về tác dụng các từ ngữ in đậm trong đoạn văn sau:

"Lúc bấy giờ, ta cũng các người sẽ bị bắt, đau xót biết chừng nào ! Chẳng những trái áp của ta **không còn**, mà hổng lộc các người **cũng mất**; chẳng những già quyến của ta **bị tan**, mà vợ con các người **cũng khốn**; / chả những xà tắc tổ tống ta **hi giày xéo**, mà phán mồ cha mẹ các người **cũng bị quật lén**; / chả những tân ta **kép này chiu nhuc**, rồi đến trăm năm sau, **tiếng đơ khôn rửa tên xáu còn lưu** / mà đến già thanh các người cũng không khỏi mang **tiếng là tướng bại trận**. Lúc bấy giờ, đâu các người muốn vui vẻ phỏng có được không?".

A. Niềm vui thắng trận.

B. Nỗi đau đớn bại trận.

C. Nỗi nhục nhã bại trận.

D. Cả B và C.

15. Câu lầu và câu cuối đoạn văn là kiểu câu gì?

A. Câu trắc thuật.

B. Câu cầu khiếu.

C. Câu phủ định.

D. Câu cảm thán.

E. Câu nghị vấn.

F. Cả D và E.

16. Phản gián đoạn văn có 3 câu ghép chính phủ. Cho biết các vé trong mỗi câu ghép được nối bằng cặp quan hệ từ nào?

- Đó là cặp quan hệ từ: *chẳng những ... mà ...*

A. Đúng.

B. Sai.

17. Trần Quốc Tuấn sau khi phân tích cái hại của tư tưởng cầu an hưởng lạc, mất cảnh giác, ông khuyên tướng sĩ phải rèn luyện chiến mã, cung tên, sẵn sàng quyết chiến và quyết thắng giặc Mông Nguyên. Câu văn nào nói lên ý tưởng ấy? - Đó là câu văn sau đây:

"Huấn luyện quân sĩ, tập duyệt cung tên; khiến cho người giỏi như Bàng Mông, nhà nhà đều là Hậu Nghệ; có thể bèn được dán Hốt Tất Liệt ở cửa khuyết, làm rùa thịt Vân Nam Vương ở Cảo Nhai".

A. Sai.

B. Đúng.

18. Những từ ngữ in đậm trong đoạn văn sau đã khẳng định niềm vui và hạnh phúc của chủ soái và tướng sĩ trong thắng trận hay không?

"Như vậy, chẳng những thái áp của ta mãi mãi vững bền, mà bỗng lộc các người cũng đòi đòi hưởng thụ; chẳng những già quyến của ta được êm ám gói chăn mà vợ con các người cũng được bách niên giao lão; chẳng những tòng miếu của ta sẽ được muôn đời tế lễ, mà tổ tông các người cũng được thờ cúng quanh năm; chẳng những thân ta kiếp này đặc chi; mà đến các người trăm năm về sau tiếng vẫn lưu truyền; chẳng những danh hiệu ta không bí mai mốt, mà tên họ các người cũng sử sách lưu thơm".

A. Đúng.

B. Sai.

19. Câu "Lúc bấy giờ, dân các ngươi không muốn vui vẻ phỏng có được không?" là kiểu câu gì?

A. Câu cảm thán.

B. Câu cầu khẩn.

C. Câu nghi vấn.

D. Câu trấn thuât.

20. Hai đoạn văn cuối bài "Hịch tướng sĩ" nếu len yêu cầu gì đối với tướng sĩ?

A. Chuyên tập "Binh thư yếu lược" thì mới phải đạo thân chủ.

B. Khinh bỉ sách này tức là kẻ nghịch thù.

C. Cả A và B đều đúng.

D. Cả A và B đều sai.

21. Câu văn trong "Hịch tướng sĩ" là câu ngắn (đoản cú) hay câu dài (trường cú) lúc tác giả giải thích phân tích vẻ tác hại của tinh thần mất cảnh giác, của thói cầu an hưởng lạc, vẻ cái nhục bại trận, vẻ cái vinh thắng trận?

A. Câu đoán cú.

B. Câu trường cú.

22. Nhận định sau đây đúng hay sai?

- "Hịch tướng sĩ" đã nêu cao tinh thần sẵn sàng chiến đấu và quyết thắng, là bài ca chiến đấu rực lửa cảm hứng người hào khí Đông Á. Lí lẽ đanh thép, lí và tình hài hoà, lập luận chặt chẽ, giọng văn lúc thiết tha chân tình, lúc hùng hồn

mười mè tạo nên sức thuyết phục của trái tim lao Phai là người anh hùng thuở "binh Nguyễn" tràn trề tinh thần thề với linh hồn vang vọng núi sông, chấn động lòng người như thế."

A. Đúng.

B. Sai.

23. **Hành động nói** là gì?

- A. Hành động nói là hành động được thực hiện bằng lời nói nhằm mục đích nhất định.
- B. Mục đích đó là hỏi, trình bày, điều khiển, hứa hẹn, bộc lộ cảm xúc.
- C. Cả A và B đều đúng.
- D. Cả A và B đều sai.

24. Các ví dụ sau đây có phải chứa đựng hành động nói hay không?

A. *Ta viết ra bài hịch này để các người biết bụng ta.*

Trần Quốc Tuấn

B. *Mai mốt bên cửa rìa
Hết nghe tiếng súng nổ
Là chúng tôi đang có
Tiêu diệt kẻ thù chúng*

("Viếng bạn" - Hoàng Lộc)

C. *Chúng ta thà hì sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước,
nhất định không chịu làm nô lệ!*

Hồ Chí Minh

D. *Tiến lên! Chiến sĩ đồng bào!
Bắc Nam sum họp xuân nào vui hơn?*

Hồ Chí Minh

E. *Còn non còn nước còn người,
Thắng giặc Mỹ, ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay.*

Hồ Chí Minh

F. Gồm tất cả A, B, C, D, E.

25. **Phân tích đoạn văn sau:**

... "Huống chi, ta cùng các người sinh phái thời loạn lạc, lớn gấp bao giờ nam. Ngó thấy sứ giặc đi lại nghênh ngang ngoài đường, uốn lưỡi cù điểu mà si mê. Triều đình, đem thân để chó mà bắt nạt tế phụ, thác mệnh Hốt Tất Liệt mà dồn ngược lúa, để thỏa lòng tham không cùng, giả hiệu Văn Nam Vương mà thu bạc vàng để vét của kho có hạn. Thật khóc nào như đem thịt mà nuôi hổ đói, sao cho khói lái vại vặt vè sau."

"Ta thường từ bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìu, hí cầm tay chưa xả thịt lột da, nuốt gan, uống máu quan thủ. Đầu cho trăm thium này phơi ngoài nỗi cõi, nghìn xác này gói trong lồng ngựa, ta cũng vui lòng".

("Hịch tướng sĩ - Trần Quốc Tuấn)

Bài làm

Trong thế kỷ XIII, Đại Việt đã 3 lần đánh thắng giặc Nguyên - Mông. Chương Dương, Hàm Tử, Bạch Đằng... là những chiến công vang dội đời Trần đã tô thắm trang sử chống xâm lăng của nhân dân ta.

"Bạch Đằng một cõi chiến tràng,

Xương bay trắng đất, máu màng đỏ sông"

(Đại Nam quốc sử diễn ca)

Tên tuổi người anh hùng Trần Quốc Tuấn gắn liền với những chiến công hiển hách ấy. Ông là tác giả cuốn "Binh thư yếu lược" và "Hịch tướng sĩ" bất hủ. Năm 1285, Hốt Tất Liệt lại sai Thoát Hoan mang 50 vạn quân sang xâm lược Đại Việt lần thứ hai. Trước đó, Trần Quốc Tuấn đã được vua Trần cử giữ chức "Tiết chế thống lĩnh". Và ông đã viết "Hịch tướng sĩ" kêu gọi ba quân, vương hầu, tướng lĩnh học tập binh thư, rèn tập giáo mác, cung tên, chiến mã, sẵn sàng quyết chiến quyết thắng lũ xâm lược.

Đoạn văn sau đây trích trong bài "Hịch tướng sĩ":

... "Hưởng chí, ta cùng các người sinh phải thời loạn lạc... Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cổ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng"...

1. Câu thứ nhất là một lời tâm huyết của vị thống soái thổ lộ tâm tình với các tướng sĩ: cùng một thế hệ đang gánh vác sứ mệnh lịch sử: "Hưởng chí ta cùng các người sinh phải thời loạn lạc, lớn gấp buổi gian nan". "Thời loạn lạc" và "buổi gian nan" ấy là khi đất nước ta đang đứng trước họa xâm lăng của quân Mông Cổ. "Ta cùng các người" đang chung chịu gian nan thử thách nặng nề, cùng chia ngọt sẻ bùi với nhau, cùng vinh, nhục với dân tộc và đất nước.

2. Bằng cái nhìn sáng suốt và cảnh giác, Trần Quốc Tuấn đã vạch trần dã tâm và bộ mặt tham lam, tàn bạo của quân xâm lược phương Bắc qua hình ảnh tên sứ giặc. Sau thảm bại lần thứ nhất 1258, cagy thế "Thiên triều", đế quốc Nguyên - Mông liên tiếp cử sứ giả sang nước ta sách nhiễu. Chẳng khác nào lũ thái thú thòe nòè, sứ giặc Mông Cổ "nghênh ngang đi lại ngoài đường, uốn lưỡi cù diến mà sỉ mắng triều đình, đem thân dê chó mà bắt nạt tể phu". "Lưỡi cù diến", "thân dê chó" là hai hình ảnh ẩn dụ lột tả bộ mặt tham tàn của bọn nguy sứ. Hành động của chúng thì ngang ngược, "nghênh ngang", coi Đại Việt và kinh thành Thăng Long là quận huyện của chúng. Cagy thế nước lớn chúng ra sức hoành hành, vừa "bắt nạt", vừa "sỉ mắng" triều đình và vua tối nhà Trần. Giặc đã xúc phạm đến quốc thể và niềm tự tôn dân tộc. Trần Quốc Tuấn đã biểu lộ lòng căm thù và khinh bỉ đối với sứ giặc, khêu gợi ý thức dân tộc đối với tướng sĩ.

Lòng tham "ở đây là bản chất của bọn giặc phương Bắc. Lúc thì chúng "thác méné Hốt Tất Liệt mà đòi ngọc lụa, để thỏa lòng tham không cùng", lúc thì chúng "giả hiệu Văn Nam Vương mà thu bạc vàng, để vét của kho có hạn". Giặc tìm đủ trám phương nghìn kế "mà đòi... mà thu... để vét..." tài sản quý báu của ta, bóc lột dân ta đến tận xương tủy. Nghệ thuật đối ngẫu được vận dụng sắc bén làm nổi bật hành động và dã tâm của bọn sứ giặc. Mỗi vẻ câu vạch trần một âm mưu, một hành động tham tàn của bọn sứ giặc: "Uốn lưỡi cù diến mà sỉ mắng triều đình // đem

thần dê chó mà bắt nạt té phai, thần mèo Hồ Tát Liết mà đòi ngọc lúa, để thỏa lòng tham không cừng // già hiền Vạn Vương mà thu bạc vàng, để vét của kho cõi hrm”.

Lòng căm thù giặc như ngọn lửa ngày một bốc cao. Tác giả gọi sứ giặc là “hổ lôi” không thể khoan nhượng, không thể khoanh tay ngồi nhìn chúng hoành hành. Với cái nhìn sáng suốt, ông đưa ra một so sánh vô cùng sâu sắc: “*Thật khác nòi thuế đem thịt mà nuôi hổ đói, sao cho khói đói tai và về sau!*” Hổ đói phải ném cho chúng bao nhiêu thịt mới vừa, có lúc người nuôi hổ đói phải thế mạng! Cũng như phải cống nạp bao nhiêu ngọc lúa, bạc vàng cho thỏa lòng tham vô đáy của lũ giặc! “*Tai và về sau*” mà Trần Quốc Tuấn chỉ rõ là thảm họa nước mất nhà tan, “*ta cùng các người sẽ bị giặc bắt, đau xót biết chừng nào?*”.

Một trong những yêu cầu của **hịch** là vạch trần tính chất phi nghĩa, dã man của đối phương, của giặc để khêu gợi lòng căm thù giặc của đông đảo nhân dân. Đoạn văn trên đây với cách lập luận sắc bén, cách đưa dẫn chứng, với nghệ thuật sáng tạo hình ảnh ẩn dụ, cách cấu trúc các vế biến ngẫu đổi xứng... đã tạo nên giọng văn đanh thép, hùng hồn, mạnh mẽ, đầy ẩn tượng!

3. *Phản hối của đoạn văn súc sôi nhiệt huyết và tinh thần quyết chiến.* Một tâm trạng nhiều đau đớn, đắng cay, tủi nhục trước hành động tham tàn của sứ giặc, trước hoa xâm lăng đang đến gần. Ăn và ngủ là những nhu cầu sống không thể thiếu được đối với mỗi người. Thế mà vị thống soái đã và đang trải qua những đêm ngày căng thẳng. Tới bữa “quén ăn”, nửa đêm “vô gối”; đau đớn, tủi nhục đến cực độ “riết đau như cắt, nước mắt đầm đìa”. Một cách nói cụ thể, ám ảnh. Một cách diễn tả mạnh mẽ qua các vế câu cân xứng, hô ứng (chủ yếu mỗi vế 4 từ) làm nổi bật tâm trạng của người anh hùng khi Tổ quốc Đại Việt lâm nguy:

“Ta thường / tới bữa quên ăn / nửa đêm vô gối / ruột đau như cắt / nước mắt đầm đìa”...

Cái nguyên cõi sâu xa về nỗi đau, về sự căm tức của vị thống soái cũng thật phi thường, quyết không dung tha lũ giặc cướp: “*Chỉ căm tức chưa xả thịt lột da, nuôi gan, uống máu quân thù!*”. Các động từ mạnh được sử dụng rất đắt để diễn tả lòng căm thù giặc sôi sục: “*vả*” thịt, “*lột*” da, “*nuôi*” gan, “*uống*” máu (quân thù). Đó là cách nói, cách biểu thị của người xưa quyết không đội trời chung với giặc!

Khép lại đoạn văn là lời nguyên của Trần Quốc Tuấn. Từ *tâm trạng* mà thể hiện thái độ, từ thái độ mà biểu thị hành động, đó là *cấu trúc nội tại ý tưởng - cảm xúc* của đoạn văn trên. Vị thống soái quyết một phen sống mái với giặc Nguyên - Mông

“*Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cõi, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng!*”

“*Trăm thân... nghìn xác...*” là cách nói thậm xưng, là phép khoa trương trong phú, lịch ngày xưa. “*Nội cõi*” là đồng cõi, bối chiến trường; “*Xác gói trong da ngựa*” là dile i tích nói lên niềm kiêu hãnh tư hào của các tráng sĩ, tướng tá ngày xưa được

hi sinh trên chiến địa. Tác giả đã có một cách nói rất hay, rất sâu sắc và độc đáo về một lời thề thiêng liêng, thể hiện tư thế hiên ngang, lâm liệt, tinh thần quyết chiến của người anh hùng thuở “Bình Nguyên”. Chính vì vậy mà khi giặc Nguyên Mông tràn vào nước ta mạnh như gió lướt sóng dữ, ông vẫn ung dung, nghiêm nghị tâu với vua Trần Nhân Tông: “Nếu bệ hạ muốn hàng thi trước hết hãy chém đầu thân đi đã !...”.

Đoạn văn trên đây tiêu biểu cho tư tưởng và nghệ thuật của “Hịch tướng sĩ”. Lí lẽ và cảm xúc kết hợp hài hòa. Giọng văn danh thép, hùng hồn. Hình ảnh quân giặc tham lam, tàn bạo bao nhiêu thì hình ảnh Trần Quốc Tuấn lại hiên ngang, lâm liệt và anh hùng bấy nhiêu ! Đoạn văn đã làm sống lại những năm tháng hào hùng thuở “Bình Nguyên”. Nó như tiếng kèn vang dội non sông, nâng cao дух khí của đoàn quân “Sát Thát” ào ào xung trận với quyết tâm “phá cường địch, báo hoàng ân”. Thể hịch dưới ngòi bút Trần Quốc Tuấn đã trở thành bản anh hùng ca thời đại. “Hịch tướng sĩ” là bài ca yêu nước thể hiện cao đẹp tinh thần quyết chiến quyết thắng của dân tộc ta, biểu hiện rực rỡ nhất “Hào khí Đông Á”.

Đáp án đề 32 + 33

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Trả lời	D	B	B	B	D	D	C	B	B	A	C	B

Câu	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
Trả lời	B	D	F	A	B	A	C	C	B	A	C	F

ĐỀ 34 + 35

- * Nước Đại Việt ta (trích “Binh Ngó đại cáo”)
- * Hành động nói (tiếp theo)
- * Ôn tập về luận điểm.

1. Cáo là gì? Chọn ý đúng.

- A. Cáo là báo cáo về một chủ trương, một công việc.
- B. Cáo là văn nghị luận cổ.
- C. Cáo là một thể văn xuôi cổ, thường là văn biếm ngẫu.
- D. Cáo là thể văn nghị luận cổ, thường được vua chúa hoặc thủ lĩnh dùng để trình bày một chủ trương hay công bố kết quả một sự nghiệp để mọi người cùng biết.

2. “Binh Ngó đại cáo” của Nguyễn Trãi thay lời Lê Lợi được công bố vào thời gian nào?

- Đó là ngày 17 tháng Chạp năm Dinh Mùi (tức đầu năm 1428).

- A. Đúng.
- B. Sai

3. "Binh Ngò dài cao" được viết theo lối văn biến ngẫu (cau có 2 vế đối), có đủ các kiểu cau vàt xuôi eo.

A. Sai.

B. Đúng.

4. Giờg văn "Binh Ngò dài cao" như thế nào?

A. Dù đương.

B. Thơ thiết.

C. Trâm hùng.

D. Đanh thép, hùng hồn.

5. "Binh Ngò dài cao" được ca ngợi là:

A. Thiên cổ kỉ bút.

B. Thiên cổ hùng vĩ.

6. Ý nào nói đúng hoan cảnh sang tae và thời điểm công bố "Binh Ngò dài cao"?

A. Sau khi đánh tan hai đạo viễn binh của giặc Minh do Liêu Thăng và Mộc Thạnh cầm đầu kéo sang.

B. Sau khi Vương Thông xin giảng hòa.

C. Sau khi hàng chục vạn tù, hàng binh của giặc được tha tội chết cho về Tàu.

D. Sau khi giặc Minh bị quét sạch ra khỏi đất nước ta, hòa bình được vãn hồi, Đại Việt giành được độc lập hoàn toàn (cuối năm 1427, đầu năm 1428)

7. Mở lầu "Binh Ngò dài cao", Nguyễn Trãi nêu cao triết lí, tư tưởng nhân nghĩa. Em hiểu thế nào là nhân nghĩa?

A. Nhân nghĩa là tình thương người.

B. Nhân nghĩa là cách ứng xử giàu tình người.

C. Nhân nghĩa là khái niệm đạo đức của Nho giáo, nói về đạo lí, cách ứng xử và tình thương giữa con người với nhau.

D. Cả A, B, C đều sai.

8. Câu nào trong "Binh Ngò dài cao" nêu lên "việc nhân nghĩa"?

"Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân,

Quân điểu phạt trước lo trừ bạo".

A. Đúng.

B. Sai.

9. Em hiểu như thế nào về hai câu văn ấy?

- Vì thương người mà trừng phạt kẻ có tội, trừ khử, tiêu diệt kẻ tham lam tàn bạo để đem lại yên vui hạnh phúc cho nhân dân. "Quân điểu phạt trước lo trừ bạo" ở đây là nghĩa quân Lam Sơn đã đánh đuổi giặc Minh và bè lũ tay sai bán nước, giành lại độc lập cho nước, hạnh phúc cho dân đó là "việc nhân nghĩa".

A. Sai.

B. Đúng.

10. Nguyễn Trãi viết:

"Như nước Đại Việt từ từ trước,

Vốn xứng nên văn hiến dã làn".

Nền văn hiến Đại Việt, theo tác giả có mấy nhán tố, là những nhán tố nào?

A. Cố cương vực lãnh thổ, có chủ quyền.

B. Cố phong tục riêng.

C. Có nền độc lập trải qua các triều đại Đinh, Lý, Trần.

- D. Có anh hùng hào kiệt.
- E. Có những trang sử vàng chống ngoại xâm chói lọi.
- F. Tất cả A, B, C, D, E, đều sai.
- G. Tất cả A, B, C, D, E, đều đúng.

11. "Binh Ngô đại cáo" được xem là bản Tuyên ngôn Độc lập lần thứ hai của Đại Việt. Vậy thi áng thơ văn nào được coi là bản Tuyên ngôn Độc lập lần thứ nhất của nước ta?

- A. Nam quốc sơn hà.
- B. Hịch tướng sĩ.
- C. Thuật hoài.
- D. Tung giá hoàn kinh sư.

12. Trong "Nam quốc sơn hà" chỉ mới nêu lên hai nhân tố, đó là những nhân tố nào? Chọn ý đúng.

- A. Nước Nam có lãnh thổ (Sông núi nước Nam) đã được ghi rõ ở "Thiên thư".
- B. Nước Nam có chủ quyền, có nền độc lập (Nam đế cư)
- C. Cả A và B.

13. Các câu:

"Như nước Đại Việt ta từ trước,
Vốn xứng nên văn hiến đã lâu.
Núi sông bờ cõi đã chia,
Phong tục Bắc Nam cũng khác".

- Có phải hành động nói trong 4 câu văn này là hành động trinh bầy?

- A. Sai
- B. Đúng

14. Hành động nói được thể hiện trong đoạn văn sau là hành động trinh bầy (tuyên bố) kèm với bộc lộ cảm xúc (tự hào dân tộc) đúng hay sai?

- "Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần bao đời xây nền độc lập,
Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyễn mỗi bên xưng để một phương".
- A. Đúng
 - B. Sai

15. Ngoài các lí lẽ nói về việc nhân nghĩa, về nền văn hiến Đại Việt, Nguyễn Trãi còn nêu lên thực tiễn lịch sử của nước ta, của nhân dân ta để tự hào khẳng định chân lý lịch sử sáng ngời. Vậy thực tiễn lịch sử đó là những gì?

- A. Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần bao đời xây nền độc lập.
- B. Lưu Cung tham công nên thất bại.
- C. Triệu Tiết thích lớn (xâm lược, bành trướng) phải tiêu vong.
- D. Cửa Hàm Tử bắt sống Toa Đô.
- E. Sông Bạch Đằng giết tươi Ô Mã.
- F. Gồm tất cả A, B, C, D, E.

16. Câu văn nào, Nguyễn Trãi sử dụng biện pháp so sánh, tương phản, đối lập?

- A. Phong tục Bắc / Nam cũng khác.
- B. Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần bao đời xây nền độc lập,
Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyễn mỗi bên xưng để một phương.

C. Cả A và B đều đúng.

D. Cả A và B đều sai.

17. Trong đoạn văn sau, tác giả đã trình bày luận điểm theo cách gì? Chú ý câu in đậm

"Tiếng Việt có những đặc sắc của một thứ tiếng đẹp, một thứ tiếng hay."

Nói thế có nghĩa là nói rằng: tiếng Việt là một thứ tiếng hài hòa về mặt âm hưởng, thanh liệu mà cũng rất tự nhiên, uyển chuyển trong cách đặt câu. Nói thế cũng có nghĩa là nói rằng: tiếng Việt có đầy đủ khả năng để diễn đạt tình cảm, tư tưởng của người Việt Nam và để thỏa mãn cho yêu cầu của đời sống văn hóa nước nhà qua các thời kỳ lịch sử".

("Sự giàu đẹp của Tiếng Việt" - Đặng Thai Mai)

A. Trình bày luận điểm theo cách diễn dịch.

B. Trình bày luận điểm theo cách quy nạp.

18. Đoạn văn sau, và cho biết tác giả đã trình bày luận điểm theo cách gì? Chú ý câu in đậm và từ in đậm:

"Ở Việt Nam ta có câu tục ngữ "Có thực mới vực được đạo". Trung Quốc cũng có câu tục ngữ "Dân dã thực vi thiện". Hai câu ấy tuy đơn giản, nhưng rất đúng lý

Muốn nâng cao đời sống của nhân dân thì trước hết phải giải quyết tốt vấn đề ăn (rồi đến vấn đề mặc và các vấn đề khác). Muốn giải quyết vấn đề ăn thì phải làm thế nào cho có đầy đủ lương thực. Mà lương thực là do nông nghiệp sản xuất ra. Vì vậy, phát triển nông nghiệp là việc cực kì quan trọng".

(Hồ Chí Minh - Tháng 4 năm 1962)

A. Trình bày luận điểm theo cách diễn dịch

B. Trình bày luận điểm theo cách quy nạp.

C. Trình bày luận điểm theo cách song hành.

D. Trình bày luận điểm theo cách mộc xích.

19. Cán nhân vé phán đầu bài "Binh Ngò đại cáo" của Nguyễn Trãi.

Bài làm

Năm 1407, giặc Minh kéo sang xâm lược nước ta. Chúng đã "gây binh kết oán trại hai mươi năm - Đại nhân nghĩa nát cả đất trời" gây nên bao tội ác, bao thảm họa cho đất nước ta, nhân dân ta:

"Độc ác thay, trùm Nam Sơn không ghi hết tội,

Dơ bẩn thay, mướt Đông Hải không rửa sạch mùi".

Năm 1418, Lê Lợi phất cờ khởi nghĩa tại rừng núi Lam Sơn, Thanh Hóa. Sau 10 năm chiến đấu gian lao và anh dũng, quân ta đã quét sạch giặc Minh ra khỏi bờ cõi, giành lại độc lập, tự do cho đất nước và dân tộc.

Đầu xuân năm 1428, Nguyễn Trãi đã thay lời Lê Lợi viết bài "Binh Ngò đại cáo", tổng kết những chiến công oanh liệt trong 10 năm kháng chiến và tuyên bố Đại Việt bước sang một kỉ nguyên mới "Muôn thuở nén thái bình vững chắc"...

Phản đầu “Binh Ngõ đại cáo”, Nguyễn Trãi nêu cao tư tưởng nhân nghĩa, đồng thời ca ngợi nền văn hiến rực rỡ lâu đời của Đại Việt.

Nhân nghĩa là mục tiêu chiến đấu của nhân dân ta:

“Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân,

Quản điều phạt trước lo trừ bạo”

Yên dân, điều phạt, trừ bạo là cốt lõi của tư tưởng nhân nghĩa, tất cả đều hướng về con người, về nhân dân đang bị áp bức lầm than. Thương dân, đánh kẻ có tội (điều phạt), tiêu diệt lũ tham tàn, bạo ngược (trừ bạo), cứu nhân dân thoát khỏi chết chóc đau thương, đem lại cuộc sống yên vui hạnh phúc cho nhân dân (yên dân), đó là việc nhân nghĩa. Nhân nghĩa mà Nguyễn Trãi nói đến là một tư tưởng vô cùng cao đẹp: đánh giặc để cứu nước của dân, vì độc lập của nước, vì tự do hạnh phúc, hòa bình của nhân dân. Việc nhân nghĩa nên rất chính nghĩa. Nhân nghĩa là sức mạnh vô địch để chiến thắng quân “cuồng Minh”:

“Đem đại nghĩa để thắng hung tàn,

Lấy chí nhân để thay cường bạo”

Nhân dân ta giàu nhân nghĩa đã lấy nhân nghĩa để xây dựng và phát triển nền văn hiến lâu đời, rực rỡ của Việt Nam. Nếu ở “Nam quốc sơn hà”, Lý Thường Kiệt chỉ mới nói đến sông núi nước Nam là nơi “Nam đế cư”, lãnh thổ thiêng liêng ấy đã được “định phản rõ ràng ở sách Trời” thì ở “Binh Ngõ đại cáo”, Nguyễn Trãi đứng trên đỉnh cao thời đại “binh Ngõ” đã có một cái nhìn mới sâu sắc và toàn diện về đất nước, nhân dân Đại Việt:

“Như nước Đại Việt ta từ trước

Vốn sương nén văn hiến đã lâu

Núi sông bờ cõi đã chia

Phong tục Bắc Nam cũng khác

Tứ Triệu, Dĩnh, Lý, Trần

bao đời xây nên độc lập

Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên

mỗi bên xưng để một phương

Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau

Song hào kiệt đời nào cũng có”.

Nước Đại Việt đâu phải “man dã moi rợ” mà rất đáng tự hào:

- 1, có nền văn hiến đã lâu.
- 2, có lãnh thổ núi sông bờ cõi.
- 3, có thuần phong mì tục.
- 4, có nền độc lập trải qua nhiều triều đại “xưng để một phương”.
- 5, có nhân tài hào kiệt.

Nâm yếu tố ấy hợp thành đã tạo nên tinh vóc Đại Việt, sức mạnh Đại Việt để đánh bại mọi âm mưu xâm lược bành trướng của Thiên triều, lập nên bao chiến công chói loáng:

*"Lưu Cung tham công nén thất bại
Triệu Tiết thích lòn phải tiêu vong
Cửu Hạm Tứ bát vỗng Toa Đô
Sông Bạch Dang giết tuan Ô Mô"*

Giọng văn định đặc hào hùng, Lý lẽ sắc bén, danh thép và lối diễn đạt sóng dôi, cân xứng của những câu văn biến ngẫu đã khẳng định và ngợi ca tinh vóc lịch sử lớn lao của Đại Việt, biểu lộ một ý chí từ cường dân tộc cao độ.

Phản mờ đầu đã góp phần thể hiện tuyệt đẹp giá trị tư tưởng và nghệ thuật của “*Binh Ngò đại cáo*”, bản tuyên ngôn độc lập, áng “*thiên cổ hùng vĩn*” của dân tộc.

Đáp án đề 34 + 35

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
Trả lời	D	A	B	D	B	D	C	A	B	G	A	C	B	A	F	C	A	B

ĐỀ 36

- * **Bàn luận về phép học (Luận học pháp)**
- * **Viết đoạn văn trình bày luận điểm.**
- * **Luyện tập xây dựng và trình bày luận điểm**

1. Xuất xứ bài 헌 “Luận học pháp”

- Tháng 8 năm 1791, Nguyễn Thiếp gửi lên vua Quang Trung bài 헌 nói về kế sách dựng nước xây đời thịnh trị. Bài 헌 gồm có 3 điều mà theo ông thì bậc đế vương nên biết: quân đức (đức của vua), dân tâm (lòng dân), học pháp (phép học). Đoạn văn trong sách giáo khoa trích ở phần cuối bài 헌 này.

A. Đúng

B. Sai

2. Nguyễn Thiếp là người như thế nào?

- Ông quê ở làng Mật Thôn, xã Nguyệt Ao, huyện La Sơn, nay thuộc huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh. Ông là người “*thiên tư sáng suốt, học rộng hiếu sắn*”, dỗ Hương cống (Cử nhân) từng làm quan vài năm dưới triều Lê - Trịnh, sau đó từ quan về quê nhà trường dạy học, rồi lên núi ở ẩn.

Khi mang đại quân ra đánh quân Thanh xâm lược, Vua Quang Trung gặp Nguyễn Thiếp và hỏi về sự thành bại. Nguyễn Thiếp nói: “Chúa công xuất quân chuyen này không quá mười ngày, giặc Thanh sẽ bị dẹp tan”.

Sau chiến thắng Đống Đa (1789), vua Quang Trung mấy lần gửi biếu vàng lúa, nhưng Nguyễn Thiếp chỉ cảm ơn mà không nhận lễ vật. Sau đó vua Quang

Trung mời ông ra làm Viện trưởng Viện Sùng Chính (để dịch sách). Nhưng khi vua Quang Trung băng hà (1792), Nguyễn Thiếp lại về núi cho đến khi mất (1804).

A. Đúng

B. Sai

3. Theo sử sách thì ở Việt Nam có hai vị được người đương thời kính ái tôn vinh là "phu tử". Đó là hai vị nào?

- A. Nguyễn Bình Khiêm - Tuyết Giang Phu Tử.
- B. Nguyễn Thiếp - La Sơn Phu Tử.
- C. Cả A và B đều đúng.
- D. Cả A và B đều sai.

4. Tấu là gì? Chọn ý đúng.

- A. Tấu là tấu lên.
- B. Tấu là một loại hình nghệ thuật vừa kể chuyện vừa đọc thơ, mang yếu tố hài.
- C. Tấu là văn xuôi cổ, một loại văn thư của bệ tôi, của thần dân gửi lên vua chúa để trình bày sự việc, ý kiến, đề nghị,...
- D. Tấu là một loại văn thư, giấy tờ, một loại báo cáo ngày xưa.

5. Đoạn đầu có 3 câu, Nguyễn Thiếp nêu lên vấn đề gì?

"Ngọc không mài không thành đồ vật, người không học không biết rõ đạo".

Đạo là lẽ đối xử hằng ngày giữa mọi người. Kế di học là học điều ấy".

- A. Di học để hiểu biết
- B. Di học để biết chữ, biết đạo Thánh hiền.
- C. Di học là học cái đạo (đạo làm người).
- D. Di học để cầu danh lợi.

6. Cách lập luận của Nguyễn Thiếp chất chê như thế nào?

- Câu 1, ông lấy sự việc, câu nói của cổ nhân: "Ngọc không mài, không thành đồ vật", rồi suy diễn ra chân lý: "người không học không biết rõ đạo".
- Câu 2, ông giải thích đạo là gì? Ông nói rõ: "Đạo là lẽ đối xử hằng ngày giữa mọi người". Đó là đạo làm người.
- Câu 3, ông quy nạp và khẳng định: "Kế di học là học điều ấy" nghĩa là học cái đạo làm người.

A. Sai

B. Đúng.

7. Có thể nói, Nguyễn Thiếp đã lập luận theo cách gì trong đoạn văn ba câu ấy?

- A. Diễn dịch
- B. Song hành.
- C. Móc xích
- D. Quy nạp

8. Tác giả nêu lên ba điều tệ hại do lối học hình thức hòng cầu danh lợi gây ra là những gì?

- A. Không còn biết đến tam cương ngũ thường.
- B. Chúa tể thường, thần nịnh hót.
- C. Nước mắt, nhà tan.
- D. Cả A, B và C.

9. Nội dung và phương thức học tập, Lg Sơn Phu Tú viết:

'Phép dạy, nhất định theo Chu Tú. Lúc đầu học tiểu học để bồi lấp gốc. Tiễn từ tiểu học đến Tứ thư, Ngũ kinh, Chu sử. Học rộng rồi tóm lược cho gọn, theo跳舞 học mà làm. Hoa may, kẽ nhún tái mồi lập được công, nhà nước nhờ thế mà vi vu yên. Đó mới thực là cái đạo ngày nay có quan hệ tới lòng người. Xin chờ bỏ qua.'

- Em hãy cho biết, sau hai thế kỉ, nội dung và phương pháp học tập mà Nguyễn Thiếp rêu ra có còn hợp thời nữa hay không?

- A. Rất tiến bộ.** **B. Không còn hợp thời nữa.**

10. Câu văn này: "Đạo học thành thi người tốt nhiều; người tốt nhiều thi triều đình ngay ngắn mà (triều đình ngay ngắn thi) thiên hạ thịnh trị" - Tác giả đã lập luận theo cách gì?

11. Qua bài “Luận học pháp”, ta thấy La Sơn Phu Tử là một con người đức trọng tài cao rất quan tâm đến việc mở mang dân trí, đào tạo nhân tài để chấn hưng đất nước, xay đổi thịnh trị.

- A. Sai B. Đúng

12. Đọc đoạn văn sau và cho biết người viết đã nêu lên phương pháp hỏi trong học. Cách trình bày luận điểm và lập luận như thế nào?

"Phải biết hỏi trong khi học thì mới tích cực và sâu sắc. Hỏi để hiểu sâu hiểu rõ về nội dung đang học, để đi tới cùng chân lý. Kiến thức về xã hội nhân văn, về tự nhiên, về khoa học và kỹ thuật là vô cùng rộng lớn bao la. Nhờ biết hỏi mà ta vươn lên không ngừng, mở rộng tầm mắt, tích lũy được nhiều tri thức mới mẻ. Không thể học một cách thụ động, chỉ biết thấy đọc trôi chảy, mà phải biết hỏi, đào sâu suy nghĩ về mọi ngóc ngách của vấn đề đang học. Học đâu chỉ giới hạn ở lớp ở trường, trong mấy quyển sách giáo khoa? Hỏi để học ở thầy, ở bạn, ở trong cuộc sống. Biết hỏi mới tiến bộ, tránh giấu dốt!".

("Học và hỏi" - Lê Phan Quỳnh)

- A. Luận điểm nêu ra không rõ.
 - B. Lập luận không chặt chẽ, lí lẽ quá đơn giản.
 - C. Luận điểm rõ ràng, lập luận chặt chẽ, lí lẽ khá sắc bén.

13. Phân tích bài “Bàn luận về phép học” của Nguyễn Thiện.

Bài làm

"*Jàn luân về phép học*" là đoạn văn trích từ *bài tấu* của Nguyễn Thiếp gửi vua Quang Trung vào tháng 8 - 1791. Lúc bấy giờ Nguyễn Thiếp đang làm Viện trưởng Viện Sùng Chính, phụ trách việc biên soạn sách và xây dựng Trung dò Phương Hoàng (Nghệ An), một công việc vô cùng to lớn và hết sức nỗ lực.

Bài tấu này thể hiện cái tâm của Nguyễn Thiếp đối với việc chấn hưng nền quốc học, nền giáo dục nước nhà, nhằm mở mang dân trí, đào tạo nhân tài cho đất nước.

Các vấn đề như *mục đích* việc học, *nội dung* học tập và *phương pháp* học đã được Nguyễn Thiếp trình bày một cách ngắn gọn và tường tận.

Mở đầu, ông nhắc lại câu cổ ngữ: “*Ngọc không mài, không thành đồ và người không học, không biết rõ đạo*”. Vậy mục đích học là biết “*lẽ đời xử hành ngày giữa mọi người*”. Nói cách khác, học để mở mang trí tuệ và bồi bổ đạo đức mà Nguyễn Thiếp nói đến là *dao làm người*. Ông than phiền “*nền chính họ đã bị thất truyền*”. Có biết bao tệ lậu dâng chê trách như “*đua nhau lối học hìn thức hỏng ván danh lợi*”, coi thường đạo lý “*không còn biết đến tam cương, ng thường*”. Nhà đột từ nóc: “*Chúa trọng nịnh thần*”. Ví dụ, cuối thời Lê - Trịnh, t nạn buôn quan bán tước hoành hành. Sử sách cho biết: năm 1750, đời vua Lê Hiển Tông, vì Nhà nước thiếu tiền, đã đặt ra lệ thu tiền thông kinh: *hễ ai nộp ba quan thì được đi thi hương, không phải khảo hạch*. Thành ra những người làm ruộng, c buôn, ai cũng nộp quyền vào thi; rồi người thi dùng sách, kẻ thì thuê người làm bài thuê học mười người không được một (theo Dương Quảng Hàm). Sống trong thời kỳ đen tối, loạn lạc ấy, Nguyễn Thiếp vô cùng đau buồn, thở than: “*Nước nhà tan rã do những điều tệ hại ấy*”. Nguyễn Thiếp đã có một cách nói trầm tĩnh ôn hòa mà sâu sắc.

Phản thứ hai, tiên sinh nói đến *nội dung* và *phương pháp* học tập. Học ở đâu - Trường học của phủ, huyện, các trường tư, con cháu các nhà văn võ, thuộc là “*đều tùy đâu tiện đáy mà di học*”. Học cái gì? Tác giả bài tấu cho hay: “*Nhất định theo Chu Tử*” (1130 - 1200). Một học giả đời Nam Tống. Nội dung học tập: “*Lí dầu học tiểu học để bồi lấy gốc. Tuần tự tiến lên học đến Tứ thư, Ngũ kinh, Ch sử*”. Điều đó cho thấy, nội dung học tập mà Nguyễn Thiếp nêu lên không có gì mà ông chưa vượt qua được những hạn chế của lịch sử và của thời đại. Sách Tàu đã mấy nghìn năm vẫn được tôn thờ! Văn coi trọng thơ văn, chưa hướng tới khoa học.

Về *phương pháp* học, ý kiến của Nguyễn Thiếp rất xác đáng và tiến bộ. Cố trọng vấn đề thiết yếu cơ bản: “*Học rộng rồi tóm lược cho gọn*”. Học phải di động về hành “*theo điều học mà làm*”. Niềm mong ước của ông rất đẹp và chân thành: “*Họ may kẻ nhân tài mới lập được công. Nhà nước nhờ thế mà vĩnh yên. Đó mới thực là cái đạo ngày nay có quan hệ với lòng người. Xin chờ hỏi qua*”.

Tiên sinh đã khẳng định tầm quan trọng của đạo học, ý nghĩa to lớn của đàm học: “*Đạo học thành thì người tốt nhiều; người tốt nhiều thì triều đình ngay ngắp mà thiên hạ thịnh trị*”. Đúng là việc học góp phần đào tạo nhân tài, mở mang dân trí, góp phần xây dựng đất nước thịnh trị. Chiến lược “*trồng người*” được tiên sinh nêu lên thật sáng tỏ.

Phản cuối, Nguyễn Thiếp giải bày lòng mình. Bài tấu nói về *phép học* l những lời “*thành thật*”, chứ không phải “*lời nói vu vơ*”, ông khiêm tốn và cung kính “*cửi mong Hoàng thượng soi xét*”.

Nguyễn Thiếp đức trọng tài cao, được người đương thời kính ái gọi là La Sa phu tử. Tài năng của ông chưa kịp thi thoả, thì vua Quang Trung băng hà. Ông đã

chức và hưu về núi cũ rặng xưa cũ an. Ông đã qua đời năm 81 tuổi, thanh bạch và thanh cao. Bài tâu “*Bản luận về pháp học*” với những ý kiến của tiên sinh về mục đích *soc tap*, phương pháp học tập rất đúng đắn tiền bối. Về nội dung học tập, ý kiến của tiên sinh chưa vượt quá định hạn chế của lịch sử và thời đại. Có điều, nhiệt tâm của La Sơn phu tử đối với nước, với dân, đối với sự nghiệp trồng người đã để lại nhiều người mò cho hàn the.

Dan aan de 36

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Trả lời	A	A	C	C	C	B	D	D	B	C	B	C

ĐÉ 37

- * Thué mâu (trích "Bản án chế độ thực dân Pháp").
 - * Hồi thoại
 - * Tìm hiểu yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận

1. Văn bản "Thuế máu" được trích trong tác phẩm "Bản án chế độ thực dân Pháp" của Nguyễn Ái Quốc.

- A. Đúng B. Sai.

2. Tác phẩm "Bản án che đở thực dân Pháp" được viết bằng thứ ngôn ngữ, văn tự nào?

A. Tiếng Việt B. Tiếng Nga
C. Tiếng Trung Quốc D. Tiếng Pháp.

3. Văn bản có 3 tiêu đề, có ý nghĩa gì?

 - Chiến tranh và "người bán xí"
 - Chế độ lính tinh nguyễn
 - Kết quả sự hi sinh.

A. Ba tiêu đề như ba luận điểm làm nổi bật vấn đề "Thuế máu" đã nêu ra.

B. Qua đó, tác giả đã dùng lí lẽ và dẫn chứng để vạch trần thứ thuế này là v nhận đao nhát mà bọn thực dân Pháp đã đánh vào "người bán xí", dân thuộc địa.

C. Có cả A và B.

D. A và B đều sai.

4. Trong đoạn văn sau, có dấu ngoặc kép dùng để làm gì? Có tác dụng gì?

"Trước năm 1914, họ chỉ là những tên da đen bẩn thỉu, những tên "An-nam-mit" bẩn thỉu, giới làm thi công chỉ biết kéo xe tay và ăn đòn của các quan cai trị nhà ta Ấy thế mà cuộc chiến tranh vui tươi vừa bùng nổ, thì lập tức họ biến thành những đứa "con yêu", những người "bạn hiền" của các quan cai trị phu mầu nô lệ

hậu, thậm chí của cả các quan toàn quyền lớn, toàn quyền bê nã. Dùng một cái hộ (những người bản xứ) được phong cho cái danh hiệu tối cao là "chiến sĩ bảo vệ công lý và tự do".

- A. Đánh dấu các từ ngữ có nghĩa đặc biệt.
- B. Làm nổi bật tính châm biếm.
- C. Vạch trần bộ mặt giả dối, thù đoạn bỉ bỉm của thực dân Pháp khi đánh thuế máu.
- D. Gồm cả A, B, C.

5. *Cái giá khá đắt đối với người dân các thuộc địa Pháp trong thời gian phải nộp thuế máu là vô cùng khủng khiếp như thế nào?*

- A. Họ phải đột ngột xa lìa vợ con, rời bỏ mảnh ruộng hoặc đàn cừu của họ.
- B. Đi phơi thây trên các chiến trường châu Âu.
- C. Làm mục tiêu cho các cuộc phỏng ngư lôi, bỏ xác tại những niêm hoang vu vùng Ban-căng.
- D. Đưa thân cho người ta tàn sát trên bờ sông Mác-nơ.
- E. Lấy máu mình tươi những vòng nguyệt quế của các cấp chỉ huy, và lấy xương mình chạm nên những chiếc gậy của các ngài thống chế.
- F. Làm kiệt sức trong các xưởng thuốc súng ghê tởm, nhiễm phải những luồng khí độc đốt ối, khạc ra từng miếng phổi.
- G. Gồm tất cả A, b, C, D, E, F.

6. *Tác giả đã đưa ra những số liệu cụ thể nào để lên án sự tàn ác kinh khủng và vô nhân đạo của thực dân Pháp?*

- A. Bảy mươi vạn người dân bản xứ phải nộp thuế máu.
- B. Tám vạn người đã bỏ xác.
- C. Gồm cả A và B.

7. *Trong mục "Chế độ lính tình nguyện", tác giả đã nêu lên những hình thức bắt lính cực kỳ dã man của bọn thực dân Pháp như thế nào?*

- A. Chúng tiến hành những cuộc lùng ráp lớn rồi đưa những người phải nộp thuế máu "nhốt vào các trại lính".
- B. Vì "chúa tể" (công sứ) ra lệnh cho bọn quan lại dưới quyền "trong một thời hạn nhất định phải nộp cho đủ một số người nhất định".
- C. Chúng tóm những người khỏe mạnh, nghèo khổ; chúng lùng đến con cái nhà giàu, giam cầm họ lại cho đến khi họ phải chọn một trong hai con đường: "đi lính tình nguyện hoặc xì tiền ra".
- D. Gồm tất cả A, B và C.

8. *Phủ toàn quyền Đông Dương trình trọng tuyên bố trong một bản bố cáo như thế nào?*

- "Các bạn đã tập nộp đầu quân, các bạn đã không ngại rời bỏ quê hương xiết bao triều mến để người thi hiến xương máu của mình như linh khố đó, kể thi hiến dâng cánh tay lao động của mình như linh thơ".

Đọc và chọn ý đúng:

- A.. Bởi toàn quyền đã hết lời ca ngợi nhiệt tình đấu quân và hiến dâng xương máu của những người đã nộp thuế máu.
- B.. Chỉ là giọng điệu “mỉa mai”, tuyên truyền lừa bịp của Phủ Toàn quyền Đông Dương.

9. Những ý nào dưới đây nói lên hành động trốn tránh, chống đối phải đi nộp thuế máu của những người dân nô lệ, thuộc địa?

- A.. ... bước chân vào trại lính là họ liên tìm mọi cơ hội để trốn thoát.
- B.. ... không thể trốn thoát được thì họ tìm mọi cách tự làm cho mình nhiễm phái những bệnh nặng nhất.
- C.. Những cuộc biểu tình đổ máu ở Cao Miên, những vụ bạo động ở Sài Gòn, ở Biên Hòa và ở nhiều nơi khác nữa.
- D.. Có tất cả A, B, C.

10. “Khi đại bác đã ngày thịt đen thịt vàng rồi” thì các quan cai trị thực dân đã có thái độ, cách hành xử trắng trợn, dã man như thế nào đối với những người đã từng đi nộp thuế máu? Chọn ý đúng.

- A.. Những đứa “con yêu”, những người “bạn hiền” của các quan cai trị phụ mẫu, những “chiến sĩ bảo vệ công lý và tự do” mặc nhiên trở lại “giống người bán thui”.
- B.. Họ bị lột hết tất cả của cải, tư trang.
- C.. Người ta giao họ cho bọn súc sinh kiểm soát và đánh đập họ vô cớ.
- D.. Cho họ ăn như cho lợn ăn và xếp họ như xếp lợn dưới hầm tàu ẩm ướt.
- E.. Quan cai trị nồng nhiệt đón họ bằng một bài diễn văn yêu nước: “...Bây giờ, chúng tôi không cần đến các anh nữa, cút đi!”.
- F.. Gồm tất cả A, B, C, D, E.

11. Trong bài “Thuế máu”, Nguyễn Ái Quốc đã vận dụng sáng tạo và kết hợp tài tình các phương thức biểu đạt nào?

- A.. Nghị luận + tự sự.
- B.. Nghị luận + tự sự + miêu tả.
- C.. Nghị luận + tự sự + biểu cảm.
- D.. Nghị luận + tự sự + miêu tả + biểu cảm.

12. Tlê mào là vai xã hội trong hội thoại?

- Vai xã hội là vị trí của người tham gia hội thoại đối với người khác trong cuộc đàm thoại. Vai xã hội được xác định bằng các quan hệ: trên - dưới hay ngang hàng, quan hệ thân-sơ, khinh-trọng,...

A.. Đúng

B.. Sai.

13. Những từ in đậm trong đoạn văn có thể hiện rõ vai xã hội trong hội thoại của nhân vật chị Dậu không? Đó là quan hệ gì?

Cai lệ tất vào mặt chị Dậu một cái đánh böp, rồi hẵn cứ nhảy vào cạnh anh Dậu.

Chị Dậu nghiên hai hàm răng:

- Mày trói ngay chồng bà đi, bà cho mày xem!

(Tức nước vỡ bờ)

A. Quan hệ ngang hàng

B. Thể hiện sự căm thù, khinh bỉ của chị Dậu đối với tên cai lệ.

14. Quan hệ xã hội, vai xã hội trong đoạn thơ sau đây là gì?

Anh với vàng nồng nàn:

- Mời Bác ngủ Bác ơi!

Trời sắp sáng mắt rồi

Bác ơi! Mời Bác ngủ!

- Chủ cứ việc ngủ ngon

Ngày mai đi đánh giặc

Bác thức thì mặc Bác

Bác ngủ không an lòng...

("Đêm nay Bác không ngủ"- Minh Huệ).

A. Từ Bác và Chủ chỉ rõ vai xã hội.

B. Thể hiện quan hệ trên - dưới trong vai hội thoại.

C. Biểu lộ tình cảm kính trọng và thân thiết thương yêu.

D. Gồm tất cả A, B, C.

15. Phân tích mục "Chiến tranh và người dân bản xứ" trong bài "Thuế máu" của Nguyễn Ái Quốc, và nêu cảm nghĩ của em.

Bài làm

Sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914-1918), Nguyễn Ái Quốc sống và hoạt động tại Pháp. Người từng viết truyện kí, viết phóng sự... bằng tiếng Pháp đăng trên báo "Người cùng khổ", báo "Nhân đạo",...

Năm 1925, tác phẩm "Bản án chế độ thực dân Pháp" của Nguyễn Ái Quốc viết bằng tiếng Pháp được xuất bản tại Pari. Tác phẩm đã tố cáo và kết án những tội ác滔天 của chủ nghĩa thực dân Pháp, đồng thời phản ánh cuộc sống tủi nhục, đau thương của những người dân nô lệ ở các xứ thuộc địa trên thế giới.

Đoạn trích "Thuế máu" rút trong Chương I "Bản án chế độ thực dân Pháp" với nhan đề "Thuế máu" rất độc đáo, có giá trị tố cáo tội ác của bọn thực dân một cách danh thép. Các tiêu đề bổ sung như: 1. Chiến tranh và "người bản xứ"; 2. Chế độ lính tinh nguyên; 3. Kết quả của sự hi sinh - đã làm nổi rõ cái tên "Thuế máu" vô cùng kì lạ và vô nhân đạo. Những người An-nam-mít, những nô lệ da đen phải

làm bia đỡ đạn cho bọn thực dân Pháp và bị đối xử một cách vô cùng dã man. Ta hãy tìm hiểu và phân tích mục “Chiến tranh và người bán xí”.

Trước khi có chiến tranh thì những thanh niên “bán xí” chỉ là “những tên da đen rắn thù”, “những tên Án-nam-mít bán thù” chỉ biết làm cu-li “kéo xe tay” và “àn lòn” của các quan cai trị da trắng. Nhưng khi chiến tranh vừa bùng nổ, bọn thực dân đã xảo quyết dùng mọi thủ đoạn lừa mị, bịa bom biến những kẻ khốn nạn ấy thành “con yêu”, “bạn hiền” của các quan cai trị “phu mầu nhân hận”, của các quan “toàn quyền lùm, toàn quyền bể”, họ được phong cho các danh hiệu tối cao là “chiến sĩ bảo vệ công lý và tự do”. Tác giả đã sử dụng thủ pháp tương phản để vạch trần giọng lưỡi, thủ đoạn bịa bom quắt quay của bọn thực dân trong việc bắt nô lệ “bán xí” làm bia đỡ đạn, một cách dảnh “thuế máu” vô cùng xảo quyết. Các từ ngữ như ‘chiến tranh vui tươi’, “lắp tức họ biến thành”, “dùng một cái”, “được phong cho cái danh hiệu tối cao”- đã làm cho giọng văn châm biếm trở nên sâu cay, mỉa mai.

Nguyễn Ái Quốc đã gợi lên những mất mát đau thương của những thanh niên bản xứ bị bắt đi làm bia đỡ đạn. Họ phải “xả lìa” vợ con, phải “rời bỏ” quê hương, mảnh ruộng, dàn cửu. Họ đi “phơi thây” trên các bãi chiến trường châu Âu. Có biết bao cảnh chết chóc thương tâm. Chết vì thủy lôi, “được vuông tận đáy biển để bảo vệ Tổ quốc của các loài quý quái”. Bị “đem nướng”, đã “bỏ xác” tại các vùng hoang vu Ban-cang, để “lúc chết còn tư hỏi phải chăng nước mẹ muốn chiếm ngôi nguyên phi trong cung cấm vua Thổ”. Xương máu của họ, cái chết của họ thật vô nghĩa, hoặc “anh dũng đưa thân cho người ta tàn sát” trên bờ sông Mác-nơ, trong bãi lầy miền Sám-pa-nhơ, hoặc “lấy máu mình tuôn những vòng nguyệt quế của các cấp chi huy”, hoặc “lấy xương mình chum nén những chiếc gậy của các ngài thống chế”. Tác giả đã kết hợp miêu tả với bình luận để mỉa mai, châm biếm cái “thuế máu” của bọn thực dân.

Những người lính thợ không bị bỏ xác trên các bãi chiến trường thì lại bị đầu độc phải lao động khổ sai, “làm kiết súc” trong các xưởng thuốc súng ghê tởm “nhiem phải những luồng khí độc đó ôi”. Những kẻ khốn khổ ấy “đã khạc ra từng miếng phổi” chẳng khác gì hit hơi ngạt vậy! Đó là một sự “trả giá” rùng rợn của “đàn bán xí” đối với chiến tranh!

Những con số dưới ngòi bút Nguyễn Ái Quốc thật sự “hiết nát”: Bay mươi vạn người bán xí bị đánh thuế máu, và trong số ấy có tám vạn người đã chết đau đớn vô nghĩa “không bao giờ còn trông thấy mặt trời trên quê hương đất nước mình nữa”.

Đọc mục “Chiến tranh và người bán xí” trong chương “Thuế máu”, ta vô cùng xúc động trước số phận đau thương của những “người bán xí” những nô lệ da đen da vàng đã phải nộp “thuế máu” cho bọn thực dân Pháp trong dai chiến thế giới lần thứ nhất.

Nguyễn Ái Quốc đã sử dụng sắc sảo các thủ pháp nghệ thuật như tương phản đối lập, kết hợp miêu tả với bình luận, nêu lên những con số, những sự thực, đặc biệt tạo nên những lời văn, giọng văn chua cay để vạch trần, để lên án, để châm biếm loại "*thuế máu*", một trong những hình thức bóc lột dã man nhất của thực dân Pháp.

Trong suốt 80 năm thống trị nước ta, thực dân Pháp đã đặt ra hàng trăm thứ thuế vô lí, bóc lột dân ta đến tận xương tủy. Sinh thuế dã man đã làm tan nát, diêu linh bao gia đình. Ta quên sao được hình ảnh anh Dậu "bị trói như chó để giết thịt", chú Hợi đã chết từ năm ngoái vẫn "không trốn được nợ nhà nước"; chị Dậu phải bán con, bán chó để nộp sinh cho chồng. Nhưng khi đọc chương "*Thuế máu*" trong "*Bản án chế độ thực dân Pháp*", ta vô cùng kinh khủng về bộ mặt ghê tởm của bọn thực dân Pháp. "*Thuế máu*" là một trong những tội ác滔天 của chúng. "*Thuế máu*" đã bóc trần luận điệu "*khai hóa*", "*bảo hộ*" của thực dân Pháp.

2. *Cảm nhận về bài "Thuế máu" của Nguyễn Ái Quốc.*

Bài làm

"*Bản án chế độ thực dân Pháp*" của Nguyễn Ái Quốc in lần đầu năm 1925, đến nay đã 80 năm trôi qua, nhưng nó vẫn làm ta xúc động về bao tội ác vô cùng dã man của bọn thực dân Pháp, về nỗi thống khổ của những người nô lệ da màu, những Né-gơ-rô, những An-nam-mít.

Đặc biệt chương "*Thuế máu*" đã xây dựng hình tượng khái quát về tên thực dân quyết liệt, ghê tởm đầy ánh tượng.

Trong những thế kỷ trước, với tàu chiến và đại bác, thực dân Pháp đã xâm lược nhiều nước châu Phi, châu Á. Chúng đã mượn lá cờ "*tự do, bình đẳng, bác ái*" đi xâm lược nô dịch các dân tộc, bóc lột, áp bức dã man những người nô lệ "*bán xú*". Nhưng chúng vẫn rêu rao là "*khai hóa*", là "*bảo hộ*... Nguyễn Ái Quốc qua chương "*Thuế máu*" đã vạch trần, đã tố cáo, đã lên án tội ác滔天 của những công sứ, những tên toàn quyền bụng phè!

Bọn thực dân Pháp rất xảo quyệt, tàn bạo và quắt quay. Dưới con mắt chúng, dân bản xứ chỉ là những tên da đen "*bán thù*", những tên "*An-nam-mít*" "*bán thù*", được chúng đổi xứ bằng dùi cui, bằng roi vọt. Chúng khinh miệt cho họ là "*chỉ biết kéo xe tay*" và "*ăn đòn*" của các quan cai trị! Thế nhưng, khi chiến tranh bùng nổ, để bắt được nhiều lính đi làm bia đỡ đạn chúng đã quay ngoắt 180°, dùng những lời lẽ ngọt ngào, dụ dỗ, bịa bịa. Những người nô lệ "*bán thù*" và khốn nạn ấy "*lập tức*" được bọn quan lại thực dân "*biến thành*" những "*con yêu*" của "*nước mẹ*", những "*bạn hiền*" của các ông Tây bà đầm, những "*chiến sĩ bảo vệ công lý và tự do*". Thật mỉa mai là "*nhiều chiến sĩ*" vĩ đại ấy chưa bao giờ được hưởng một tí công lý và tự do. Đau thương cho họ là phải trả giá bằng nước mắt và xương máu. Phải "*xu liu*" vợ con, phải "*rời bỏ*" mảnh ruộng, đàn cừu. Phải làm mồi cho thùy lôi. Phải "*bó xác*" trên vùng Ban-cang hoang vu. Xương máu của những kẻ làm bia đỡ đạn thật vô lí, vô nghĩa, hoặc "*tươi những vòng nguyệt quế của cấp chỉ huy*", hoặc "*chạm nén những chiếc gậy của các ngài thống chế*". Những lính thợ phải

"làm kiết sin", "bị nhiễm những luồng khí độc dữ ôi", phải "khạc ra từng miếng phổi". Nguyễn Ái Quốc đã nêu lên những sự thật, những con số nói lên chiến tích đánh "Thuế máu" của thực dân Pháp: bảy mươi vạn người bán xú được di nộp "thuế máu", trong đó có 8 vạn người phải bỏ xác trên các bãi chiến trường châu Âu "không bao giờ còn trông thấy mặt trời trên quê hương đất nước mình".

Chiến tranh kết thúc, khi đại bác "đã ngày thịt đen, thịt vàng rói", thì bọn cầm quyền thực dân "bỗng dưng im bặt như có phép lạ". Những kẻ di nộp "thuế máu" có may mắn sống sót trở về, cả người Né-gor-rô lẫn người "An-nam-mít", lại trở lại "giống người bán thiu". Họ bị bọn thực dân "lột hết" tất cả của cải của họ, từ cái đồng hồ, đến bộ quần áo mới. Họ bị đẩy xuống tàu, về nước, bị đối xử như súc vật.... Và bọn quan cai trị đã "đón chào" họ bằng một bài diễn văn "yêu nước": "Các anh đã bảo vệ Tổ quốc, thế là tốt. Bay giờ, chúng tôi không cần đến các anh nữa, cút đi!" Giọng lưỡi ấy đã thể hiện bản chất trơ tráo, đêu cảng của bọn thực dân Pháp.

Hình ảnh tên thực dân quý quyết, ghê tởm đã bị tác giả vạch mặt và lên án qua cảnh bắt lính. Chúng đã từng bắt dân nô lệ Đông Dương mua rượu và thuốc phiện "theo lệnh quan trên", chúng từng "bóp nát" họ bằng mọi thứ sưu thuế, tạp dịch. Chiến tranh bùng nổ, bọn thực dân đã "tiến hành những cuộc lùng ráp lớn về nhân lực trên toàn cõi Đông Dương". Hàng vạn người "bị bắt đều bị nhốt vào các trại lính". Để có nhiều "vật liệu biết nói", các vị "chúa tể" - những viên công sứ ở Đông Dương ra lệnh cho bọn quan lại dưới quyền phải tìm mọi cách "xoay xở" để "trong một thời hạn nhất định phải nộp cho dù một số người nhất định" được vinh hạnh di nộp "thuế máu". Kẻ nghèo khổ bị bắt làm bia đỡ đạn thì cam tâm "chịu chết", còn con cái nhà giàu thì "đi lính tinh nguyên hoặc xì tiền ra".

Để "đền đáp" công ơn các thương binh người Pháp, vợ của tử sĩ người Pháp, bọn thực dân đã "mùi dài", cấp mòn bài bán thuốc phiện cho họ. Nguyễn Ái Quốc đã khinh bỉ và căm thù lên án chính quyền thực dân "đã phạm tội hai tội ác đối với nhân loại". Món quà đó là "món quà nhơ nhét". Bọn cá mập thực dân "không ngần ngại dâng độc cả một dân tộc để vơ vét cho đầy túi", phải nghiêm khắc lên án!

Bằng nghệ thuật tương phản, hoặc nhắc lại giọng lưỡi và thủ đoạn của bọn quan lại thực dân, tác giả đã dựng nên hình tượng khai quát về tên thực dân Pháp rất xảo quyệt, bỉu bợm và trơ tráo trong việc đánh "thuế máu", trong việc dâng độc nhân dân Đông Dương bằng thuốc phiện. Qua đó, ta càng thấy rõ "Bản án chế độ thực dân Pháp" của Nguyễn Ái Quốc là một tác phẩm chính luận giàu tính chất tố cáo và luận chiến có giá trị thiêng tinh đặc sắc.

Đáp án đề 37

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
Trả lời	A	D	C	D	G	C	D	B	D	F	D	A	B	D

ĐỀ 38

- * **Đi bộ ngao du** (trích "Ê-min hay Vé giáo dục")
- * **Hội thoại** (tiếp theo)
- * **Luyện tập đưa yếu tố biểu cảm vào bài văn.**

1. Hãy giới thiệu một vài nét về Ru-xô?

- A. Ru-xô (1712-1778) là nhà văn, nhà triết học, nhà hoạt động xã hội của nước Pháp trong thế kỉ XVIII.
- B. Ru-xô là tác giả nhiều bộ tiểu thuyết nổi tiếng như: "Giuy-li hay Nàng È-lôi-dơ mới", "Ê-min hay Vé giáo dục".
- C. Cả A và B đều đúng.
- D. Cả A và B đều sai.

2. Nếu xuất xứ bài "Đi bộ ngao du".

- A. Ru-xô viết cuốn "Ê-min hay Vé giáo dục" năm 1762, khi ông tròn 50 tuổi.
- B. Bài "Đi bộ ngao du" trích trong quyển V, quyển cuối cùng trong cuốn "Ê-min hay Vé giáo dục".
- C. Cả A và B đều sai
- D. Cả A và B đều đúng.

3. Ba luận điểm chính trong bài "Đi bộ ngao du" là những luận điểm nào?

- A. Đi bộ ngao du thú vị hơn đi ngựa (luận điểm 1).
- B. Đi bộ ngao du là đi như Ta-lét, Pla-tông và Pi-ta-go (luận điểm 2).
- C. Biết bao hứng thú khác nhau ta tập hợp được nhờ cách đi bộ ngao du đầy thú vị ấy (luận điểm 3).
- D. Có cả A, B, C đều sai.
- E. Cả A, B, C đều đúng.

4. Đọc đoạn văn sau đây, và cho biết tác giả nói lên điều gì?

"Ta quan sát khắp nơi; ta quay sang phải, sang trái, ta xem xét tất cả những gì thấy hay hay, ta dừng lại ở mọi khía cạnh. Tôi nhìn thấy một dòng sông ư, tôi đi men theo dòng sông; một khu rừng rậm ư; tôi đi vào dưới bóng cây; một hang động ư, tôi đến tham quan; một mỏ đá ư, tôi xem xét các khoáng sản".

- A. Đi bộ ngao du có thể quan sát, xem xét những gì thấy hay hay.
- B. Đi bộ ngao du có thể đến tham quan mọi cảnh trí thiên nhiên (dòng sông, khu rừng, hang động, mỏ đá).
- C. Cả A và B đều đúng.
- D. Cả A và B đều sai.

5. Cò phai di bờ ngao du là được "hương thư tát cát sút do mà con người có thể hương thư" như Ru-xo đã nói qua đoạn văn sau đây?

"Tôi chẳng phai thuộc vào những con ngựa hay gã phu trạm. Tôi chẳng cần chọn nõiег lời di cỏ săn huy nhưng con đường thuận tiện; tôi di qua bát cát nõi nào con người có thể đi qua; tôi cem tất cả những gì mà con người có thể xem; và, chí phai thuộc vào bến tham trú, tôi hương thư tát cát sút do mà con người có thể hương thư"

A. Đúng

B. Sai.

6. Cò phai Ru-xo đã dùng thao tác lấp luân so sánh đối chiếu trong đoạn văn sau đây?

"Những triết gia phong cách của con ngựa nghiên cứu tự nhiên học trong các phong sơn tap; họ có các thứ linh tính, họ biết gọi tên những chặng có một ý niệm gì về tự nhiên và. Nhưng phong sơn tap của E-miu thì phong phú hơn các phong sơn tap của vua chúa; phong sơn tap đó là cả trái đất. Nơi đây, mỗi vật đều ở đúng chỗ của nó; nhà tự nhiên học làm công việc chăm sóc đã sắp xếp mọi thứ đều rõ rệt. Đô bằng-tổng chắc cũng không thể làm tốt hơn".

A. Sai

B. Đúng.

7. Bon cù sau đây là những kiểu câu gì?

"Ta hồn hoan biết bao khi về gần đến nhà! Một bữa cẩm dạm bạc mà sao có vẻ ngoài hào hór! Ta thích thú biết bao khi lại ngồi vào bàn ăn! Ta ngủ ngon giấc biết bao trong một cái giường tối tăm!"

A. Câu trán thuật.

B. Câu nghị vấn.

C. Câu cám khen.

D. Câu cảm thán.

8. Tác giả đã sử dụng những phương thức biểu đạt nào trong đoạn văn trên?

A. Nghị luận + miêu tả.

B. Nghị luận + tư sự.

C. Nghị luận + biểu cảm.

D. Nghị luận + thuyết minh.

9. Qua bài "Đi bờ ngao du", ta thấy Ru-xo là một con người giản dị, quý trọng tự do và giàu tình yêu thiên nhiên.

A. Đúng.

B. Sai.

10. Trong đoạn sau có mấy lượn lời? Chọn đúng ý.

"Nửa hôm vua đi chơi, ra khỏi hoàng cung. Thấy có quán nước bên đường sạch sẽ bèn ghé vào. Bà lão mang trầu nước đứng lên vua. Thấy trầu tém cành phượng, vua sực nhớ tới trầu vợ mình tém ngày trước cũng y như vậy, liền phản hỏi:

- Trầu này ai tém?

- Trầu này con gái già tém - Bà lão đáp.

- Con gái bàдан, gọi ra đây cho ta xem mặt.

Bà lão gọi Tấm ra. Tấm vừa xuất hiện, vua nhận ra ngay vợ mình ngày trước, có phẩm trang đẹp hơn xưa. Vua mừng quá, bảo bà hàng mươi kể lại sự tình, rồi truyền cho quân hầu đưa kiểu rượu Tấm về cung..."

(Trích truyện cổ tích "Tấm Cám")

- A. Có 2 lượt lời.
C. Có 4 lượt lời.

- B. Có 3 lượt lời.
D. Có 5 lượt lời.

11. Bài thơ sau đây có sử dụng câu hỏi tu từ không?

Tiếng thu

Lưu Trọng Lư

*Em không nghe mùa thu
Dưới trăng mờ thốn thót?
Em không nghe rao rực
Hình ảnh kẻ chinh phu
Trong lòng người có phu?
Em không nghe rừng thu
Lá thu rơi xào xạc
Con nai vàng ngơ ngác
Đẹp trên lá vàng khô?*

A. Có.

B. Không.

12. Khổ thơ sau, có người chép đã bỏ mất dấu chấm hỏi (?). Theo em thì nên điện tấu chấm hỏi vào cuối câu thơ nào?

*"Trường Sơn Tây anh đi, thương em
Bên ấy mưa nhiều, con đường gánh gạo
Muỗi bay lùng già cho dài tay áo
Rau hết rồi, em có lấy măng không".*

("Trường Sơn Đông Trường Sơn Tây" - Phạm Tiến Diật)

- A. Nên đặt dấu chấm hỏi vào cuối câu thơ thứ nhất.
B. Nên đặt dấu chấm hỏi vào cuối câu thơ thứ hai.
C. Nên đặt dấu chấm hỏi vào cuối câu thơ thứ ba.
D. Nên đặt dấu chấm hỏi vào cuối câu thơ thứ tư.

13. Thuyết minh chân dung nhà văn, nhà triết học vĩ đại Pháp: Giang-Giács Ru-xô

Bài làm

Nhà văn, nhà triết học vĩ đại Giang-Giács Ru-xô.

Giang-Giács Ru-xô (Jean-Jacques Rousseau) là nhà văn, nhà triết học vĩ đại của nước Pháp trong thế kỉ Ánh sáng (thế kỉ XVIII). Ông sinh năm 1712 tại Tiụy Sĩ và mất năm 1778 tại Pháp.

Là con của một người thợ đồng hồ khéo tay, nhưng mãi đến năm lên 10 tuổi, Ru-xô mới được đi học 2 năm. Đó là thời kì ngọt ngào của tuổi thơ. Sau đó, ông đi học nghề thợ khắc. Từ năm 1728 đến năm 1741 là thời gian dài phiêu bạt, suốt 13 năm trời kiếm sống, trải qua nhiều cay đắng, tủi nhục. Lúc làm thợ khắc, lúc làm đầy tớ trong các gia đình quý tộc, có khi nương bóng bà Đơ Van-ren, có khi vào

học ở Đại chủng viện, đi học nhạc, rồi đi dạy nhạc kiếm ăn. Từ năm 1732-1746 gần 5 năm trời, được sống đói chịu trong nhà Đô Vua-ten, ông đọc sách suốt ngày đêm, từ lịch sử, triết học, văn học, địa lý đến thiên văn, vật lý, hoá học...

Cuối năm 1740, Ru-xô đến Pa-ri, mở ra một giai đoạn mới trong cuộc đời của ông. Lúc thì dạy nhạc, lúc thì làm thư ký. Năm 1746, Ru-xô lấy vợ, một cô gái nghèo lùn nghè giật thuê tên là Té-re-do, sau này trong cuốn hồi kí ông đã viết: “*Té-re-lor là niềm an ủi duy nhất có thể nới ban cho tôi trong cảnh cung khổ, và chí riêng niềm an ủi ấy đủ giúp cho tôi chịu đựng được cuộc đời*”. Năm 1750, Ru-xô giành được giải thưởng của Viện Hàn lâm Khoa học Đĩ-giòng với tác phẩm “*Luận về Khoa học và Nghệ thuật*”. Năm 1752, ông viết “*Thầy bồi nông thôn*” và trở thành nổi tiếng. Những năm sau đó, tài năng Ru-xô nở rộ, hàng loạt tác phẩm ra đời: *Nông É-lôi-dơ mới*, *Khế ước xã hội*, *É-mil hay Vé giáo dục*, *Những bức thư từ trên núi*, *Những điều hối hò* (hồi kí -1772), v.v... Những năm cuối đời, Ru-xô bị các thế lực Nhã thờ, bọn phản động xua đuổi, săn lùng... có lúc ông phải thay họ đổi tên, trải qua nhiều gian truân, cay cú.

Năm 1778, Ru-xô qua đời. Hơn mươi năm sau, khi Cách mạng thắng lợi, di hài ông được đưa về táng tại điện Pang-tê-ông, nơi dành cho các danh nhân vĩ đại của nước Pháp.

Cuộc đời của Ru-xô là cuộc đời của một con người “*nhiều cay đắng mà vinh quang*”. Bài học lớn nhất của ông là *bài học về tư học và kiên cường vượt qua mọi thử thách, quyết tâm theo đuổi chí hướng của mình*.

Đáp án đề 38

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Trả lời	C	D	E	C	A	B	D	C	A	B	A	D

ĐỀ 39

* **Lựa chọn trật tự từ trong câu**

* **Tìm hiểu các yếu tố tư sự và miêu tả trong văn nghị luận.**

I. *Lúc nào và viết, ta cần có sự lựa chọn gì?*

- A.** Lựa chọn ý.
- B.** Lựa chọn tình cảm và cách biểu cảm.
- C.** Lựa chọn từ ngữ.
- D.** Lựa chọn cách diễn đạt, chọn sắp xếp trật tự từ trong câu.
- E.** Nếu nói, ta cần nói chọn ngữ điệu.
- F.** Tất cả A, B, C, D, E đều đúng.
- G.** Tất cả A, B, C, D, E đều sai.

2. Câu tục ngữ nào cho ta một lời khuyên đẹp về cách ăn nói (viết)? Phải chăng cái này?

"Lời nói chẳng mất tiền mua,

Lời lời mà nói cho vừa lòng nhau".

A. Đúng.

B. Sai.

3. Có bao nhiêu cách lựa chọn trật tự từ trong câu?

A. Sắp xếp sự vật, hiện tượng... trước sau đúng diễn biến, theo một trình tự hợp lí.

B. Đặt lên đầu câu những từ ngữ, hình ảnh thể hiện ý quan trọng, cùn nhán mạnh. Có thể nói dùng phép đảo ngữ.

C. Đảm bảo sự hài hoà về ngữ âm, về thanh điệu.

D. Nếu là thơ, còn phải căn cứ vào văn thơ, vào thi pháp từng loại thơ

E. Tất cả đều đúng.

F. Tất cả đều sai.

4. Hai câu thơ sau đây, Nguyễn Du đã lựa chọn từ theo trật tự thời gian và trật tự sự vật, hiện tượng tự nhiên: cuối hạ thi sen tàn, thu đến thi cúc nở hoa; hết mùa đông thi sang mùa xuân:

"Sen tàn, cúc lại nở hoa,

Sáu dài ngày ngắn đông dài sang xuân"

A. Sai.

B. Đúng.

5. Cách lựa chọn trật tự trong lời chào sau là theo cách nào?

- Cháu chào ông bà, cháu chào hai bác, em chào các anh các chị.

A. Chào theo thứ bậc trong gia đình.

B. Chào theo thứ bậc tuổi tác.

C. Chào theo vị thế, cấp bậc.

D. Chào theo quan hệ thân sơ, yêu ghét.

6. Tại sao trong đoạn thơ sau, Ché Lan Viên lại không sắp xếp nhân vật, sự việc theo đúng tiến trình lịch sử dân tộc?

"Khi Nguyễn Trãi làm thơ và đánh giặc,

Nguyễn Du viết Kiều đất nước hoá thành vân

Khi Nguyễn Huệ vội voi vào cửa Bắc,

Hưng Đạo diệt quân Nguyễn trên sông Bạch Đằng"...

- Nếu sắp xếp đúng lịch sử thi phải: Hưng Đạo - Nguyễn Trãi - Nguyễn Huệ - Nguyễn Du. Hạn chế này có lẽ do sự "ép văn", tác giả phải theo văn thơ chung?

A. Sai.

B. Đúng.

7. Đọc những câu sau, và cho biết người viết đã lựa chọn trật tự từ trong câu theo cách nào? Chú ý các từ in đậm.

"Cây sút vẩy đùi nhiều chi nhìn,

Tham tiền cột mờ lầm anh leo"

("Hội Tây" - Tú Xương)

"Lát lèo cảnh thông cõi gió thổi,

Đầm đìa là liệu sợi sương giếc"

("Đeo Ba Dờ" - Hồ Xuân Hương)

"Sốt soạt gió trên từ áo biec,

Trên giàn thiên lầu Bóng xuân sang"

("Mùa xuân chin" - Hàn Mặc Tử)

"Lom khom dưới núi tiêu vải chui,

Lác đác bên sông chờ mấy nhà"

("Qua Đèo Ngang" - Bà Huyện Thanh Quan)

- A. Cách lựa chọn trật tự từ trong các câu thơ trên là để nhấn mạnh hành động, đặc điểm, tính chất... của sự vật.
- B. Còn do thi pháp, âm điệu, văn thơ.
- C. Cả A, B, đều đúng.
- D. Cả A, B, đều sai.

8. Có phải đây là những câu thơ mà Nguyễn Trãi đã đặt trang ngữ chỉ thời gian, trang ngữ chỉ không gian lên đầu câu thơ, lên trước chủ - vi?

"Đêm thanh nguyệt hiện ngoài hiên tric,

Ngày vắng chim kêu cuối khóm hoa".

("Ngôn chỉ" - 17)

"Nước biếc non xanh thuyền gối bài,

Đêm thanh nguyệt bạc khách lén lút".

("Bảo kinh cảnh giới" - 26)

"Đó thư bốn vách nhà làm của,

Phong nguyệt năm hồ khách nói thuyền".

("Bảo kinh cảnh giới" - 17)

A. Đúng.

B. Sai.

9. Các yếu tố tư sự, miêu tả trong văn nghị luận.

Đọc ba bài văn sau để cảm nhận các yếu tố tư sự, yếu tố miêu tả được những người viết thể hiện như thế nào?

Bài đọc tham khảo

Sóng, sóng có ích, và sóng đẹp

Đến với núi cao, sông dài, biển rộng là để biết cái hùng vĩ của vũ trụ vô cùng. Đến với cỏ nội hoa ngàn, trăng thanh gió mát, là muốn cảm được cái kì diệu của hóa công, do được cái trong của hồn mình, bày tỏ được cái chí của đời mình. Khắc đá để thơ vào vách động, lưu bút đến ngàn năm sau, phải là bậc danh sĩ cao khiết ở đời. Tựa như trăng sao vàng vặc vây. Còn như đúc chuông, tạc tượng, xây chùa dựng am, trồng tháp là sự bày tỏ cái lòng thành của bậc chân nhân, vĩ nhân. Lo cho dân cày thêm ruộng cây trâu cày, kè bắn hàn có cơm no áo ấm, được sống yên bình giữa bốn cõi, là cái tài, cái tâm của bậc đồng lương, kinh bang tế thế nay.

Lòng vui khi nghe suối reo chim hót. Rơi lệ trước nỗi đau của kẻ nghèo hèn, thao thức vì tiếng khóc của cô nhi què phèo, hân hoan khi nghe trẻ thơ ca hát vui cười. Đau cái đau của người, vui cái vui của thiên hạ. Ăn một miếng ngon, mặc cái áo đẹp, nơi ở là lâu đài, du ngoạn có xe tú mã, thế là sang. Nếu thiếu đi một tinh thần trong sáng, một đời sống tinh thần phong phú, thì chưa hẳn đã hạnh phúc?

Đến với một chân trời xa lạ, một ngọn núi dòng sông, một đảo xa biển biếc,... là được sống thêm một phần cuộc đời tốt đẹp. Gặp gỡ thêm một người bạn hiền tựa như sông suối thêm nguồn, như đứng trên núi cao ngắm trăng, không chỉ cảm được “thanh phong minh nguyệt” mà còn thấy được cái sáng của lòng minh, cái trong của hồn minh, cái thành thực của tình bằng hữu. Tình bốn phương cao mă là vậy.

(“Tập hứng ngẫu đàm” - Lê Phan Quỳnh)

Sông đẹp với thiên nhiên

1. Đây chính là tinh thần của hội họa phương Đông: cái hồn của tranh chính ở trong không gian, ở trong khoảng trống trên tranh, trong đường nét có dạng rõ dẫn do cảm nhận của ngọn bút. Kim Đông Tâm có nói: “Khi vẽ cảnh cây phải như nghe có tiếng gió thổi”.

2. Đặc trưng của nghệ thuật Nhật Bản có thể tóm gọn trong một câu: “Không có lúc nào nhớ đến bạn bè như lúc ngắm tuyết, trăng, hoa”. Khi anh chiêm ngưỡng vẻ đẹp của tuyết, trăng, hoa hay nói khác đi, khi anh cảm thấy hạnh phúc được gặp gỡ với cái đẹp, khi ấy anh đặc biệt nhớ đến bạn bè: muốn chia sẻ với họ niềm vui. Cảm động trước cái đẹp khơi dậy sự đồng cảm và tình yêu mạnh mẽ trong con người, và khi ấy từ “Bạn hữu” trở thành từ “con người”.

Hơn nữa tuyết, trăng, hoa và vẻ đẹp 4 mùa nối tiếp nhau theo quan niệm truyền thống Nhật Bản tượng trưng cho cái đẹp nói chung: đó là sắc đẹp của núi, sông, cỏ cây, của vô vàn hiện tượng tự nhiên, kể cả tình cảm con người.

“Không có lúc nào nhớ đến bạn bè như lúc ngắm tuyết, trăng, hoa”. Cơ sở thẩm mĩ của nghi lễ uống trà Nhật Bản (cha-no-yu) cũng chứa đựng ý này: “Lúc sum họp quanh ấm trà cũng là lúc sum họp của tình cảm”. Đó là lúc thời tiết dễ chịu, bạn bè quây quần, tâm đầu ý hợp...

3. Nếu như “vabi sabi” (đơn sơ, mộc mạc, tự nhiên) được đánh giá cao trong nghi lễ trà với các nguyên tắc “hoa, kính, thanh, tịch” (hài hòa, hay hòa bình, kính trọng, trong sạch và tinh minh) biểu tượng cho sự giàu có của tinh thần thì phòng trà bé xíu và đơn giản cực kì tượng trưng cho cái gì đó rộng lớn và trang nhã vô biên.

Một bông hoa thể hiện được cái đẹp của hoa hơn cả trăm bông. Ngay từ xa Ri-kiu đã dạy không lấy những nụ đã nở khi cầm hoa. Ở Nhật Bản chỉ đến bây giờ vào lúc làm nghi lễ trà, trong phòng trà chỉ cầm một bông hoa còn chún chím. Hoa được chọn theo mùa, ví dụ mùa đông thì hoa đông nhỏ bạch ngọc huy hải đường

giống ba và bì-xu-ké nổi tiếng, khác các giống hoa dường khác ở chỗ bông hoa nhỏ. Chọn lấy một nụ trắng. Màn trắng thanh nhã, trong sạch nhưng cũng là màu hàn sicc nhất, nó có trong tất cả các màn khác. Trên nụ hoa, nhất thiết phải có một giọt sương, có thể vẩy nước vào hoa. Vào tháng năm để làm nghi lễ trà dùng hoa mẫu đơn cẩm vào lò đã xanh là tuyệt nhất. Nhưng chỉ lấy một bông và phải là bông trắng. Thế nào cũng phải có một giọt sương đóng trên đó. Hơn nữa, không phải chỉ bông hoa mà cả lò hoa trước khi cắm cũng phải vẩy nước thăm vào. Khi vẩy nước vào, lò hoa trở nên tươi tinh hàn lên. Những đường nét hoa vẫn đậm nhất, thoái mái trên lò cổ ánh lên dưới tác dụng của nước ấm và bắt đầu thở cùng một nhịp với giọt sương trên hoa.

Theo phong tục, trong nghi lễ trà, cốc chén cũng được vẩy nước trước khi dùng để tạo cho nó cái vẻ đẹp tự nhiên...

4. *Hoa nhan, ái ngôn, nụ cười trên khuôn mặt, tình yêu trong lời nói.*

5. *Hoa xuân hé rộn trăng thu,*

Đông về băng tuyêt lạnh trơ.

(Đô-gen - 1200-1253)

5. *Còn gì nữa sau khi anh ta khuất !*

Hoa xuân, chim núi, hay lá vàng rơi?

(Ri-ô-can 1758-1831)

Tình cảm và tư tưởng yêu nước Việt Nam

Yêu nước là một tình cảm và tư tưởng phổ biến, dân tộc nào cũng có, riêng gì dân tộc Việt Nam...

Quá thực yêu nước là tình cảm và tư tưởng tự nhiên phổ biến. Chim luyến tổ, cá quen đồng, người sao không yêu quê hương? Quê hương nhỏ là bản làng, ở đó có cha mẹ, anh chị em, có mồ mả ông bà, có bờ ao, bến đò quen thuộc. Quê hương lớn là nước nhà, ở đó có tất cả đồng bào cùng tiếng nói, phong tục, có toàn bộ lịch sử dân tộc gồm những lúc vinh, lúc nhục, lúc vui, lúc buồn đều có nhau; có vắng sao nhặt anh hùng liệt sĩ với những chiến công hiển hách, đạo đức sáng ngời, lòng hi sinh vô hạn; có đền đài, miếu mạo, có núi cao, đồng rộng, sông dài, dù làm nơi sinh tự cho giống nòi ta. Quê hương lớn cũng gọi là Tổ Quốc. Người Việt Nam yêu nước: Việt Nam.

(...) Tình cảm và tư tưởng yêu nước đều tồn tại ở tất cả các dân tộc trên đời, nhưng upy nước, tư tưởng ấy sớm hay muộn, đậm hay nhạt khác nhau. Và, xưa nay cuộc đời đau bể, có dân không còn nước để mà yêu, có nước mãi đến hiện đại mới hình thành. Nội dung lịch sử mỗi nước không nơi nào giống nơi nào. Tình cảm và tư tưởng yêu nước Việt Nam sinh nở và phát triển trong những điều kiện cụ thể riêng: của mình, mang đường nét, thực chất và tác dụng đặc sắc mà người Việt Nam cần tìm hiểu thấu đáo để biết được chính mình.

Trần Văn Giàu

("Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam")

Đáp án đề 39

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Trả lời	F	A	E	B	A	B	C	A

ĐỀ 40 + 41

- * Ông Giúc-đanh mặc lè phục (trích hài kịch "Trưởng già học làm sang")
 - * Lựa chọn trật tự từ trong câu (tiếp theo).
 - * Luyện tập đưa các yếu tố tư sự và miêu tả vào bài văn nghị luận.

1. Mô-lì-e là nhà soạn kịch nổi tiếng của nước nào?

2. Kịch của Mô-lij-e là hài kịch hay bi kịch?

- A. Hài kịch. B. Bí kịch.

3. Hãy kể tên một số vở kịch nổi tiếng của Mô-li-e?

- A. "Lão hà tiên".
B. "Trưởng già học làm sang".
C. "Người bệnh tường".
D. "Các bà dài các rộm".
E. "Tác-tuy-phố".
F. "Đông Gioang".

G. Các vở kịch đã nêu trong số 30 vở kịch của ông để lại.

4. Xuất xứ cảnh “Ông Giuốc-danh mắc lè phuc”?

- "Ông Giúốc-danh măc lĕ phuc" là lớp kịch kết thúc hồi II trong vở hài kịch 5 hồi "Trưởng giả học làm sang" được trình diễn lần đầu vào năm 1670.

- A. Sai. B. Đúng.

5. Cảnh “Ông Giúốc-danh mặc lê phục” có mấy nhân vật, là những nhân vật nào?

- #### A. Hai nhân vật: ông Giuốc-danh và lão Phó may.

- B. Ba nhân vật: ông Giúốc-đanh, lão Phó may và bốn anh thợ phu.

6. Cuộc đối thoại giữa ông Giuốc-đanh và lão Phó may về đời tát và đời giày đã ám chỉ bút tính cách gì của ông Giuốc-đanh?

- C. Dẽ dãi, cho qua chuyện vặt. D. Ngốc nghênh

7. Câu nói của lão Phó may về cái áo lê phục của ông Giuốc-danh thuộc kiểu hành động nói nào?

- "Thưa, đây là bộ lễ phục đẹp nh

- ### B. Té nhanh

một bộ lê phuc trang nghiêm mà không

A. Hành động nói thuộc kiểu hỏi

- B. Hành động nói thuộc kiểu trình bày**

14. Đọc bài thơ dưới đây, các em có nhận xét gì về nghệ thuật chọn trát từ từ trong cau. Tìm dụng ý của tác giả.

Lê xướng danh khoa Đình Dậu (1897)

Tú Xương (1870-1907)

Nhà nước ba năm mở một khoa,
Trường Nam thi lân với trường Hà
Lời thoi / sĩ tử vai deo lợ.
Âm oe / quan trường miệng thét loa
Long cầm rợp trời / quan sứ đến.
Vẩy lê quét đất / my đám ra
Nhân tài đất Bắc nào ai đó,
Ngoanh cổ mà trông lại nước nhà.

15. Tóm tắt vở hài kịch “Trưởng già học làm sang”

Bài làm

Vở hài kịch “Trưởng già học làm sang” gồm có 5 hồi, được Mô-li-e sáng tác vào năm 1670, ba năm trước khi ông qua đời. Trước đây đã có người dịch, đặt tên là “Gã tư sản quý tộc”.

Cốt truyện vở kịch như sau:

Lão Giuốc-danh cục mịch, xấu xí, dốt nát, ngờ nghêch... Nhờ buôn dạ mà rò rỉ nên giàu có. Lão muốn trở thành nhà quý tộc. Lão mời thầy triết về nhà để học tiếng La-tinh, học lô-gic, học luân lí, học vật lí, học chính tả, học phát âm, học viết thư tình để gửi cho một bà đại quý tộc mà ông ta “phải lòng”. Sau khi muốn rò rỉ thành nhà bác học, lão Giuốc-danh lại muốn có bộ đồ lễ phục đẹp nhất triều đình. Phố may và bốn thợ phụ kéo đến để mặc thử lễ phục cho lão. Giuốc-danh đã được chúng tông bốc từ “ông lớn”, “cụ lớn” lên đến “đại ông”. Nhiều kẻ đã lợi dụng sự hóm hỉnh, ngờ nghêch của tên trưởng già, săn đón, nịnh hót lão để moi tiền.

Nàng Luy-xin là con gái xinh đẹp của Giuốc-danh. Lão không tán thành tình yêu của con gái với Clê-ông, chỉ vì anh ta không phải là quý tộc. Cô-vi-en, đầy tớ khôn ngoan đã lập mưu, đã hiến kế cho Clê-ông. Clê-ông bèn cải trang thành Hoàng tử Thổ Nhĩ Kì đến hỏi Luy-xin làm vợ, và đã được lão Giuốc-danh ứng thuận!...

16. Phân tích lớp kịch “Ông Giuốc-danh mặc lễ phục”.

Bài làm

Hài kịch “Trưởng già học làm sang” là một trong những kiệt tác của Mô-li-e, kịch tác gia vĩ đại của nước Pháp trong thế kỉ XVII. Vở hài kịch này gồm 5 hồi, mỗi hồi là những trận cười nổ ra tưng như vỡ tát.

Sau lớp 4 của hồi 2 (Ông Giuốc-danh muốn trở thành nhà bác học) là lớp 5 (Ông Giuốc-danh mặc lễ phục). Muốn trở thành quý tộc thì phải giỏi, phải hiểu biết

về triết, về ngôn ngữ học, phải biết viết thư tình,... vẫn chưa đủ. Còn phải sang trọng, phải có lê phục. Vì thế, ông Giuốc-danh đã ném vàng bạc ra, mua loại vải hoa cực tốt, thuê thợ may bộ lê phục “đẹp nhất triều đình”, phải sắm đủ tất, giày th hào hạng!

1. Cảnh thứ nhất có 32 lời thoại giữa ông Giuốc-danh và gã phó may. Vì họ hứa muôn được mặc lê phục, nên khi phó may xuất hiện, ông Giuốc-danh vui vui mừng reo lên, vừa trách móc: “A! Bác đã tới đây à? Tôi sắp phát khùng té vì bác đây”.

Vốn là kẻ lâm tiễn, thích học đòi làm sang, nhưng ngờ nghêch nên ông Giuốc-danh đã lần lượt bị gã phó may mòn tròn, lừa bịp. Mọi thứ mà trưởng giả gửi ma, thuê may, nhận về đều là hàng rỗm. Bít tất lụa quá chật, mới xỏ chân vào đã đi mất hai mắt rồi! Đời giày không đúng số, đúng cỡ làm “đau chân ghê gớm”. Rồi buồn cười là khi nghe phó may biến báu bít tất “rối nô sê giãn ra”, thì ông Giuốc-danh ngờ ngán phụ họa: “Phai, nên tôi cứ làm đứt mũi các mắt thì sẽ rộng thư”. Nghe phó may giải thích: đời giày không làm ngài đau mà chỉ vì “ngài cứ tung tượng ra thế” thì vị trưởng giả vừa phân bua vừa hể hả: “Tôi tung tượng ra thì vì tôi thấy thế. Bác này li luận hay nhỉ ?”. Chân to mà giày nhỏ thì đi vào sẽ đau chn; đau chân là cảm giác. Không phân biệt được cảm giác với tượng tượng là do ng dốt, ngờ nghêch. Gã phó may dùng hai chữ “tung tượng” là nguy biến, lừa bịp th mà con người mới thu giáo thầy triết để làm nhà bác học vẫn nghe rất xuôi tai!

Lê phục quý tộc, đúng một thời thượng ở Pháp trong thế kỷ XVI, XVII là may bằng vải hoặc len, dạ màu đen, may xuôi hoa, nhưng bộ lê phục của ông Giuốc-danh tuy “đẹp nhất triều đình”, “may vừa mắt nhất”, “trang nghiêm mà không phải màu đen, thật là tuyệt tác!”. Oái oăm thay, bộ lê phục lại may “hoa ngược mắt rồi !”. Nghe gã phó may biến báu là “những người quý phái đều mặc nút thắt này cờ”, thì ông Giuốc-danh rối rít hỏi lại với tất cả sự ngờ nghêch đến hồn nძn: “Những người quý phái mặc áo ngược hoa ư? Ô! Thế thì bộ áo này may được đây!”.

Rồi ông Giuốc-danh hỏi phó may về chiếc áo “có vừa vặn không”, bộ tóc giả và ông định mũ “có được chưng chạc không?”. Khi phát hiện ra gã phó may đã cắt xé vải may lê phục để may áo mặc, ông Giuốc-danh cắt lời trách móc, nhưng đã bị gã biến báu đánh trống lảng bằng cách mời ông ta mặc thử bộ lê phục! Lão phó may tinh quái đã “lấy dây xỏ mũi” ông Giuốc-danh mà dắt đi!

Lão trưởng giả không chỉ dốt nát, ngờ nghêch bị gã phó may lừa bịp mà còn lộ rõ chân tướng một kẻ lố bịch như một con rết, một thằng hề. Phó may đã đem thơ 4 thợ phụ để “hán” ông Giuốc-danh mặc lê phục “đúng thể thức”, mặc theo “nín diệu”, “theo cách thủ mặc cho các nhà quý phái”. Cái quần cộc đã được hai ch thợ “cởi tuột” ra! Hai thợ phụ khác đã “lột áo ngắn rồi họ mặc bộ lê phục mới và che ông”. Buồn cười nhất là cử chỉ, hành động của ông Giuốc-danh: “phó áo mít”, “đi đi lại lại giữa đám thơ”. Càng hơm hĩnh bao nhiêu càng buồn cười bấy nhiêu: “Cởi áo, mặc áo, chân bước, miệng nói, tất cả đều theo nhịp của đàn nhạc”.

2. Sau cảnh ông Giuốc-danh mặc lê phục là cảnh xin tiền, moi tiền của bợn thợ phụ đi theo phó may. Cảnh này chỉ có 10 lời thoại. Mô-li-e đã giêu cợt, châm biếm thói háo danh, ưa phinh nịnh của ông Giuốc-danh. Bọn thợ phụ xin tiền thường sau khi đã mặc lê phục cho ông ta. Ông Giuốc-danh giờ đây đâu còn là trưởng giả nữa. Gà đã trở thành công, bìm bip đã hóa nên phuông hoàng rỗi! Bộ ẽ phục may ngược hoa đã làm cho ông ta trở nên sang trọng, trở thành quý phái có thể gia nhập tầng lớp quý tộc rồi! Vốn biết tâm lý ông Giuốc-danh, bọn thợ phụ xúm vào tảng bốc lão trưởng giả ngờ nghênh hám danh lên tận mây xanh để “lột, để moi tiền! Chi 3 tiếng “Bẩm ông lớn” chúng đã làm cho Giuốc-danh vô cùng là dạ: “Ông lớn ư? Ấy đây, ăn mặc theo lối quý phái thì thế này!”... Rất hào phóng: “Đây, ta thường về tiếng “ông lớn” đây này!”, Bọn thợ phụ lại tung hô: “Bẩm vị lớn, anh em chúng tôi đợi ơn cự lớn lắm lắm”. Quá cảm động, quá sung sướng, hay nhò thấy triết dạy ngôn ngữ, dạy phát âm, dạy viết thư tình mà ông Giuốc-danh nói rất kiều cách: “Cụ lớn”, ô, ô, cụ lớn!... Cái tiếng “cụ lớn” đáng thương lắm. “Cụ lớn” không phải là một tiếng tăm thường đâu nhé!... Bọn thợ phụ đã được “cụ lớn” thương! Bọn thợ phụ ranh ma lại tôn Giuốc-danh thành “Đức ông!”. Hả hê lẩn, khoái chí lắm, kẻ háo danh đặc chí nói, cười: Lại “Đức ông” nữa! “Hả hả! Hả hả!”. Thật buồn cười là khi lão Giuốc-danh vừa móc túi lấy tiền thưởng cho bọn thợ phi, vừa nói riêng với mình. Giuốc-danh như vừa mê vừa tinh, vừa khoái chí được tảng bốc là “Đức ông” nhưng cũng vừa tự biết: “Cia dâng tôi, nếu nó tồn tại lên bậc tướng công, thì nó sẽ được cả túi tiền mất”. Cảnh bọn thợ phụ “tôn vinh” lão trưởng giả từ “ông lớn” lên “cụ lớn” rồi trở thành “Đức ông”, Mô-li-e đã nâng cao dần kích tính làm nổ ra những trận cười châm biếm thói họm hĩnh, háo danh, ưa phinh nịnh, thích được tảng bốc của bọn quý tộc phong kiến lỗi thời, bọn tư sản đang lên nhưng chưa đầy ung nhọt!

3. Cảnh ông Giuốc-danh mặc lê phục đã diễn ra tại tư dinh ông ta. Bên cạnh lão trưởng giả còn có gã phó may, một kẻ ranh ma bip bợm; bọn thợ phụ giỏi hó, khéo moi tiền. Qua những nhân vật này, Mô-li-e đã châm biếm, giêu cợt và đả kích sự ngu dốt ngờ nghênh, thói háo danh vô cùng lố bịch của Giuốc-danh, diễn hình cho bọn trưởng giả học đòi quý tộc, học làm sang. Tiếng cười trong hài kịch của Mô-li-e là tiếng cười có giá trị phê phán sâu sắc, mang ý nghĩa xã hội rất tiến bộ.

Lớp 5 của hói 2 đã khép lại bằng những trận cười mà khán giả thú vị hướng về “Đức ông” xứng xinh trong bộ lê phục may ngược hoa! Chân tướng một trưởng giả học làm sang vừa ngu dốt vừa háo danh, một gã phó may lầu linh, bip bợm, mà bọn thợ phụ ranh ma. Một cuộc hói ngộ hiểm có đã thể hiện nghệ thuật châm biếm bậc thầy của Mô-li-e, tạo nên những trận cười thoái mái cho khán giả đang hối hận, đang thích thú, đang suy ngẫm về những trò lố bịch của tên trưởng giả học lèn sang! Ở đây, sân khấu cũng là cuộc đời!

Đáp án đề 40 + 41

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
Trả lời	D	A	G	B	B	D	D	C	B	C	D	D	C

ĐÉ 42

- * Chương trình địa phương (phân Vạn).
 - * Chữa lỗi diễn đạt (lỗi lô-gic).

1. Các văn bản sau có phải là văn bản nhảm nhí không?

- "Thông tin về Ngày Trái Đất năm 2000"
 - "Ôn dịch, thuốc lá"
 - "Bài toán dân số"

A. Dung B. Sall

2. Những vấn đề cấp bách và thiết thực đòi hỏi cộng đồng mà các văn bản nhật dụng ấy nêu lên là gì?

- A. Khuyên mọi người hạn chế sử dụng bao bì ni-lông.
 - B. Nêu bật những tác hại của việc hút thuốc lá.
 - C. Đưa ra bài toán dân số và kế hoạch hóa gia đình.
 - D. Gồm tất cả A, B, C.

3. Phương thức biểu đạt chủ yếu nào được sử dụng trong văn bản “Thông tin về Ngày Trái đất năm 2000”?

- A. Tư sự. B. Miêu tả.
C. Ý thuyết minh. D. Biểu cảm.

4. Phương thức biểu đạt chủ yếu nào được sử dụng trong bài “Ôn dịch, thuốc lá”?

- A. **Thuyết minh + miêu tả.**
B. **Lập luận + thuyết minh.**
C. **Thuyết minh + biểu cảm.**
D. **Tư sự + miêu tả.**

5. Văn bản “Bài toán dân số” được biểu đạt bằng phương thức chủ yếu nào?

- A. Tư sự + thuyết minh + lập luận. B. Tư sự + miêu tả.
C. Thuyết minh + miêu tả. D. Tư sự + biểu cảm.

6. Có hai lối chính lúc nói và viết là lối vé ý tưởng, lối vé dùng từ, đặt câu (ngữ pháp).

- A. Đúng. B. Sai.

7. Đây là hai câu thơ nói về nhân nghĩa và sức mạnh nhân nghĩa Việt Nam.

"Đem đại nghĩa để thắng hung tàn,

Lấy chí nhân để thay cương hào

(Bình Ngô đại cáo)

- B. Sai về kiến thức (“*Bình Ngõ* dài cáo” viết bằng văn xuôi cổ; bảo rằng “hai câu thơ” là sai!)

8. Lão Hạc phải “bán con” bán chó, cuối cùng “chết đói” một cách thảm thương.

- A. Con Lão Hạc đi phu đồn điện cao su, chứ không phải lão Hạc "bán con".
 - B. Lão Hạc không chết dối mà lão Hạc tự tử bằng bả chó.
 - C. A và B đều sai (sai kiến thức).

9. Tre là cánh tay của nhà nông, "nhưng" tre còn là người bạn thân thiết của họ đã lao đao đời nay.

- A. Dùng từ "nhưng" là sai và thừa.
- B. Có thể cắt bỏ chữ "nhưng", thay dấu phẩy bằng dấu chấm phẩy.
- C. Có thể cắt bỏ chữ "nhưng", thay dấu phẩy bằng dấu chấm để tạo thành 2 câu đơn.
- D. Cả A, B, C, đều hợp lí.

10. Em có gắng học giỏi, phấn đấu trở thành một người trí thức hay một bác sĩ.

- A. "Một người trí thức" bao hàm nghĩa "một bác sĩ".
- B. Hoặc là loại bỏ 5 chữ "một người trí thức hay".
- C. Hoặc là cắt bỏ 4 chữ "hay một bác sĩ".
- D. Phát hiện đúng, nếu cách chữa hợp lí.

II. Bình luận câu tục ngữ: "Thất bại là mẹ thành công"

Bài làm

Tục ngữ là kho báu trí tuệ dân gian. Có biết bao bài học sâu sắc ta tìm thấy trong tục ngữ. Câu "*Thất bại là mẹ thành công*" vẫn được nhiều người nhắc đi nhắc lại trong cuộc đời để tự động viên mình vươn lên.

Hai chữ "*thất bại*" và "*thành công*" trong câu tục ngữ tương phản nhau. "*Thất bại*" được nhân hoá thành "*mẹ*"; người con ấy là "*thành công*" do người nè "*thất bại*" sinh ra. Ông cha ta đã có **một cách nói quả thật súc, thật gọn, thật hay** để nêu lên một bài học quý báu khuyên mọi người đừng ngã lòng nản chí mà phải bền gan bền chí, quyết tâm vươn lên sau mỗi lần thất bại. Thành công là hệ quả được tìm thấy trong bài học thất bại:

"Thất bại là mẹ thành công".

Trong cuộc sống, ta luôn luôn đứng trước nhiều khó khăn thử thách. Bắt ay vào làm một công việc mới ai cũng cảm thấy: "*Vạn sự khởi đầu nan*". Trong học tập, lao động, chiến đấu,... ta phải đối diện với bao cái khó, ngay những người thông minh, tài trí cũng thế. Có cái khó, ta tìm được cách để vượt qua. Nhưng cũng có cái khó làm ta thất bại.

Có người bị thất bại thì nản chí, hoang mang, trở nên bi quan tiêu cực. Nhưng cũng có người, sau mỗi lần thất bại, mỗi lần ngã đau, họ đã dũng cảm đứng lên, dám nhìn thẳng vào sự thật, tỉnh táo tìm ra nguyên nhân thất bại, để ý chí, quyết tâm được nâng cao hơn bao giờ hết. Trước moi thất bại, không nên cay cú, nồng vội, không được chủ quan mà càng phải thận trọng. Bài học thất bại là bài học quý đáng ở đời, ta cần phải biết bình tĩnh, sáng suốt tìm ra được phương pháp, để giành được thành công mới, thắng lợi mới. **Sự lớn lên ấy là chân lý mà ta đã tìm được qua câu tục ngữ: "Thất bại là mẹ thành công".**

Có thất bại trong chiến đấu phải trả giá bằng xương máu. Có thất bại trong làm ăn phải tốn nhiều tiền của. Có thất bại... làm hao mòn trí lực, danh dự, thời

giảm, vv... Mỗi một thất bại là một quả đắng! Có thành công nào mà không hề gặp khó khăn, không hề trải qua ít, nhiều thất bại? Phải đổ nhiều công sức, mồ hôi, tinh huyết, thời gian,... ta mới làm nên trái hành phúc ngọt ngào. Câu tục ngữ: “*Thất bại là mẹ thành công*” dạy ta bài học làm người, làm người chân chính, con người có nghị lực, có bản lĩnh, có niềm tin...

Đọc tiểu sử các vĩ nhân, ta càng thấy rõ những công hiến của họ cho nhân loại là sự kết tinh của tài năng và ý chí chiến thắng khó khăn, thử thách. Sau hơn một thế kỷ chiến đấu anh dũng và hi sinh to lớn, nhân dân ta mới làm nên Cách mạng tháng Tám, chiến thắng Điện Biên Phủ, chiến thắng 30 - 4 - 1975 giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Trong đời học sinh mỗi chúng ta cũng vậy, sau mỗi bài tập bài kiểm tra, sau mỗi kì thi ai cũng cảm thấy mình “lớn lên” tự tin hơn, càng thêm thia lời dạy bảo của ông cha: “*Thất bại là mẹ thành công*”.

(ü Phan Bội Châu (1867-1940) là nhà cách mạng vĩ đại, là nhà thơ lỗi lạc của đất nước ta đầu thế kỉ XX đã có bài thơ “*Thất bại là mẹ thành công*” gồm có 30 câu thơ 4 chữ, viết năm 1926, giản dị mà sâu sắc vô cùng:

... “Càng nhiều thất bại,
Càng chắc thành công
Xin chờ ngã lòng,
Xin càng bền chí
Ngã rồi liền dậy...”

(Trích “Nam quốc dân tu tri”)

Trong cuộc sống, ta phải tinh táo để giảm bớt mọi thất bại. Nhưng phải dũng cảm trước mọi rủi ro, thất bại. Phải học tập để nâng cao tầm trí tuệ, phải rèn luyện ý chí và bản lĩnh để khắc phục khó khăn thử thách, vươn lên giành nhiều thắng lợi. Câu tục ngữ: “*Thất bại là mẹ thành công*” không chỉ cổ vũ chúng ta dũng cảm đứng vững trước thử thách mà còn nhắc nhở mỗi người gần xa “*Thắng không kiêu, bại không lán*”. Trên con đường học tập đi tới Ngày mai của tuổi trẻ, những câu tục ngữ ấy bài học ấy là vô giá.

12. *Thuyết minh một cảnh đẹp, một điểm du lịch của quê hương em.*

Mũi Nai - “Hoa hậu” của vùng biển phương Nam

Ni suối chiều dài bờ biển nước ta trên ba ngàn cây số, đến điểm chót là ta đã tới Mũi Nai. Mũi Nai thuộc Hà Tiên, phía tây bắc giáp Campuchia, phía tây đối diện với đảo Phú Quốc, phía đông là đất Nước Mặn bao la, phía đông là vịnh Cây Dương

Là Tiên, thị xã thuộc tỉnh Kiên Giang, được bình chọn là “hoa hậu du lịch”. Vùng ánh nắng mặt trời này ôm áp một hệ thống hang động, đảo lớn, đảo nhỏ thuộc loại đẹp nhất nước ta: Kim Dữ, Bình Sơn, Chùa Tiêu, Giang Thành, Thạch Động, Châu Nhâm, Đông Hồ, Nam Phố, Lộc Trĩ, Lư Đàm,... Những cảnh đẹp ấy đã được Mạc Thiêm Ích, một đại quan giỏi thơ văn của chúa Nguyễn trong thế kỉ XVIII ca ngợi trong cùm thơ “*Hà Tiên thập vịnh*” nổi tiếng.

Những buổi sáng sớm hóng tưới dầu hè, những buổi chiều thu trong veo, những đêm trăng ảo huyền tháng giêng hai, dừng ở Mũi Nai mà ngâm đảo xa đảo gần, nghe sóng vỗ, nhìn cánh cò bay như sóng trăng lấp lánh trời xanh, trông về biển xa dõi nhìn hàng nghìn ghe, thuyền đánh cá nhấp nhô, ẩn hiện... du khách sẽ cảm thấy lặng lẽ hồn mình như đang bước tới Đào Nguyên.

Điểm đặc đáo của Mũi Nai quê hương em là có điểm du lịch nổi tiếng khác các vùng xung quanh. Nghỉ hè, mời bạn đến chơi Mũi Nai, bạn sẽ tha hồ thăm thú những cảnh đẹp. Phía bên này là Kim Cương động còn gọi là Thạch Động, huyền ảo ẩn hiện trong mây trời, gió lùa hang đá nghe vàng vang tiếng đàn Thạch Sanh. Kia là hòn Chông đá dựng, uy nghi huyền sú Hòn Phụ Tử đánh cá sâu, lung linh muôn vàn thạch nhũ có đủ hình dạng lạ kì, ngâm mãi không chán. Chùa Hang, Chùa Tiêu cổ kính, tiếng chuông vang ngân buông trong sớm sớm chiều chèo lồng gió ngân nga...

Tôi xin chép tặng bạn một trong mười bài thơ của Mạc Thiên Tích (1706-1780) trong "Hà Tiên thập vịnh" để bạn ngâm nga lúc đến chơi Mũi Nai nhé:

Thạch Động nuốt mây - (Thạch Động thôn vân)

Non cao chót vót chùm trời xanh,
Trong núi lung linh động ẩn hình.
Mây khói ở đó không chủ ý,
Cỏ cây rung động cũng vô tình.
Văn chương thêm lạ, phong sương lắm.
Khi sắc càng nhiều, thay đổi nhanh.
Tuyệt đỉnh tình hoa, phong cảnh ấy.
Gió trời hó háp, ngọn chênh vênh.

Vũ Đình Liên dịch

Tâm biển Mũi Nai rất thú vị. Cát biển nâu sẫm, sóng chao sóng vỗ nhưng làn sóng quyện vào cát mang một màu đen xanh nhấp nháy lả lùng. Cô bác quê mình cho biết cát biển Mũi Nai chứa rất nhiều bùn, một loại bùn đặc biệt có tác dụng dưỡng da không có thứ kem hảo hạng nào bằng. Sau một vài giờ tắm biển hoặc nằm dấp bằng cát biển, du khách sẽ có một làn da rám nắng mịn màng, tâm hồn vô cùng sáng khoái.

Biển Mũi Nai thoai thoái và khá nông, rất an toàn khi bơi lội và tắm nát. Ba bốn năm nay có công viên nước mi-ni ngay sát biển, dành cho trẻ em và học sinh. Bà con mình rất hiếu khách, đã "nhường" hẳn bãi tắm này cho du khách.

Cảnh đẹp, êm đềm, thơ mộng. Cảnh biển, hang động còn ít nhiều mang màu sắc hoang sơ, cổ tích. Điều này trở thành một nét đẹp riêng quyến rũ đối với những ai gần xa muốn về với thiên nhiên, đến với Mũi Nai, miền đất cực nam của Tổ quốc.

Bao giờ bạn đến với Mũi Nai, quê hương mình? Chờ bạn nhé!

Lê Thị Ánh Tuyết

Hà Tiên

Đáp án đề 42

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Trả lời	A	D	C	B	A	A	B	C	D	D

ĐỀ 43

- * Tổng kết phán Văn.
- * Ôn tập và kiểm tra phán Tiếng Việt.
- * Văn bản tương trình.
- * Luyện tập làm văn bản tương trình.

1. *Những bài thơ đã học cuối học kì I lớp 8 có những bài nào được viết bằng thể thơ thất ngôn rất cũ Đường luật?*

- A. "Vào nhà ngực Quảng Đông cảm tác".
- B. "Đáy dâ ở Côn Lôn".
- C. "Muốn làm thẳng Cuội".
- D. Cả ba bài A, B, C.

2. *Trong 3 bài thơ ấy, bài thơ nào thuộc dòng văn thơ yêu nước và cách mạng?*

- A. "Vào nhà ngực Quảng Đông cảm tác".
- B. "Đáy dâ ở Côn Lôn".
- C. Cả 2 bài A, B.

3. *Có phải bài thơ "Muốn làm thẳng Cuội" của Tân Đà thi sĩ được sáng tác bằng nguồn cảm hứng lãng漫 thoát lì?*

- A. Đúng.
- B. Sai.

4. *Giới thiệu một vài nét khái quát về thi pháp thơ thất ngôn bát cú Đường luật: số câu, chữ, bố cục, văn thơ, đối.*

- Mỗi bài có 8 câu, mỗi câu có 7 chữ.
- Bố cục 4 phần, mỗi phần 2 câu.
 - + Câu 1, 2 gọi là **dé**.
 - + Câu 3, 4 gọi là **thực**.
 - + Câu 5, 6 gọi là **luận**.
 - + Câu 7, 8 gọi là **kết**.
- Bài thơ có 5 vần; chữ cuối các câu 1, 2, 4, 6, 8 vần với nhau.
- Câu 3 đối câu 4; câu 5 đối câu 6.

- A. Sai.
- B. Đúng.

5. *Bà bài thơ: "Tức cảnh Pác Bó", "Ngắm trăng", "Đi đường" của Bác Hồ được viết bằng thể thơ gì?*

- A. Thơ thất ngôn bát cú Đường luật.
- B. Thơ lục bát.

C. Thơ tự do.

D. Thơ thất ngôn tú tuyệt Đường luật.

6. Nội dung chủ yếu của ba bài thơ này là gì?

A. Tình thần lạc quan, yêu đời trong gian khổ.

B. Tình yêu thiên nhiên, phong thái ưng dung trong tù đày.

C. Đường đời đầy khó khăn, phải có bản lĩnh vượt qua mọi thử thách để giành thắng lợi.

D. Gồm các ý A, B, C.

7. Bài thơ "Hai chữ nước nhà" viết theo thể thơ gì?

A. Lục bát.

B. Thơ bảy chữ.

C. Thơ song thất lục bát.

D. Thơ tự do.

8. Giọng thơ bài "Hai chữ nước nhà" như thế nào?

A. Uất hận căm thù.

B. Thiết tha.

C. Du dương, rื่o rất.

D. Căm thù, đau đớn, thiết tha.

9. Trong 4 bài thơ mới: "Nhớ rừng", "Ông đồ", "Quê hương", "Khi con tu hú", mỗi bài thơ được viết theo một thể thơ khác nhau? Cho biết cụ thể?

A. "Nhớ rừng", "Quê hương": thơ tám tiếng.

B. "Ông đồ": thơ năm chữ.

C. "Khi con tu hú": thơ lục bát.

D. Cả A, B, C đều đúng.

10. Đoạn văn sau đây gồm những kiểu câu gì?

"Nắng tháng mười vàng tươi như lụa. Lúa tám thơm, lúa đụt chín vàng san
dâng hương ngọt ngào ngọt trên cánh đồng bao la. Cảnh gặt hái hối hả. Cả làng kéo ống
đóng. Tiếng đập lúa, trục lúa, tiếng máy thu hoạch, tiếng cười nói xôn xao đến处
cánh. Cả làng vui như hội".

("Vụ gặt làng quê" - Lê Phan Quỳnh

A. Đoạn văn 5 câu đều là câu trân thuật.

B. Đoạn văn 5 câu đều là câu cảm thán.

11. Có phải câu văn sau đây là câu phủ định?

"Chúng ta thà hi sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định
không chịu làm nô lệ!".

Hồ Chí Minh

A. Không phải.

B. Đúng.

12. Đoạn văn sau đây có mấy câu nghi vấn?

... "Cuối cùng, tôi đánh bạo nói với bạn:

- Ga-rô-né ạ, bố mình nay mai sẽ rời khỏi Tô-ri-nô mãi mãi đây.

Ga-rô-né hỏi tôi có đi theo bố không, tôi trả lời là có.

Vậy con không học năm tháng nay
vì sao nín thở à?

Còn im lặng một lúc, tay vẫn vu vén và hỏi tôi mà không ngẩng đầu lên:

Sau này, anh có nhớ đến ban bè của học lớp ba không?

Cô chia tôi trả lời như tát nước: nhưng nhớ vẫn hơn tát cả mọi người, anh có thể quên câu đó?

Gá-rô-né đưa mắt nhìn tôi, cái nhìn mềm mỏng bao nhiêu điều...

("Những tấm lòng cao cả" - A-mi-sitx)

A. Một câu nghị vấn.

B. Hai câu nghị vấn.

C. Ba câu nghị vấn.

D. Bốn câu nghị vấn.

13. Đoán thơ sau và cho biết tác giả đã sử dụng kiểu câu gì?

"Hồi những người trai, những cô gái yêu
Trên những đeo mây, những tầng mây dà
Hai bàn tay ta hãy làm tất cả!"

("Bài ca mùa xuân năm 1961" - Tố Hữu)

A. Câu cảm thán.

B. Câu cầu khẩn.

C. Câu phủ định.

D. Câu nghị vấn.

14. Đoán 3 câu sau đây đều là câu cảm thán, có đúng không?

- Con diêm lèn, người lính nhỏ của đạo quân mệnh mông ấy! Sách vở là vũ khí của con, lớp học là dom vị của con, trán đia là hoàn cát, và chiến thắng là nén vân minh của nhân loại! Ôi, không bao giờ con làm một người lính nhát gan, En-ri-cô cứ bỏ q.

Trích bài "Trường học" ("Những tấm lòng cao cả")

A. Đúng.

B. Sai.

15. Bài đọc tham khảo:

Ong, Bướm và Hoa

Cây thông, tùng, cây sồi, bạch đàn, liễu... không màu sắc rực rỡ của hoa nhưng ở các cây dó, phản hoa phát tán trong không khí thành những đám mây mờ ảo lồng màu vàng nhạt, thoang thoảng mùi hương lan xa. Gió nhẹ đã giúp cho thông, tùng, bạch đàn... thu phấn, giao phấn một cách dễ dàng.

Hãy không thể thiếu bầy ong. Ong đi tìm mật, tìm phấn hoa. Ở đâu có hoa đẹp, hoa thơm là ong đáp đầu bay tới. Hoa cuốc-xi-nen, hoa đậu dưa, hoa dan sâm... đã lôi cuốn đàn ong từ sáng sớm đến xế chiều. Cánh hoa như được phủ đầy nhụy hoa; ong bay từ hoa này đến hoa khác để hút mật, và hoa được thu phấn. Lại có loại ruồi bé tẹt cũng biết thu phấn cho hoa mọc hương.

The giới hoa lan là vương quốc của loài bướm.

Hoa lan là những hoa đẹp nhất trong muôn nghìn loài hoa. Ở các nước ẩm đới, hoa lan được trồng trong các nhà kính và các hoa này giá rất đắt. Ở các vùng

nhiệt đới, hoa lan có hàng trăm, hàng nghìn loài khác nhau, phong phú về hình dáng, rực rỡ ngào ngạt về hương sắc. Nhà thực vật Côn đã từng viết:

"Mỗi loài hoa đều có một kiểu "áo quần" đặc biệt. Trên hoa lan, ta có thể thấy mọi màu sắc từ màu trắng tinh hoặc hồng nhạt tối màu đỏ thắm, vàng tươi và đỏ với những cách kết hợp đặc sắc. Một số hoa lan lốm đốm như da báo, số khác có sọc trông như da hổ, và số thứ ba thì tô vẽ những hình thù kì quái. Một số nằm lẩn trong đám cỏ, số khác lại quấn quanh thân các cây gỗ và du đưa trên những cành cao nhất.

Một số lan tựa như thè lưỡi đỏ thắm, ở số khác, hoa lại giống như đầu bò có sừng cong, số thứ ba nhìn hệt như một con nhện đáng ghét. Cuối cùng có những hoa lan có hình dạng tương tự như ong đất, ruồi, muỗi. Có hoa tựa hồ lượn lờ trong không khí như những cánh bướm. Có hoa giống như bồ câu trắng hoặc loài chim tí hon ở nước Mĩ có bộ lông sặc sỡ mà ta vẫn gọi là cò-li-bri..."

Nhưng các nhà thực vật đều biết rằng, mặc dầu lan có muôn màu muôn vẻ, chúng đều có cùng một kiểu thích nghi với sự giao phấn.

Chúng ta hãy dừng lại trên một loại hoa như vậy. Đó là một loài lan ở nước Nga cũng có, gọi là cò đồng, nở về đêm. Trên các thân dài của cây có những hoa trắng thơm mộc thành chùm. Mỗi hoa như thế lại có nhụy và nhị, nghĩa là các cơ quan sinh sản bình thường của bất kì hoa nào. Mỗi cặp nhị của hoa trông giống như một cái kim băng và cả hai đều dính trên một mảng móng gắn ở đáy hoa. Nhụy và đầu nhụy có hai thùy nằm ở hai bên gốc nhị.

Lúc bướm bay tới, thò vòi vào, và sau khi hút mật rút vòi ra thì ở đầu vòi đã thấy dính hai nhị. Khi bay tới hoa khác, bướm chạm nhị dính trên vòi của nó vào đầu nhụy của hoa thứ hai này và để lại đó các bao phấn. Tất cả điều đó đã tạo tiêu kiện cho hoa được thụ phấn, thụ tinh và tạo quả.

Ở hoa, mỗi cấu tạo đều thích nghi với việc giao phấn. Đối với sâu bọ cứng vảy, cấu tạo và cách sống của chúng phù hợp với đặc điểm cấu tạo của những hoa mà khi hút mật chúng giúp cho sự thụ phấn diễn ra. Ở ong nhà và ong đất, han và chân được cấu tạo hoàn toàn không giống các sâu bọ khác. Bướm không gặn và nghiến thức ăn như các loại bọ cánh cứng, chúng cũng không có lưỡi hoặc clam đốt như ở ong mà có vòi hút dài. Vòi hút của bướm thích nghi trong một chừng mức nhất định với cấu tạo các hoa khác nhau mà chúng thường tới hút mật.

Từ những điều đã nói ở trên ta thấy quả thực giữa hoa và sâu bọ đã hình thành một quan hệ chất chẽ: sự sống của nhóm này có liên quan với sự sống của nhóm kia.

Bướm và hoa, ong và bướm... là những chuyện lí thú của sinh giới. Vì sự giao phấn bao giờ cũng có lợi cho cây hơn, và chỉ có sâu bọ là giúp cho sự giao phấn đó.

(Theo "Những chuyện lí thú của sinh giới" - V.V. Lun-kê-vic)

16. *Bình luận câu nói sau đây của Hồ Chí Minh:*

... “*Non sông Việt Nam có trở nên vẻ vang hay không, dân tộc Việt Nam có được vẻ vang sánh vai các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các cháu*”

Bài làm

Bác Hồ kính yêu đã dành cho thế hệ trẻ Việt Nam bao tình cảm thiết tha sâu nặng. “Ai yêu các nhi đồng bằng Bác Hồ Chí Minh?”. Tình yêu đậm đà ấy được biểu hiện qua nhiều bức thư Bác gửi các cháu nhân ngày khai trường hoặc tết trung thu:

“Trung thu trăng sáng như gương,
Bác Hồ ngắm cảnh nhớ thương nhi đồng”.

Trong thư gửi học sinh nhân ngày khai trường đầu tiên sau Cách mạng tháng Tám, Hồ Chủ tịch có viết:

... “*Non sông Việt Nam có trở nên vẻ vang hay không, dân tộc Việt Nam có được vẻ vang sánh vai các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các cháu*”.

Hơn nửa thế kỷ trôi qua, trên đất nước Việt Nam yêu quý của chúng ta đã có bao đổi thay lớn lao, bao biến cố lịch sử trọng đại, nhưng câu nói của Bác vẫn sáng ngời giá trị giáo dục và khích lệ tuổi trẻ trên mọi miền Tổ quốc.

Ý tưởng sâu sắc của Bác Hồ được diễn đạt bằng một câu văn giàu hình tượng và cảm xúc. Vé thứ nhất Bác hỏi: “*Non sông Việt Nam có trở nên vẻ vang hay không, dân tộc Việt Nam có được vẻ vang sánh vai các cường quốc năm châu được hay không?*” có nghĩa là Bác hỏi về tiền đồ của Tổ quốc ta, tương lai của dân ta có được tốt đẹp, rõ ràng, có trở nên giàu mạnh, văn minh như các cường quốc Anh, Nga, Pháp, Mĩ, Nhật,... hay không? Vé thứ hai là sự gợi ý, là cách trả lời của Bác: “*chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các cháu*”, hay nói một cách khác, Bác nêu lên nghĩa vụ học tập của học sinh đối với Tổ quốc và dân tộc. Qua câu văn ấy, Bác giáo dục học sinh về nhiệm vụ học tập, về trách nhiệm năng nề, vẻ vang đối với tương lai tươi sáng của non sông Việt Nam, của dân tộc Việt Nam.

Học tập là nghĩa vụ vẻ vang của học sinh đối với Tổ quốc và dân tộc. Học sinh là mầm non, là tương lai của gia đình và dân tộc; là thế hệ nối bước cha anh để xây dựng và bảo vệ đất nước “*mười lần đẹp hơn*” như Bác Hồ mong muốn. Bằng tinh thần cùi sáu tạo và chí Dũng cảm, bằng tâm hồn và trí tuệ, tài năng, học sinh - thanh thiếu niên nhi đồng - sẽ đảm đương sứ mệnh lịch sử vẻ vang mà Bác Hồ giao phó. Muốn hoàn thành nghĩa vụ ấy, học sinh phải dù dũng, tài. Muốn có đức tài chỉ có con đường học tập và rèn luyện để nâng cao trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật, trở thành công dân tốt, người lao động giỏi, những chuyên gia... tài năng, giàu nhiệt huyết để phục vụ Tổ quốc, đóng góp “*một phần lớn*” vào mục tiêu dân giàu nước mạnh, môi kỉ vọng làm cho “*non sông Việt Nam được trở nên vẻ vang... dân tộc Việt Nam được vẻ vang sánh vai các cường quốc năm châu*”...

Học tập là trách nhiệm nâng nề nhưng vô cùng vẻ vang của học sinh. Sau gần một thế kỷ bị thực dân Pháp thống trị, “nhà tù nhiều hơn trường học”, nước ta xem xác tiêu diệt, dân ta đối khổ, hơn 90% dân số bị mù chữ! Việt Nam là một trong những nước lạc hậu trên thế giới. Thanh toán quá khứ nặng nề ấy, “diệt giặc lồi, diệt giặc dối, diệt giặc ngoại xâm” là nhiệm vụ của toàn dân, nhưng học sinh phải là những chiến sĩ xung kích, như Bác dạy “chinh một phần lớn là nhờ ở công học tập của các cháu”.

Câu nói trên đây là lời dạy, là tấm lòng, là tình thương của Bác đối với học sinh. Bác mong các cháu phải gắng sức, phải siêng năng học hành, biết học tập một cách thông minh sáng tạo. Có học tốt, học giỏi mới thành tài, có học vấn cao, có tri thức tiên tiến hiện đại. Có học tập tốt mới thực hiện được ước mơ, hoài bão của mình.

Bác giáo dục thế hệ trẻ Việt Nam phải có mục tiêu, động cơ học tập đúng đắn. Học để làm gì? Học tập không phải để làm quan, để vinh thân phì gia, mà là vì một mục đích cao cả: học tập để làm người, có nhân cách văn hóa, đem tài năng phục vụ sự nghiệp hiện đại hóa, công nghiệp hóa đất nước, góp phần xây dựng Tổ quốc Việt Nam giàu mạnh, văn minh.

Câu nói trên biểu lộ một phần niềm tin yêu sâu sắc của lãnh tụ đối với thế hệ trẻ Việt Nam. Lời của Bác là lời non nước. Bác thay mặt nhân dân nói lên tiếng nói của Tổ quốc để động viên, khích lệ học sinh ra sức thi đua học tập giỏi. Bác chỉ cho học sinh thấy con đường sáng đi tới ngày mai. Hạnh phúc của tuổi trẻ gắn liền với tiền đồ, tương lai xán lạn của đất nước và của dân tộc. *Bác tin yêu học sinh - con em* của một dân tộc canh cù và dũng cảm, thông minh và hiếu học.

Sau gần 30 năm chiến tranh giải phóng, Tổ quốc đã giành được độc lập, hòa bình. Việt Nam là một trong những nước kém phát triển, nhưng chúng ta đã nỗ lực cao bước vào thế kỷ XXI. Các kì thi quốc tế về toán, lí, hóa,... học sinh Việt Nam đã giành được nhiều thành tích vẻ vang. Chặng đường đi tới để dân tộc ta đất nước ta “về vang sảnh vai các cường quốc năm châu” đều thuận lợi, dễ dàng, nỗ lực với một chiêu mà thực hiện được! Cho nên câu nói của Bác vẫn mang ý nghĩa hời sự nóng bỏng, có giá trị giáo dục và động viên các thế hệ học sinh Việt Nam vươn lên.

Suốt đời Bác Hồ chỉ có “một ham muốn, ham muốn tốt bậc là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành”. Bác đã dạy: “Vì lợi ích mười năm phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm phải trồng người”. Trong thư Trung thu Bác đã viết:

“Các cháu hãy xứng đáng
Chân Bác Hồ Chí Minh”.

Ôn lại những lời dạy của Bác Hồ, đọc lại bức thư gửi học sinh nhân ngày khai trường đầu tiên sau Cách mạng tháng Tám, chúng ta vò cùng cảm động trước sự thương yêu, chăm sóc, giáo dục của Người đối với thế hệ trẻ Việt Nam. Còn gì hạnh phúc hơn được học tập và đem tài năng phục vụ Tổ quốc, làm vẻ vang cho dân tộc. Thi đua học tập tốt là chúng ta đã tự giác làm đúng lời Bác dạy. Câu nói trên là tình yêu lớn tỏa sáng tâm hồn tuổi thơ. *Học tập là yêu nước*.

Đáp án đề 43

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
Tra lời	D	C	A	B	D	D	C	D	D	A	B	C	B	A

ĐỀ 44 + 45

- * Tổng kết phán Văn.
- * Ôn tập phán Tập làm văn.

1. Trong chương trình Ngữ Văn 8, các em đã được học một số trích đoạn trong một số tác phẩm văn xuôi cổ của dân tộc. Đó là những tác phẩm nào?

- A. Chiếu dời đô (Thiên đô chiếu).
- B. Hịch tướng sĩ
- C. Bình Ngô đại cáo
- D. Bàn luận về phép học (Luận học pháp).
- E. Cả A, B, C, D đều không đúng.
- F. Cả A, B, C, D đều đúng.

2. Nội dung chính của những tác phẩm ấy là gì?

- A. Thể hiện ý chí tự lập, tự cường, xây dựng Đại Việt thành một quốc gia cường thịnh.
- B. Phê phán tư tưởng câu an hưởng lạc, mất cảnh giác trước hoạ xâm lăng, cầm thù bộ mặt tham lam tàn bạo của đế quốc Mông Nguyên, khích lệ tướng sĩ học tập binh thư, rèn tập cung tên chiến mã sẵn sàng đánh thắng quân Thát Đát để bảo vệ sơn hà xâ tắc Đại Việt.
- C. Nêu cao nhân nghĩa, khẳng định nền văn hiến Đại Việt, vạch trần tội ác của giặc Minh tàn bạo, ca ngợi chiến công "bình Ngô" vô cùng oanh liệt, tuyên bố Đại Việt bước vào một kỉ nguyên mới: độc lập, thanh bình.
- D. Đề nghị cải cách nền giáo dục nước nhà, đào tạo nhân tài để chấn hưng đất nước.
- E. Tất cả A, B, C, D đều đúng.
- F. Tất cả A, B, C, D đều sai.

3. Đặc điểm nghệ thuật nổi bật nhất của văn xuôi cổ là loại văn biến ngẫu, sử dụng nghệ thuật đối heo từng vé, từng cặp câu song hành.

- A. Đúng
- B. Sai

4. Trong các câu sau, câu nào không có đối?

- A. "Địa thế rộng mà bằng; đất dài cao mà thoáng. Dân cư khôi chịu cảnh khốn khổ giàn lụt; muôn vật cũng rất mực phong phú tốt tươi".

"Chiếu dời đô".

B. "Ta thường tội biếu quên ăn, mửa đêm vỗ gối; ruột đau như cắt, nước nắt đầm đìa; chỉ cảm giác chưa xả thịt lột da, nuốt gan uống máu quan thủ. Đau chờ tẩm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng".

("Hịch tướng sĩ")

C.

"Trận Bố Đăng sấm ran chớp giật,
Miền Trà Lân trúc trẻ tro bay.
... Gươm mài đá, đá mài cึง mòn,
Voi uống nước, nước sông phải cạn.
Đánh một trận, sạch không kinh ngạc,
Đánh hai trận, tan tác chim muông".

("Binh Ngõ đại cáo")

D. "Ngọc không mài, không thành đồ vật; người không học; không biết rõ
đạo".

("Luật học pháp")

E. "Cứu xin từ nay ban chiếu thư cho thầy trò trường học của phủ, huyện, các
trường tư, con cháu các nhà văn võ, thuộc lại ở các trấn cựu triều, đều tùy đầu iện
đáy mà đi học".

("Luật học pháp")

5. Phương thức biểu đạt chủ yếu trong đoạn văn sau là gì?

"Độc ác thay, trúc Nam Sơn không ghi hết tội,
Đơ bẩn thay, nước Đông Hải không rửa sạch mùi.
Lẽ nào trời đất dung tha,
Ai bảo thần dân chịu được?"

("Binh Ngõ đại cáo")

A. Tự sự

B. Miêu tả

C. Biểu cảm

D. Nghị luận

6. Trong đoạn văn sau, tác giả đã sử dụng phương thức biểu đạt nào?

"Nước Việt ta, từ khi lập quốc đến giờ, nên chính học đã bị thá truyền.
Người ta đua nhau lối học hình thức cầu danh lợi, không còn biết đến tan cương,
ngũ thường. Chia tách thường; thần nịnh hót. Nước mắt, nhà tan đều do những ụেu
tệ hại ấy".

("Luật học pháp")

A. Miêu tả

B. Nghị luận

C. Biểu cảm

D. Tự sự

**7. "Cảm hứng chủ đạo của những bài chiếu, hịch, cáo, biểu ấy là lòng yêu nước
thương dân, ý chí tự cường và niềm tự hào dân tộc". Ý kiến ấy đúng hay sai?**

A. Đúng

B. Sai

8. Những bài thơ như: "Nhớ rưng", "Quê hương", "Ông đồ" xuất hiện trong phong trào "thơ mới", đó là vào khoảng thời gian nào?

- A. Cuối thế kỷ XIX
B. Ba mươi năm đầu thế kỷ XX
C. Từ năm 1930 - 1945
D. Sau năm 1945

9. So với thơ cổ trung đại, những bài thơ này có gì "mới"?

- A. Không viết bằng chữ Hán, chữ Nôm mà viết bằng chữ Quốc ngữ.
B. Không sử dụng thơ Đường luật mà sáng tác theo thơ tự do, thơ năm chữ, thơ tám chữ, thơ bảy chữ,... không bị gò bó vào một khuôn mẫu nhất định.
C. Cách diễn đạt mới dễ hiểu, hầu như không sử dụng điển tích, điển cố văn học.
D. Cảm hứng về thiên nhiên, về quê hương đất nước, về tình yêu... được thể hiện qua tâm trạng cá nhân, qua cái "tôi" trữ tình với màu sắc lãng mạn.
E. Nhiều bài diễn tả tâm trạng buồn, buồn vì cô đơn, buồn trong tình yêu, buồn vì yêu nước mà bất lực...
F. Đúng
G. Sai

10. Hãy nêu một vài câu thơ mới mà em yêu thích, em thuộc.

- A. "Ta biết ta chia sẻ của muôn loài,
Giữa chốn thảo hoa không tên, không tuổi".
("Nhớ rưng")
- B. "Giây đó buồn không thảm;
Mực đậm trong nghiên sâu...
...Những người muôn năm cũ
Hồn ở đâu bay giờ?"
("Ông đồ")
- C. "... Chiếc thuyền nhẹ băng như con tuần mã,
Phẳng mái chèo, mạnh mẽ vượt trường giang
Cánh buồm giường to như mảnh hòn làng,
Riêng thân trắng bao la thản gợp gió..."
("Quê hương")

- D. Chưa hợp lý
E. Đúng

11. Hãy kể tên một số tác phẩm văn thơ nước ngoài mà em đã học trong chương trình Ngữ văn 8.

- A. "Cô bé bán diêm" truyện của An-déc-xen (Đan Mạch).
E. "Đánh nhau với cối xay gió" trích tiểu thuyết "Đón Ki-hô-tê" của nhà văn Xéc-van-tex (Tây Ban Nha).

- C. "Chiếc lá cuối cùng" truyện ngắn của O'Hen-ri (Mĩ).
- D. "Hai cây phong" trích truyện "Người thầy dân tộc" của Ai-ma-tốp (Liên Xô cũ).
- E. "Đi bộ ngao du" trích tiểu thuyết "É-mil hay Về giáo dục" của Ru-xô (Pháp).
- F. "Ông Giúp-danh mặc lê phục" trích hài kịch "Tri âng già học làm sang" của Mô-li-e (Pháp).
- G. Tất cả A, B, C, D, E, F đều đúng.
- H. Tất cả A, B, C, D, E, F đều sai.

12. Tác phẩm nào nói lên tình thương đối với những em thơ bất hạnh và ước mơ vươn tới một thế giới đầy ánh sáng, niềm vui và hạnh phúc cho tuổi thơ?

- A. "Cô bé bán diêm"
- B. "Chiếc lá cuối cùng".
- C. "Hai cây phong"
- D. "Đi bộ ngao du".

13. Chủ đề: "Cơ ngơi tình thương, đức hi sinh của những tấm lòng cao cả; khẳng định nghệ thuật chân chính, kiệt tác nghệ thuật phải hướng tới con người, vì hạnh phúc của con người" được thể hiện một cách cảm động trong tác phẩm nào?

- A. "Hai cây phong"
- B. "Cô bé bán diêm".
- C. "Chiếc lá cuối cùng".
- D. "Đánh nhau với cối xay giò".

14. Tác phẩm nào để cao thiên nhiên là một trường học vĩ đại; phải đi xa kiêu rồng; đi bộ ngao du là vô cùng thú vị?

- A. "Ông Giúp-danh mặc lê phục".
- B. "Hai cây phong".
- C. "Đánh nhau với cối xay giò".
- D. "Đi bộ ngao du".

15. Cảnh "Ông Giúp-danh mặc lê phục" nhằm châm biếm loại người nào trong xã hội và thói xấu gì của họ?

- A. Kẻ giàu có hám danh,
- B. mà ngốc nghếch, lố bịch;
- C. Ua bợ đỡ, xu nịnh, chỉ làm chờ cười cho thiên hạ.
- D. Gồm tất cả A, B, C.

16. Phương thức biểu đạt chủ yếu của văn nghị luận là gì?

- | | |
|--------------------------------|----------------|
| A. Lí lẽ, lập luận, dẫn chứng. | C. Miêu tả |
| B. Tự sự | D. Thuyết minh |
| D. Biểu cảm | E. Phản biện |

17: Trong văn bản nghị luận có thể kết hợp nghị luận với các phương thức biểu đạt nào?

- A. Nghị luận + tự sự
- B. Nghị luận + miêu tả
- C. Nghị luận + thuyết minh
- D. Nghị luận + biểu cảm.
- E. Gồm tất cả A, B, C, D; và có sự lựa chọn hợp lý.

18. Giòi thiệu, thuyết minh một địa danh văn hóa.

Bài làm

Làng bát cảnh Trường Lưu - Hà Tĩnh

Làng Trường Lưu thuộc tỉnh Hà Tĩnh, huyện Can Lộc, cách Đồng Lộc 9 km.

Là quê hương Thám hoa Nguyễn Huy Oánh (1713-1789). Ông là Thượng thư bộ Công, từng làm Tể tui Quốc tử giám, là thầy học của chúa Trịnh Sâm và vua Lê Đức Tông.

Sau khi về hưu, ông mở trường dạy học, đào tạo được hàng trăm tú tài, cử nhân, 10 tiến sĩ, trong số đó có Phạm Nguyễn Du, Phạm Quý Thích,... Thạc Đinh học hiệu là trung tâm giáo dục lớn.

Ông lập ra Phúc Giang thư viện, thuê thợ khắc ván in sách, hiện còn để lại trên 200 bản khắc.

Ông còn bỏ tiền ra đào giếng Thạc, lập vườn hoa dưới chân núi Phượng Sơn, xây dựng chợ Quan, tậu 20 mẫu ruộng lập ra học diễn, Trường Lưu được xây dựng thành nột làng văn hóa nổi tiếng, là đất học, là thắng cảnh trong các thế kỷ XVIII, XIX. Ngoài ba cha con anh em Nguyễn Huy Oánh, Nguyễn Huy Quýnh, Nguyễn Huy Ti đã tiến sĩ, còn có hơn 30 người đỗ tú tài, cử nhân. Danh tiếng họ "Nguyễn Huy..." nức tiếng gần xa.

Bát cảnh Trường Lưu có: Quán thị triều hà, Phượng Sơn tịch chiêu, Cố Miếu âm dung, Liên trì nguyệt sắc, Thạc tinh hương truyền, Nguyễn trang hoa mĩ, Hân thiêm tí chung, Nghĩa thương mộc đặc.

Dân Trường Lưu đến nay còn lưu truyền bài ca:

"Ráng bạc chợ Quan lúc tảng sáng,
Nắng viền núi Phượng lúc hoàng hôn.
Chùa Hân buổi sớm hồi chuông gọi,
Kho Nghĩa chiêu hôm tiếng mõ dồn.
Râm rạp bóng cây che Miếu cổ,
Lung linh bóng nguyệt chiếu hồ sen.
Nguyễn trang hoa đẹp nhìn ita mắt
Giếng Thạc dòng thơm uống tình hồn."

Thời Lý Trần chỉ có các thôn nhỏ Ké Tràng, Ké Bìm, Ké Đò ở ven sông Phúc Giang, dưới chân núi Trà Sơn.

Nửa cuối thế kỷ XV, vua Lê Thánh Tông cho di dân về định cư quanh các ngọn núi Phượng Linh, Bình Cường cạnh sườn phía tây núi Nhục Sắc (núi Cài). Làng Trường Lưu có từ đó.

Trường Lưu có nghề dệt vải lâu đời, con gái đẹp nổi tiếng, là cái nôi hát phuờm vải. Gái phuờm vải Trường Lưu (Can Lộc) và trai phuờm Nón Tiên Diễn (Nghi Xuân) từng có mối giao tình bền đẹp. O Uy và ả Sa từng làm đám duối bao

chàng trai mà Nguyễn Du nhắc đến trong bài "Vân tê sóng Trường Lưu nhí nử" và bài "Thác lời trai phuòng Nón gửi gái phuòng Vài Trường Lưu":

"Hồng Sơn cao ngất mây tang.

Đò Cái máy trương là lòng bấy nhiêu !"

Nguyễn Huy Tự là tác giả "Hoa Tiên truyện"; con là Nguyễn Huy Hồ, tác giả "Mai Đình mộng kí". Cùng với Nguyễn Du... tạo thành "Hồng Sơn văn phái"...

(Theo báo Văn nghệ)

19. *Giải thích và bình luận câu nói sau đây của M.Go-ro-ki:*

"*Hãy yêu sách, nó là nguồn kiến thức, chỉ có kiến thức mới là con đường sống*".

Bài làm

Sách là ông thầy, là người bạn vò cùng thân thiết đối với những người hiếu học xưa nay. Biết yêu sách và ham mê đọc sách là một đức tính quý báu cần được rèn luyện và sớm hình thành từ tuổi ấu thơ. Khẳng định giá trị và lợi ích to lớn của sách, văn hào Go-ro-ki có nói:

"*Phải yêu sách, nó là nguồn kiến thức, chỉ có kiến thức mới là con đường sống*".

Sách là một trong những thành tựu văn minh kì diệu của con người. Từ những quyển sách được viết trên hàng trăm tấm da cừu, được khắc trên hàng nghìn thè te, được in bằng mộc bản đến những cuốn sách in bằng máy in hiện đại như ngày nay, ta dễ dàng nhận thấy sự tiến bộ của loài người qua mấy nghìn năm lịch sử. Tác giả bài "Phương pháp đọc nhanh" (Lịch sử văn hóa tổng hợp 1987-1990) cho biết: "Tính đến nay, trong 500 năm lịch sử của mình, ngành in thế giới đã xuất bản hơn 300 triệu đầu sách, hàng năm cho ra đời 600 triệu trang in". Những con số ấy làm cho ta vô cùng sững sờ!

Sách là sản phẩm tinh thần của những tài năng. Những nhà văn, những ứ gia, những nhà tư tưởng vĩ đại mới có thể sáng tạo nên những tác phẩm vĩ đại. Kinh Thánh, Kinh Ko-ran, Kinh Phật, cuốn sử thi Ra-ma-ya-na, sách của Khổng Tr, Mạnh Tử, Lão Tử,... trải qua mấy nghìn năm, đến nay vẫn còn chiếm lĩnh tâm hồn hàng triệu con người trên trái đất. Những tác phẩm như "Sư ki Tư Mã Thiên", "Chiến tranh và Hòa bình", những bộ tiểu thuyết chương hồi như "Tan quốc chí", "Đông Chu liệt quốc",... những công trình của các nhà văn hóa, khoa học được ghi thưởng Nô-ben mãi mãi chiếu sáng nên văn minh nhân loại. Hàng ngàn quyển sách Hán - Nôm được tổ tiên ông cha ta để lại là những chứng tích hùng hồn của nền văn hiến Đại Việt rực rỡ, lâu đời. Mọi thứ vật chất có thể mục nát theo thời gian, nhưng tên tuổi và các công trình của Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, của Niu-tom, Anh-xtam, v.v... sẽ đời đời bất tử.

Sông sâu, nước lớn là do tự nguồn. Sách cũng vậy. Sách là kết tinh trí tuệ của con người. Là nguồn kiến thức bao la và mênh mông. Sách nâng cao kiến thức, mở rộng tầm mắt cho đọc giả, dạy ta biết yêu, biết ghét, biết mơ ước,... Còn có lợi sách để đọc giải trí, nuôi dưỡng trí tuệ tư tưởng, đem lại niềm vui. Sách là tài li

dễ học tập, dễ tu dưỡng. Cho nên “phải biết yêu sách, biết quý sách” vì “nó là người kiến thức”. Người xưa đã nói: “Mỗi quyển sách là một hũ vàng”. Lê Quý Đôn, nhà bác học của nước ta trong thế kỉ thứ XVIII là một con người rất thông minh suốt đời “mất không rời sách, gối đầu lên sách”. Con người có hiểu học mới yêu sách đến thế!

Ở đời, ai cũng muốn giàu có, sang trọng. Ai cũng muốn học rộng, biết nhiều. Nghèo khổ thì bị người ta coi thường. Dốt nát càng bị thiên hạ coi khinh. Tại sao trong xã hội phong kiến Việt Nam, kẻ sĩ lại đứng đầu các đẳng cấp: “Sĩ, nông, công, thương”? Nhân tài là nguyên khí quốc gia. Sống trong thời đại tin học, ta mới thấy rõ trí huệ, trí tuệ, tài năng là vô giá. Chúng ta càng thêm thán thia ý kiến của Go-ro-ki: “Chỉ có kiến thức mới là con đường sống”. Không thể sống trong đói rét, tám tối, dốt nát. Bởi lẽ “người không có trí, ít hiểu biết, chỉ làm đầy tớ cho người ta sai khiến mà thôi” (Mạnh Tử). Muốn biết thêm một, hai ngoại ngữ làm công cụ, muốn có một trình độ khoa học hiện đại, tiên tiến thì phải được đào tạo chuyên sâu, phải dày công học tập, phải biết tự học, tự đọc sách. Và bao giờ cũng vậy: “Rẽ của học tập thi đắng; quả của học tập thi ngọt”.

“Chỉ có kiến thức mới là con đường sống”. Sống trong lao động sáng tạo. Sống để làm chủ thiết bị máy móc. Sống trong ánh sáng văn minh của khoa học kĩ thuật. Con đường sống mà Go-ro-ki nói đến là con đường sáng tạo, có đời sống vật chất sang trọng, có đời sống tinh thần phong phú, tươi đẹp để làm chủ bản thân, làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên.

Gần 700 năm về trước, trong “Quốc âm thi tập”, Nguyễn Trãi có viết:

“Nên thơ, nên thấy vì có học,
No ăn, no mặc bởi hay làm”.

(“Bảo kinh cảnh giới” - bài 46)

Yêu sách nhưng không phải là con mọt sách. Đọc sách nhưng không được nô lệ vào sách, mà phải vừa thực sự cầu thị, vừa ý thức được: “Học cho rộng, hỏi cho kĩ, suy nghĩ cho cẩn thận, phân biệt cho sáng suốt, làm việc cho hết lòng”. (“Trung dung”).

Người yêu sách là người biết coi trọng tri thức, rất hiểu học, lúc nào cũng muốn vươn lên thành kẻ sĩ (người tri thức) trong xã hội.

Trên con đường hội nhập, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, tuổi trẻ Việt Nam không chỉ học ở trường, học thầy, học bạn, học trong thực tế cuộc sống, mà còn phải biết đọc sách, sách khoa học, (sách kĩ thuật, sách ngoại ngữ, sách văn học,...), biết tự học để vũ trang cho mình những kiến thức hiện đại, đem tài năng phục vụ đặc lực công cuộc xây dựng đất nước phồn vinh.

Hãy phấn đấu cho mục tiêu mỗi học sinh có một ngăn sách, mỗi gia đình có một tủ sách, đúng như Úc Trai đã nói: “Gia hàn cảm thư nhì bội lạc” (Trong nhà có đám sách thì con cái vui). Đọc sách phải trở thành niềm vui sáng tạo. Tuổi trẻ chúng ta, ai cũng biết học trong sách, mỗi ngày dành ra một hai giờ đọc sách.

Hơn bao giờ hết, chúng ta càng thấy rõ câu nói của Go-ro-ki là một lời khuyên đẹp: "Hãy yêu sách, nó là nguồn kiến thức, chỉ có kiến thức mới là con đường sống".

Đáp án đề 44 + 45

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
Trả lời	F	E	A	E	C	B	A	C	E	G	A	C	D	D	A	E	

MỤC LỤC

45 ĐỀ TRẮC NGHIỆM VÀ TỰ LUẬN - NGỮ VĂN 8

<u>Đề 1</u>	<ul style="list-style-type: none"> • Tôi đi học • Cấp độ khái quát của nghĩa từ ngữ • Tình thống nhất về chủ đề của văn bản 	5
<u>Đề 2</u>	<ul style="list-style-type: none"> • Trong lòng mẹ (trích "Những ngày thơ ấu") • Trường từ vựng • Bộ cục của văn bản 	13
<u>Đề 3 + 4</u>	<ul style="list-style-type: none"> • Tức nước vỡ bờ (trích "Tắt đèn") • Xây dựng đoạn văn trong văn bản. 	16
<u>Đề 5 + 6</u>	<ul style="list-style-type: none"> • Lão Hạc. • Từ tượng hình, từ tượng thanh. • Liên kết các đoạn văn trong văn bản. 	21
<u>Đề 7</u>	<ul style="list-style-type: none"> • Từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội. • Tóm tắt văn bản tư sự • Luyện tập tóm tắt văn bản tư sự 	31
<u>Đề 8</u>	<ul style="list-style-type: none"> • Cô bé bán diêm. • Trợ từ, thán từ. • Miêu tả và biểu cảm trong văn bản tư sự. 	34
<u>Đề 9 + 10</u>	<ul style="list-style-type: none"> • Đánh nhau với cối xay gió (trích "Đòn Kí-hô-tê"). • Tình thái từ. • Luyện tập viết đoạn văn tư sự kết hợp miêu tả và biểu cảm 	42
<u>Đề 11</u>	<ul style="list-style-type: none"> • Chiếc lá cuối cùng. • Chương trình địa phương (phần Tiếng Việt). • Lập dàn ý cho bài văn tư sự kết hợp miêu tả và biểu cảm. 	49
<u>Đề 12</u>	<ul style="list-style-type: none"> • Hai cây phong. • Nói quá. 	53
<u>Đề 13 + 14</u>	<ul style="list-style-type: none"> • Ôn tập truyện kí Việt Nam. • Thông tin về Ngày Trái Đất năm 2000. • Nói giảm, nói tránh. • Luyện nói: Kể chuyện theo ngôi kể kết hợp miêu tả, biểu cảm. 	59
<u>Đề 15</u>	<ul style="list-style-type: none"> • Câu ghép. • Tìm hiểu chung về văn bản thuyết minh. 	64
<u>Đề 16</u>	<ul style="list-style-type: none"> • Ôn dịch, thuốc lá. • Câu ghép (tiếp theo) • Phương pháp thuyết minh 	68

<u>Đề 17</u>	<ul style="list-style-type: none"> • Bài toán dân số. • Dấu ngoặc đơn và dấu hai chấm. • Đề văn thuyết minh và cách làm bài văn thuyết minh 	72
<u>Đề 18</u>	<ul style="list-style-type: none"> • Chương trình văn học (địa phương). • Dấu ngoặc kép. • Luyện nói: thuyết minh về một thứ đồ dùng. 	76
<u>Đề 19 + 20</u>	<ul style="list-style-type: none"> • Vào nhà ngục Quảng Đông cầm tác. • Đập đá ở Côn Lôn. • Ôn luyện về dấu câu. • Thuyết minh về một thể loại văn học. 	79
<u>Đề 21</u>	<ul style="list-style-type: none"> • Muốn làm thắng Cuội. • Ôn tập và kiểm tra phần Tiếng Việt. 	84
<u>Đề 22</u>	<ul style="list-style-type: none"> • Hai chữ nước nhả. • Hoạt động Ngữ Văn: làm thơ bảy chữ. 	88
<u>Đề 23 + 24</u>	<ul style="list-style-type: none"> • Nhớ rùng. • Ông đồ. • Câu nghi vấn. • Viết đoạn văn trong văn bản thuyết minh. 	93
<u>Đề 25 + 26</u>	<ul style="list-style-type: none"> • Quê hương. • Khi con tu hú. • Câu nghi vấn (tiếp theo). • Thuyết minh về một phương pháp. 	100
<u>Đề 27</u>	<ul style="list-style-type: none"> • Tức cảnh Pác Pô. • Câu cầu khiến. • Thuyết minh về một danh lam thắng cảnh. • Ôn tập về một văn bản thuyết minh. 	106
<u>Đề 28 + 29</u>	<ul style="list-style-type: none"> • Ngắm trăng (Vọng nguyệt). • Đi đường (Tẩu lộ). • Câu cảm thán. • Câu trắc thuật. 	111
<u>Đề 30 + 31</u>	<ul style="list-style-type: none"> • Chiếu dời đô (Thiên đô chiếu). • Câu phủ định. • Chương trình địa phương (Phần Tập làm văn) 	116
<u>Đề 32 + 33</u>	<ul style="list-style-type: none"> • Hịch tướng sĩ. • Hành động nói. 	119

<u>Đề 34 + 35</u>	<ul style="list-style-type: none"> • Nước Đài Việt ta (trích "Binh Ngõ đại cao") • Hành động nói (tiếp theo) • Ôn tập về luận điểm 	126
<u>Đề 36</u>	<ul style="list-style-type: none"> • Bàn luận về phép học (Luận học pháp) • Viết đoạn văn trinh bày luận điểm • Luyện tập xây dựng và trình bày luận điểm. 	131
<u>Đề 37</u>	<ul style="list-style-type: none"> • Thuế máu (trích "Bản án chế độ thực dân Pháp") • Hội thoại. • Tìm hiểu yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận. 	135
<u>Đề 38</u>	<ul style="list-style-type: none"> • Đi bộ ngao du (trích "E-min hay Về giáo dục") • Hội thoại (tiếp theo). • Luyện tập đưa yếu tố biểu cảm vào bài văn. 	142
<u>Đề 39</u>	<ul style="list-style-type: none"> • Lựa chọn trật tự từ trong câu • Tìm hiểu các yếu tố tự sự và miêu tả trong văn nghị luận. 	145
<u>Đề 40 + 41</u>	<ul style="list-style-type: none"> • Ông Giuốc-danh mặc lể phục ("Trưởng giả học làm sang") • Lựa chọn trật tự từ trong câu (tiếp theo). • Luyện tập đưa các yếu tố tự sự, miêu tả vào bài văn nghị luận. 	150
<u>Đề 42</u>	<ul style="list-style-type: none"> • Chương trình địa phương • Chữa lỗi diễn đạt (lỗi lò-gic) 	155
<u>Đề 43</u>	<ul style="list-style-type: none"> • Tổng kết phần Văn. • Ôn tập và kiểm tra phần Tiếng Việt. • Văn bản tường trình. • Luyện tập làm văn bản tường trình. 	159
<u>Đề 44 + 45</u>	<ul style="list-style-type: none"> • Tổng kết phần Văn. • Ôn tập phần Tập làm văn. 	165

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

16 Hàng Chuối – Hai Bà Trưng – Hà Nội

Điện thoại: (04) 9718312; (04) 7547936. Fax: (04) 9714899

E-mail: nxb@vnu.edu.vn

* * *

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc: PHÙNG QUỐC BẢO

Tổng biên tập: PHẠM THÀNH HƯNG

Biên tập: NGUYỄN VĂN THẢO

Chế bản: NHÀ SÁCH HỒNG ÂN

Trình bày bìa: VÕ THỊ THỪA

45 ĐỀ TRẮC NGHIỆM VÀ TỰ LUẬN NGỮ VĂN 8

Mã số: 3L - ĐH 2006

In 3.000 cuốn, khổ 16 × 24cm tại Xưởng in Tuần báo Văn nghệ Tp HCM

Số xuất bản: 571 - 2006/CXB/ 4 - 102/DHQGHN, ngày 21/7/2006.

Quyết định xuất bản số: 230 LK/XB.

In xong và nộp lưu chiểu quý III năm 2006.